

THE #1 NEW YORK TIMES BESTSELLER

JAMIES

PATTERSON

CẠM BẦY MÔNG MÀNH



& Michael Ledwidge



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ



Table of Contents

Bắt đầu

MỞ ĐẦU

PHẦN MỘT

1

2

3

4

5

PHẦN HAI

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

PHẦN KẾT

36

JAMES PATTERSON

MICHAEL LEDWIDGE

Thanh Vân dịch

CÀNG BẦY

MONG MẠNH

Step on a Crack (2007)

NQK Mod (2017)

MỞ ĐẦU

**BỮA TỐI
CUỐI CÙNG**

Viên đại úy mặc dạ phục màu kem vừa quay lưng khỏi bàn, Stephen Hopkins đã nhào người hôn vợ trong một ngăn ở góc khuất. Caroline nhắm mắt, thưởng thức vị champagne lạnh Stephen vừa nhấp, và giật mình khi bàn tay ông chạm vào một trong những dây lụa trên chiếc áo khoác Chanel của bà.

“Anh không thấy thực ra chẳng cần những gã hợm này có mặt trong ngày lễ này sao,” bà nói lúc ngẩng lên hít thở. “Phí cả thời gian, mà chúng mình đang ăn vận nghiêm chỉnh đấy nhé. Anh thấy son môi của em thế nào?”

“Ngon lắm,” Stephen nói và mỉm cười như một ngôi sao điện ảnh. Rồi ông sờ vào đùi bà.

“Anh ngoài *năm mươi* rồi,” Caroline nói. “Chứ không phải mười lăm nữa đâu!”

Caroline vừa trêu chồng vừa gạt bàn tay Stephen ra, làm như đây là việc bất hợp pháp. Cuộc hẹn hò ‘Giáng sinh ở New York’ hàng năm của họ ngày càng thêm thiết hơn, ngoài sức tưởng tượng của bà. Bữa tối ở L’Arène, nhà hàng Pháp thuộc loại thanh lịch nhất, quyến rũ nhất ở thành phố New York; dạo chơi bằng xe ngựa đúng kiểu cổ xưa qua Công viên Trung tâm; rồi sau đó trở về dãy phòng Tổng thống ở khách sạn Pierre. Suốt bốn năm nay, đây là món quà Giáng sinh họ tự thưởng cho mình. Hóa ra năm sau lại lãng mạn, tinh tế và thêm đượm hơn năm trước.

Dường như đúng lúc đó, bên ngoài các cửa sổ nép đồng của nhà hàng, tuyết bắt đầu rơi, những bông tuyết lớn màu trắng bạc mắc vào chóp hình nón của các cột đèn cổ điển bằng sắt màu đen.

“Nếu anh có một điều ước cho Giáng sinh này, thì là gì vậy?” Caroline bất chợt hỏi.

Stephen giơ cốc Laurent-Perrier Grand Siècle nguyên chất ánh vàng lên, cố làm ra vẻ đùa cợt:

“Anh ước... Ước gì...”

Nỗi buồn lặng lẽ làm tan vẻ hài hước trên mặt lúc ông nhìn đắm đắm vào ly rượu.

“Anh ước nó là một cốc sôcôla nóng.”

Caroline cảm thấy choáng váng lúc bà há miệng và hơi thở của bà lặng đi.

Nhiều năm trước, khi còn là sinh viên năm thứ nhất được học bổng ở Harvard, Caroline và Stephen đã rất nhớ nhà vì không đủ tiền về nghỉ lễ Giáng sinh. Một buổi sáng, ở nhà ăn Annenberg vắng vẻ chỉ có hai suất điểm tâm của họ, Stephen đến ngồi cùng bàn với Caroline.

“Chỉ để ấm hơn một chút thôi,” Stephen nói. Chẳng mấy lúc, họ biết rằng cả hai đều mong ước trở thành nhà hoạch định chính sách, và họ cảm thấy tâm đầu ý hợp ngay lập tức. Ở sân đằng trước Hollis Hall bằng gạch đỏ, Caroline sốt sắng quỳ xuống đất và đập một thiên thần bằng tuyết. Mặt họ gần như chạm vào nhau lúc Stephen tới giúp. Rồi Caroline uống vội một ngụm sôcôla nóng lén mang ra từ nhà ăn, để không hôn anh chàng vừa gặp mà không hiểu vì sao đã thấy có cảm tình.

Caroline như vẫn nhìn thấy hình ảnh Stephen ngày nào, tươi cười trong ánh sáng mùa đông sáng loáng như mạ kền. Chàng trai đáng yêu đó đứng trước mặt cô trên sân trường Harvard, không hề hay biết rằng anh sẽ cưới cô. Cho cô một đứa con gái xinh đẹp. Rồi tiếp đó là trở thành Tổng thống Hoa Kỳ.

Câu ông hỏi bà ba chục năm trước, lúc bà đặt cốc sôcôla xuống, lúc này lại vang vọng thấm thía trong tai bà như thủy tinh gõ vào bạc sáng ngời:

“Em có muốn ném champagne không?”

Từ sôcôla nóng đến champagne, Caroline nghĩ và nâng ly rượu đang sủi bọt. Lúc này là champagne đến sôcôla nóng. Cuộc hôn nhân hai thập kỷ rưỡi của họ là một vòng tròn đầy đặn.

Họ đã có cả cuộc đời, may mắn, đáng giá và... bà nghĩ, thấm thía khoảnh khắc này.

“Tôi xin lỗi, thưa Tổng thống...,” một giọng thì thầm. “Tôi xin lỗi. Xin ngài tha lỗi.”

Một người đàn ông trông xanh xao, tóc vàng hoe, mặc bộ com-lê màu xám như kim loại đứng trước ngăn của họ khoảng ba mét. Anh ta vẩy tờ thực đơn và cây bút. Henri, bồi trưởng, vừa tới. Ông vội giúp Steve Beplar, đặc vụ của gia đình Hopkins, cố kín đáo đưa người vừa đột nhập ra khỏi tầm nhìn.

“Ồ, tôi xin lỗi,” người đàn ông nói với đặc vụ bằng giọng nhún nhường. “Tôi chỉ tưởng Tổng thống ra hiệu đòi thực đơn.”

“Không sao, Steve,” Stephen Hopkins nói và khẽ phẩy tay. Ông nhún vai với vợ, vẻ áy náy.

Danh tiếng, Caroline nghĩ và đặt ly champagne lên tấm khăn bàn bằng lanh nõn trắng muốt. *Chẳng phải là thứ phản trắc sao?*

“Ngài có thể ký tên cho vợ tôi được không? Carla...,” người đàn ông xanh xao nói với qua bờ vai rộng của viên đặc vụ.

“Carla là vợ tôi!” Anh ta nói lớn. “Ôi lạy Chúa! Tôi chỉ nói có thể thôi mà! Tôi may mắn đến phát cuồng vì được gặp vị Tổng thống vĩ đại nhất của thế kỷ qua, và tôi còn biết làm gì nữa đây? Lạy Chúa, lúc này tôi thật xấu hổ. Tôi phải nói rằng, tối nay trông cả hai người tuyệt quá. Nhất là bà, phu nhân Hopkins ạ.”

“Chúc ông Giáng sinh vui vẻ,” Stephen Hopkins nói, ông cố mỉm cười hòa nhã hết mức.

“Tôi hy vọng không làm phiền,” người đó nói, bộ com-lê của anh ta lấp lánh lúc lùi lại và cúi chào.

“Làm phiền ư?” Stephen Hopkins nói, ông toét miệng cười với vợ lúc người đàn ông kia đã đi khỏi. “Làm sao chồng của Carla lại cho rằng làm hỏng khoảnh khắc lãng mạn nhất trong đời chúng ta là làm phiền nhỉ?”

Họ vẫn đang cười lúc một người hầu bàn tươi tắn xuất hiện, đặt đĩa xuống và rút lui. Caroline mỉm cười nhìn cái liễn sành đựng gan ngỗng béo bầy biện rất đẹp mắt lúc chồng bà bật nút chai champagne.

Trông đẹp quá, ăn mà tiếc, Caroline nghĩ và cầm dao, đĩa lên. Gần như là thế.

Miếng đầu tiên ngon tuyệt trần, ngon đến mức phải thưởng thức thêm vài miếng nữa.

Và lúc đó đã quá muộn.

Một thứ giống như luồng khí sôi sùng sục, ngay lập tức bơm phồng phổi, cổ họng và mặt Caroline Hopkins. Tròng mắt bà lồi ra lúc cái đĩa bạc có hình cuộn rời khỏi môi bà và rơi vào đồ sứ kê lạnh canh.

“Ôi lạy Chúa, Caroline,” bà nghe thấy Stephen nói lúc ông nhìn bà, kinh hoàng. “Steve! Cứu với! Caroline làm sao ấy! Bà ấy không thở nổi!”



Lạy Chúa, không. Xin Người đừng để chuyện này xảy ra. Không! Stephen Hopkins nghĩ lúc ông loạng choạng đứng dậy. Ông vừa kêu đến lần thứ hai, Steve Beplar đã kịp chạy đến, túm lấy mép bàn ăn, quăng sang một bên.

Đồ thủy tinh và đồ sứ rơi xuống sàn gỗ bóng loáng kê loảng xoảng lúc đặc vụ Susan Wu, người thân cận tiếp theo trong nhóm bốn nhân viên an ninh đặc nhiệm, kéo bà Hopkins khỏi ghế. Ngay lập tức, nữ đặc vụ thò ngón tay vào miệng Caroline, móc thức ăn ra. Rồi cô ra phía sau Caroline và bắt đầu ấn nắm tay vào cơ hoành của bà, cấp cứu cho khỏi ngạt.

Dường như có một bàn tay lạnh giá luồn vào trong lồng ngực Stephen. Ông nhìn một cách vô vọng khuôn mặt vợ ông từ màu đỏ biến dần thành màu tím đen.

“Dừng lại! Đợi đã!” ông nói. “Bà ấy không bị ngạt! Bà ấy bị dị ứng thức ăn! Bà ấy dị ứng với lạc. Adrenaline, nhanh lên! Bà ấy mang cái bút nhỏ. Xắc của bà ấy đâu?”

“Trong ô tô ở đằng trước!” Đặc vụ Wu nói. Cô lao như tên bắn qua phòng ăn và chạy về ngay. Cô đã có xắc của Caroline!

Stephen Hopkins đổ các thứ trong xắc của vợ lên lớp satanh bọc mặt ghế.

“Không có ở đây!” Ông nói và gạt bay đồ trang điểm cùng lọ nước hoa.

Steve Beplar quát vào micro gắn ở cánh tay áo, rồi anh bế xốc cật Đệ

nhất phu nhân lên tay như thế bà là một đứa trẻ mệt lả.

“Phải đến ngay bệnh viện, thưa ngài,” anh nói lúc tiến thẳng đến lối ra, trong lúc những người còn lại trong nhà hàng nhìn trân trân, kinh hãi.

Lát sau, trên ghế sau của xe Cảnh sát đặc nhiệm, Stephen Hopkins ôm đầu vợ vào lòng. Hơi thở yếu ớt từ họng bà rít lên như hút qua cuộn rơm. Ông đau đớn khi thấy mắt bà nhắm nghiền trong cơn đau tột cùng.

Bác sĩ và cáng đã đợi sẵn trên hè khi chiếc ô tô vừa đỗ trước lối vào phòng cấp cứu của bệnh viện St. Vincent ở phố Năm mươi hai.

“Ngài nghĩ đây là một phản xạ dị ứng thức ăn?” Một trong các bác sĩ vừa hỏi vừa bắt mạch Caroline lúc hai người phụ tá đẩy cáng qua cửa kính.

“Bà ấy dị ứng rất mạnh với lạc. Ngay từ hồi còn bé,” Stephen nói, ông run run đi bên Caroline. “Chúng tôi đã dọn nhà bếp ở L’Arène. Chắc hẳn có sự nhầm lẫn gì đây.”

“Bà ấy bị choáng, thưa ngài,” bác sĩ nói. Ông ngăn cự Tổng thống lại lúc bà Caroline được đẩy qua cửa ngách để DÀNH RIÊNG CHO NHÂN VIÊN BỆNH VIỆN. “Chúng tôi sẽ cố gắng làm bà ấy hồi lại. Chúng tôi sẽ làm mọi thứ...”

Stephen Hopkins đột ngột gạt bác sĩ sang một bên.

“Tôi không rời nhà tôi đâu,” ông nói. “Cho qua đi. Đây là mệnh lệnh.”

Khi ông vào phòng cấp cứu, người ta đã gắn một ống truyền vào cánh tay Caroline và úp mặt nạ thở ôxy lên mặt bà. Ông nhìn mặt lúc họ rạch chiếc áo tuyệt đẹp của bà tới tận rốn để gắn các dây dẫn của máy điện tim.

Cái máy phát ra một tiếng bíp dễ sợ và cứ bíp bíp không ngừng lúc họ bấm tiếp. Rồi một đường thẳng màu đen xuất hiện trên màn hình. Một y tá lập tức bắt đầu sốc tim.

“Hết mức,” bác sĩ hét và đặt các tấm điện cực lên ngực Caroline.

Stephen theo dõi bộ ngực Caroline nảy bật lên một nhịp, rồi tiếng blúp-blúp mới, yếu ớt bắt đầu xuất hiện trên màn hình. Một đỉnh nhọn sắc nét, nhô lên trên màn hình. Rồi cái nữa.

Mỗi cái là một nhịp đập kỳ diệu của trái tim Caroline Hopkins.

Những giọt nước mắt cảm kích vừa long lạnh trong mắt Stephen, thì tiếng bí-í-í-í-í-í-íp đáng sợ quay trở lại.

Bác sĩ cố sốc tim vài lần nữa nhưng màn hình rít lên, không thay đổi âm thanh đơn điệu. Việc cuối cùng mà cựu Tổng thống chứng kiến là hành động nhân từ nữa của người đặc vụ trung thành.

Mắt đầy lệ, Steve Beplar lao tới và rút phắt ổ cắm ra khỏi bức tường ốp gạch màu vàng, tắt tiếng rít quái gở của cỗ máy.

“Tôi rất tiếc, thưa ngài. Bà ấy đi rồi.”



Người đàn ông xanh xao, tóc vàng hoe xin chữ ký ở L'Arène bảo người lái xe da đen đỗ ở đại lộ Chín, một đường phố lớn ở phía bắc bệnh viện St. Vincent. Gã nhét đồng mười xu vào cái khe bản lề đầy bụi, rồi dùng khuỷu tay huých cái then nhờn nhờn mở cửa, tránh chạm vào nó. Có nhiều lý do thích đáng để gọi gã là Gã Ngăn nắp.

Một chiếc ô tô lấy tin của Kênh 12 phanh kít lại bên cạnh, lúc gã rẽ vào góc phố. Gã dừng lại khi thấy NYPD* chặn đám phóng viên và những tay chụp ảnh, quay phim đông dần ở lối vào phòng cấp cứu bệnh viện.

Không, gã nghĩ. Không thể nào! Trò chơi đã kết thúc rồi ư?

Gã băng qua đường Năm mươi hai khi phát hiện ra một nữ nhân viên cấp cứu trông mệt lả đang lách qua đám đông.

“Cô ơi,” gã nói và bước đến gần cô ta. “Cô có thể cho tôi biết không? Đây có phải là nơi người ta đưa Đệ nhất phu nhân Caroline đến không?”

Người phụ nữ Hispanic* có thân hình đầy đặn gật đầu, và bỗng rên rỉ. Những giọt nước mắt bắt đầu lăn xuống má cô ta. Bàn tay cô run run đưa lên che miệng.

“Bà ấy vừa mất rồi,” cô ta nói. “Caroline Hopkins vừa qua đời.”

Gã Ngăn nắp thấy choáng váng giây lát. Giống như có một ngọn gió quạt gã ngã. Gã lắc đầu và chớp lia lịa, vừa sững sờ vừa hân hoan.

“Không,” gã nói. “Cô chắc chứ?”

Cô y tá mệt rã rời nức nở và bỗng nhiên ôm lấy gã.

“Ay Dios Mio*! Bà ấy là một vị thánh. Bà ấy đã làm rất nhiều việc vì

người nghèo và chống lại bệnh AIDS. Có một lần, bà ấy đến thăm dự án của mẹ tôi ở Bronx, và chúng tôi đã bắt tay bà ấy như thể bà ấy là Nữ hoàng Anh vậy. Cuộc vận động Phục vụ nước Mỹ của bà ấy là một trong những lý do thôi thúc tôi trở thành y tá. Sao bà ấy có thể chết được?”

“Chỉ có Chúa mới biết,” gã Ngăn nắp nói dụi dàng.

“Bây giờ bà ấy ở trong tay Chúa, đúng không nào?”

Trên thực tế, gã đang cảm thấy hàng tỉ con vi trùng trên người cô ta. Gã nhún vai, mơ hồ nghĩ đến sự bẩn thỉu của thành phố New York mà một y tá phải tiếp xúc hàng ngày, và nghĩ đến sự tồn tại đáng thương của cô ta. Làm nhân viên bệnh viện là như thế!

“Chúa ơi, tôi làm gì thế này?” Cô y tá nói và buông gã ra. “Tin tức. Sự bàng hoàng. Có lẽ chúng làm tôi rất bối rối. Tôi đang nghĩ đến nển, hoa hoặc cái gì đó. Nó có vẻ như không thật. Tôi... à mà tôi là Yolanda.”

“Yolanda ư? Ờ. Mà tôi... ờ... tôi phải đi thôi,” gã Ngăn nắp nói, lướt qua cô ta để đi vào phố.

Lúc đến phía đông đại lộ Chín, tay gã đã cầm chiếc điện thoại di động. Gã có thể nghe thấy tiếng bát đĩa lách cách rất to, đầu bếp hô bằng tiếng Pháp lúc cuộc gọi của gã nối với nhà hàng L'Arène.

“Xong rồi, Julio,” gã nói. “Mụ ta nghèo rồi. Bây giờ chắc đang trên đường từ đó tới địa ngục. Cậu đã khử được Caroline Hopkins. Xin chúc mừng.”

Gã Ngăn nắp định lắc đầu, ngạc nhiên vì vận may của mình nhưng gã dừng lại. Vận may chẳng là cái quái gì trong vụ này.

Ba năm dàn dựng kế hoạch, gã đảm nhiệm nghĩ lúc vòng qua góc phố Bốn mươi chín và rẽ về hướng Đông. Giờ chúng chỉ còn ba ngày để làm nốt phần việc còn lại.

Một lúc sau, gã đã ngồi trên ghế sau của chiếc taxi nhằm hướng Bắc lên phố Tám. Gã lấy vải ngum rượu lau sạch ví, chà xát bàn tay và mặt. Gã vuốt phẳng ve áo và khoanh tay trước ngực lúc gã lao qua ánh sáng rực rỡ, thoát khỏi thành phố ô trọc này.

Ta sẽ bảo em cái gì mới là không thật, bé Yolanda ạ, gã Ngăn nắp nghĩ lúc chiếc taxi lượn quanh vòng xuyên Columbus và rẽ vào đường đi

Broadway. *Đệ nhất phu nhân Caroline qua đời mới chỉ là bắt đầu!*

PHẦN MỘT

SỐ MƯỜI

HOÀN HẢO

I

Tôi sẽ kể với bạn điều này, ngay trên các đường phố gọi là trung bình của New York, nơi thứ duy nhất khó kiếm là một chiếc taxi giữa trời mưa, chúng tôi đang cố quay đầu xe trong một buổi chiều tháng Chạp tàn nhẫn và âm ỉ.

Nếu như thứ gì có thể tác động đến tình cảm sâu sắc nhất, rắn như thép cuộn của cư dân thành phố New York, tôi chắc là cảnh tượng huy động cả gia đình Bennett - Chrissy ba tuổi, Shawna lên bốn, Trent lên năm, cặp song sinh Fiona và Bridget lên bảy, Eddie lên tám, Ricky lên chín, Jame lên mười, Brian mười một và Juliana mười hai tuổi; tất cả vận quần áo Chủ nhật tươm tất và lần lượt đi sau tôi, như một thói quen.

Tôi cho rằng lẽ ra mình nên cảm thấy may mắn khi hiểu được rằng tính bản thiện của loài người chưa hoàn toàn khô cạn trong cái thành phố chán ngắt này.

Lúc cha con tôi nhận được những cái gật đầu nhẹ và nụ cười ấm áp của những người tản bộ, đẩy xe nôi, những công nhân xây dựng và người bán bánh mì kẹp xúc xích từ lối ra của xe điện ngầm cạnh Bloomingdale trên đường đến đại lộ Một, tôi đã hoàn toàn lẫn lộn.

Đầu tôi bộn bề nhiều thứ quá.

Người New York duy nhất có vẻ *không* giống như đang đến một bữa tiệc linh đình là ông già mặc áo khoác của bệnh viện đang say sưa hút thuốc và đẩy cái xe truyền dịch, tránh đường cho chúng tôi tới lối vào cánh cuối của Trung tâm Ung thư trong Bệnh viện New York.

Tôi cho rằng ông ta cũng có nhiều điều bận bịu trong tâm trí như tôi vậy.

Tôi không biết Bệnh viện New York tuyển nhân viên mới cho những bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối từ đâu, nhưng theo phỏng đoán của tôi, phòng nhân sự đã may mắn được thánh thần ban cho những người vô cùng

nhân hậu. Lòng trắc ẩn của họ thật bền bỉ, họ đối xử với tôi và gia đình tôi tử tế đến mức kinh ngạc.

Lúc đi qua chỗ Kevin luôn tươi cười ở bàn tiếp tân và Sally Hitchens như thiên thần, chủ nhiệm Khoa Điều dưỡng, tôi phải ngẩng đầu và cố gạt một cái yếu ớt đáp lại họ.

Phải nói rằng, tôi không cảm thấy tỏ ra dễ gần gũi sẽ làm sự việc nhẹ nhàng hơn.

“Ồ, anh nhìn này, Tom,” một phụ nữ trung niên, rõ ràng là khách, nói với chồng trong thang máy. “Một giáo viên đưa học sinh vào hát mừng Giáng sinh. Dễ thương không kia chứ? Chúc các cháu Giáng sinh vui vẻ!”

Chúng tôi hiểu ngay. Tôi là người Mỹ gốc Ireland, nhưng tất cả bọn trẻ đều là con nuôi. Trent và Shawna là người Mỹ gốc Phi; Ricky và Julia là dân Hispanic; Jane là người Triều Tiên. Chương trình ưa thích của đứa bé nhất là *Chuyến xe đến trường kỳ diệu*. Khi chúng tôi mang DVD về nhà, nó kêu toáng lên:

“Bố ơi, đây là chương trình nói về nhà mình!”

Cho tôi một bộ tóc giả bù xù, đỏ rực, tôi sẽ thành ông Frizzle cao một mét tám mươi năm, nặng chín mươi ký. Chắc chắn chẳng giống tôi tí nào, một thám tử lâu năm trong Đội Điều tra các vụ giết người của NYPD, là người đàn xếp, thương lượng, làm mọi việc cần thiết khi có người cần đến.

“Các cô bé, cậu bé có biết bài *It Came Upon a Midnight Clear* không?” Người đàn bà bám theo chúng tôi dai dẳng. Tôi định nói toạc ra sự ngu dốt của bà ta thì Brian, con trai cả của tôi liếc nhìn thấy tôi bực bội và vội nói ngay:

“Thưa bà, không ạ. Cháu xin lỗi. Chúng cháu không biết ạ. Nhưng chúng cháu biết bài *Jingle Bells*.”

Suốt đường lên tầng Năm kinh khủng, mười đứa trẻ của tôi say sưa hát *Jingle Bells*, và lúc chúng ào ra khỏi thang máy, tôi thấy những giọt nước mắt hạnh phúc long lanh trong mắt người đàn bà. Tôi hiểu rằng bà ta không ở đây vào kỳ nghỉ lễ, rằng con trai tôi đã cứu vãn tình thế cừ hơn cả một nhà ngoại giao Liên Hiệp Quốc, và chắc chắn là giỏi hơn tôi rất nhiều.

Tôi muốn hôn lên trán nó, nhưng những đứa trẻ mười một tuổi thà chết

còn hơn bị hôn, vì thế tôi chỉ vỗ nhẹ vào lưng nó theo kiểu đàn ông, lúc chúng tôi xuống một hành lang im lìm, trắng muốt.

Chrissy vòng tay ôm Shawna, ‘người bạn tốt nhất’ như nó vẫn gọi, hát đoạn thứ hai bài *Rudolph the Red-Nosed Reindeer* lúc chúng tôi đi qua chỗ các điều dưỡng viên.

Có lẽ bọn trẻ là những khoảnh khắc quý giá sống động, những thân hình nhỏ bé mặc quần áo, tóc buộc đuôi ngựa nhờ sự chăm chú quá ư tỉ mỉ của các chị lớn, Juliana và Jane.

Các con tôi thật đáng yêu. Thực sự là đáng ngạc nhiên. Giống nhiều người khác, gần đây chúng đã tiến bộ vượt bậc, đôi khi khó mà tin nổi.

Tôi đoán điều đó chỉ khiến tôi làm vướng chúng thôi. Chúng tôi rẽ ở cuối hành lang thứ hai và thấy một phụ nữ mặc bộ váy áo hoa phủ kín thân hình chỉ còn khoảng bốn mươi ký, chiếc mũ Yankees che kín mái đầu không một sợi tóc, ngồi trên xe đẩy ở cửa phòng số 513 mở sẵn.

“Mẹ!” Bọn trẻ kêu to và hai chục bàn chân chạy thành thịch, đột nhiên phá tan sự im lặng tương đối trong hành lang của bệnh viện.



Vợ tôi khó mà nắm được hết hai chục cánh tay vây quanh, nhưng bọn trẻ cứ cố đưa vào. Lúc tôi đến đó, là hai mươi hai cánh tay. Vợ tôi đã phải dùng morphine, codeine và percocet*, nhưng thời gian duy nhất tôi thấy cô ấy không đau đớn là khoảnh khắc đầu tiên khi chúng tôi tới, cả bọn như đàn vịt con xúm xít quanh cô.

“Anh Michael,” Maeve thì thầm với tôi. “Cảm ơn anh. Cảm ơn các con. Trông chúng đáng yêu quá.”

“Em cũng thế,” tôi thì thầm đáp lại. “Em lại không thể tự ra khỏi giường được, phải không?”

Hàng ngày mỗi khi chúng tôi đến thăm, Maeve đều được ăn vận cẩn thận, giấu đi sự đau đớn trong tĩnh mạch, và cố gắng nở nụ cười trên môi.

“Nếu ông muốn có một vẻ đẹp quyến rũ, thưa ông Bennett,” vợ tôi nói,

cố cưỡng lại sự mệt mỏi trong cặp mắt đờ đẫn, “em cho rằng ông nên cưới người khác.”

Một buổi sáng trước Ngày Đầu năm, Maeve phàn nàn về cơn đau dạ dày. Chúng tôi tưởng là do chứng khó tiêu trong kỳ nghỉ lễ, nhưng hai tuần sau vẫn không đỡ, bác sĩ muốn soi ổ bụng để tin chắc là an toàn. Họ phát hiện thấy hai buồng trứng đều to bất thường, và kết quả sinh thiết rất xấu. Khối u ác tính. Một tuần sau, sinh thiết lần thứ hai khối u bạch huyết, họ lấy tế bào dạ con và kết quả còn xấu hơn nữa. Ung thư đã di căn, và không có cách gì chặn lại được.

“Lần này để anh giúp em, Maeve,” tôi thì thầm lúc cô cố vươn khỏi cái ghế.

“Anh muốn làm em đau ư?” Cô nói và đăm đăm nhìn tôi. “Hở ông thám tử *Khó nhân?*”

Maeve tiếp nhận căn bệnh ung thư bằng sự can đảm mãnh liệt không thể tin nổi ở tuổi năm mươi, đấu tranh giành sự sống và phẩm giá như một nữ thần báo tử.

Maeve vốn là một điều dưỡng viên và cô đã sử dụng mọi mối quan hệ, mọi hiểu biết và kinh nghiệm mình có. Cô đã trải qua nhiều đợt hóa trị và xạ trị, khiến tim cô bị căng thẳng đến chết người. Nhưng ngay cả sau những cố gắng quyết liệt, sau mọi việc có thể làm và đã làm, kết quả chụp cắt lớp cho thấy khối u đã di căn vào cả hai phổi, gan và lá lách.

Một câu nói cứ vang trong tai tôi lúc tôi quan sát Maeve lão đảo đứng trên đôi chân gầy như que tăm, cố vươn người lên đằng sau cái xe đẩy.

“Mi sẽ không bao giờ quật ngã được ta đâu. *Mi sẽ không bao giờ quật ngã được ta đâu.*”



Maeve ngồi xuống giường và cầm lên một tờ giấy có kẻ bảng biểu từ phía đằng sau cô.

“Mẹ có cái này cho các con đây,” Maeve dịu dàng nói. “Nghe chừng mẹ

sắp phải dính ở cái chỗ ngõ ngách này một thời gian dài hơn nữa, mẹ quyết định cần phải lên danh sách những việc vặt trong nhà cho các con.”

Vài đứa lớn rên lên:

“Mẹ!”

“Mẹ biết, mẹ biết rồi. Những việc vặt ấy mà. Ai cần chúng nào?” Maeve nói. “Nhưng đây là suy nghĩ của mẹ. Nếu các con làm việc cùng nhau, các con sẽ quản lý việc nhà hộ mẹ, cho đến khi mẹ về. Được không, cả nhóm? Chúng ta thử xem nào. *Julia*, con làm nhiệm vụ tắm rửa cho các em bé hơn, và sáng sủa mặc quần áo cho chúng.

“*Brian*, con chỉ huy tuần tra nhé? Những trò chơi, các video games vv..., mọi thứ con nghĩ là *không có trên tivi*. Mẹ cần con giữ cho các chàng trai này bận rộn hết mức.

“*Jane*, con kiểm tra việc nhà. *Eddie*, thần bảo hộ ngôi nhà sẽ giúp con. *Ricky*, mẹ phong cho con chức bếp trưởng bữa ăn của nhà Bennett. Con nhớ dọn bờ lạc và thạch cho mọi người trừ *Eddie* và *Shawna*, chúng không thích hai món đó.

“Xem nào. *Fiona* và *Bridget*. Dọn bàn và lau bàn. Các con có thể luân phiên nhau, cứ hình dung là...”

“Còn con thì sao ạ?” Trent kêu ré lên. “Việc của con là gì? Con chưa có việc gì hết.”

“Con trông nom giày dép, Trent Bennett ạ,” Maeve nói. “Mẹ từng nghe những lời phàn nàn như: ‘Giày của tôi đâu? Giày của tôi đâu?’. Việc của con là thu thập đủ mười đôi giày và để cạnh giường từng người. Đừng quên giày của con đấy.”

“Con không quên đâu ạ,” Trent nói và gật đầu với vẻ hăng hái của một cậu bé lên năm.

“*Shawna* và *Chrissy*, mẹ cũng có việc cho các con gái đây.”

“Vâng,” *Chrissy* nói và xoay một vòng như vũ nữ ba-lê. Nó đã được tặng DVD *Barbie ở Hồ thiên nga* vào dịp sinh nhật một tháng trước, và bây giờ mỗi cử động của nó đều giống như một động tác trình diễn tùy hứng.

“Con có biết thức ăn cho *Socky* trong bếp không?”

Socky là con mèo mướp tính tình đồng bóng mà Maeve đã nhặt ở đồng

rác cạnh nhà trên đại lộ West End. Vợ tôi luôn có tình thương sâu sắc với những sinh vật bất hạnh và lạc loài. Việc cô lấy tôi đã chứng tỏ điều đó suốt một thời gian dài.

Còn tôi? Một thứ gì đó như luồng nước băng giá đột nhiên lan khắp xương sống tôi. Tôi muốn kêu gào, đâm vào thứ gì đó như cửa kính, tivi hay cửa sổ áp mái trong phòng đợi. Thay vào đó, tôi len qua đàn con, lột bỏ chiếc mũ trên đầu vợ tôi và dịu dàng hôn lên trán cô.

“Được rồi, các con. Mẹ cần nghỉ ngơi,” tôi nói, cố giữ cho giọng nói vững vàng. “Đến lúc phải đi rồi. Chúng ta đi nào, cả đội.”

2

Lúc gã Ngăn nắp rời đại lộ Năm, trèo lên các bậc bằng đá vào Thánh đường St. Patrick là ba giờ bốn mươi năm phút.

Gã khịt khịt mũi với đám người đang quỳ gối, im lặng thành kính và cầu nguyện. Chắc chắn là Ông Bù nhìn Vĩ đại trên cao kia phải thực sự cảm kích vì mọi thứ mộ đạo lại xuất phát từ Gomorrah* của thế giới tân kỳ này.

Một bà già trông có vẻ nhu nhược, cứng nhắc chỉ cho gã chỗ ngồi đầu tiên trên hàng ghế kế bên, cạnh phòng xưng tội gần nhất ở bức tường phía Nam của thánh đường. Bà ta phải thú nhận loại tội lỗi quái quỷ gì nhỉ? Gã phân vân nhưng vẫn ngồi xuống cạnh bà. *Xin Chúa tha tội cho con, con đã mua thứ khoai rán tẩm sôcôla rẻ tiền cho các cháu, thay cho loại bánh quy ngon.*

Giây lát sau, một linh mục trạc bốn mươi tuổi, tóc tai chải chuốt xuất hiện. Cha Patrick Mackey ra vẻ khiêm nhường để che giấu sự ngạc nhiên vờ vịt khi phát hiện ra nụ cười băng giá của gã Ngăn nắp.

Lát sau, bà già cổ phị kia mới rời ghế đến nơi xưng tội. Gã Ngăn nắp suýt làm bà ta ngã nhào lúc gã lao vào khi bà ta ra khỏi cửa phòng xưng tội.

“Con của ta,” linh mục nói đằng sau bức ngăn.

“Góc Đông nam phố Năm mươi mốt và Madison,” gã Ngăn nắp nói. “Hai mươi phút nữa, Fodder. Hãy đến đó, hoặc sẽ phải trả giá đấy.”

Khoảng hơn ba mươi phút sau, cha Mackey mới mở cửa chiếc xe tải nhân rồi của gã Ngăn nắp. Cha đã thay bộ quần áo thầy tu giả mạo bằng chiếc áo khoác trượt tuyết màu xanh sáng và quần jeans. Hắn rút ra một ống hình trụ bằng bìa cứng từ trong áo khoác dày.

“Cậu lấy được rồi ư?” Gã Ngăn nắp nói. “Giỏi lắm, Fodder. Cậu đúng là một thợ thủ cừ khôi.”

Linh mục gật đầu lúc vươn cổ ngoái nhìn nhà thờ.

“Chúng ta đi thôi,” hần nói.

Mười phút sau, bọn chúng đỗ xe trong khu đất vắng vẻ cạnh một sân bay trực thăng bỏ không. Nhìn qua kính chắn gió, dòng sông Đông bên ngoài trông như một dải bùn bị giẫm đạp, trải dài trước mắt chúng. Gã Ngăn nắp nén một câu đùa lúc bật nắp cái ống hình trụ mà thầy tu mang tới. Gần như có thể ngửi thấy mùi PCB* trong không khí, gã nghĩ.

Bên trong là một bức tranh in đã cũ và nứt nẻ, mép màu vàng giống như giấy da. Gã Ngăn nắp dùng ngón tay đang lằn theo hình in thứ hai ở giữa.

Nó đây! Nó không chỉ là tin đồn. Mà có thật. Gã đã có nó.

Chi tiết cuối cùng trong kiệt tác của gã.

“Không ai biết cậu có những thứ này chứ?” gã Ngăn nắp nói.

“Không một ai,” linh mục nói và cười khúc khích. “Sự hoang tưởng của Giáo hội chẳng phải là một sai lầm vớ vẩn của trí tuệ sao? Trụ sở nơi tôi phụng sự là một lâu đài khó hiểu.”

Gã Ngăn nắp tặc lưỡi, không rời mắt khỏi bản thiết kế. Nhưng cuối cùng, gã nhắc khẩu Colt Woodsman cầm lạng từ dưới ghế ngồi của chiếc xe tải. Tiếng nổ kíp của viên đạn 22 li rất khẽ, nhưng dường như là một quả lựu đạn làm nổ tung đầu cha Mackey.

“Xéo thẳng xuống địa ngục nhé,” gã Ngăn nắp nói. Rồi gã kiểm tra mặt mình thật kỹ lưỡng qua gương chiếu hậu và ngửa đầu ra sau, kinh hoàng. Nhiều đốm máu bắn lên trán gã, bên trên mắt phải. Chỉ sau khi dùng Wet-Naps cọ rửa hết những vết đáng ghét và dốc ngược cả lọ nước tẩy rửa lên mặt, hơi thở của gã mới trở lại bình thường.

Rồi gã Ngăn nắp huýt sáo chẳng ra điệu gì lúc cuộn tròn các hình vẽ và nhét vào cái ống hình trụ.

Một kiệt tác đang hình thành, hần nghĩ lần nữa.

3

Tối hôm ấy, bọn trẻ bắt tay vào việc ngay khi về đến nhà. Các căn phòng trong nhà, thay cho tiếng tivi hoặc tiếng súng điện là những âm thanh bận rộn, đáng khen của gia đình Bennett.

Nước bắn tung tóe lúc Julia chuẩn bị cho Shawna và Chrissy tắm. Brian ngồi bên bàn ăn với một cỗ bài, kiên nhẫn dạy Trent và Eddie chơi.

“*Bam,*” tôi có thể nghe thấy tiếng Ricky nói trong bếp lúc phết mút lên từng lát bánh mì. *Bam... bam.*

Jane trải các mảnh in tranh, chữ lên sàn, chuẩn bị cho Fiona và Bridget học sắp chữ.

Tôi không nghe thấy một lời kêu ca, một tiếng rên rỉ, thậm chí không có một câu hỏi ngốc nghếch nào.

Phải thêm từ *khác thường* vào danh sách các đặc tính của vợ tôi. Chắc hẳn Maeve hiểu bọn trẻ cảm thấy bị tổn thương, lạc hướng và vô dụng biết chừng nào, nên mới tạo cho chúng việc làm, để lấp đầy chỗ trống và cảm thấy mình có ích.

Tôi chỉ ao ước có thể bắt kịp thứ gì đó làm tôi cũng cảm thấy như thế.

Phần lớn các bậc cha mẹ sẽ nói với bạn rằng, giờ đi ngủ là thời gian hỗn độn, ầm ĩ nhất trong ngày. Tất cả, không loại trừ cha mẹ, đều mệt mỏi và cáu kỉnh, bồn chồn, có thể dễ dàng trở chứng, quát tháo, mắng mỏ và bắt phạt. Tôi không hiểu làm thế nào mà tối tối, Maeve có thể giải quyết mọi việc bằng sự chững mực và bình tĩnh bẩm sinh, đầy lôi cuốn. Nó là một trong những việc mà tôi làm vất vả nhất.

Nhưng đúng tám giờ tối hôm ấy, theo các âm thanh trong căn hộ, bạn có thể nghĩ cha con tôi đã đi nghỉ Giáng sinh hết rồi.

Tôi gần như tưởng rằng sẽ thấy cửa sổ mở và khăn trải giường buộc lại với nhau lúc tôi vào phòng các con gái. Nhưng tôi chỉ thấy Chrissy,

Shawna, Fiona và Bridget nhét mép tấm trải dưới cằm, còn Julia đang gấp cuốn sách của Olivia.

“Chúc con ngủ ngon, Chrissy,” tôi nói và hôn lên trán nó. “Bố yêu con lắm.”

Tôi phấn khởi vì thực hiện được công việc của người cha lúc đi rảo nhiều vòng.

Bọn con trai cũng đã lên giường.

“Chúc con ngủ ngon, Trent,” tôi nói và hôn trán nó. “Hôm nay con đã làm một việc rất cừ. Ngày mai con làm việc cùng bố được không?”

Vàng trán bé tí của Trent nhăn lại lúc nghĩ ngợi.

“Sinhs nhật của ai ở cơ quan bố à?” Lát sau, nó hỏi.

“Của thám tử nào ạ?”

“Không,” tôi đáp.

“Con sẽ chỉ đến trường thôi,” Trent nói và nhắm mắt lại.

“Mai là sinhs nhật Lucy Shapiro, mà sinhs nhật là phải có bánh nướng phết sôcôla.” Tôi nói lúc bước ra cửa, “Chúc các con ngủ ngon. Bố không thể làm được bánh nếu thiếu các con.”

“Chúng con hiểu, bố ạ,” Brian nói vọng từ giường trên. “Bố đừng lo. Chúng con sẽ giúp bố.”



Tôi khép cánh cửa cuối cùng và đứng một lát ở hành lang bên ngoài phòng bọn con trai. Vào một tối *bình thường*, trong khoảng nửa giờ, khi tôi từ địa bàn về nhà, phòng khách thường sáng ánh xanh xanh vì Maeve đang xem tivi, hoặc ánh sáng màu vàng đậm, ấm áp toả từ chỗ Maeve ngồi đọc sách, đợi tôi.

Lúc từ hành lang nhìn chăm chặ vào ngưỡng cửa tối om của phòng khách, lần đầu tiên tôi nhận thức được trải nghiệm bóng tối thực sự là thế nào.

Tôi vào phòng khách và bật ngọn đèn cạnh đi-văng. Rồi tôi ngồi lặg lặ,

chậm chậm dõi theo mọi dấu ấn kỷ niệm.

Chúng tôi đã cần cù phủ giấy dán tường. Các bức ảnh gia đình đều do Maeve chụp và đóng khung. Những chuyến đi Giáng sinh tới Vườn thực vật Bronx. Một quả bí ngô chọn ở vùng quê. Maeve đã làm nhiều cái hộp đựng các thứ kỷ niệm trong các kỳ nghỉ của chúng tôi, những vỏ sò, cát trong chuyến đi nghỉ ở bãi biển Myrtle hai năm trước, quả và lá thông trong tuần lễ chúng tôi ở Poconos hồi tháng Tám.

Sao Maeve lại có đủ sức lực làm việc đó? Tôi tự hỏi. Cô lấy đâu ra thời gian?

Vợ tôi chính là lời giải đặc biệt cho câu hỏi đó.

Tôi không phải là người duy nhất nghĩ vậy. Thực ra, tôi chưa thấy người nào không ngưỡng mộ Maeve.

Sau khi chúng tôi nhận nuôi Julia, Maeve bỏ việc ở bệnh viện để có nhiều thời gian với con bé hơn, và cô nhận chăm sóc một cụ già ở đại lộ West End. Cụ Kessler đã chín mươi năm tuổi, xuất thân từ một gia đình dòng dõi trong ngành xe lửa, cụ gay gắt và tức giận với thế giới hiện đại và đủ thứ trong đó. Nhưng hết tuần này đến tuần khác, bằng những hành động ân cần và cảm thông nho nhỏ, Maeve đã làm ông cụ dịu lại. Cô thường đẩy xe đưa cụ ra ngoài, ngồi dưới nắng trời ở công viên Riverside, khiến ông cụ nhớ là mình còn sống dù chẳng muốn.

Rốt cuộc, ông cụ trở thành người khác hẳn, gạt bỏ tính bản ngã, thậm chí còn thay đổi thái độ với cô con gái cụ vốn đối xử ghẻ lạnh.

Sau khi ông cụ mất, chúng tôi mới biết ông đã di chúc để lại cho Maeve căn hộ của mình, chính là nơi gia đình tôi sống hiện nay.

Thay cho các đồ cổ và các tấm thảm Ba Tư mà nhiều hàng xóm thường dùng, Maeve làm căn nhà đầy ắp bọn trẻ. Bốn tháng sau khi nhận nhà, chúng tôi nhận nuôi Brian. Sáu tháng sau là Jane. Và cứ thế... cứ thế mãi...

Tôi biết, *người thánh thiện* là một thuật ngữ khá sáo mòn, nhưng lúc ngồi đó một mình, nhìn chăm chú vào những việc đã làm của vợ tôi, ba chữ đó thành linh đập vào tâm trí tôi.

Cuộc đời của một con người thánh thiện, tôi cay đắng nghĩ.

Mọi con đường đều dẫn đến sự đau đớn giày vò. Tim tôi đúng là nảy bật

lên khi chuông cửa reo. Có lẽ bên ngoài xảy ra việc lộn xộn, tôi nghĩ lúc chuông lại reo lần nữa.

Lúc chuông reo lần thứ ba, tôi đoán là một vị khách lang thang ở Underhill, nơi những người hàng xóm hay tổ chức tiệc cocktail ở bên kia sân.

Cuối cùng, tôi đứng dậy, bực bội.

Nhằm to, tôi nghĩ lúc giật mạnh quả đấm cửa. Mình cũng cáu bẳn như Grinch* thôi.



Nhìn chiếc quần jeans nhàu nhĩ và chiếc áo khoác dày màu xanh nước biển đầy bụi của cô gái tóc vàng hoe đứng trước cửa nhà, tôi biết chắc cô không đến để dự bữa tiệc cocktail kiểu Manhattan.

Nhưng với cái ba-lô bần thiêu, căng phồng trên lưng và cái túi vải buộc dây nắm chặt trong bàn tay đeo găng, rõ là cô đang muốn định cư ở một nơi nào đó.

“Ông Bennett phải không ạ?” Cô ta nói, buông cái túi và giơ bàn tay nhỏ nhắn, đẹp đẽ ra. “Ông Michael Bennett phải không ạ?”

Âm sắc Ireland của cô thật ấm áp nhưng bàn tay cô lạnh giá.

“Còn tôi là Mary Catherine,” cô nói. “Tôi đến rồi đây.”

Theo giọng nói, tôi *ngờ rằng* cô phải là một người họ hàng của vợ tôi. Tôi cố nhớ ra mặt của Mary Catherine trong số họ hàng ít ỏi của Maeve đã đến dự đám cưới của chúng tôi. Nhưng tôi chỉ nhớ được một ông bác già, vài người anh em họ xa và một nhóm ba chàng độc thân trung niên. Còn cô này là thế nào nhỉ?

“Đến rồi?” Tôi thận trọng nhắc lại.

“Tôi là người giúp việc,” Mary Catherine nói. “Nona chắc đã nói chuyện với ông rồi.”

Người giúp việc ư? Nona nào? Tôi nghĩ. Rồi tôi nhớ ra Nona là tên của mẹ Maeve. Vợ tôi luôn chỉ nói mơ hồ về quá khứ, cô đã lớn lên ở Donegal.

Tôi có cảm giác người nhà cô hơi kỳ cục.

“Tôi xin lỗi, Mary ạ, chuyện này là...?” Tôi nói. “Tôi nghĩ là tôi chưa hiểu rõ điều cô nói.”

Catherine hé miệng như định nói gì đó. Rồi lại thôi. Khuôn mặt mỏng manh của cô đỏ tía lúc cô cúi nhặt cái túi.

“Xin lỗi đã làm mất thời gian của ông, thưa ông,” cô nói nhanh và hơi buồn. “Chắc là tôi hiểu lầm gì đó. Tôi xin lỗi.”

Cái túi vải tuột khỏi tay cô lúc cô đến gần thang máy. Tôi bước qua ngưỡng cửa định đỡ hộ, lúc đó tôi mới nhận ra đồng thư từ của tôi trên sàn. Chúng chòng chát và những người hàng xóm sốt sắng của tôi, những người Underhill, đã đổ chúng xuống dưới gầm cái bàn ở góc thụt, chỗ thường dành để bộ sưu tập kẹp hạt dẻ cổ bằng gỗ của họ.

Tôi chú ý đến một bức thư nhỏ, trông kỳ cục thò ra giữa đồng.

“Gượng đã,” tôi nói. “Đợi một chút, Mary Catherine. Một tí thôi.”

Tôi bóc thư. Chữ viết nhỏ li ti, rất khó đọc, nhưng tôi có thể luận ra *Michael yêu quý*, vài chữ *Mary Catherine*, và *Chúa phù hộ các con*, kết thúc bằng *Nona yêu thương*.

Tuy vậy, tôi không biết toàn bộ bức thư có ý nghĩa gì.

Cho đến lúc đó, tôi không hoàn toàn dám chắc là mẹ vợ tôi còn sống. Tuy nhiên, có điều chắc chắn là tôi đã quá mệt mỏi, không thể cố hình dung ra ngay mọi chuyện nữa.

“Ồ,” tôi nói với cô gái lúc cửa thang máy mở ầm ầm. “Cô là Mary Catherine, người giúp việc.”

Hy vọng lấp lánh trong đôi mắt xanh sáng của cô. Nhưng tôi xếp cô vào chỗ quái nào bây giờ? Quán trọ của tôi đã đầy ắp. Lúc đó, tôi chợt nhớ ra phòng của hầu gái trên tầng thượng, gần đây dùng làm kho.

“Nào đi,” tôi nói và nắm lấy cái túi rồi dẫn cô vào thang máy. “Tôi sẽ chỉ cho cô chỗ ở.”

Tôi mất tròn hai mươi phút dọn cái giường cũ, đồ chơi trẻ con, vài cái ghế ô tô cũ, xe ba bánh của Chrissy và Shawna ra khỏi căn phòng nhỏ.

Lúc tôi xuống nhà rồi trở lại với đồ trải giường, Mary Catherine đã mở tấm đệm trên chiếc giường đôi khung thép và xếp gọn gàng đồ đạc của cô

vào các ngăn bàn gương mà chúng tôi vẫn dùng làm bàn.

Tôi quan sát cô một lát. Cô xấp xỉ ba mươi tuổi. Tuy dáng dấp không cao lắm, song cô có vẻ khoẻ mạnh. Hăng hái, tôi nghĩ, một nét tốt cho công việc cô xin làm.

“Nona không nói gia đình tôi đông đúc lắm sao?”

“Cả một đàn,” cô nói, “Thật đúng là một đàn, - tôi tin đó là câu cô nói.”

“Bao nhiêu người thì ‘đúng là một đàn’?” tôi hỏi. Mary Catherine nhếch lông mày.

“Năm ư?”

Tôi lắc đầu, giơ ngón tay cái chỉ lên phía trên.

“Bảy người?”

Tôi nhìn thấy một gợn hoảng hốt lan qua mặt Mary Catherine lúc tôi ra hiệu cho cô con số cao hơn.

“Không phải là mười chứ?” Cô hỏi. Tôi gật đầu.

“Ơn Chúa là các cháu được rèn luyện làm lấy mọi công việc vệ sinh. Và chúng là những đứa trẻ ngoan. Nhưng nếu bây giờ, ngày mai hoặc tuần sau cô muốn bỏ đi, tôi sẽ không trách cô đâu.”

“Mười ư?” Mary Catherine nói lại lần nữa.

“Một số 1 và một số 0,” tôi nói và cười. “Nếu cô làm việc cho chúng tôi, cô phải gọi tôi là Mike. Hoặc là thẳng ngực, nếu cô muốn. Nhưng xin đừng gọi tôi là ông Bennett.”

“Vâng, Mike,” Mary Catherine nói.

Lúc rời đi, tôi nhận thấy sự hoang mang động nguyên trên mặt cô.

“Mười,” tôi lặp lại khe khẽ.

Số mười hoàn hảo.



Xuống dưới nhà, sau khi chui vào giữa các lớp trải lạnh lẽo trên giường, tôi không sao chớp mắt nổi. Tôi nhớ ngày mai là tang lễ Caroline Hopkins, và đêm nay lại thêm một việc buồn nữa để nghĩ.

Tôi nằm trong bóng tối, lắng nghe ngọn gió mùa đông hú khắp các góc nhà. Ở đâu đó xa xa, chắc là trên phố Broadway, một chiếc ô tô hốt hoảng khởi động, gặp trục trặc, rồi lại khởi động lần nữa.

Suốt một giờ, tôi kiên quyết không để mình cảm thấy thương thân. Tôi không phải là người dễ nổi loạn. Tôi không phải là người dành hết ba mươi tám năm tuổi đời để giúp đỡ người khác, và như thế sẽ không phiền hà gì vì sắp ba mươi chín.

Rồi tôi bắt đầu khóc. Nó đến từ từ, đau đớn, giống như những vết băng nứt đầu tiên trên một cái hồ mà bạn lang thang trên đó quá lâu. Giấy lát sau, bản tính điềm tĩnh cứng rắn của tôi tan thành muôn mảnh, và tôi đành chịu thua.

Ban đầu tôi tán thành ý tưởng nhận con nuôi của vợ tôi. Sau khi phát hiện ra chúng tôi không thể có con, tôi sẵn sàng làm mọi thứ Maeve muốn. Tôi rất yêu cô và chỉ muốn làm cô vui bằng mọi cách.

Nhưng sau khi chúng tôi đã có Jane, tôi hơi miễn cưỡng tiếp tục nhận thêm. Ba đứa trẻ ở New York ư? Dẫn sở hữu một ngôi nhà đắt tiền, không có nghĩa tôi là Bao đặng tiền.

Maeve dẫn giải rằng chúng tôi có đủ chỗ trong nhà và trong trái tim cho một người nữa. Sau Fiona và Bridget, tôi tròn mắt lên mỗi khi nói đến việc nhận thêm con nuôi hoặc một đứa trẻ nghèo mà cô nghe tin và nói: ‘Chất thêm một nửa ký lên con voi thì có sao đâu?’

Nhưng voi sống sao được nếu không có tấm lòng? Tôi nghĩ lúc năm đó, nước mắt tuôn trào như suối xuống má.

Tôi sẽ không thể làm tiếp việc này. Những đứa trẻ lớn hơn sẽ thành thanh niên, còn những đứa bé hơn... Lạy Chúa tôi, làm thế nào một mình tôi có thể đảm đương nổi cuộc sống, hạnh phúc và tương lai của chúng?

Lúc đó tôi nghe thấy cửa phòng tôi mở cọt két.

“Píp-Píp,” có tiếng nói khẽ.

Đó là Chrissy. Mỗi sáng, con bé mang vào phòng chúng tôi một bát đựng ngô trống rỗng, giả vờ có một con vật non khác cần cho ăn. Một con mèo con, cún con, chim cánh cụt non, có lúc là con tatu non.

Nó leo lên mép giường.

“Píp-Píp không ngủ được,” nó nói. Tôi chùi nước mắt vào gối.

“Píp Lớn cũng không ngủ được,” tôi nói.

Từ lúc lên hai, Chrissy đã không ngủ cùng chúng tôi nữa, và tôi định vùng dậy nhét nó trở lại giường mình, nhưng rồi tôi mở chăn ra:

“Chui vào tổ nào, Píp, nhanh lên!”

Lúc Chrissy nép vào cạnh tôi, như thường lệ tôi nhận ra mình đã sai biết chừng nào. Các con tôi không phải là một gánh nặng. Chúng là thứ duy nhất cùng giữ cho tôi đứng vững.

Độ hai phút sau, Chrissy đã ngủ. Sau khi nó thoải mái cuộn tròn đôi chân bé tí, lạnh như băng vào bụng tôi cho ấm, tôi lơ mơ hiểu rằng có lẽ không thể gọi thế này là hạnh phúc. Nhưng đây là lần đầu tiên trong nhiều tuần lễ, tôi hiểu rõ cảnh gian truân.

4

Hôm nay sẽ là một ngày thú vị đây. Một ngày chó chết, đầy sự kiện và nổi tiếng trong lịch sử.

Lúc gã Ngăn nấp tới bên cánh cổng đồ sộ của thánh đường, tiếng chòm chuông bạc của nhà thờ St. Patrick ngân vang vẫn còn lơ lửng trong không khí buổi sáng giá buốt trên đại lộ Năm. Gã lắc đầu nhìn đám đông diên rồ đứng thành hàng trên vỉa hè rộng bốn mét, đằng sau hàng rào cảnh sát.

Bốn mươi phút nữa tang lễ của Catherine Hopkins mới bắt đầu, số người có mặt đã dày đặc như những đống hoa cúng lấp kín hết chiều dài nền nhà thờ. Chắc chắn Caroline là một Đệ nhất Phu nhân được ngưỡng mộ, nhưng điều quan trọng hơn cả đối với những kẻ khờ dại này là bà sinh trưởng tại thành phố New York. Bà là người của họ. Phải, đúng thế. Giống như thị trưởng New York cũng là người của họ.

Gã Ngăn nấp uống thêm một ngụm cà phê và tiếp tục quan sát cảnh tượng. Leo lên các bậc đằng trước của St. Paddy, gã theo dõi một người mặt đỏ thối kèn túi của Sở Cứu hỏa New York đang chật vật lật tà váy kẻ ô vuông trên đôi tất dài trắng, chật khít trong luồng gió lạnh lẽo.

Phía bên kia cổng nhà thờ, ngay bên trong các cửa ba tầng bằng đồng mở, một sĩ quan huấn luyện đi kiểm tra đội ngũ, Hải quân, Không quân và Lính thủy đánh bộ xếp thành hàng rào danh dự. Anh ta nắm lấy phần dưới chiếc áo khoác màu xanh biển của lính thủy đánh bộ, đập nhẹ lòng bàn tay lên vai một cậu lính, phủi một vết bụi tưởng tượng.

Rồi các xe limousine lần lượt tới.

Thị trưởng Andrew Thurman đi xe đầu, có thể chứ, gã Ngăn nấp nghĩ. Thị trưởng được coi là bạn thân của gia đình Hopkins.

Tiếp theo là cặp sao điện ảnh Marilyn và Kenneth Rubenstein lăm đòn phép.

Cặp đôi nghệ sĩ này đã đóng nhiều quảng cáo cổ động bảo vệ môi trường, cùng Caroline đặt dấu chấm hết cho việc khoan dầu ở một vùng hoang vu thuộc Alaska, hoặc vài việc vớ vẩn như thế. Trong khi ấy, cả hai đứa con thiếu niên của họ đều gặp rắc rối, chủ yếu là ma túy và rượu ở Westchester.

Có người nào đó trong đám đông bên kia đại lộ Năm huyết sáo, ngôi sao Kenneth Rubenstein hai lần đoạt giải Oscar chiếu nụ cười trị giá triệu đô và vẫy cả hai tay, như thể sắp nhận giải lần thứ ba vậy. Gã Ngăn nắp cười nhăn nhó lúc ngắm Marilyn, vợ Rubenstein, tóc đen nhánh như quạ, huých mạnh vào sườn chồng. *Trò xinê, gã nghĩ.*

Theo sát các ngôi sao điện ảnh là đại gia bất động sản Xavier Brown và vợ, siêu mẫu thời trang của hãng Chanel tên là Celeste. Cặp đôi quyền lực này cũng là *bạn thân* của Đệ nhất Phu nhân. Chết tiệt, còn ai là không đây?

Chiếc limo tiếp theo là Todd Snow, tiền vệ đội New York Giants. Chiếc nhẫn Super Bowl lấp lánh lúc anh ta vòng tay ôm cô vợ người mẫu quyến rũ. Chàng cầu thủ cũng làm từ thiện cùng Caroline Hopkins.

Gã Ngăn nắp thỏa mãn nhìn chăm chăm vào các cánh cửa nhuộm màu của đoàn xe limousine đang tiến tới phía Bắc đại lộ Năm. *Hoan hô, hoan hô, cả lũ ở đây tất. Hay lắm, tuyệt.*

Cuối cùng, gã ngược nhìn một khoang hở khổng lồ mở ra và những tháp bằng đá uy nghi, cao chín chục mét ở đằng trước thánh đường. Vụ này đang triển khai suôn sẻ đây, gã vừa ngạo nghễ nghĩ vừa giậm giậm chân lên phiến đá lát đường cho ấm, và lấy làm lạ là giữa đám người hợm hĩnh, vẫn còn chỗ cho cỗ quan tài.



John Rooney nhăn nhó như Grinch lúc chiếc limousine của anh ta đỗ lại trước đám đông xáo động ở St. Patrick. Là diễn viên hiện có doanh thu đứng đầu ở Hollywood, anh được các fan trung thành tặng thêm giá trị tại bất cứ sự kiện nào. Hầu hết chỉ là những người bình thường muốn thể hiện

sự ủng hộ và cảm kích của họ. Chắc hẳn anh chấp nhận họ hơn với các paparazzi* dai như đĩa. Bất cứ ngày nào, ở bất cứ đâu.

Nhưng lúc này, nhìn vào các bộ mặt tham lam và những điện thoại giơ lên để chụp, anh hơi đề phòng. Có chỗ đứng ở một tang lễ, dù là một nghi lễ long trọng cũng cảm thấy sồn gai ốc.

May cho anh, sườn nhà thờ phía đại lộ Năm chỉ dành cho các nhân vật quan trọng. Rooney bước ra phố, theo sau Big Dan, vệ sĩ của anh. Đã có một dãy nhà báo - phần lớn là người của các báo chính thống - chen chúc ở hai bên các bậc thềm và lối vào.

Rooney cố không ngoảnh lại khi có ai đó băng qua đại lộ Năm và gào lên: ‘WUZ UP, DORK?’, câu nói nổi tiếng trong bộ phim hài ăn khách mới nhất của anh.

Nhưng anh không thể cưỡng lại những cái nhìn mời chào trên gương mặt các nhà báo suốt hai bên lối vào thánh đường. Adrenaline ủa vào huyết quản lúc cả loạt máy quay phim, máy ảnh chớp sáng lóa làm chói mắt anh. Anh ngược nhìn bầu trời âm đạm và gãi đầu.

Rồi Rooney nở nụ cười rạng rỡ đầu tiên trong ngày.

“Tôi không nghĩ đây là một ý tưởng hay, các bạn ạ,” anh nói thản nhiên. “Mọi người nghe dự báo thời tiết hôm nay có chớp không?”

Anh nhìn lướt qua tất cả, hầu hết đang cười toe toét, rồi dừng câu đùa tiếp theo trong cổ lúc phát hiện ra sự khó chịu đáng ngại trên gương mặt một phụ nữ xinh đẹp, da ngăm ngăm đứng gần lối vào. Lẽ tất nhiên, đúng cô ta. Anh thấy mình đùa không phải lúc khi đang có vị trí quan trọng trong lễ tang.

Rooney cố tạo bộ mặt buồn ủ rũ, rồi bước vào nhà thờ.

Anh có thể thấy những người ở hàng ghế sau quay lại và huých nhau lúc anh đưa giấy mời cho một nhân viên an ninh mặc áo đỏ.

Phải, tôi đây. Tôi đang ở đây. Rooney nghĩ, bực bội. Đó là một mặt của danh tiếng, thứ rất chóng trở nên cũ kỹ. Trong đời thực, ở nhà hàng hay ở sân bay, bị nhiều người trở mắt ra nhìn mình thật chẳng thoải mái tí nào. Hình như ai cũng muốn điều gì đó của anh, nhưng là cái gì? Anh không biết, và anh cho rằng chính họ cũng không biết. Người ta tưởng các ngôi

sao đeo kính râm để nguy trang, thực ra chỉ để tránh tiếp xúc bằng mắt mà thôi.

Rooney quay lưng lại lối vào nhà thờ lúc nghe thấy tiếng máy quay sè sè và máy ảnh bấm *tanh tách* giống một đàn dế bằng kim loại đang giận dữ.

Ờ, xem ai đến kìa!

Linda London, một nhân vật có vai vế trong ngành truyền hình, có thâm niên hai chục năm đến cùng lúc với Mercedes Freer, diva dòng nhạc pop nổi tiếng đồng đánh, hai mươi tuổi. Rooney biết hai người đàn bà này cùng bước lên một phiến đá lát vỉa hè đã đủ là một sự kiện. Nó thực sự gây ra sự điên cuồng khi cả hai đều vận tang phục đen váy cực ngắn, áo xẻ cực sâu và che mạng.

Sự việc càng thêm thú vị khi Charlie Conlan, huyền thoại nhạc rock của những năm bảy mươi ra khỏi xe và bước lên bậc nhà thờ, cách cuộc chiến đàn bà hùng hổ kia khoảng một mét. Thần tượng cao ráo, điềm tĩnh này đã gần sáu mươi, nhưng trông vẫn khỏe khoắn. Anh bắt tay Rooney trong tiền sảnh.

Charlie đã viết và thể hiện ba bài hát đầy lôi cuốn cho một bộ phim thiếu nhi mà Rooney thủ vai chính hồi năm ngoái. Họ đã từng đi một chuyến quảng cáo ngắn ngày cùng nhau. Suốt thời gian đó, Conlan luôn tươi cười; anh thưởng tiền cho từng người phục vụ, người gác cửa, người lái xe limo mà họ bắt gặp; ký tặng cho bất cứ ai và tất cả mọi người. Ngay các paparazzi cũng có vẻ thích anh ta.

“Gánh xiếc chết giẫm, nhỉ?” Charlie nói bằng giọng gai góc nổi tiếng của mình. “Anh cũng là một trong những thằng hề ấy ư, Johnny?”

“Nếu tôi là hề, thì anh là người chỉ đạo nghệ thuật,” Rooney nói và cười to lúc các máy quay tắt.

Tiếng hoan hô rất to khác nổi lên trong đám đông. Ngoài đường, Eugena Humphrey bước ra khỏi chiếc limousine lộng lẫy hiệu Lincoln Town Car của mình.

“Mọi người, thôi đi,” Người dẫn chương trình đầy sức lôi cuốn, ‘Nữ hoàng LA’* quở trách đám đông. “Đây là tang lễ, chứ không phải Emmy*. Chúng ta phải tỏ lòng tôn trọng một chút chứ, *tôi xin đấy.*”

Kinh ngạc, đám đông lặng ngắt ngay lập tức.

“Các nguyên tắc của Eugena,” ai đó nói, và câu đó hình như là chân lý chính xác nhất của Chúa.



Cathy Calvin, phóng viên từ *New York Times* không biết tìm hình ảnh giật gân tiếp theo ở đâu. Cô quay người lúc xe chở linh cữu Đệ nhất Phu nhân xuất hiện trên đường phía Bắc đại lộ Năm vắng vẻ. Dẫn đầu là đội hình chữ V gồm chín chiếc Harley của NYPD đi với tốc độ điều hành, các bộ giảm thanh khiến chúng gần như câm lặng trên con phố nổi tiếng thế giới.

Hầu như ngẫu nhiên, các pho tượng trong thánh đường trở nên sinh động hẳn khi đội vệ binh danh dự phá bỏ hàng ngũ trong tiền sảnh và bước đều, chậm chậm ra vỉa hè.

Cả đội ra tới vỉa hè đúng lúc đoàn xe tang xuất hiện.

Bóng đèn nháy loe loe lúc họ kiểu cách đẩy nhẹ cổ quan tài phủ cờ Mỹ ra khỏi chiếc ô tô dài màu đen.

Hai đặc vụ mặc com-lê đen xuất hiện từ trong đám đông và nhập vào hàng hộ tang để thi hài cựu Đệ nhất Phu nhân được nâng lên ngang vai dễ dàng.

Binh lính và đặc vụ dừng lại ở đầu cầu thang, ngay đằng sau cựu Tổng thống và con gái, đúng lúc có tiếng ầm ầm dữ dội phát ra từ phía Nam.

Lát sau, một tốp năm chiếc F-15 bay rất thấp trên bầu trời khu thương mại. Lúc bỏ nhào trên phố Bốn mươi hai, chiếc máy bay ở chính Tây đột ngột phá vỡ hàng ngũ và lượn theo hình vòng cung lên cao, lên mãi cho đến khi những chiếc còn lại gầm rú trên thánh đường trong đội hình ‘người vắng mặt’.

Những người hộ tang đợi cho đến lúc tiếng vọng cuối cùng của động cơ máy bay đã tắt trong hẻm núi toàn đá và thép của đại lộ Năm, họ mới bắt đầu khiêng Caroline Hopkins vào nhà thờ.

Tiếng *te te* của người thổi kèn túi lẻ loi cất lên đúng lúc cựu Tổng thống

bước qua ngưỡng cửa nhà thờ. Dường như toàn bộ thành phố tôn trọng khoảnh khắc im lặng tức hứng, lúc giai điệu quen thuộc của bài *Amazing Grace* vang lên.

Cathy Calvin nhìn khắp đám đông, và cô phóng viên tạp chí *Times* biết mình sẽ không bao giờ viết nổi bài chủ chốt. Dân chúng nhất loạt bỏ mũ, chấp tay trước ngực và hát theo bài thánh ca. Khắp mọi nơi, những người dân New York mệt rũ rời khóc không giấu giếm.

Nhưng đây chưa phải là điều khiến cô sửng sốt nhất.

Không, điều ngạc nhiên lớn là Cathy Calvin, người phóng viên đã-chứng-kiến-mọi-thứ, áp bàn tay lên má và nhận ra rằng cô cũng đang khóc.



Một cuộc tiễn đưa gần như làm mọi người đều khóc, gã Ngăn nắp nghĩ lúc ngồi trên chiếc ghế xoay ở thùng xe tải màu đen, chăm chú nhìn qua ống nhòm.

Đồ chết giẫm, gã nghĩ, và cố nhe răng cười đến đau cả má.

Những giọt nước mắt vui mừng.

Chiếc xe tải đỗ gần phố Năm mươi một và đại lộ Năm, đối diện với thánh đường nguy nga và qua ô kính phủ màu một chiều, gã theo dõi cuộc diễu hành không ngừng nghỉ của các nhân vật danh tiếng và những người quyền cao chức trọng suốt một giờ liền.

Đây là thứ đã dự đoán, gã Ngăn nắp nghĩ lúc lồi vào các cửa nhà thờ đóng lại sau lưng cựu Tổng thống và đoàn tùy tùng, trông giống như một lũ nịnh bợ.

Theo quan sát của gã, mọi dự đoán đều thành hiện thực đến khó tin.

Gã buông ống nhòm để rút cái khăn lau xinh xinh khỏi nắp một hộp nhựa nhỏ cạnh chân. Đôi bàn tay đỏ lựng của gã ngứa ngáy lúc gã bắt đầu cọ rửa. Gã thường mang nước làm mềm da tay Jergens, nhưng trong lúc phấn khích gã quên băng mắt.

Chỉ có một thứ mình bỏ lỡ, gã vừa nghĩ vừa mỉm cười lúc đánh rớt thứ

nước rửa quen dùng lên đồng đồ bên chân và lại nâng ống nhòm lên.

Gã quét tầm nhìn khắp khu nhà thờ rộng rãi, dừng lại ở từng chốt canh gác, xoay ống kính Steiner 15x80 để nhìn cho thật rõ.

Một đội đặc nhiệm Manhattan đội lốt cảnh sát phân tán rải rác đằng trước nhà thờ cùng với đám đông và một xe tải của đơn vị Phản ứng nhanh của NYPD chặn từng góc phố. Họ đội mũ cầu thủ bóng chày, khẩu tiểu liên Colt Commando đáng sợ đeo chéo qua ngực, nhưng tay cầm tách cà phê và thuốc lá. Thay vì làm nhiệm vụ cảnh giới, họ đứng tản mát với nhau, tiết lộ những kiểu nói dối về cách sử dụng số tiền làm ngoài giờ được lĩnh.

Câu hỏi là: Họ có ngốc nghếch không? Gã Ngăn nắp nghĩ.

Trả lời: Có, họ là thế.

Điện thoại di động của gã reo khi tiếng rít của chiếc kèn túi bắt đầu tắt dần. Gã Ngăn nắp hạ chiếc ống nhòm xuống và đưa điện thoại lên tai.

Sự phấn khích của việc sắp diễn ra giảm xuống cùng trạng thái thần kinh kích động của gã.

“Rõ rồi, Jack,” gã Ngăn nắp nói. “Đây là một thành công. Thật đáng tự hào.”



Trong gian giữa của thánh đường, ‘Jack’ rút ăng-ten của chiếc điện thoại di động vừa tắt và lo lắng nhìn hàng tá đặc vụ, nhân viên an ninh mật và cảnh sát đứng quanh nhà thờ. Liệu kế hoạch này có kết quả thực tế không? Hẳn nghĩ đến lần thứ một ngàn, không, là lần thứ một trăm ngàn. Phải, lúc này không còn thời gian để phân vân nữa. Hắn gập điện thoại và nhắm đến lối ra phố Năm mươi mốt.

Lát sau, hắn hấp tấp xuống các bậc thềm bằng đá hoa và mở chốt cánh cửa gỗ dày sáu mươi xăngtimét. Một phụ nữ mặc đồng phục NYPD đang hút thuốc ở ngưỡng cửa liếc nhìn hắn. Trông cô ta có vẻ bức tức.

“Cô vào hay ra?” Jack nói và mỉm cười. Mặc dù thấp người, hắn vẫn có sức quyến rũ mỗi khi hắn muốn. “Tang lễ mới bắt đầu thôi. Chúng ta đến

gần hơn đi.”

Trong cuộc họp về an ninh trước lúc rạng đông, các nhân viên hành pháp đã được lệnh giao cho lực lượng an ninh mọi việc liên quan đến tang lễ ở nhà thờ.

“Ra, tôi nghĩ thế,” nữ cảnh sát nói.

Chọn khôn đấy, mục còm, Jack nghĩ và kéo cánh cửa nặng trịch đóng lại rồi làm gãy chìa khóa đánh *tách* trong ổ. *Chọn cái sống.*

Hắn vội vã lên cầu thang và vòng vào lối đi men theo đằng sau ban thờ.

Nơi này đã chật ních các linh mục mặc áo choàng trắng muốt, chỉ đủ chỗ để đứng.

Lúc hắn tới cung thờ phía Nam, cây đàn organ bắt đầu lên tiếng và cỗ quan tài xuất hiện dưới ngăn gác của dàn đồng ca.

Jack lắc lư đi xuống cầu thang, tới lối vào bên phố Năm mươi và đóng, khóa nốt cánh cửa dày. Hắn cố tránh làm gãy chìa trong ổ vì tí nữa, bọn chúng còn cần đến lối ra này.

Trình tự tiếp theo của công việc. Jack hít một hơi thật sâu.

Lúc này, một nửa Hollywood, phố Wall và Washington đã ở trong thánh đường.

Rất nhanh, hắn trở lại lối đi. Phía bên kia một trong các cây cột khổng lồ, có một đồng dây chảo bằng da. Nó che một cầu thang đá hoa nhỏ và hẹp ở đằng sau ban thờ. Hắn trèo lên đồng dây và tụt xuống.

Ở chân cầu thang đá hoa có một cánh cửa bằng đồng màu xanh, trang trí công phu. Một tấm biển ghi: HẦM MỘ CỦA CÁC TỔNG GIÁM MỤC NEW YORK.

Jack bước nhanh tới và giật mạnh cánh cửa. Hắn vào bên trong hầm mộ rồi đóng chặt cửa lại sau lưng mình. Trong ánh sáng lờ mờ, hắn có thể nhận ra những quan tài bằng đá mai táng các tổng giám mục xếp thành hình bán nguyệt quanh các bức tường đá đẽ gọt qua loa của căn hầm.

“Ta đây, lũ ngốc,” một giây sau, hắn nói khẽ. “Bật đèn lên.”

Có tiếng *tách*, và các ngọn chùy đài trên tường bật sáng.

Đằng sau các quan tài đá, có mười hai người đàn ông. Hầu hết mặc áo phông và quần đùi. Chúng đều to con, vạm vỡ và trông không chút thân

thiện.

Những tiếng rút khóa dán Velcro lúc bọn chúng mặc áo chống đạn Kevlar. Tiếp đó là tiếng các khẩu súng ngắn Smith & Wesson nhét vào bao súng kẹp dưới nách. Chúng đi găng đen, không ngón như các ‘công binh’ và nâng niu những viên đạn chì trên các đốt ngón tay.

Rồi cái nhóm bí ẩn này khoác áo choàng của thầy tu dòng Franxit ra ngoài áo chống đạn. Trong túi các áo choàng để một vật trông giống cái điều khiển từ xa, thực ra là loại vũ khí gây điện giật tối tân nhất.

Chúng luồn các khẩu súng cỡ nòng lớn vào cánh tay thụng của áo choàng. Một nửa ổ nạp đạn cao su, nửa kia là hơi cay CS* cực mạnh.

Cuối cùng, bọn chúng kéo mặt nạ trượt tuyết màu đen che kín mặt. Lúc chúng kéo mũ trùm, trông chúng như được tạo ra bằng bóng tối.

Jack mỉm cười hài lòng lúc mặc áo chống đạn, áo choàng, đeo mặt nạ đen rồi kéo mũ lên.

“Khóa, đạn và dây của các em tuyệt quá, thưa các cô nương,” Jack nói và mỉm cười lúc hẳn từ từ kéo cánh cửa nặng trĩch của hầm mộ. “Đến lúc đưa trò vui vào đám tang rồi đây.”



Ngôi sao điện ảnh, diễn viên hài John Rooney cảm thấy hơi thở cạn kiệt lúc đội vệ binh danh dự tới đứng trước nhà thờ với cỗ quan tài phủ lá cờ.

Suốt cuộc diễu hành trên lối đi giữa các hàng ghế, sau mỗi bước họ lại dừng một lúc lâu, bất động, trong khi tiếng đàn organ vang vang từ bên trên. Dường như cỗ quan tài nặng đến mức họ cần tạm dừng để lấy sức khiêng tiếp, Rooney buồn bã nghĩ.

Khi những người hộ tang đặt linh cữu xuống, Rooney nhớ lại lúc chôn cha mình tại Nghĩa trang Quốc gia Arlington. Nghe nói ông ước ao khi qua đời được cử hành theo nghi thức quân đội, Rooney ghen ngào nghĩ. Nói thẳng ra, không có cách nào tôn vinh người đã khuất tốt hơn.

Rooney quay sang bên phải đúng lúc xuất hiện một hàng thầy tu mặc áo

choàng nâu, mũ trùm đầu. Họ đi cùng với đoàn vệ binh trang trọng đến gần ban thờ. Anh còn nhìn thấy một hàng nữa đi xuống lối bên trái mình.

Trong ánh sáng lờ mờ của nhà thờ, không thể nhìn rõ những bộ mặt dưới mũ trùm. Anh biết hôm nay sẽ có nhiều nghi thức đặc biệt, nhưng anh thấy việc này thật mới mẻ. Nếu quân đội biết cách tôn vinh người chết, hãy để cho những tín đồ Công giáo dành nỗi sợ Chúa cho người sống.

Tiếng đàn organ lên đến đỉnh cao lúc các thầy tu giãn cách nhau ra và đột ngột đứng lại trên các lối đi.

Rooney bật nảy lên lúc nghe thấy một loạt tiếng kêu nghẹn lại trong tiếng đàn organ âm vang. Rồi khói trắng bao bọc và cuộn cuộn tỏa ra từ khắp các lối đi.

Nơi dành riêng cho các khách VIP trông như khu vực trước sân khấu của buổi diễn nhạc rock, vì những người trong đó hoảng hốt, quần quai, túm chặt lấy nhau, chen chúc thoát khỏi các hàng ghế.

Rooney tưởng như nhìn thấy một trong các thầy tu chìa khẩu súng ngắn vào đám đông.

Không, anh nghĩ, chớp mắt lia lịa, không thể tin nổi. Anh phải đập mạnh vào đầu. Không thể như thế được.

Rooney mở mắt thì thấy ngay một cảnh sát mặc thường phục loạng choạng ở lối đi giữa, máu trào ra từ mũi và tai.

Cạnh Rooney, vệ sĩ của anh là Big Dan đã đưa khăn mùi soa lên bịt miệng và rút khẩu 380 ra khỏi bao súng. Trông như Dan đang cố định hướng để chìa súng thì một trong các thầy tu xuất hiện như một bóng ma từ trong đám khói và đâm mạnh cây gậy nhựa màu đen, vuông vắn vào cổ chàng vệ sĩ. Một tiếng *cách* đáng sợ, Big Dan buông rơi vũ khí và sụp xuống ghế, run bần bật như một người mê tín bị một hồn ma khổng lồ quật ngã.

Đúng lúc đó, tiếng organ tắt ngấm!

Nỗi sợ lan khắp người John Rooney. Tiếng nhạc vừa dứt, anh nghe thấy những tiếng gào thét, những tiếng rú hoảng hốt của hàng ngàn người bay vút lên trên mái vòm bằng đá cao chót vót của thánh đường.

Có kẻ nào đó vừa tấn công nhà thờ St. Patrick!

5

Tôi vẫn chưa hay biết gì về việc đã xảy ra, đó là tình trạng của tôi trong thời gian gần đây, kể từ khi Maeve lâm bệnh. Tôi vẫn còn chuệch choạng lúc đếm vội số con và đưa chiếc xe tải ra khỏi hiên nhà màu xanh. Lúc này là tám giờ bốn mươi một phút, và chính xác chúng tôi chỉ còn bốn phút để tới trường Holy Name trên đại lộ Amsterdam. Hoặc ít nhất có một đứa trẻ sẽ bị phạt.

Từ tầng trên cùng nhà tôi, bạn có thể gọi là ‘mái nhà’, trường của các con tôi ở tầng 97 của một toà nhà khác, nhưng bất kỳ người nào đã quen với giờ cao điểm buổi sáng ở Manhattan đều nói rằng nếu muốn đi qua hai khối nhà trong bốn phút, bạn phải tận dụng mọi cơ hội.

Tôi biết có thể để các con tự đi bộ. Julia, Brian và những đứa lớn hơn đã chứng tỏ có khả năng hơn những người tầm thường. Nhưng hiện giờ, tôi muốn dành cho chúng nhiều thời gian hết mức, muốn chúng biết chúng không chỉ có một mình.

Gần đây tôi có một nhu cầu mãnh liệt là muốn có các con ở cùng tôi mọi lúc.

Trên thực tế, lý do duy nhất ngăn tôi viết mười giấy giả ốm để chia sẻ ngày nghỉ của mình với các con là vợ Sheilah, hiệu trưởng trường Holy Name. Mục tiêu của tôi là duy trì đến suốt đời những hồi ức tốt đẹp về hiệu trưởng.

Tôi đưa các con đến góc phố gần trường trên đại lộ Amsterdam mà vẫn còn thừa vài giây. Tôi nhảy ra, mở tung cửa phương tiện chuyên chở của gia đình, chiếc xe tải Ford Supper Duty mười hai chỗ tôi mua trong một cuộc bán đấu giá của cảnh sát. Tôi, cảnh sát Bennett của thành phố New York, cần chở cả một đội đồng đúc.

“Chạy!” Tôi hô lúc kéo lũ trẻ lên via hè bằng cả hai tay.

Shawna bước lên hè đúng lúc xơ Sheilah đang định khóa cánh cổng bằng gỗ sồi. Tôi nhìn thấy bà xơ già khô héo lướt khắp đường phố, vẻ mặt nghiêm khắc của bà vênh lên và sẵn sàng nổi cáu.

Lốp xe rít lên lúc tôi buông máy bộ đàm xuống, tôi nhấn ga và phóng vụt đi.



Tôi không thể tin vào khứu giác của mình lúc về đến nhà. Căn hộ thơm nức mùi cà phê. Cà phê ngon. Cà phê đậm đặc.

Và còn một mùi khác nữa. Tôi không muốn xác định, nhưng tôi có linh cảm chắc chắn là có thứ đang nướng.

Mary Catherine đang kéo một khay bánh xốp lúc tôi vào bếp. *Bánh xốp việt quất*. Tôi vốn thích bánh xốp việt quất. Một cô gái như cô không thể ăn hết sáu cái bánh xốp trong bữa sáng, đúng không? Liệu cô ta có chia cho tôi một cái không đây?

Căn bếp nữa chứ. Nó sáng lấp lánh. Mọi thứ đều sáng loáng, từng cái bát đựng ngũ cốc. *Đội Quét dọn* đâu?

“Mary Catherine?”

“Ông Bennett,” Mary Catherine nói, cô gạt mớ tóc vàng hoe khỏi mặt lúc để bánh xốp lên bếp lò. “Mọi người đâu cả rồi? Sáng nay, tôi ngỡ mình là nàng Bạch Tuyết bước vào nhà của các chú lùn. Một lô giường nho nhỏ, nhưng chẳng thấy dấu vết một ai.”

“Các chú lùn đi học rồi,” tôi nói.

Mary Catherine nhìn tôi vẻ dò hỏi, y như những gì tôi đã thấy trên mặt xơ Sheilah.

“Các cháu đi lúc mấy giờ?” Cô hỏi.

“Khoảng tám giờ,” tôi nói và không thể rời mắt khỏi những cái bánh xốp đang bốc hơi nghi ngút trên nóc lò.

“Vậy tôi sẽ bắt đầu từ lúc bảy giờ, thưa ông Bennett. Không phải là chín giờ. Sẽ là vô lý nếu tôi đi suốt một quãng đường dài đến đây để giúp việc

mà ông lại không để tôi làm.”

“Tôi xin lỗi. Và tên tôi là Mike, cô nhớ chưa?” Tôi nói. “Còn những cái bánh xốp...”

“Để sau bữa sáng. Ông có thích ăn trứng không?” Cô nói. “Mike.”

Sau bữa sáng ư? Tôi nghĩ. Tôi tưởng dùng chúng để ăn sáng. Có lẽ giúp việc kiểu này sẽ sớm phải nghỉ thôi.

“Trông ngon quá nhỉ?” Tôi hỏi.

“Thịt xông khói hay xúc xích đây ạ?” Cô nói.

Có lẽ không đến nỗi thế đâu, tôi nghĩ rồi mỉm cười và lắc đầu.

Tôi đang cân nhắc một quyết định có lợi cho tất cả thì cảm thấy điện thoại di động của tôi rung. Tôi nhìn tên người gọi. Là sếp. Tôi nhắm mắt và thầm muốn xóa số của ông trên màn hình. Khả năng liên lạc bằng ngoại cảm của mình thật khá, tôi nghĩ và cảm thấy cái điện thoại rung lên trong tay như con cá hồi mới bị bắt.

Tôi tiếc vì nó không phải là một con cá thực sự. Nếu không tôi đã quăng nó đi.



Tôi lắc đầu lần nữa rồi đành mở điện thoại và đưa lên tai.

Tôi biết, trong ngày nghỉ, những cuộc gọi từ nhà sếp thường có ý nghĩa đặc biệt.

Các tin xấu sắp ùa đến với tôi.

“Bennett đây,” tôi nói.

“Ơn Chúa,” Harry Grissom, sếp của tôi nói. Harry là một thám tử hàm trung úy, phụ trách đơn vị tôi, Đội điều tra các vụ giết người khu vực Bắc Manhattan. Có thể nói, trở thành người của đội này sẽ khiến bạn nhận được những cái gật đầu nể trọng của phần lớn các cảnh sát. Nhưng lúc này đây, tôi chỉ muốn đổi niềm vinh dự đó cho bất cứ cảnh sát nào để được ăn hai quả trứng rán và một cái bánh xốp việt quất béo bổ, ngon lành.

“Anh đã nghe tin gì chưa?” Sếp hỏi.

“Ở đâu? Chuyện gì vậy?” Tôi nói và nghĩ đến việc xấu nhất. Chắc trong giọng nói của tôi có một vẻ đặc biệt khẩn cấp vì Mary Catherine quay người khỏi bồn rửa. Sau thảm họa ngày Mười một tháng Chín, với nhiều người New York – cảnh sát, lính cứu hỏa, nhất là các EMT* – nỗi kinh hoàng tiếp theo không chỉ là một câu hỏi mà là xảy ra bao giờ.”

“Chuyện quái gì vậy? Có chuyện gì thế?” Tôi hỏi.

“Từ từ đã, Mike,” Harry nói. “Không có các vụ nổ. Ít nhất là chưa có. Khoảng mười phút trước, tại thánh đường St. Patrick đã có nhiều tiếng súng. Lúc đó đang là tang lễ Đệ nhất phu nhân Caroline, vì thế nghe chừng không ổn lắm.”

Tôi cảm thấy như một viên đạn xuyên thủng cửa, găm trúng bụng tôi. Những phát súng nổ tại một quốc tang ư? Ngay bên trong nhà thờ St. Patrick? Vài phút trước đây? Sáng nay ư?

“Bọn khủng bố ư?” Tôi nói. “Từ đâu vậy?”

“Tôi nghĩ là chúng ta còn chưa biết,” Harry nói. “Tôi biết Will Matthews, chỉ huy khu vực Nam Manhattan hiện đang có mặt tại hiện trường, và anh ấy muốn anh xuống đó ngay, càng sớm càng tốt.”

Với tư cách gì đây? Tôi băn khoăn. Trước khi chuyển sang Đội Điều tra các vụ giết người, tôi từng ở Đội Giải cứu con tin.

Tôi đã mệt mỏi vì thời điểm khủng hoảng của gia đình đến mức không thể đảm nhiệm một vụ lớn hơn sao?

Khi trời mưa như trút, nào có tha ai không bị ướt, tôi nghĩ. Cái số tôi nó thế. Tôi hy vọng đây chỉ là một vụ rắc rối tầm thường. Hoặc có lẽ chỉ huy khu vực cần tôi cho một vụ giết người mà thôi. Tôi có thể giải quyết các vụ khó nhằn hoặc giết người. Còn các ‘vũ khí hủy diệt hàng loạt’ khiến tóc gáy tôi dựng đứng.

“Anh ấy cần tôi để thương lượng sao?” Tôi hỏi sếp. “Hay có vụ giết người trong nhà thờ? Hãy nói rõ luôn đi, Harry.”

“Tôi quá bận bịu với những tiếng la hét nên chưa có dịp hỏi,” sếp tôi nói. “Song tôi không nghĩ thế vì nhiều người chạy tóa ra khỏi ban thờ. Anh đến đó ngay và sẽ khám phá ra mọi sự thôi. Để tôi tìm hiểu cái quái gì đang xảy ra.”

“Tôi đi ngay đây,” tôi nói và ngắt máy.

Tôi vào phòng ngủ, mặc vội quần jeans, áo vệ sinh và áo gió NYPD. Trang phục của nhân viên Đội Điều tra tội giết người.

Tôi vĩa nước lạnh lên mặt và lấy khẩu Glock của mình khỏi két an toàn.

Mary Catherine đang đợi tôi ở tiền sảnh với cốc cà phê và một túi giấy màu nâu đựng bánh xốp. Ngay cả trong lúc tâm trí đang rối bời, tôi vẫn nhận thấy con mèo Socky vốn ghét mọi người trừ Maeve, Chrissy và Shawna, vậy mà đang cọ ria vào mắt cá chân Mary. Nó *rừ rừ* trò chuyện với cô lúc chạy trên mặt đất.

Tôi đang cố tìm những lời lẽ thích hợp để cảm ơn và chỉ dẫn việc nhà thì cô mở cửa trước và nói, giản dị:

“Cứ đi đi, Mike.”

PHẦN HAI

**NHỮNG KẺ
PHẠM TỘI**

6

Tôi rít khê một tiếng lúc đỗ chiếc Impala màu xanh trước rào chắn ngang ở đại lộ Năm và phố Năm mươi hai. Kể từ ngày lễ thánh St. Patrick đến nay, tôi chưa hề nhìn thấy nhiều cảnh sát trước khu vực nhà thờ đến thế.

Thay cho những cái mũ bê-rê Scotland in hình cây kế* và những nụ cười, họ đội mũ thép chống đạn đen sì, mang vũ khí tự động và vẻ mặt vô cùng nghiêm trang.

Tôi giơ phù hiệu cho một trung úy cảnh sát đứng cạnh một trong nhiều sợi dây màu xanh-trắng. Cô ta chỉ cho tôi thấy trung tâm chỉ huy lưu động, một chiếc xe buýt dài màu trắng đỗ ở bên kia phố, đối diện với thánh đường. Và cô còn hướng dẫn tôi đỗ trước các xe rác của Sở Vệ sinh chặn đại lộ Năm, cạnh rào chắn phố Năm mươi mốt.

Hai rào chắn, tôi nghĩ. Nhiều trung tâm chỉ huy lưu động. Nhưng chắc chắn không có vụ giết người. Đây là một thảm họa đang hình thành.

Lúc tôi xuống xe, có tiếng như búa khoan rồ lên, dai dẳng và khi ngược nhìn, tôi thấy một chiếc trục thăng của cảnh sát lao vụt ra từ đằng sau Trung tâm Rockefeller và lượn sà xuống bên trên thánh đường. Bụi, cốc cà phê và những tờ báo bay theo đường xoắn ốc trong tầm quét của cánh quạt, lúc một người bắn tỉa trên máy bay mở cửa, rê nòng khẩu súng trường khắp các ngọn tháp bằng đá và kính màu.

Tôi rời mắt khỏi chiếc trục thăng lúc suýt đâm sầm vào một người dẫn chương trình thảo luận nổi tiếng của đài phát thanh, không hiểu sao anh ta đang chốt ngay trên phố, trước rào chắn bên trong.

“Các thầy tu chết tiệt ấy làm gì ở trong đó?” Tôi nghe thấy anh ta nói lúc tôi đi ngang qua.

Khi bước vào khu vực tập kết giữa các lưới sắt của các xe rác đỗ sẵn, tôi dừng lại và nhìn trừng trừng, không tin nổi. Sáu cảnh sát thuộc đơn vị Phán

ứng nhanh đang băng qua đại lộ, đầu cúi xuống. Họ dừng lại và ép những tấm lưng mặc áo chống đạn vào bên sườn chiếc xe tang dài màu đen, đổ bên lề đường.

Sao chuyện này lại có thể xảy ra tại tang lễ của Caroline Hopkins kia chứ?



Tuy mới năm mươi bảy, với cái mũi bị gãy và cung cách thẳng thắn, dữ dội mỗi khi nhìn mọi người, có lẽ chỉ trừ nhìn mẹ, chỉ huy khu vực Will Matthews trông như một tay cảnh sát Ireland hay gậy gỗ mà ta có thể thấy trong lực lượng. Trông anh thật hùng hổ lúc tôi tìm thấy anh đứng trên vỉa hè, trước cái xe buýt của trung tâm chỉ huy.

“Rất mừng anh có thể tham gia với chúng tôi, Bennett,” anh nói.

“Ồ vâng,” tôi nói. “Song tôi chưa có dịp nhìn ngó cây cối đâu.”

Thay cho cười, trông Matthews như muốn giơ dùi cui quật tôi. Anh đang cố làm sáng tỏ nhiều việc.

“Tôi không còn tâm trạng để đùa, Bennett ạ,” anh nói. “Thị trường, cựu Tổng thống, Hồng y giáo chủ, một số ngôi sao điện ảnh, âm nhạc và thể thao... còn ai nữa nhỉ? Eugena Humphrey và khoảng ba ngàn VIP khác đang bị một tá đàn ông hoặc nhiều hơn, vũ trang đầy mình, đeo mặt nạ, giữ làm con tin ở trong đó. Anh hiểu ý tôi chứ?”

Thật khó mà ghi nhận sự việc Will Matthews vừa nói với tôi. Chỉ riêng thị trường và cựu Tổng thống đã không thể tin được rồi, lại còn những người khác nữa?

Viên chỉ huy khu vực nhìn tôi chăm chặp vẻ gậy gỗ, đợi tôi len lên vỉa hè rồi tiếp tục:

“Chúng tôi *chưa biết* những tay súng ấy có phải là khủng bố không. Những báo cáo sơ bộ của nhân viên hành pháp vừa được thả khỏi nhà thờ cho biết ít nhất tên cầm đầu không phải là dân Ả Rập. Hẳn nói năng với đám đông và tôi trích dẫn, ‘như người da trắng’. Những tên đeo mặt nạ,

không nhận dạng được, đã bắt giữ ba mươi một cảnh sát và khoảng hai tá đặc vụ liên bang, kể cả đặc vụ của cựu Tổng thống, bằng các *vũ khí không gây chết người*. Hơi cay làm chảy nước mắt, đạn cao su và dùi cui điện. Còn nữa. Hai mươi phút trước, chúng mở cửa thông ra phố Năm mươi để tất cả đám cảnh sát và nhân viên an ninh vô dụng ấy ùa ra. Nhiều người mũi bị đập và mắt bị thâm tím, nhưng bọn chúng có thể bắn gục họ dễ dàng khi thả. Vì thế tôi cho rằng, chúng ta có thể cảm kích vì những ân huệ nho nhỏ ấy.”

Tôi cố không để lộ vẻ sửng sốt và bối rối trên mặt. Nhưng không dễ chút nào. An ninh chắc chắn là chặt chẽ, sao lại xảy ra chuyện đó? Chúng dùng vũ khí không gây chết người ư?

“Tôi có thể giúp gì đây?” Tôi hỏi.

“Một câu hỏi xác đáng đầu tiên. Ned Mason, người thương lượng hàng đầu của chúng tôi đang trên đường tới đây. Nhưng anh ấy ở mãi quận Orange hoặc một nơi nực cười nào khác, hình như là Newburgh. Tôi biết anh không còn ở đội Giải cứu con tin nữa, nhưng tôi cần những ý kiến sáng suốt nhất, phòng trường hợp bọn chúng yêu cầu trước khi Ned Mason tới đây. Tôi *cũng* nhớ, anh đã làm việc nhiều với các phương tiện truyền thông. Vì thế tôi cần anh giải quyết đám báo chí đang như đàn châu chấu xâu xé sự việc này. Steve Reno là người khôn ngoan hạng nhất. Anh có thể khuyên nhủ anh ta khi đàn chim ấy hạ cánh, được không? Hãy ngồi yên đây và nghĩ. Nghĩ đến những điều sẽ nói với cánh báo chí, nhé.”

Tôi tuân lệnh ‘Ngồi yên’, chăm chú nhìn ngôi nhà thờ đồ sộ, uy nghi ở bên kia đường, bắt đầu hình dung loại người nào hoặc những người nào làm chuyện này, thì nghe thấy một chấn động khủng khiếp cạnh rào chắn trên phố Năm mươi. Có chuyện xấu đang xảy ra. *Ngay lúc này!*

Theo bản năng, tôi rút súng khi thấy một người đàn ông tóc vàng hoe, không mặc sơ-mi và một phụ nữ tóc đỏ rực, trang điểm đậm từ sau rào chắn lao ra. Cái quái quỷ gì thế? Họ băng qua đại lộ Năm vắng vẻ và chạy lên bậc thềm thánh đường lúc ba cảnh sát thuộc Đơn vị Phản ứng nhanh từ sau xe tang bước ra, chặn họ lại.

Mớ tóc giả màu đỏ rơi xuống, lộ ra mái tóc cắt gọn, đen nhánh. Gã tóc

vàng vẫn cười, và tôi nhìn thấy đồng tử của gã giãn to như cái đĩa vì ma túy.

“Một người tình! Một người tình chuyển giới!” Gã tóc vàng gào lên lúc cảnh sát đưa gã và tay người tình chuyển giới đá lung tung qua đám báo chí trên phố Năm mươi mốt.

Tôi thở phào. Chẳng có gì đáng lo. Không phải là đánh bom tự sát. Chỉ là một buổi diễn kỳ quái trên phố, một cử chỉ lịch sự của thành phố New York mà thôi.

Tôi thấy chỉ huy Will Matthews nhìn trừng trừng, miệng há hốc trên vỉa hè cạnh tôi, lúc tôi rút khẩu Glock vào bao. Anh bỏ mũ và gỡ mái đầu lờm chờm.

“Anh có điều thuốc nào không?” Anh nói. Tôi lắc đầu.

“Tôi không hút thuốc,” tôi trả lời.

“Cả tôi cũng không,” Will Matthews nói và bước tránh ra. “Tôi nghĩ tôi sẽ bắt đầu hút đây.”



Mười phút sau, FBI đến rất đúng kiểu.

Bốn chiếc Chevy Suburban đen chạy qua rào chắn trên phố Bốn mươi chín, cả đội chiến thuật vũ trang đầy đủ ào ra khỏi xe. Cao ráo, nhanh nhẹn và duyên dáng, tốp lính biệt động mặc đồng phục đen giống như một đội vận động viên điền kinh nhà nghề. Tôi không biết họ có thuộc Đội Giải cứu con tin lừng danh không? Tình hình hiện tại chắc chắn phải cầu cứu đến họ.

Một người trung niên, tóc cùng màu với bộ com-lê đen như than tiến tới và bắt tay tôi.

“Anh là Mike Bennett?” Anh ta nói, giọng thân tình. “Tôi là Paul Martelli. Đơn vị Thương lượng khủng hoảng. Chúng tôi được cử đến giúp các anh một tay nếu có thể.”

Đây là một bộ phận thương lượng giải cứu con tin của FBI. Martelli là người chỉ huy, rất nổi tiếng trong những vòng thương lượng. Anh đã viết một cuốn sách được coi gần như là Kinh Thánh về chủ đề này.

Tôi thường khó chịu khi có mặt các nhân viên FBI, nhưng phải thú nhận rằng, tôi nhẹ cả người khi có Martelli ở đây. Trong ba năm ở đội Giải cứu con tin, tôi đã làm được một số việc nổi bật, nhưng chẳng có vụ nào như vụ này. Nhất là hiện nay, trong tình cảnh đáng buồn của tôi vì những lo toan cho Maeve và bọn trẻ. Tình trạng này rõ ràng là khác xa với những thuật ngữ về tầm quan trọng và tiểu sử. Trời ạ, tôi sẽ nhận mọi sự giúp đỡ nếu có thể.

“Tôi thấy các phương tiện truyền thông và báo chí đã quan tâm đến vụ của các anh rồi,” Martelli nói và bình thản nhìn khắp lượt trung tâm chỉ huy và các rào chắn. “Mike này, ai sẽ là người thương lượng chính nhỉ?”

Dù nói về một việc tầm thường, Martelli cũng toát ra sự tin cậy thư thái rất dễ lây. Tôi có thể thấy vì sao anh là người cừ nhất trong trò chơi này.

“Bây giờ là tôi,” tôi nói. “Họ nhờ tôi giữ vị trí phòng thủ cho đến lúc người đứng đầu của chúng ta tới đây. Lúc đó, tôi sẽ ở vị trí thứ hai. Trung úy Steve Reno của Đơn vị Phản ứng nhanh là người chỉ đạo chiến thuật. Sĩ quan chỉ huy Will Matthews, chỉ huy đội chúng tôi sẽ nói lời cuối cùng.”

Mọi vụ rắc rối khủng hoảng đòi hỏi một chuỗi mệnh lệnh rất nghiêm ngặt. Người thương lượng không thể ra các quyết định. Anh ta phải hỏi những người có quyền lực cao nhất trước khi hỏi kẻ đang nắm giữ con tin. Nó sẽ câu giờ cũng như dẫn đến mối quan hệ giữa kẻ giữ con tin và người thương lượng. Rồi sẽ có người phải ra quyết định cuối cùng. Những người thương lượng thường muốn kéo dài cuộc nói chuyện. Các nhà chiến thuật sẽ tính toán để nổ súng.

“Bây giờ, việc quan trọng nhất là chứng tỏ sự kiên nhẫn,” Martelli nói và thoáng mỉm cười. “Chúng ta phải dành ra một khoảng thời gian. Thời gian cần cho chúng ta dàn dựng. Để cho SWAT* thu thập các tin tức tình báo về chiến thuật. Và thời gian để mọi người ở trong đó trấn tĩnh. Thời gian để xoa tan sức ép.”

Tôi nghĩ mình đã đọc điều này trong một cuốn sách, thật vậy, cuốn sách của Paul Martelli.



Hai chúng tôi quay lại lúc một cảnh sát mặc áo gió NYPD bay phần phật cười chiếc Suzuki 750 màu đen đầy bụi, gầm rú lao qua rào chắn trên phố Bốn mươi chín.

“Có liên hệ gì chưa?” Ned Mason quát lên để chào tôi lúc xuống xe.

Tôi đã làm việc cùng Mason một thời gian ngắn trước khi rời Đội Thương lượng. Viên cảnh sát có mớ tóc màu vàng cát là một vận động viên điền kinh ba môn phối hợp và là người có sức khỏe đáng gờm. Nhiều người xì xào, cho anh là ngạo mạn và đáng ghét, nhưng tôi biết anh là một trong những cảnh sát đa mưu túc kế, luôn thui thủi một mình, thành công nhờ sự tỉ mỉ kỹ càng và tài năng riêng lẻ của ý chí mạnh mẽ hơn là hợp tác theo đội.

“Vẫn chưa,” tôi nói.

Tôi bắt đầu tóm tắt tình hình cho Mason, nhưng một trung úy NYPD thuộc Đơn vị Thông tin thò đầu ra từ cửa xe buýt và giơ cái điện thoại di động lên trên đầu.

“Họ đây!” Anh ta nói.

Chỉ huy Will Matthews đến chỗ chúng tôi và tất cả ào vào bên trong xe.

“Ghi lại mọi điều tôi nói với anh nhé,” Mason nói với tôi, giọng cộc cằn. “Đừng bỏ lỡ lời nào.”

Qua thái độ tự phụ của Mason, tôi có thể thấy anh ta chẳng thay đổi tí nào.

“Một cuộc gọi tới 911. Chúng tôi chuyển tiếp tới đây,” một cảnh sát thông tin nói và giơ điện thoại lên. “Ai nhận nào? Ai trong các anh nhận?”

Mason giăng điện thoại khỏi tay anh ta, còn Will Matthews, Martelli và tôi đeo tai nghe để cùng nghe.

“Dù anh là ai, hãy nghe cho kỹ,” Mason nói vào điện thoại. “Hãy nghe tôi nói đây.”

Giọng Mason đầy uy quyền, tiếng nói của anh thẳng thừng và rất nghiêm

ngợi.

“Đây là Quân đội Hoa Kỳ. Mọi việc các anh làm đã vượt khỏi giới hạn thương lượng với chính quyền. Tổng thống Hoa Kỳ đã ký lệnh và được chính phủ thông qua, hiện nay mọi kênh thông thường đã đóng. Trong vòng năm phút kể từ lúc này, hoặc các anh thả hết các con tin hoặc các anh sẽ bị giết. Sự bảo đảm duy nhất tôi có thể cho các anh là: Nếu các anh hạ vũ khí xuống ngay bây giờ và để mọi người ra ngoài, các anh sẽ được bảo toàn tính mạng. Đây là cơ hội của các anh và là cơ hội *duy nhất* để trả lời. Hãy trả lời tôi ngay bây giờ. Đây là năm phút cuối cùng trong đời các anh, rõ chưa?”

Tôi biết Mason đã đi một nước cờ rất liều. Anh sử dụng một chiến lược gây nhiều tranh cãi, do tình báo quân đội phát minh ra, để chấm dứt tình trạng nhùng nhằng bằng cách cơ bản là đe dọa tính mạng của bọn bắt giữ con tin. Anh đã dùng chiêu ‘được ăn cả’ của tay chơi xì-phé siêu hạng. Nếu sức ép là đầu xăng, Mason đã ném quả bóng là là mặt đất nặng hơn hai tấn.

“Nếu cái thằng *chó chết* này,” lát sau, một giọng nói không kém quá quyết đáp lại, “không xéo khỏi hàng ngũ bọn mày trong vòng năm *giây*, cứ Tổng thống sẽ sang thế giới bên kia cùng vợ. *Năm...*”

Tôi gần như thương Mason khi nhìn thấy một nếp hằn sâu chạy qua mặt anh. Vừa rồi là một nước tháu cáy đầy mạo hiểm, có thể làm anh thất bại hoàn toàn. Và trông anh có vẻ không có kế hoạch dự phòng.

“Bốn,” giọng đó nói.

Chỉ huy Will Matthews bước tới.

“Mason!” Anh gọi.

“Ba.”

Mason nắm chặt điện thoại; hình như anh không thở.

Không ai làm được gì khác nữa.

“Hai.”

Tôi là một người thương lượng giỏi, nhưng trong suốt ba năm trời tôi chưa bao giờ dùng cách này, và đây là lúc gieo neo để tôi nhúng lại ngón chân vào vũng bùn.

Nhưng Ned Mason vừa bị đâm sầm và thiêu rụi, dù thích hoặc không,

giận dữ hay không, là người thương lượng phụ, việc của tôi là phải nhập cuộc ngay lập tức.

“Một.”

Tôi bước gấp tới và giăng điện thoại khỏi tay Mason.

“Xin chào,” tôi điềm tĩnh nói. “Tên tôi là Mike. Tôi xin lỗi vì đã xử lý tình thế kém. Người vừa nói với các anh không có quyền hạn. Các anh đừng đếm xỉa đến những điều anh ấy nói. Tôi là người thương lượng. Chúng tôi sẽ không tấn công thánh đường. Thực ra, chúng tôi không muốn bất cứ người nào bị thương. Tôi xin lỗi lần nữa vì việc vừa xảy ra. Xin cho biết, tôi đang nói chuyện với ai đây?”

“Thực tế là tôi vừa khống chế thánh đường này và mọi người trong đó,” giọng đó nói, “tại sao anh không gọi tôi là Jack nhỉ?”

“VẬY chào Jack,” tôi nói. “Cảm ơn anh đã nói chuyện với tôi.”

“Không có gì,” Jack nói. “Hãy ban cho tôi một ân huệ được không, Mike? Anh hãy bảo với thằng lính đánh thuê đầu đất vừa nói kia rằng trước khi hắn đột-kích vào móng đất chúng tôi đây, tôi đã có tin dành cho hắn. Chúng tôi có mọi cửa sổ, cửa ra vào và tường ở nơi này để dựng các thiết bị dò tìm bằng la-de. Tốt hơn hết hắn đừng có thò cái mặt mọt ra. Thực ra, tốt hơn hết là hắn đừng để rơi một cục cứt chim câu trong vòng bán kính ba dặm của St. Paddy, hoặc mọi người trong khối nhà này sẽ bị thổi bay vào địa ngục. Tôi đã xem xét một cách nghiêm túc mọi hoạt động và thấy rằng, nếu tôi là anh, trực thăng của NYPD nên xéo ngay khỏi mái nhà. Ngay lập tức.”

Tôi nhìn chỉ huy Will Matthews và làm động tác cắt thẳng lên mái xe buýt. Will Matthews ra lệnh cho một trong những cảnh sát tùy tùng, chiếc radio kêu tanh tách, và vài giây sau, cánh quạt trực thăng đang quay tít bắt đầu dừng.

“Được thôi, Jack. Tôi đã nói với sếp tôi lùi trực thăng về phía sau. Hiện giờ mọi người trong đó vẫn ổn chứ? Tôi biết trong đó có một số người nhiều tuổi cần được chăm sóc về mặt y tế. Có những báo cáo về vài loạt súng. Vậy có ai bị bắn không?”

“Vẫn chưa,” Jack nói.

Lúc này, tôi phớt lờ câu trả lời đầy khiêu khích. Khi tôi có mỗi ràng buộc với hần chặt hơn chút nữa, tôi sẽ cố giảm bớt những lời đe dọa, và bắt hần nói năng biết điều hơn, điềm đạm hơn.

“Các anh có cần đồ ăn thức uống gì không?” Tôi hỏi.

“Hiện giờ chúng tôi vẫn ổn,” Jack nói. “Ở thời điểm này, tôi chỉ muốn đưa ra hai điều và anh cần nhớ cho kỹ. Anh phải cho chúng tôi thứ chúng tôi cần, và chúng tôi sẽ ra đi với thứ đó. *Hãy nói thế đi, Mike.*”

“Chúng tôi sẽ cho các anh thứ các anh cần, và các anh sẽ ra đi với thứ đó,” tôi nói ngay, không hề ngập ngừng. Cho đến lúc chúng tôi có ưu thế hơn, tôi cần hần chấp nhận tôi càng nhanh càng tốt. Đẳng nào cũng phải để hần thấy tôi sẵn sàng cho hần thứ hần muốn.

“Tốt đấy,” Jack nói. “Tôi biết hơi khó tính toán xem anh đang ngồi đâu, Mike. Hơi khó tin. Vì thế tôi muốn nắm được một thứ hiển hiện. Vì việc sắp xảy ra. Dù anh có cố gắng chống lại cũng vô ích. Dù những anh chàng cứng đầu cứng cổ của anh có điên tiết lên cũng chẳng hề hấn gì. *Chúng tôi sẽ ra đi với thứ đó.*”

“Công việc của tôi là bảo đảm cho tất cả chúng ta thoát khỏi chuyện này an toàn. Kể cả anh nữa, Jack ạ. Tôi muốn anh tin điều đó.”

“Chà chà, Mike, nói nghe ngọt tai quá nhỉ. Ồ, đừng quên đấy. *Chuyện này sắp kết thúc, được chưa?* Chúng tôi thắng rồi. Phát hiện ra anh sau nhé,” tên cướp nói, và đường dây tắt ngấm.



“Anh đồng ý với bọn chúng những gì, hờ Mike?” Mason bỗng cất tiếng.

Tôi định trả lời, nhưng ở gần cửa sổ trung tâm chỉ huy nhất, tôi là người đầu tiên nhìn thấy sự chuyển động ở đằng trước thánh đường.

“Đợi một chút,” tôi nói. “Cánh cửa đang mở. *Cửa đằng trước!* Có cái gì đó đang đi xuống.”

Lúc đầu, tôi chỉ có thể nhìn thấy lờ mờ phía bên trong nhà thờ. Rồi một người đàn ông mặc chiếc sơ-mi rách màu xanh lơ, xuất hiện ở ngưỡng cửa.

Ông ta chớp chớp mắt trong ánh sáng nhợt nhạt lúc bước xuống quảng trường lát đá.

Người này là ai? Có chuyện gì thế nhỉ?

“Để hẳn cho tôi,” tôi nghe thấy một trong những người bắn tia nói vào sóng của cảnh sát.

“Không được bắn!” Will Matthews gọi giật lại.

Một phụ nữ đi chiếc giày gầy gót, tập tễnh đi ra sau người đàn ông áo xanh.

“*Cái quái gì...*,” Will Matthews nói lúc một dòng người lơ thơ, rồi sau đó là một cơn lũ người ào ào tràn ra bậc thềm đằng trước thánh đường.

Hàng trăm, có lẽ tới một ngàn người đột nhiên tràn xuống đại lộ Năm.

Bọn cướp để mọi người đi ư? Các cảnh sát xung quanh hình như cũng hoang mang như tôi vậy.

Chúng tôi nhìn trân trân, lặng lẽ quan sát những người đi lễ chen nhau xuống các bậc thềm đằng trước. Quang cảnh lộn xộn không tả nổi. Những cảnh sát đặc nhiệm mặc quân phục can thiệp ngay lập tức, hướng dẫn dân chúng đi qua rào chắn phía Nam, trên phố Bốn mươi chín.

“Gọi các thám tử tới đây ngay. Vụ cướp, các nạn nhân đặc biệt, tất cả! Tôi muốn xác định danh tính những con tin vừa được thả và phỏng vấn họ,” chỉ huy Will Matthews quát một trong những sếp phó.

Rồi các cửa nhà thờ lại mở. Bây giờ có chuyện gì đây? Martelli vỗ vào lưng tôi.

“Cậu làm việc cừ lắm, Mike,” anh nói. “Thương lượng đúng sách. Cậu đã cứu được hàng ngàn mạng sống.”

Tôi cảm kích vì lời khen, nhưng không nghĩ mình đã làm được nhiều đến thế.

Có khi chiến thuật mạnh tay mà Mason sử dụng đã có hiệu quả. Hoặc là chúng mất tinh thần.

Toàn bộ sự việc này sao mà quái đản.

“Kết thúc chẳng?” Will Matthews hỏi. “Có lẽ nào? Trong phòng, không khí nao núng bao phủ khi chuông điện thoại của tôi đột ngột reo vang.”

“Tôi đoán là chưa đâu,” tôi nói.



“Mike,” Jack nói. “Anh còn lang thang vợ vẫn ở đấy làm gì, hờ anh bạn? Dân chúng an toàn cả chứ? Tôi hy vọng không ai bị giẫm chết.”

“Không, Jack ạ,” tôi nói. “Mọi người ổn cả. Cảm ơn anh đã biết điều.”

“Tôi đang cố, Mike. Cứ để mọi chuyện cho tôi. Tôi nghĩ tốt hơn hết là tôi nên xua tan mọi hiểu lầm, mặc dù... lúc này chúng tôi mới quăng trả những con cá *nhỏ*, còn tôi muốn nói tới *những con cá voi* mà chúng tôi vẫn còn giữ kia.”

Tôi liếc ra cửa sổ và nhìn khắp những người vừa được thả. Chúa ơi! Hẳn nói đúng. Cựu Tổng thống Hopkins đâu? Thị trưởng New York đâu? Eugena Humphrey? Những người trong danh sách loại A vẫn còn ở bên trong. *Họ còn bao nhiêu người?*

“Để dễ dàng hơn cho mọi người, chúng tôi hiện giữ ba mươi tư con tin,” Jack nói, như thể đọc được suy nghĩ của tôi. “Lẽ tất nhiên là những nhân vật nổi tiếng, một số *ông trùm*, vài chính khách. Hãy cho tôi số fax, tôi sẽ gửi anh một bản danh sách. Cùng với những yêu cầu của chúng tôi. Những sự việc này có thể rất đơn giản hoặc rất phức tạp, Mike ạ. Sự lựa chọn hoàn toàn tùy thuộc vào các anh.”

Tôi hiểu rằng, lúc này sự việc bắt đầu gay gắt hơn đây. Đây là một vụ bắt cóc choáng váng! Một vụ bắt cóc kinh hoàng chưa từng thấy, thậm chí sẽ không thể có gì gần gần như thế.

“Chúng tôi đang giữ những người rất có giá, Mike. Cho đến nay, không người nào bị thương. Nhưng nếu người của anh muốn đích thân giải quyết vụ này và cố lén vào đây rồi đưa chúng tôi ra ngoài, sẽ xảy ra một cuộc tắm máu mà đất nước này chưa từng chứng kiến. Ý tôi là, tất cả những gì mà các Ông bố và Bà mẹ Giỏi giang này để lại là *sự nổi tiếng của họ*. Đây là thứ chết tiệt duy nhất mà chúng tôi xuất khẩu thêm. Những ngôi sao điện ảnh và nhạc pop, hả? Hãy cho chúng tôi thứ chúng tôi muốn, Mike, và quang cảnh khó chịu này sẽ hết. Đối phó đi. Ở đây, anh là người giỏi hơn

cả.”

Hầu như không thể tin được, nhưng tôi cảm thấy nhẹ người. Những tên tội phạm đều kinh khủng, nhất là bọn bắt cóc. Nhưng ít ra chúng tôi không phải đối phó với bọn khủng bố, là sức mạnh không hề suy xét, giết càng nhiều người càng tốt. Phải cố đưa được những người mình muốn ra khỏi tình huống, và còn sống.

“Chúng tôi muốn giải quyết việc này cũng như anh, Jack ạ,” tôi nói.

“Nghe hay đấy, Mike,” Jack nói. “Cứ như tiếng nhạc trong tai tôi vậy. Vì tôi sẽ cho anh và bọn tài phiệt ketch xù này cơ hội xoay mông ra khỏi chuyện phiền toái theo đúng kiểu cổ xưa, rất Mỹ. Tôi sẽ để các người mua đường thoát của các người.”



Một giây sau khi tôi cho hẳn số fax mà trung úy thông tin đưa, Jack ngắt liên hệ. Paul Martelli bỏ tai nghe và đi qua phòng. Anh đến ngồi cạnh tôi.

“Cậu làm tốt lắm, Mike. Đánh bại được những kẻ trơ tráo.”

“Anh thấy tên này thế nào, hờ Paul?” Tôi hỏi anh. “Phản ứng đầu tiên, dù là bất cứ thứ gì.”

“Rõ ràng hẳn không phải là kẻ bối rối về mặt tinh thần. Hẳn có vẻ tự tin. Tôi nghĩ thế từ vị trí và quan điểm của hẳn. Hẳn ở đó, cảnh sát vây quanh trong một khu vực giáp giới ba bang, hẳn là một kẻ trâng tráo, biết tán gẫu. Tôi có cảm giác hẳn biết cái gì đó mà chúng ta vẫn chưa hình dung ra. Tôi chỉ không biết thứ đó là gì. Vậy thứ ‘Jack biết mà ta không biết’ là gì nhỉ?”

Tôi gật đầu. Tôi có cùng cảm giác đó, chỉ không nói ra lời mà thôi. Và tôi cũng không biết thứ Jack biết.

“Có vẻ như chúng ta gặp phải một tên tội phạm không dễ thỏa hiệp và cực kỳ chuyên nghiệp,” Martelli nói tiếp. “Ngoài ra, một số cách giải quyết của hẳn cho thấy hẳn có vẻ biết chiến thuật quân sự.”

“Như khi hẳn nói về việc gây nổ trên các cửa sổ và cửa ra vào. Anh cho là có thể không?”

“Nhìn vào cách hấn chỉ huy, tôi cho là có, chúng ta phải coi đây là lời đe dọa thực sự. Nếu chúng ta nhảy vào tòa nhà, hấn sẽ cho nổ tung.”

Tôi nhìn quanh tìm Ned Mason. Anh đã tìm ra một chỗ ở góc xa nhất. Sự thất thố của anh vẫn lơ lửng nặng nề trong không khí, trông như anh đang cố biến thành kẻ vô hình.

“Ned, hãy cho tôi biết, anh nghĩ vì sao chúng để cho tất cả những người này đi ra, trong khi vẫn giữ những người kia lại? Anh nghĩ sao?” Tôi nói.

Mason ngược lên, có lẽ ngạc nhiên vì có người vẫn muốn bàn bạc với anh.

“Chúng ta hãy thử nghĩ xem,” anh nói, rồi đứng dậy và nhập bọn với chúng tôi. “Hậu cần là một việc. Nếu không cần các con tin thừa đó, thì giữ họ lại làm gì? Họ có thể ốm hoặc bị thương, và đó là lỗi của bọn chúng. Tệ hơn, họ có thể kháng cự. Giải tán một đám đông là một việc. Còn kiểm soát họ trong một thời gian dài đòi hỏi phải khéo léo. Thêm nữa, nó theo một mô hình mà tôi đang suy nghĩ. Chúng tổng dân chúng ra ngay lập tức, vì chúng biết họ có thể cố chống lại.”

Martelli gật đầu và nói:

“Bọn chúng cũng cho rằng thả phần lớn số người trước các ống kính trông có vẻ là tử tế. Các anh thấy đấy, chúng thả thường dân. Chỉ giữ lại những người giàu có. Cứ như Robin Hood* vậy. Chúng lợi dụng đám đông.”

“Bọn khốn ấy nhiều mưu mô, nhỉ?” Mason nói. “Chọn địa điểm là Midtown Manhattan. Sao chúng khoan được nhiều lỗ thủng qua mạng lưới an ninh đến thế. Chắc chúng đã lập kế hoạch này trong nhiều tháng. Có khi nhiều năm. Đúng là một lũ quái vật.”

Các tách cà phê của chúng tôi nảy lên khi tôi đắm xuống quầy. *Ra là thế.* Đó chính là thứ làm tôi bần khoản, áy náy không yên. Tôi không thể tin nổi.

Kết luận tôi rút ra khiến tôi lạnh buốt toàn thân. ‘Toàn bộ điều sỉ nhục này được sáng tác và dàn dựng kỹ lưỡng đến thế sao? Không bỏ qua chi tiết nào. Nhưng bọn mi lập kế hoạch khống chế một quốc tang thế quái nào được, nếu không có một xác chết. Bằng cách nào đó, chúng đã giết Caroline Hopkins.’

7

Nhìn chăm chăm vào mạng băng trong veo của một bông tuyết khổng lồ trên cửa sổ tầng bốn của Saks ở đại lộ Năm, gã Ngăn nấp cười thầm trên đường phố.

Nhìn những thằng khốn ti tiện đang nhốn nháo kia, gã nghĩ. Thay tiếng sáo pha-la-la-la-la của bản nhạc Giáng sinh của nợ bằng tiếng dương cầm thời cổ, ta sẽ có một trò hề phóng tác sống động trên đại lộ Năm.

Chúa ơi, chuyện này sao thú vị thế, gã nghĩ. Gã giơ một bàn tay hơi run ra trước bộ mặt tươi cười của mình. Gã sẽ không phủ nhận nữa. Gã đã sống vì chuyện này.

Gã lục lợi khắp kho dự trữ những tưởng tượng hung hãn. Nơi gã ưa thích nhất là đứng giữa nhà ga Grand Central vào giờ cao điểm. Rồi bất chợt, gã sẽ rút ra một thứ trong áo khoác. Khi là một thanh kiếm samurai. Khi là cái cưa xích. Thứ gã ưa thích là một khẩu súng phun lửa. Nói về sự sùng sốt và kính sợ.

Nhưng sự việc thực tế này còn hay ho hơn tưởng tượng nhiều lắm, gã nghĩ lúc nhìn xuống ‘các nhà cầm quyền’ và ‘các chuyên gia khủng hoảng’ đang cố vội vã tăng tốc.

Lúc này gã có quyền năng thực sự, hơn hẳn những con người kia.

Tiếng nhạc trong không khí thơm thoang thoang của cửa hàng bách hóa bỗng ngừng bật. Bây giờ là gì đây?

‘Có lệnh khẩn cấp của cảnh sát, Saks đại lộ Năm đóng cửa. Mời quý khách đến lối ra gần nhất và xin hãy bình tĩnh. Quý khách sẽ không gặp gì nguy hiểm.’

Gã Ngăn nấp không nén được cười.

Bây giờ họ sẽ chơi bản nhạc của gã.

Gã chẳng đã trau chuốt những thôi thúc đen tối của mình đó sao? Thay

hình đổi dạng chúng, làm chúng trở thành sở thích của gã.

Gã là một ông chủ.

Gã rút Wet-Nap trong túi ra. Bàn tay gã vẫn hơi run lúc xé mở nó, nhưng lúc bơi lên mặt, gã vững vàng như một tảng đá.

Rồi gã gọi về nhà, nói chuyện với vợ và các con.

“Anh ổn mà, Helen. Anh không gặp gì nguy hiểm đâu.”



Stephen Hopkins ngồi một mình trên chiếc ghế dài trong Điện thờ Đức Mẹ nhỏ, đằng sau ban thờ chính. Ông vùi đầu vào đôi bàn tay. Ông gần như mừng vì Caroline không ở quanh quất đâu đây, chứng kiến những chuyện xảy ra vì cái chết của bà. Bà là người nhân hậu, nó sẽ làm bà bị tổn thương sâu sắc, và như thế là không phải với Caroline.

Có khoảng ba chục con tin tản mát trên các ghế dài quanh ông. Ông nhận ra nhiều gương mặt, những người nổi tiếng trong lĩnh vực của mình, những con người hào phóng đã cùng Caroline làm từ thiện và nhiều việc tốt đẹp khác.

Ông ngược nhìn ba tay súng bịt mặt, đứng đằng trước Điện thờ Đức Mẹ. Những thằng khốn đó luôn luôn cảnh giác. Chúng khiến ông nhớ đến những binh lính từng bao quanh ông. Bọn chúng có phải là lính không? Hay là cựu quân nhân?

Chúng làm việc này vì động cơ chính trị sao? Khi bắt đầu bị khống chế, ý nghĩ đầu tiên của ông đấy là bọn khủng bố Trung Đông, nhưng rõ ràng những tên này đều là người Mỹ. Chúng muốn cái quái quỷ gì thế? Làm sao chúng lại trở nên vô liêm sỉ đến vậy? Và không sợ chết?

Một tên cướp vạm vỡ, thấp người, bước vào lối đi giữa, hăng giọng rất kịch:

“Chào các vị. Tôi là *Jack*. Các vị có thể gọi ông bạn to lớn, xấu tính của tôi ở đằng kia là *John Bé*. Chúng tôi chân thành xin lỗi đã cầm chân các vị như thế này. Ai cần sử dụng nhà vệ sinh xin cứ giơ tay lên, và sẽ được thắp tùng. Có cả đồ ăn và nước uống. Xin cứ giơ tay. Các vị cứ tự do nằm trên ghế dài hoặc trên sàn ở phía sau. Nếu các vị hợp tác, mọi sự sẽ suôn sẻ. Nếu không, thì hậu quả sẽ rất khó lường đấy. Tùy các vị lựa chọn.”

Tên dê tiện này là ai mà giảng giải cho họ như thế họ là học sinh bị phạt

vậy? Stephen Hopkins đứng lên cùng lúc với thị trưởng New York. Vị thị trưởng lại ngồi xuống.

“Tất cả chuyện này là gì vậy?” Ông giận dữ nói. “Các người muốn làm gì chúng tôi? Tại sao các người lại làm nhục vợ tôi?”

“Thưa Tổng thống,” tên cướp nói và mỉm cười lúc bước xuống lối đi. “Nói năng kiểu này không ăn thua gì đâu. Tôi sẽ lễ độ theo cách của tôi. Tôi chân thành đề nghị ngài làm y như thế.”

Khớp đốt ngón tay của Stephen Hopkins trắng bệch lúc ông nắm chặt cái lưng ghế đằng trước. Ông không quen bị bất cứ ai nói năng kiểu này. Không quen trong một thời gian dài.

“Ồ, tôi xin lỗi,” ông nói. “Ông muốn lịch sự. Vậy xin quý ông *đeo mặt nạ trượt tuyết* hạ cổ nói cho mọi người biết vì sao ông ta lại giữ họ làm con tin chứ?”

Vài con tin trên các hàng ghế bật cười lo lắng và ngồi thẳng người hơn.

Tên cướp cầm đầu nhìn cả nhóm. Hắn cũng cười. Rồi hắn ngả người và túm lấy mái đầu đầy tóc bạc của cựu Tổng thống.

“Tại sao, tại sao, tại sao ư?” Hắn nói vào tai ông. “Đấy luôn là mặt yếu nhất của ông, ông bạn Stevie. Lúc nào ông cũng phải trí thức hóa mọi sự.”

“Đồ chó đẻ,” Hopkins quát lên, một phần vì đau. Ông cảm thấy tóc mình như đang bị giật khỏi sọ. Tên Jack bé nhỏ này rất khỏe.

“Giờ mi dám gọi mẹ tao là chó ư?” Jack nói. “Có lẽ mi quên cái đít được bợ đỡ, hôn hít quá nhiều của mi cũng có thể bị đá lăm chứ? Thằng khốn, mi dám vô lễ với tao, tao sẽ đá cho mi lòi ruột và bắt mi ăn.”

Jack lôi sênh sếch cựu Tổng thống vào lối đi giữa hai hàng ghế. Cuối cùng, hắn buông ông ra, và Hopkins nằm lịm trên sàn.

Tên cướp thở ra một hơi thật dài, và mỉm cười với các con tin khác.

“Thấy chưa? Hắn dám chọc giận tôi,” Jack nói. “Giờ các vị đã thấy một điểm yếu của tôi.”

Sau một lúc lâu suy nghĩ, hắn hất ngón tay cái vào cựu Tổng thống.

“Ông Tổng thống, ông biết gì không? Hôm nay, ông đã ném đủ rồi,” hắn nói. “Tại sao ông không về nhà đi? Ông được thả! Đưa hắn ra khỏi nhà thờ của ta.”

Hai tên cướp thô bạo tóm khuỷu tay vị cựu Tổng thống và đẩy ông thật nhanh vào phần chính của nhà thờ, ra thẳng cửa trước.

“Nói thật với mi, Hopkins,” Jack quát với theo cựu Tổng thống. “Sau khi gặp mi rồi, ta thực sự mừng vì đã bầu cho Nader. Cả hai lần.”



John Rooney, người được tờ *LA Times* khẳng định là ‘nghệ sĩ phim hài của thập kỷ’, đang cầu nguyện. Dù có sai lầm hay không, anh là người Công giáo, và đang ngồi im lặng trên ghế dài, thậm chí cầu nguyện Chúa Trời toàn năng đập chết toán cướp.

Cầu nguyện được nửa chừng, anh dừng lại khi có một cái gì đó nhỏ và sắc đập vào bên cổ. Lúc nhìn xuống, anh thấy một nùi giấy gấp gọn trên ghế cạnh mình. Cái quái gì thế này?

Cục giấy là một tờ xé ra từ cuốn thánh ca. Một người nào đó đã viết bằng mực đen MỞ RA ngay dưới các nốt nhạc.

Rooney giấu bức thư vào trong lòng bàn tay lúc ngược nhìn những tên cướp canh gác. Tên to con nhất - John Bé chẳng? - ngồi vắt vẻo trên ban thờ như thể đây là cái mui ô tô, há miệng ngáp to đến nỗi Rooney nhìn thấy những cái răng đen sì của hắn.

Rooney mở bức thư trên lòng.

ROONEY, TÔI Ở NGAY HÀNG GHẾ SAU ANH. NHÍCH CHẬM CHẬM VÀO GIỮA GHẾ ĐỂ CHÚNG TA CÓ THỂ NÓI CHUYỆN. LÀM THẾ NÀO ĐỂ THẲNG KHỐN Ở ĐẲNG TRƯỚC KHÔNG NHÌN THẤY ANH! - CHARLIE CONLAN.

Rooney nhét bức thư vào túi, ít nhất cho đến khi có thể hủy nó đi. Vài phút sau, anh trượt trên cái ghế dài bằng gỗ tần bì bóng láng.

Lúc đến khoảng giữa ghế, một giọng xào xạo thì thào ở đằng sau:

“Lạy Chúa tôi, Johnny. Tôi đã bảo là chậm, chứ không phải là quá chậm.”

“Xin lỗi,” Rooney thì thào đáp trả.

“Anh có nhìn thấy việc chúng làm với Hopkins không?” Conlan nói.

Rooney gật đầu, dứt khoát.

“Anh nghĩ chúng sẽ làm gì chúng ta?” Rooney hỏi.

“Chẳng có gì hay ho,” Conlan nói. “Tôi bảo đảm với anh. Thứ tôi sợ chính là cảnh sát bao vây nhà thờ này. Thứ duy nhất của những người ấy là bắn hoặc sống để vào tù vì chúng ta.”

“Chúng ta có thể làm được gì đây?” Rooney nói.

“Chống trả,” Conlan nói. “Todd Snow ở hàng ghế sau tôi. Anh ấy đã nói chuyện với tỉ phú Xavier Brown ở sau anh ta. Với anh nữa là bốn người.”

“Làm gì đây?” Rooney hỏi. “Anh đã thấy bọn chúng làm gì Hopkins lúc ông ấy vừa mở miệng đấy.”

“Bây giờ hãy đợi đã. Hãy kiên nhẫn. Chọn vị trí cho mình. Bốn chúng ta có thể khống chế một hoặc hai thằng. Chúng ta tiến từ đây. *John, chúng ta có thể lựa chọn.*”



Niềm vui được giải thoát khỏi thánh đường của phóng viên Cathy Calvin tờ New York Times nhanh chóng tàn lụi vì nỗi lo, lúc đứng trong hàng người bị cảnh sát thẩm vấn. NYPD dồn tất cả những người bị tình nghi ra khỏi cửa hàng Saks đại lộ Năm và không cho người nào đi, cho đến khi họ được một trong bốn thám tử ngồi ở một hàng bàn gấp sát tường thẩm vấn xong.

Lần đầu tiên Calvin nhận thấy những tháp vi ba của các xe thông tin ở bên ngoài các sợi dây xanh- trắng. Chúng vượt cao lên trên đám đông giống như những cột buồm của hạm đội xâm lược nào đó.

Gượng đã. Cô đang nghĩ gì nhỉ? Phàn nàn gì nhỉ? *Cô đang được ở nơi mà những người khác cố tới. Bên trong các sợi dây!*

Calvin nhanh chóng tính toán ưu thế vị trí chiến lược của cô. Cô đã ở trong thánh đường trước, trong và sau khi bị chiếm. Cô là nhân chứng của cuộc vây hãm, và nó sẽ biến cô thành vị trí độc tôn.

Lúc đó cô phát hiện ra Carmella, siêu mẫu đồ lót, ở trong hàng, sau cô ba

người. Không thuộc danh sách loại A, nhưng là một khởi đầu thuận lợi.

“Carmella đấy à? Chào nhé. Cathy Calvin của tờ *Times* đây. Cô vẫn ổn chứ? Cô ở đâu lúc chuyện xảy ra? Cô đã nhìn thấy gì ở đó?”

“Tôi ở gần đằng trước, ở bên trái,” cô gái tóc vàng hoe, cao một mét tám mươi năm nói đặc giọng Mỹ gốc Áo. “Quan tài của bà Caroline tội nghiệp vừa đi qua hàng ghế của tôi. Zen Eberhard, vệ sĩ của tôi bị bắn vào xương chậu bằng súng bắn hơi cay. Giờ tôi không tìm thấy Eberhard ở đâu. Tôi gọi di động, nhưng anh ta không trả lời. Cô có trông thấy anh ta không?”

Cathy Calvin tò mò ngắm cô người mẫu với chiều cao vượt trội. Có lẽ cô ta đang hoảng. Hy vọng rằng chỉ thế thôi.

“Hừm. Tôi không nghĩ thế,” Cathy nói. “Nghe đồn không phải tất cả các con tin đều được thả. Cô có biết gì về việc đó không? Cô đã nghe được gì?”

Cô gái tóc vàng nói:

“Cô có nhìn thấy John Rooney không? Còn Laura Winston hoặc cô nàng hư hỏng Mercedes ra sao? Họ vẫn còn đang ở trong đó. Ông thị trưởng cũng ở trong đó. Bọn cướp chẳng có chút tình tế nào. Sao chúng lại giữ những người thua cuộc như thế và thả tôi ra kia chứ?”

Thực ra là tỵ nạn mà thôi, Cathy nghĩ và gật đầu lúc thận trọng quay lưng lại cô người mẫu. Mụ điên này đang than vãn là không còn ở trong đó. Dấu phòng VIP bị vây hãm, cô ta vẫn muốn ở bên trong. Phải, người nổi tiếng cũng bình thường. Họ giống như bạn và tôi thôi.

Cathy Calvin ngoảnh đi lúc tiếng suýt lan khắp đám đông. Cô chăm chú nhìn những cái đầu ngẩng lên, hướng về phía thánh đường.

Phía trên mui một xe rác của Sở Vệ sinh, cô nhìn thấy phần trên cùng cánh cửa chính của thánh đường lại mở ra lần nữa. *Chuyện gì đây?* Cô chạy tới, chen lấn, xô đẩy, cố tới gần hết mức để có thể làm một tin nóng hổi.

Và lúc đó, lần thứ hai hoặc thứ ba trong buổi sáng hôm ấy, phóng viên tờ *Times* không thể tin nổi mắt mình.

“Lạy Chúa tôi,” cô buột nói to.



Tôi vẫn đang trong xe trung tâm chỉ huy, thảo luận với Martelli và Mason về chiến thuật thương lượng, thì cánh cửa thánh đường mở tung lần thứ hai.

Tôi cảm thấy như có người đổ cả khay nước đá vào lưng áo sơ-mi của mình khi trông thấy người đi ra.

Lạy Chúa. Giờ chúng sẽ làm gì đây?

Một Stephen Hopkins đờ đẫn, đi loạng choạng trên quảng trường lát đá, rồi cánh cửa sập vội lại sau lưng ông. Bọn chúng thả Hopkins ư? Nhưng tại sao?

Lại một nước cờ hoàn toàn bất ngờ nữa của bọn cướp, tôi nghĩ và cảm thấy nôn nao. Thật tuyệt khi chúng thả cựu Tổng thống, nhưng cách chúng làm thật không thể đoán trước. Chúng có ý gì đây? Tôi ngờ lắm.

Có tiếng reo hò âm vang và tự nhiên của cả cảnh sát lẫn dân chúng ở bên ngoài các rào chắn.

“Vào đi,” tôi nghe thấy sĩ quan chỉ huy Will Matthews nói. “Đón Tổng thống. Tôi nhắc lại. Vào đón Tổng thống và đưa ông ấy ra khỏi chỗ này. Nhanh lên!”

Mệnh lệnh chưa thoát khỏi miệng ông, sáu cảnh sát thuộc đơn vị Phản ứng nhanh đã đến gần Tổng thống và đưa ông vòng quanh cái xe vệ sinh chặn phố Năm mươi.

Tôi đứng, nhìn chăm chăm vào thánh đường qua cửa xe. Những mái vòm gôtic, những bức tường đá xanh xám u ám, kính màu mờ mịt, và giờ đây Stephen Hopkins được thả không chút thương tích.

Tôi phải hiểu cách giải quyết này ra sao đây? Tôi nghĩ đến Maeve và các con. Tôi không hay nại cố, nhưng tôi đã dành cho họ đủ thời gian chưa? Tôi cần một cơn bệnh nữa sao?

Bàn tay Paul Martelli lần tìm vai tôi.

“Cậu là người xử lý tình hình gay cấn giỏi nhất, Mike ạ,” anh nói như đọc được ý nghĩ của tôi. “Những người bất hạnh trong kia phải chịu trách nhiệm về tình trạng sa lầy này. Không phải là chúng ta. Đừng quên điều đó.”

“Này, anh đã nghe về chuyện một thợ săn thỏ trong rừng có nhiều trợ lý không?” Ned Mason nói từ góc xe moóc.

Tôi ngược nhìn anh. Tôi ngỡ đây là câu nói đùa.

“Không,” tôi lịch sự đáp.

“Họ cử CIA đến trước, đúng không?” Mason nói. “CIA về, nói gián điệp của họ báo cáo không có thỏ và không có rừng. Thế là người ta cử đến Những Thằng gốc Ba hoa Chết giã, và bỗng nhiên, khu rừng bốc cháy và họ báo cáo rằng con thỏ trở nên khôn ngoan, rằng họ nhìn thấy nó đang cầm chiếc bật lửa Zippo. Có biết chuyện gì xảy ra khi người ta lừa NYPD vào rừng không?”

“Không, nhưng tôi không chắc đã hiểu những điều anh nói,” tôi đáp và cười gượng.

Mason vẫn nói. Anh làm tôi kinh hãi hơn những gì tôi nhớ về anh.

“Năm phút sau, hai thám tử trở về, kéo theo một con gấu bị còng tay, có một mắt đen to tướng và nói: ‘Xong rồi, ổn rồi. Tôi là thỏ đây.’”

Martelli nhìn Mason lúc tôi tròn mắt lên.

“Chuyện vui đó không đến nỗi tồi,” Martelli nói. “mọi sự này đều dở.”

Eugena Humphrey ngồi bất động và chờ đợi, nhìn chăm chăm vào những ngọn nến lung linh trước ban thờ. Bà cố chèn vào thời khắc cuối cùng một hi vọng thú vị.

Người dẫn chương trình chuyện phiếm của Los Angeles hiểu rằng muốn thoát khỏi thử thách kinh hoàng này, điều trước tiên là phải kiềm chế được cảm xúc. Gần như ngay lập tức, bà chú ý đến dãy nến thờ dọc bức tường phía Nam. Những ngọn lửa trắng bé xíu cháy sau lớp thủy tinh màu vàng và đỏ có một sức mạnh gì đó như bảo đảm, như an ủi.

Mình có thể thoát khỏi chuyện này, bà tự nhủ. Lúc này, rất nhiều người giải cứu đã tập hợp ở bên ngoài nhà thờ. Cả báo chí nữa. Sự kiện giết gân này sẽ phải giải quyết vì một lý do đơn giản là nó phải thế.

Eugena nuốt khó khăn và buột một tiếng thở dài. Sự việc rồi sẽ được giải quyết.

Lúc mới bước chân vào thánh đường dự tang lễ, bà thấy các bức tường đá và đá hoa uy nghi ấy quá lạnh lẽo, quá ảm đạm. Nhưng sau khi ngắm nghía các đồ cúng và cảm nhận sự im lặng sâu sắc của nơi này, bà nhận thức được rằng nó mang lại sự ấm áp trong tâm hồn hết như hồi ở nhà thờ Baptist, Tây Virginia, nơi mẹ bà thường đến mỗi Chủ nhật.

“Lạy Chúa tôi,” một phụ nữ thì thào cạnh bà. “Lạy Chúa tôi. Chuyện kinh khủng này sẽ kết thúc ra sao đây?”

Đó là Laura Winston của tạp chí thời trang New York. Laura tội nghiệp vẫn đang run. Cặp mắt màu xanh xám của bà lồi như thể sắp bắn vọt ra khỏi bộ mặt được phẫu thuật tỉ mỉ. Eugena nhớ là đã cố đưa người phụ nữ chuyên lăng xê một này vào chương trình của mình. Bà đã tìm được số điện thoại riêng của Laura và gọi cho Laura để trao đổi ý tưởng của mình – lời tư vấn của người phụ nữ thời trang nhất thế giới về cách chi tiêu thích hợp cho

cuộc sống hàng ngày.

Bà vẫn nhớ tiếng cười khúc khích kiêu kỳ trong tai nghe.

“Ồ, ai đã bày cho chị việc này thế?” Winston nói. “Có phải là Calvin không? Hãy bảo với Calvin là tôi sẽ làm việc với Eugena khi nào anh ta đến làm việc ở Gap nhé.”

Tệ hơn nữa là ba tháng sau, Winston xuất hiện ở chương trình chuyện phiếm tên là ‘Thời trang cao cấp vừa lòng những người bảo thủ’. Nhưng là làm việc với Oprah, đối thủ lớn nhất của Eugena.

Tuy nhiên, người đàn bà tội nghiệp ấy lúc này có khác gì một đồng đất sét nhão? Eugena thương hại nghĩ.

Bà ta từng là người ác ý, nhưng *đấy là hồi đó*.

Eugena vươn tay qua chiếc ghế dài đang ngăn cách họ.

Còn bây giờ là thế này đây.

Bàn tay đen, mềm mại của bà tìm bàn tay trắng trẻo, xương xẩu của tín đồ thời trang và xiết nhẹ cho đến lúc bà ta ngược nhìn vào mắt bà. Eugena vòng tay ôm lấy người phụ nữ quẫn trí lúc bà ta bắt đầu thở dốc.

“Thôi, thôi nào. Chúng ta đang trong nhà thờ và trong tay Chúa,” Eugena vỗ về. Bà nghe thấy sức mạnh và niềm tin trong giọng nói của mình và lấy làm tự hào.

Bà có thể vượt qua chuyện này. Tất cả đều có thể. Bằng cách nào đấy.

“Mọi sự sẽ ổn thôi,” bà nói. “Chị sẽ ổn, Laura ạ. Chuyện này nhất định sẽ qua mà.”

“Phải. Nhưng liệu có người nào còn sống không?”



Laura Winston lau khô nước mắt bằng cái khăn lụa đỏ thanh lịch rút trong túi áo khoác và đang khẽ cảm ơn lòng tốt của Eugena, thì có một chấn động lớn ở phía ban thờ.

Có ai đó vừa đứng phắt dậy!

Nhờ mái tóc vàng hoe rối bù và chiếc váy ngắn màu đen, Laura có thể

nói đó là ca sĩ nhạc pop Mercedes Freer, một cô ả trùm nhăng nhít.

Đá hoa ngân lên lúc cô ta đá mạnh đôi giày gót cao mười lăm phân vào đấng sau Điện thờ Đức Mẹ.

“Ngồi xuống, đồ chết tiệt!” Ngay lập tức, một trong mấy tên cướp quát cô ta rất to.

“*Mẹ kiếp, tôi có thể nói chuyện với ai đây?* Tôi cần nói với sếp của anh, nếu anh thấy chẳng phiền đéo gì,” diva nói, các bức tường nhà thờ dội lại ngôn ngữ tục tĩu của cô ta. “Hãy để tôi nói chuyện với người có trách nhiệm!”

Laura và Eugena cùng những người khác nghển cổ theo dõi cảnh tượng. Cô ả điên rồ này định làm cái quái gì đây?

Lát sau, tên cầm đầu xuất hiện.

“Gì thế?” Jack nói. “*Nói chuyện với tôi đi.* Và lại, tôi là fan của cô. Tôi có thể giúp gì đây?”

Mercedes giật một cái hoa tai kim cương, rồi giật nốt cái kia và giơ cho Jack.

“Những cái này là hàng Cartier,” cô ta lớn tiếng. “Tôi đã trả một phần tư triệu đô-la đấy. Tối nay, tôi có buổi diễn ở Leno, và ghi âm lúc sáu giờ, *giờ LA*, tôi sẽ phải chạy đến đó kéo muộn. Anh có hiểu tôi nói gì không? Tôi không phải là chính khách hoặc nhà tu hành, không là gì đại loại thế. Người đại diện của tôi đã bố trí cho tôi hát *Ave Maria* với những tia nước phun. Anh hãy nhận lấy đi. Đồ thật đấy, và chúng là của anh. Nếu chưa đủ, tôi sẽ gọi điện cho quản lý. Chỉ cần nói một lời. Chúng ta thỏa thuận thế nhé, cưng.”

Eugena nhăn mặt vì cô gái da trắng cổ nói năng theo kiểu khu ổ chuột. Sau khi mời cô ta vào chương trình của mình một năm trước, Eugena nhớ đã đọc trong lý lịch, cô ta sinh ra thuộc tầng lớp trung lưu ở New Canaan, Connecticut. Eugena nghĩ đến những cuốn sách dạy diễn thuyết mà bà bê từ thư viện về để cố loại những âm thanh yếu, kém ra khỏi giọng nói của mình. Thật đáng tiếc khi xã hội đảo lộn thế này đây.

Tên cướp giơ đôi hoa tai lên như thể đánh giá chất lượng. Rồi hăn ném cái này tiếp cái kia vào mặt cô gái.

“Thay vào đó,” hắn nói chậm rãi, “cô hãy đặt cái móng dâm dăng của cô xuống ghế.”

Mặt Mercedes tím lại. Rồi cô ta bật ngón tay đánh *tách* vào mặt tên cướp.

“Cái gì dâm dăng?” Mercedes giận dữ nói. “Anh tưởng anh đang nói với ai, hử thằng lùn?”

Ngay tức khắc, tên cướp rút một bình xịt trong túi ra. Hắn túm tóc cô ca sĩ và xịt hết cả bình vào mặt cô ta. Mặt Mercedes rộp phồng lên, cô ta rú lên suốt lúc bị xịt hơi cay.

Khi Mercedes quy trên đầu gối, Jack thả nhiên nắm tóc cô và lôi xềnh xệch qua lối đi ở giữa, thẳng tới cánh cửa một phòng xưng tội ở bức tường phía nam. Hắn mở cửa, quăng mạnh cô gái vào trong rồi đóng sập cửa lại.

“Cục cứt nóng xinh xinh ấy xứng đáng với cứt nóng,” hắn nói với các con tin đang trở mắt. “Còn ai muốn thảo luận về dự định ra đi nữa không?”

Tiếp theo, Jack giậm bàn chân trong không khí im lặng.

“Có lẽ là không,” cuối cùng, hắn nói. “Tốt, vậy hãy lắng nghe đây. Chúng tôi cần bắt đầu phỏng vấn từng cá nhân, vì thế tôi yêu cầu mọi người xếp hàng trước cửa đầu tiên bên phải ở đằng sau Điện thờ Đức Mẹ. *Ngay lập tức!*”

Eugena đứng dậy và ngoan ngoãn đi cùng những con tin khác. Lúc bước vào lối đi giữa các hàng ghế, bà nghe thấy tiếng Mercedes rên rỉ trong phòng xưng tội.

Eugena thương cô gái, nhưng phản kháng bọn chúng thì có được gì đâu? Cô ta có nghĩ đến hậu quả sẽ xảy ra không? Cô ta đang nghĩ gì nhỉ? Eugena nghĩ, chắc cô ta tưởng tên kia sẽ thả. Lần gần đây nhất một người nói không với ngôi sao nhạc pop ấy là bao giờ nhỉ?

Lúc đứng vào hàng phía sau những người khác, Eugena quyết định rằng trong những người ở đây, bà mới là người có khả năng nói chuyện với những kẻ bắt giữ họ. Không ai có cơ hội thành công hơn bà. Dù tốt hơn hay xấu hơn, sự thế luôn theo cách ấy.

Bà liếc nhìn những dây nện lung linh màu vàng. Có lẽ đấy là lý do mình ở đây, Eugena nghĩ.

Cố thuyết phục là cách của bà để ra khỏi nơi này.



Charlie Conlan đứng trong hàng người đợi ‘phỏng vấn’, trước một trong các phòng xưng tội che rèm đỏ tía, dọc theo lối đi phía Nam.

Nếu bạn hỏi anh ta, thì các mặt nạ và áo choàng dường như là thứ gì đó hơn hẳn sách lược dọa dẫm hạng bét. Hình như bọn cướp đang cố thể hiện trạng thái hung bạo của nơi này, làm mọi người sợ hãi, khiến họ lúc nào cũng mất thăng bằng. Những chiến thuật hết sức thông minh.

Conlan biết phần lớn các huyền thoại nhạc rock khá là ủy mị. Nhưng ít người có xuất thân như anh. Lớn lên nghèo khổ trên các đường phố buôn bán của Detroit chẳng dạy dỗ anh được tí gì, và cuộc giam giữ dài hạn ở Hanoi Hilton suốt năm 69 đã có hiệu quả khá tốt.

Conlan cố cứng rắn lúc cánh cửa gỗ màu đen mở và một phụ nữ, Marilyn Rubenstein bước ra sau cuộc ‘phỏng vấn’. Conlan thấy cô diễn viên trẻ run rẩy lúc đến gần anh. Mớ tóc vàng hoe của cô đầm mồ hôi, dính bết vào da đầu, cặp mắt cô đờ đẫn như thể cô vừa bị ép phải chứng kiến một sự việc gớm guốc.

Bắt gặp Conlan há hốc miệng nhìn cô lúc những kẻ canh gác để cô đi qua.

“Cứ làm như họ bảo,” cô thì thào khuyên.

“*Người tiếp theo,*” tên cướp gác cửa gọi bằng giọng chán chường. “Là anh đấy, liệu mà ứng xử.”

Conlan ngật ngưỡng, rồi bước qua lối bằng đá hoa vào phòng.

Conlan nhận ra ngay đây không phải là một phòng xưng tội. Nó là một phòng thẩm vấn nhỏ. Vài cái ghế gấp, một cái bàn. Một máy pha cà phê và một dây điện dài xách tay đang sạc trên cái bàn kim loại dọc một bên tường.

Ngồi bên cái bàn kim loại ở giữa phòng là Jack, tên cầm đầu. Hấn ra hiệu vào cái ghế kim loại trống ở bên kia bàn.

“Mời ông Conlan ngồi. À mà tôi là một fan rất hâm mộ ông đấy.”

Conlan ngồi xuống.

“Cảm ơn anh.”

Trên cái bàn ở giữa họ có hai thứ. Một cái còng tay để trong túi nilon và một cuộn băng dính. Conlan nhìn chúng và cố kìm nỗi sợ cứ dâng cuộn cuộn trong bụng. *Đừng để lộ, Charlie. Hãy giấu kín trong người.*

Jack nhắc một tấm bìa kẹp hồ sơ trên lòng. Cái bút của hắn lách cách.

“Nào, ông Charlie Conlan,” hắn nói. “Để tiện cho mọi sự, tôi phải hỏi ông tên và số điện thoại của những người tài trợ cho ông. Các mật mã hay mã số cần thiết, đại loại những thứ hữu ích như thế, để truy cập vào tài khoản của ông.”

Conlan cố mỉm cười lúc nhìn thẳng vào mắt Jack.

“Tất cả chuyện này là vì tiền sao?” Anh hỏi. Tên cướp gõ cây bút lên bìa hồ sơ và cau mày:

“Tôi không có thời gian chuyện trò nhăng nhít, ông Conlan,” Jack nói. “Ông có hợp tác hay không nào? Lần cuối cùng đấy.”

Conlan quyết định trì hoãn thêm chút nữa. Để xem chính xác thì chúng muốn gì ở đây.

“Cho tôi suy nghĩ một chút,” anh ta nói và các đầu ngón tay xoa xoa cằm. “À... ờ... Ừm ừm. Nếu không thì sao?”

Jack chậm rãi rút cái còng trong bao ra và đứng dậy. Hắn đến sau lưng Conlan và rất nhanh, rất thành thạo, hắn còng cổ tay Conlan quặt ra sau.

Conlan nghiêng chặt hàm, đợi cú đòn đầu tiên. Anh đã từng bị nhốt nhiều rãnh bằng kim. Anh hy vọng thẳng lùn chó đẻ này phải mang bữa trưa cho mình.

Nhưng ngón đòn đầu tiên không tới.

Thay vào đó là tiếng *sột sọt* và một cái túi nilon úp chụp lên đầu Conlan.

Dây xiết lại, rồi sức ép như cái thòng lọng cuộn quanh cổ Charlie Conlan, khép chặt túi thành thứ kín khí. Ngay lập tức, mồ hôi túa ra khắp các lỗ chân lông Conlan. Cái túi nilon bám chặt vào da như xoa mỡ, kêu loạt soạt ùa vào miệng và lỗ mũi lúc anh ta hít một hơi đầy sợ hãi.

“Trong đó hơi nóng phải không, thẳng khốn?” Jack rít lên qua màng

nilon, sát vào tai Conlan.

Conlan nôn khan. Cổ họng bỏng rát. *Ôi Chúa ơi, không. Không thể thế này.*

Jack ngồi xuống, ngáp và vắt chéo chân lúc Conlan co giật. Sau một hồi lâu, Jack xem đồng hồ.

“Ông có muốn ký vào chương trình đổi-tiền-lấy-ôxy không?” Hẳn hỏi. “Tùy ông thôi.”

Nilon sột soạt trong tai Conlan lúc anh ta vội vã gạt đầu.

Jack với tay qua bàn, và không khí, không khí tươi mát ùa vào quanh ngón tay đi găng lúc hẳn chọc một lỗ nhỏ vào túi.

“Tôi tưởng The Beatles* mới có ảnh hưởng đến ông chứ, Charlie,” Jack nói, hẳn cười mỉm lúc gõ các ngón tay lên mặt bàn như gõ trống. “Ông không nhớ ư? Thứ hay ho nhất trên đời là tự do.”

Conlan há miệng và gục đầu xuống bàn thở khò khè. Tập hồ sơ trượt đến cạnh cằm anh ta. Cái bút đặt bên trên.

Hai ý nghĩ xuyên qua não Conlan cùng với ôxy trở lại lúc anh ta nhấc bút. Thứ nhất là cầu nguyện. Thứ hai là nguyên rửa.

Lạy Chúa tôi.

Chúng ta bị ngược đãi đến mức khốn nạn.

II

Vừa ngắt điện thoại với Maeve, tôi đã nghĩ, *Mình cần nghe thấy tiếng cô ấy hơn cô ấy cần nghe thấy tiếng mình.*

Đúng lúc đó, Steve Reno ung dung vào xe chỉ huy, bưng một hộp các tông đựng bánh mì kẹp và cà phê. Anh đưa tôi một cốc cà phê cùng cái bắt tay.

Tôi nhớ rằng Steve khá khó gần. Giống phần lớn các cảnh sát hàng đầu của NYPD, viên sĩ quan cao ráo, tóc dài, vạm vỡ và mưu lược này có vẻ là một người khác thường. Ở bên ngoài cánh cửa ngăn cách, không ai kiên nhẫn và thông cảm hơn, và cũng không ai nhanh nhẹn hơn khi cần đá bung cửa. Steve Reno rõ là một con người bí ẩn. Ba vợ, năm con, sống ở SoHo nhưng lại lái một chiếc xe tải dán nhãn Semper Fi* ở cửa sau.

Đằng sau anh là hai biệt động FBI mặc quần áo dã chiến màu đen. Trong hai người, người thấp hơn có thể từng là thợ hàn, hoặc thầy dạy nghề, ngoại trừ cặp mắt xanh sáng ngời liếc khắp xe và tôi cảm thấy cái lướt của một máy copy loại nhẹ.

“Mike, đây là Dave Oakley của Đội Giải cứu con tin,” Steve bảo tôi. “Người giám sát sinh động của đội ngũ mưu lược vĩ đại nhất.”

“Chúng ta cứ phải giữ nguyên kiểu này hử, Steve? Hôm nay không có sai lầm ngớ ngẩn nào chứ?” Dave nói kèm nụ cười gằn, không hề hài hước lúc tôi bắt tay anh, một bàn tay chai sần. “Số phận các ông bạn bà bạn của chúng ta trong kia ra sao?”

Tôi kể lại rành mạch hết mức có thể. Sự thay đổi duy nhất trên nét mặt Dave là môi mím lại lúc tôi nhắc tới các tiếng nổ. Tôi kể xong, anh khẽ gật đầu.

“Hôm nay chúng tôi đã tiến hành công việc cần chuẩn bị từ trước,” cuối cùng Reno nói. “Chúng tôi đã nói chuyện với Đơn vị Đặc nhiệm. Tổng

thống Hopkins kể với họ rằng các con tin còn lại bị giữ trong Điện thờ Đức Mẹ, ở mãi phía cuối nhà thờ. Ông nói thêm với vẻ quá ư bình tĩnh rằng chúng không làm gì những người bị bắt giữ. Hình như bọn chúng được huấn luyện cẩn thận và có kỷ luật. Chúng không phải là bọn khủng bố. Chắc chắn bọn chúng là người Mỹ. Một tin mới với tôi.”

“Tin mới với tất cả chúng ta,” tôi nói lúc cửa lại mở sau lưng Reno.

Một cảnh sát Phản ứng nhanh đội mũ bóng chày cùng một người đàn ông đứng tuổi đội mũ vải tuyết bước vào. Ông già cầm một cái ống hình trụ to bằng các tông. Cái quái gì thế này?

“Tôi là Mike Nardy, quản lý thánh đường,” ông già nói và bật nắp ống hình trụ. “Linh mục bảo tôi mang cái này đến đây.”

Tôi giúp ông ta trải các bản thiết kế ra. Giấy đã cũ, mép ố vàng, nhưng các chi tiết của thánh đường rất rõ ràng. Tôi dùng mấy cái bộ đàm để chặn bản thiết kế lúc mở nó ra, còn Reno, Oakley và chỉ huy Will Matthews cúi xuống xem xét.

Nhìn từ trên xuống, thánh đường St. Patrick trông như một cây thánh giá. Toàn bộ lối vào phía đại lộ Năm ở cuối bản vẽ dài, còn các lối vào ở phố Năm mươi và Năm mươi một ở hai bên sườn ngắn hơn. Điện thờ Đức Mẹ giống như phần mở rộng nhỏ ở đầu cánh dài của cây thánh giá, không có lối vào hoặc ra.

“Tôi đã bố trí người bắn tỉa ở Saks trên phố Bốn mươi chín và số nhà 620 đại lộ Năm, ở đằng sau chúng ta,” Oakley nói. “Tôi sẽ phải đưa một người vào phố Madison ở đằng sau để theo dõi Điện thờ Đức Mẹ. Quá tệ, những cửa sổ kính màu kia mù mịt chẳng khác gì bức tường gạch. Ông Nardy, sơ đồ này không nói lên được gì nhiều. Liệu có đường nào nhìn rõ từ cửa sổ hình hoa hồng vào đằng trước Điện thờ Đức Mẹ ở phần cuối kia không?”

“Một phần thôi,” ông già nghiêm trang nói, một con mắt của ông bị lác. “Tuy vậy, đằng sau ban thờ có nhiều cột và một tấm màn che dài mười tám mét, đó là một cấu trúc kiểu vòm lâu bằng đồng thiếc ở bên trên ban thờ.”

“Thánh đường là một khối nhà dài. Chắc dài khoảng một trăm năm mươi mét?” Oakley nói với người phó của anh. “Chúng ta phải khảo sát xem. Có

lễ máy quay cáp quang có thể xuyên qua một trong các cửa sổ. Đánh dấu nóng cho vũ khí để phân biệt bọn chúng. Đến giờ, chúng ta sẽ tập hợp trước thánh đường, đánh vào cửa sổ hình hoa hồng và các cửa sổ của điện thờ cùng một lúc.”

“Tôi nghĩ chắc tôi nghễnh ngãng,” Nardy, người quản lý nói với Oakley. “Vừa rồi, tôi tưởng anh nói các anh sắp phá hủy cái cửa sổ hình hoa hồng huy hoàng của thánh đường St. Patrick.”

“Ông không cần phải quan tâm đến công việc của cảnh sát được không, ông Nardy?” Oakley nói. “Bao nhiêu mạng sống đang bấp bênh. Chúng tôi sẽ làm việc phải làm.”

“Cái cửa sổ hình hoa hồng ấy đã một trăm năm mươi tuổi, thưa ông,” người quản lý nói và khoanh đôi tay gầy như que củi. “Các cửa sổ của Điện thờ Đức Mẹ, các đồ tạc tác và tượng trong thánh đường đều không thể thay thế được. Các ông sẽ không bắn một lỗ vào sườn pho tượng Nữ thần Tự do chứ? Nhà thờ này là Nữ thần Trung thành của thành phố, vì thế tốt hơn hết là các ông thảo ra kế hoạch khác. Các ông sẽ phải phá nó trên xác tôi.”

“Có ai đưa ông Nardy ra ngoài không,” Oakley nói, bực bội.

“Các ông nên nghe tôi thì hơn!” Nardy nói mạnh mẽ lúc một cảnh sát Phản ứng nhanh áp giải ông ta ra ngoài. “Tôi sẽ đến thẳng chỗ báo chí.”

Đó là tất cả mọi việc chúng ta cần ư? Tôi nghĩ. Thêm một thử thách, thêm một trở ngại. Việc này không quá khó, nếu chúng tôi không bị trói buộc như thế này.

Oakley xoay cái mũ bóng chày đen quanh đầu. Trông anh như một người bắt bóng để lỡ một quả tuyệt hay lúc anh thở thật to vào đôi bàn tay khum lại:

“Chúa ơi, các anh có ngắm cái chốn tụ tập kia không?” Oakley nói. “Các bức tường đá granit dày đến sáu mươi xăngtimét chứ ít à? Các cánh cửa bằng đồng dày ba chục xăngtimét. Tôi không nghĩ chúng ta sẽ chọc thủng được một cánh cửa *to tướng* kia, hoặc cái cửa làm bằng *đồng thau*.”

Kể cả các cửa sổ *quý giá* cũng có các họa tiết hình mảng bằng đá. Không có những ngôi nhà kế bên để chúng ta có thể từ đó chui qua đường hầm. Nơi này đúng là một pháo đài. St. Patrick chắc là nơi tốt nhất trong thành

phố này chặn đứng được một đạo quân. Chúng ta phải thâm nhập vào đó mà không được phá hủy hoặc để lại một vết xước. Có ai nhắc cho tôi biết vì sao tôi nhận việc này không?

“Vì những hợp đồng lén lút béo bở và những thỏa thuận sách vở,” tôi nói. “Giống như bọn tôi thôi.”

Đây là một câu đùa chẳng đâu vào đâu, nhưng trong tình huống như vậy, tôi không cần là người là người tài trí cũng tìm ra lối thoát khỏi sự căng thẳng đang leo thang. Mọi người, kể cả Oakley gan góc, đều bật cười.

Sự thế là thế đấy, hoặc cười hoặc khóc.



Mười phút sau, chúng tôi đã ở ngoài không khí giá lạnh, nhìn chăm chặp vào ngôi nhà thờ uy nghi. Lúc chúng tôi đi vòng sang phía bên kia của một trong những xe rác, Oakley nói vào bộ đàm và ra lệnh cho những tay bắn tỉa xoay một góc vào các cửa sổ không thể thay thế được của Điện thờ Đức Mẹ.

Ánh sáng ảm đạm chiếu vào các cửa sổ tầng hai và lối vào hình cung của nhà thờ. Tôi thấy đằng trước thánh đường giống hệt một khuôn mặt to tướng: rộng, mắt đen và khuôn miệng rất lớn, đang há hốc dường như giận dữ và sừng sốt.

Tôi đứng chết sững và suýt rút khẩu Glock ra khi những tiếng chuông bắt đầu ngân vang. Tôi ngỡ lại là một chiêu mới của bọn cướp, cho đến khi liếc nhìn đồng hồ và thấy đã mười hai giờ trưa.

Những tiếng chuông là thứ thiết bị bấm giờ, là hồi chuông cầu kinh Đức Bà, nhắc nhở những người ngoại đạo đang bận rộn cầu nguyện cho sự thành tâm đặc biệt nào đó mà tôi không sao nhớ ra. Nếu những tiếng chuông không gọi nên một châm ngôn chung của bài kinh rôze, ít nhất cũng làm cả đám cảnh sát, báo chí và những người đứng xem im bật.

Mỗi hồi chuông dài, ngân vang như báo trước điềm gở cho các tảng đá, nhôm và kính của các tòa nhà chọc trời xung quanh.

Tôi nhìn khắp đám đông lúc một ý nghĩ chợt đến. Tôi nhận thấy viên quản lý Nardy đang trò chuyện với một cô gái ở rào chắn bên kia phố Năm mươi.

“Ông Nardy, chòm chuông ở chỗ nào vậy?” Tôi nói lúc chạy tới chỗ ông ta, ngắt quãng cuộc nói chuyện của ông với cô gái.

Ông ta nhìn tôi chăm chặp rồi mới trả lời:

“Ở ngọn tháp phía Bắc,” ông ta nhăn nhó nói.

Tôi ngắm tòa tháp hình nón bằng đá, gồm ba mươi tầng trang trí công phu. Cao khoảng ba chục mét, tôi nhận thấy các thanh gỗ màu xanh trông giống như các cánh chóp bằng đồng thau đã bạc màu.

“Có lối đến chỗ treo chuông từ bên trong không?” Tôi hỏi Nardy.

Người quản lý gật đầu.

“Có một cầu thang bằng gỗ cũ, có từ thời còn kéo chuông bằng tay.”

Nghe chừng liều lĩnh, nhưng nếu chúng tôi có thể leo lên đấy bằng cách nào đó, rồi có thể lạng lã cạy lỏng một số thanh đồng và lọt vào trong.

“Từ dưới nhà thờ, có thể nhìn thấy bên trong tòa tháp phía Bắc ấy không?” Tôi hỏi.

“Sao kia?” Cô gái đang nói chuyện với Nardy hỏi. “Các ông cũng định thối bay cả nó đi ư? Thừa thám tử...?”

Đến lúc này, tôi mới nhận ra thẻ nhà báo *New York Times* trên ve áo khoác của cô ta. Khả năng quan sát tinh nhạy của tôi trở dậy.

“Bennett,” tôi nói.

“Vâng, ông Bennett. Ông ở Bắc Manhattan phải không ạ? Tôi có nghe danh ông. Ông Will Matthews định làm thế nào?”

Giống hầu hết cảnh sát, tôi không thể chịu nổi lý lẽ ‘dân chúng có quyền được biết’ mà cánh báo chí thích quăng ra lung tung. Tôi có thể chịu được, nếu sự cao quý của nhà báo không gắn kèm thẻ ghi giá tiền. Lần cuối cùng, tôi muốn cản trở họ *bán rẻ* báo chí.

Tôi trưng cái bộ mặt khó chịu nhất của cảnh sát ra cho cô gái thạo tin kia. Tuy nó dữ chẳng kém gì mặt chỉ huy Will Matthews, song dường như cô ta không hề bối rối chút nào.

“Sao cô không hỏi thẳng ông ấy?” Cuối cùng, tôi nói.

“Tôi sẽ hỏi. Nhưng ông ta đang gọi bộ đàm. Có chuyện gì vậy, thưa thám tử? Không ai biết gì sắt ư?” Cô ta hỏi, giọng nói có học thức chuyển thành giọng New York. “Hay không có ai dám nói?”

“Sao cô không chọn câu trả lời cô thích nhất,” tôi khuyên và quay đi.

“Hừm. Nói đến lựa chọn, tôi tự hỏi tổng biên tập của tôi có thích đầu đề SAI LẦM VỀ AN NINH NGŨ NGÃI NHẤT TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI không đây? Hoặc có thể là NYPD NÉM BÓNG LÊN CÁC BỨC TƯỜNG ĐÁ?” Cô phóng viên tạp chí Times nói. “Nghe hấp dẫn đấy chứ. Ông nghĩ sao, thám tử Bennett? Cho cả tờ *New York Post* nữa?”

Tôi nhăn mặt, nhớ tới lời Will Matthews vừa nói. Anh sẽ không ưng nếu tôi tự ý gây thêm sức ép cho NYPD.

“Cô Calvin, cô nghe đây,” tôi nói và quay lại. “Chúng tôi không đặt sai chân ở đây đâu. Tôi sẽ nói cho cô, lẽ tất nhiên, nhưng không được ghi âm*. Đồng ý không?”

Cô phóng viên vội gật đầu.

“Về cơ bản, cô biết việc chúng tôi làm cho đến phút này. Chúng tôi đang liên hệ với những kẻ bắt cóc, nhưng chúng chưa đưa ra yêu cầu. Ngay khi được biết và được phép, tôi sẽ cho cô mọi thông tin có thể, được chưa? Nhưng ngay lúc này, chúng tôi đang khủng hoảng. Nếu những kẻ tâm thần ở trong kia có radio hoặc tivi và biết loáng thoáng việc chúng tôi định làm, những người trong đó sẽ chết. Những nhân vật rất quan trọng.”

Lúc quay đi, tôi thấy Ned Mason trong cửa xe đang vẫy tôi rồi rút.

“Tất cả chúng ta phải hợp lực trong chuyện này,” tôi hét lên qua vai lúc bắt đầu chạy.



Tôi vừa đến ngưỡng cửa, Mason đã đưa cho tôi chiếc điện thoại đang reo.

“Mike đây,” tôi nói.

“Mike hả. Chào ông bạn,” Jack nói. “Có chuyện gì mà để chuông reo lâu thế? Anh ngủ thiếp đi hay sao? Nếu tôi không biết anh tử tế đến thế, có lẽ

tôi đã nghĩ anh đang bận mưu mô chống lại tôi hoặc đại loại như vậy.”

“Cảm ơn vì đã thả Tổng thống,” tôi chân thành nói.

“Ồ, có gì đâu,” Jack nói. “Đây là việc tối thiểu tôi có thể làm. Nghe đây, tôi gọi vì tôi đã thu thập những yêu cầu và tôi nghĩ có lẽ sẽ gửi qua e-mail cho anh. Có được không? Nói thật là tôi thường gửi thư theo lối thông thường, nhưng anh biết đấy, bưu điện trong những ngày nghỉ hỗn độn chẳng khác gì vườn thú.”

Jack nói với tôi, giả vờ tự nhiên khiến tôi điên tiết. Khóa huấn luyện thương lượng phần lớn dựa trên cơ sở những kẻ nguy hiểm thân nhiên thực ra rất quần trí, những kẻ nói cằn cằn là đã rất bực mình.

Nhưng Jack chẳng có gì giống thế, ngoài sự khôn ngoan đến tự phụ... một kẻ giết người chẳng?

Theo cách nói của NYPD, phải xin lỗi những con chó nòi, bọn tội phạm - là người nhưng đã mất tính người - được gọi lóng là ‘chó lai’. Lúc đứng đó, điện thoại trong tay, tôi tự nhắc mình Jack là tất cả những thứ đó trộn lại. Một con chó lai khôn khéo, có lẽ là một con chó lai thạo đời, nhưng vẫn là ‘chó lai’ đúng nghĩa.

Tôi kìm sự giận dữ bằng cách tưởng tượng đang đâm đá hăn, túm cổ hăn mà kéo lê qua những người hăn đang hăm dọa. Tôi biết đó là việc sẽ xảy ra. Chỉ là vấn đề thời gian, tôi nghĩ lúc một nhân viên kỹ thuật đưa cho một địa chỉ e-mail.

“Được, Jack ạ,” tôi nói. “Đây là địa chỉ của chúng tôi.”

“Tốt,” Jack nói sau khi tôi cho hăn những chi tiết trên website của NYPD. “Một, hai phút nữa chúng tôi sẽ gửi thứ đó. Tôi muốn để anh thẩm thía rồi sẽ gọi lại sau. Thế nào?”

“Nghe hay đấy,” tôi nói.

“Ồ, mà này Mike?” Jack nói.

“Gì vậy?” Tôi hỏi.

“Tôi thực sự cảm kích về mọi sự hợp tác. Chúng ta sẽ làm thế. Mọi việc suôn sẻ kiểu này, sẽ có một Giáng sinh vui tươi, thiêng liêng,” Jack nói và ngắt máy.



“Nó đây rồi,” một trong những cảnh sát khá trẻ ngồi trước laptop ở cuối xe, gọi bằng giọng cao vút của một lễ sinh. “Thứ các ông yêu cầu đang đến.”

Tôi chạy đến cuối xe.

Lúc nhìn màn hình, tôi không thể tin vào mắt mình. Tôi đợi một con số, nhưng lại xuất hiện một thứ trông như một bảng tính dài, rắc rối.

Dưới lề bên trái là họ, tên đầy đủ của ba mươi ba con tin.

Cạnh từng tên là khoản tiền chuộc từ hai đến bốn triệu đô la, kèm theo các đầu mối liên lạc: tên luật sư của con tin, tên đại diện, ông bầu, tên vợ hoặc chồng và số điện thoại tương ứng.

Cuối tờ giấy là một con số gửi ngân hàng và những chỉ dẫn rất rõ ràng cách gửi tiền vào tài khoản qua Internet.

Tôi không thể tin nổi chuyện nhảm nhí này. Thay vì thương lượng trực tiếp với chúng tôi, bọn cướp lại giao dịch tận gốc, cụ thể là các con tin giàu có.

Trung úy Steve Reno bẻ khớp ngón tay kêu răng rắc ở sau tôi.

“Bọn chúng vô hiệu hóa chúng ta trước,” anh giận dữ nói. “Bây giờ chúng biến ta thành kẻ chạy việc vặt cho chúng.”

Steve nói đúng. Bọn kẻ cướp này hành động như chúng tôi không tồn tại. Chúng hành động đúng kiểu một tên bắt cóc ở một địa điểm bí mật, chẳng hề giống mười hoặc mười hai tên bị cả một đội quân hành pháp NYPD và FBI trang bị chu đáo bao vây.

“Chúng ta cứ cho một số người ở đây bắt đầu đọc những con số này và chuẩn bị các việc này,” chỉ huy Will Matthews nói. “Và chuyển số tài khoản này cho Cục. Để xem họ có thể dò ra hộ chúng ta không.”

Tôi nhắm mắt và gõ gõ chiếc di động vào đầu xem có nghĩ ra điều gì không. Chẳng thấy gì, tôi bèn nhìn đồng hồ. Nhảm to. Chỉ mới bốn tiếng đồng hồ trôi qua. Vậy mà tôi cảm thấy mệt lử như đã bốn tuần.

Có ai đó đưa cho tôi cốc cà phê. Trên cái cốc giấy in con tuần lộc và ông

già Nô-en tươi cười. Trong giây lát, tôi nghĩ sung sướng biết bao nếu rốt cuộc tôi được về nhà. Tiếng nhạc Giáng sinh nổi lên du dương lúc Maeve hướng dẫn mười quý con của chúng tôi trang trí cây thông.

Lúc đó tôi chợt nhớ ra nhà mình chưa có cây thông. Và không có Maeve.

Tôi đặt cốc cà phê xuống và nhật một tờ in những yêu cầu, ngón tay tôi hơi run khi lướt xuống danh sách các con số để liên hệ.

NYPD giới giang và vẻ vang sẽ làm nhiệm vụ người đưa tin.

12

John Rooney nhắc cầm khỏi bàn tay lúc một thứ gì đó cứng rắn thúc mạnh vào sườn. Anh liếc nhìn và thấy John Bé đang giơ dùi cui.

“Chà chà, ông hoàng hài kịch,” hăn nói. “Ta sắp chán chết lên đây. Đến lúc anh đứng lên ban thờ kia và giải trí cho chúng ta tí chút. Nói gì đi chứ, hả?”

“Tôi thực sự không có tâm trạng nào,” Rooney nói và lại gục đầu xuống.

Rằng Rooney đánh vào nhau rất to lúc John Bé lấy đầu dùi cui gõ yêu một cái vào cằm anh.

“Đây là động lực cho mi,” John Bé nói. “Hãy đứng lên kia và làm cho ta cười như một con linh cẩu. Hoặc là ta sẽ đập vỡ toang cái sọ được tặng giải Oscar của mi.”

Lạy Chúa tôi, Rooney nghĩ lúc anh tiến đến chỗ ban thờ và nhìn chăm chăm vào các con tin khác. Một vài người vẫn đang khóc. Chỉ có điều, ai cũng mở to mắt, sợ hãi.

Làm sao tác động được đến đám đông này là cả một vấn đề. Thêm nữa, anh không tấu hài đã tám năm nay, kể từ khi đóng phim. Ngay cả hồi ấy, những câu đùa của anh cũng phải tập đi tập lại trước gương trong phòng tắm ở căn hộ riêng, tập đến nôn nao cả người.

John Bé ngồi ở hàng ghế sau, ngoáy ngoáy cái dùi cui ra hiệu.

Làm sao có thể vui cười trong tình cảnh này? Nhưng anh nào có được lựa chọn?

“Này, hỡi mọi người,” Rooney cố gắng. “Cảm ơn vì sáng nay đã đến đây. Johnny cũng ở đâ-â-â-ây!”

Anh nghe thấy một người phụ nữ bật cười. Ai thế nhỉ? Đó là Eugena Humphrey. Bà thật tốt bụng!

Lúc đó, Rooney cảm thấy trong người có tiếng tách như bật công tắc.

“Này Eugena, EM đang làm gì đấy, em yêu,” anh nói, bắt chước câu mở đầu chương trình buổi sáng của bà. Lúc này Eugena cười phá lên thực sự cùng vài người khác. Charlie Conlan cười ngoác cả miệng.

Rooney giả vờ xem đồng hồ.

“Ta hãy nói về một buổi lễ Misa dài lê thê,” anh nói.

Thêm nhiều tiếng cười hơn.

“Các bạn có biết tôi ghét nhất cái gì không?” Rooney nói, hiên ngang đi tới đi lui trước bàn thờ. “Các bạn không thấy tức tối khi đến đám tang một người bạn rồi *bị bắt cóc* ư?”

Rooney cười thầm cùng với nhiều tiếng cười khúc khích, rồi ngừng thật lâu để gây hiệu quả. Lúc này anh đã nhập vai khá nhuyễn. Anh có thể cảm thấy mọi sự thông qua hệ thần kinh.

“Ý tôi định nói là, các bạn đến đó, ăn vận bánh bao, hơi buồn cho người qua đời, nhưng cũng vui vui vì không phải là mình, bỗng *ầm!* Các bạn không biết là gì ư? Các thầy tu ở ban thờ bỗng rút phắt súng đã cửa nòng và lựu đạn ra.”

Bây giờ thì gần như tất cả đều cười. Kể cả vài tên cướp ở hàng ghế sau cũng cười khúc khích. Tiếng cười lan xa như sóng đập vào các bức tường đá.

Rooney bắt đầu ngân nga một bài thánh ca Gregoria và bắt chước động tác rút súng. Anh nhăn nhó sợ hãi rồi chạy tới nấp sau ban thờ.

“Đây, xin hãy nhận đôi hoa tai kim cương này để tôi có thể bay đi,” anh nói, bắt chước Mercedes Freer năn nỉ. Rồi anh lăn tròn trên sàn đá hoa, ôm mặt và rên rỉ như một con Chihuahua* bị thương.

Lúc liếc nhìn đám đông, anh thấy nụ cười ở khắp nơi. Ít ra, cuộc trình diễn của anh cũng làm mọi người thoải mái chút xíu. Anh phát hiện ở đằng sau điện thờ, John Bé gập người lại làm đôi, hai tay ôm lấy mạng sườn.

Cứ cười đi thẳng khốn, Rooney nghĩ và quỳ xuống. Ta đã kiếm được hàng triệu vì tiếng cười. Bọn mày cứ đợi đấy, rồi sẽ được nghe chuyện về một tên bắt cóc sắp lên ghế điện.



Từ phía sau điện thờ, cựu ngôi sao nhạc Rock-and-Roll Charlie Conlan giả vờ cười màn tấu hài của John Rooney trong lúc quan sát từng tên cướp.

Đọc theo chẵn song đăng sau điện thờ là sáu tên cướp. Tên to lớn, John Bé ở đây, nhưng tên cầm đầu cùng năm hoặc sáu tên khác hình như đang ở đâu đó trong nhà thờ.

Lúc các con tin khác vẫn cười vì trò vui của Rooney, Conlan cố hết sức nhớ lại một số điều đã được huấn luyện trong quân đội. Anh đếm số lựu đạn trên ngực bọn bắt cóc, đánh giá các khẩu súng chúng cầm, những cái dùi cui, chỗ phòng lên ở eo áo khoác, nơi tận cùng của áo chống đạn.

Anh trượt một quăng trên ghế, không quá lộ liễu, không thu hút sự chú ý nào.

“Todd,” anh thì thào.

“Gì thế?” Ngôi sao bóng đá của đội New YorkGiants thì thầm gần tai anh.

“Brown có đi cùng chúng ta không?” Tỷ phú bất động sản là người to lớn, vóc dáng vẫn khá khỏe khoắn ở độ tuổi năm mươi.

“Anh ấy đang rất rối trí,” chàng cầu thủ đáp. “Anh ấy đã nói chuyện với Rubenstein. Rubenstein sẽ thử vận động thị trường.”

Conlan rất mừng vì chàng cầu thủ bóng đá cùng tham gia với họ. Hơn hẳn cả bọn, vận động viên này cao một mét chín, nặng 105 kilô là một đối thủ nặng ký, và là người có thể lực áp đảo nhất đối với một trong những tên cướp.

“Thế là tiến bộ rồi,” Conlan nói với Snow qua khoe miệng. “Thêm Rooney, ít nhất chúng ta có năm người. Càng nhiều người càng thêm cơ hội.”

“Chúng ta sẽ làm gì?” Chàng cầu thủ hỏi.

“Nói riêng với anh thôi nhé. Anh có biết bọn chúng đã đùa giỡn chúng ta như thế nào không? Chúng tước hết điện thoại di động và ví của chúng ta,”

Conlan nói.

Anh ngừng vì Rooney kể một chuyện vui khác.

“Chúng bỏ quên một khẩu hai mươi hai li trong ngăn của tôi,” Conlan thì thào.

Anh đã nói đến nó rồi, anh nghĩ. Anh không biết bắn, nhưng cái thứ để sót kia sẽ giữ vững tinh thần cho mọi người, khiến họ hy vọng và thúc đẩy họ hành động khi thời cơ đến.

Conlan liếc lên ban thờ khi nghe thấy tiếng vỗ tay. Lúc này Rooney cúi chào. Buổi diễn đã kết thúc.

“Chúng ta thử xem,” chàng cầu thủ nói trong tiếng vỗ tay. “Nói đi chứ. Chúng ta đi. Chúng ta lăn.”

13

Gã Ngăn nấp nhìn mặt khi đưa bàn tay đeo găng thăm dò đằng sau bột điện thoại công cộng trong các kiốt ở góc phía tây bắc phố Năm mươi một và Madison. Mùi khai nồng của nước tiểu bốc lên từ đáy bột điện thoại làm gã chảy nước mắt lúc mò mẫm xung quanh. *Nó ở chỗ quái nào vậy?*

Mò khắp các chỗ đã hẹn, cuối cùng các ngón tay gã tìm thấy sợi dây kim loại bọc nhựa ở đằng sau cái hộp thép.

Kế hoạch của chúng có một điểm nổi bật nữa, gã nhận thấy lúc lật cái đĩa số đặt trên hai sợi dây màu giấu kỹ. Ba tuần trước, người của gã đã luôn đôi dây điện thoại này vào một ống dẫn trên phố tới tầng hầm nhà linh mục, vào lỗ của công ty điện thoại ở góc phố, và từ lỗ vào ống dẫn của bột điện thoại công cộng này. Lường trước rằng mọi điện thoại di động và các cuộc gọi đến rồi đi từ nhà thờ sẽ bị kiểm soát, bọn chúng đã tạo một đường dây riêng cho mình.

Gã Ngăn nấp xem đồng hồ lúc nhắc đĩa số lên áp vào tai.

Đúng sáu giờ chiều, có tiếng lạo xạo lúc một trong những tên cướp trong nhà thờ St. Patrick cắm thỏi pin 9 vôn vào đầu dây bên kia để nạp điện. Thay vì sử dụng kỹ thuật cao, bọn chúng đã lấu cá tạo đường dây riêng bằng kỹ thuật thấp. Gã rất giỏi nguy trang, đạt tới trình độ siêu đẳng mà vẫn thoát, gã phải thừa nhận mình là một tay thực sự cừ khôi.

Gã Ngăn nấp khẽ huýt sáo bài *O Come, all ye faithful*, một giai điệu ưa thích của gã.

“Cậu có đấy không, Jack?”

“Thì còn ở đâu nữa? Ở chỗ cậu thế nào rồi?” Jack trả lời.

“Lúc cậu gửi ra đợt đầu tiên,” gã Ngăn nấp cười mỉm và nói, “bọn chúng vẫn hoàn toàn mù tịt. Cùng loại với Hopkins ấy mà. Chúng đang lắc đầu không tin.”

“Nghe khoái tai thật,” Jack nói.

“Cuộc phỏng vấn các ông bà bạn giàu có của chúng ta ra sao rồi?”

“Cực nhiều thông tin hay ho,” Jack nói. “Vấn đề là bây giờ lực lượng hành pháp có ngớ ra và lo cuống lên vì thời gian chúng ta cần cho việc này không?”

“Căn cứ vào những thứ tớ quan sát được,” gã Ngăn nắp nói và cười lớn, “thì bọn chúng còn phải vò đầu bứt tai đến Giáng sinh *năm sau*.”

“Tha lỗi cho tôi vì không thể cười cùng với cậu được,” Jack lạnh lùng nói. “Vì nhiều lý do, mọi sự chẳng có gì đáng cười khi phải ở bên trong bức tường bị các khẩu súng lăm lăm chĩa vào.”

“Tất cả chúng ta đều phải đóng một vai trong việc này,” gã Ngăn nắp nói. Cộng sự Jack của gã trong vụ này là kẻ suốt đời lo nghĩ. Không phải là phẩm chất hấp dẫn nhất của hắn.

“Thôi được, nếu tôi là cậu, tôi sẽ ngắt đường dây mà không quá tự tin,” Jack hăm hè nói rồi ngắt đường dây riêng của chúng.

Lúc rời mắt khỏi những ghi chép trong cuộc thương lượng với Jack, tôi thấy bên ngoài cửa sổ nhỏ của trung tâm chỉ huy đã tối mịt. Thời gian cứ trôi. Bên cạnh tôi, Paul Martelli đang bận nói chuyện điện thoại. Ned Mason cũng đang gọi điện. Hơn chục cảnh sát khác, kể cả Steve Reno đang làm việc trên laptop.

Tôi đứng, đưa tay lên chạm vào cái trần thấp vì tôi cao một mét tám.

Các yêu cầu đã được gửi đến trụ sở FBI ở New York, số 26 Quảng trường Federal. Văn phòng của Đội Chống Tội phạm đang nghiên ngẫm các con số. Khoản tiền chuộc khổng lồ lên tới gần tám mươi triệu đô la.

Đây là một khoản rất lớn nếu một người phải trả, nhưng nếu chia ra mỗi con tin chịu khoảng hai triệu rưỡi đô-la thì không đến nỗi quá đáng.

Trên thực tế, không thể tin được vì sao những người này lại có vẻ sẵn lòng nộp tiền đến thế.

Vợ hoặc chồng và các thành viên gia đình hầu như cho ngay số của người quản lý tài chính, trước cả khi tôi có dịp giải thích mình là ai. Các công ty quản lý tài năng ở Hollywood không hề lưỡng lự, nộp ngay số tiền cho các khách hàng sinh lời của họ. Ba ngân hàng đầu tư lập tức làm việc ngoài giờ để chuyển tiền.

Một luật sư ở Beverly Hills hỏi số điện thoại của bọn cướp, để ông ta có thể thương lượng trực tiếp được không? *Này Jack, ông Marv Begelman từ California muốn nói chuyện với anh.*

Việc đó làm tôi khó chịu, nhưng tôi phải đồng ý với những điều Jack nói trước khi đưa ra các đòi hỏi. Các tay tư bản kịch xù này sẵn sàng mua đường thoát khỏi mọi chuyện rắc rối.

Lúc tôi ra ngoài xe buýt để hít thở không khí, thứ đầu tiên đập vào mắt tôi là những máy phát điện chạy diesel đang kêu ro ro. Hiện trường có sáu

xe tải loại nhẹ, dễ di chuyển, chiếu sáng thánh đường như đây là quảng trường Times. Trong giây lát, quang cảnh này nhắc tôi nhớ tới một hiện tượng khác đáng buồn lòng của thành phố New York: là hiện trường bắn giết cho các bộ phim - những xe moóc nhàn rỗi, những đường phố bị chặn, nhìn đâu cũng thấy đèn chiếu sáng rực.

Đã đến lúc tới xe phục vụ, tôi nghĩ. Xem liệu có thể kiếm được ít đồ ăn không.

Lúc đi về hướng Đông dọc theo phố Năm mươi, tôi thấy các sườn thánh đường cũng được chiếu sáng. Lúc này có nhiều gia đình đi dạo, tay trong tay tới nơi bị chặn. Những du khách má đỏ hồng hào từ khắp nơi trong nước và trên thế giới đổ đến, vừa uống cacao nóng vừa cười lúc bắt gặp cảnh các ngọn nến cháy sáng trong các cửa sổ kính màu nổi tiếng.

Tôi nhận ra một tay bắn tỉa của FBI không nhúc nhích trên mái nhà Saks ở góc phố phía tây bắc đại lộ Năm.

Toàn bộ sự việc này thật điên rồ.

Thậm chí còn rồ dại hơn những kẻ điên kia, chúng tưởng sắp ảm tiền mà thoát.

Làm thế nào đây? Mỗi xăngtimét của thánh đường đều là mục tiêu của những người bắn tỉa ngoài kia. Máy bay quần thảo trên trời, đến mức một chiếc trực thăng chưa chắc đã thoát được. Theo Oakley, giám sát Đội giải cứu con tin, ngôi nhà thờ một trăm năm mươi năm tuổi được xây dựng ngay trên móng đá. Vì thế không có tầng hầm, không có lối ngầm đi ra ngoài.

Tôi cố thuyết phục mình rằng bọn cướp không nghĩ đến màn chót vĩ đại, vì Jack đã vạch kế hoạch thoát thân *qua cây cầu đó đúng lúc chúng tôi tới*.

Nhưng khi đứng giữa đường phố lạnh lẽo, vắng vẻ, mọi chứng cứ đã chỉ rõ sự lựa chọn. Sự táo tợn trong hành động của chúng, niềm tin chắc chắn rằng chúng tôi sẽ làm đúng những điều chúng nói. Mỗi lúc càng thấy bọn cướp hiểu rõ về cuộc ra đi của chúng hơn chúng tôi nhiều.

Tôi đang xoa hai tay vào nhau cho ấm thì chuông điện thoại reo.

Tôi chộp lấy đường dây với Jack, quyết đánh một quả chí mạng.

Rồi tôi nhận ra không phải điện thoại của cảnh sát mà là điện thoại của tôi. Tôi tròn mắt khi nhìn thấy số hiện lên là của ông Seamus, ông tôi.

Cứ như thể tôi chưa đủ thứ bận tâm vậy.

“Ông à, cháu đang bận. Có chuyện gì thế ạ?” Tôi chào ông. Có lẽ không phải là câu chào hỏi nồng nhiệt, nhưng lúc này tôi chẳng còn lòng dạ nào mà chúc mừng Giáng sinh nữa. Hơn nữa, chuyện trò với ông, dù ông đã bảy mươi tư tuổi, song vẫn như đi đánh trận vậy. Nếu không tấn công ông ngay lập tức, ông sẽ ăn tươi nuốt sống tôi ngay.

“Chúc cháu buổi tối tốt lành, Michael,” Seamus nói. Tôi hiểu mình đang ở thế tấn công khi dòng dõi Ireland của tôi trở lại dưới dạng tên tôi bằng tiếng Xentơ. Gia tộc tôi lưu truyền rằng ông không chỉ hôn hòn đá Blarney* hàng ngày, mà còn cắn một miếng và nuốt. *Hàng ngày.*

“Cháu có kiểu nói chuyện đặc biệt dễ thương với người vừa chăm sóc cho cả bầy ngỗng non của cháu,” ông kết luận.

Bầy ngỗng non, tôi nghĩ và trợn mắt. Ông tôi có thể làm cho Malachy* hoặc Frank McCourt* ăn cái mũ bằng vải tuýt của mình. Ông là một người Ireland trong giai đoạn huy hoàng nhất còn sống sót. Ông đến đất nước này vào những năm 1940, ở tuổi mười hai. Đã hơn sáu chục năm kể từ khi ông đặt chân lên ‘đám cỏ già’, ông gọi nước Mỹ như thế, nhưng nếu bạn không hiểu rõ ông, bất cứ lúc nào bạn cũng tưởng như ông vừa cười lừa theo những réo đất mọc cỏ để ra khỏi đầm lầy.

Tuy vậy, ông thường xuyên đến, thăm hỏi các cháu chắt. Ông Chúa, dưới lớp vỏ thuyết giáo dày cộp là một tấm lòng vàng thuần khiết.

“Mary Catherine đâu ạ?” Tôi hỏi.

“Đấy là tên con bé, hở? Chúng ta chưa chính thức giới thiệu với nhau. Sao cháu không kể với ta là bọn cháu nhận nuôi thêm đứa nữa?”

Tôi hiểu ngay. Lời nói bóng gió chết người ấy chỉ là bề mặt. Nếu bạn nhìn kỹ, có thể thấy lưỡi ông Seamus sắc như dao.

“Cô ấy là người tốt, ông ạ,” tôi nói. “Chắc ông phải quan sát cô ấy suốt buổi chiều. Mary Catherine tình cờ trở thành người giúp việc.”

“*Người giúp việc*. Ngày nay gọi là thế à?” Ông tôi nói. “Hãy cẩn thận đấy, Michael ạ. Một Chủ nhật xưa, bà Eileen của cháu đã bắt gặp ta nói chuyện với *một người giúp việc* ở góc phố Dublin. Bà ấy đã lấy cây gậy đánh bóng quật ta gãy ba xương sườn đấy.”

“Dublin ư?” Tôi nói. “Buồn cười thật. Cháu tưởng bà ở Queens.”

Lúc ông lặp bặp giải thích, tôi bèn kể với ông bức thư của mẹ vợ tôi và cuộc viếng thăm bí ẩn của Mary Catherine tối hôm qua.

“Ông có quyền trong mọi việc của cộng đồng Ireland,” tôi nói. “Vậy ông sẽ làm gì đây ạ?”

“Ta không ưng chuyện này,” ông nói. “Cô gái này có thể theo đuổi cái gì đó. Theo đuổi đồ bằng bạc chẳng hạn.”

“Cảm ơn những chỉ dạy của ông. Ông đúng là một ông già chúa hay nghi ngờ,” cuối cùng, tôi nói. “Còn nói đến đàn ngỗng non, cháu không biết đến lúc nào mới rời khỏi đây được, vì thế nhờ ông bảo ban lũ trẻ làm bài tập và bắt đầu làm việc nhà nữa. Những nhiệm vụ của bọn trẻ ấy mà. Chúng sẽ hiểu ý ông.”

“Có phải là cái sơ đồ dán trên tủ lạnh trong bếp không?” Ông tôi hỏi.

“Vâng,” tôi nói. “Đúng nó đấy ạ.”

“Đấy là ý tưởng của ai? Của cháu hay của Maeve?” Seamus ngờ vực hỏi.

“Của Maeve,” tôi đáp. “Cô ấy cho rằng phân công rõ ràng mọi việc cho bọn trẻ làm là điều hay. Để chúng đỡ nghĩ linh tinh sang các việc khác. Hơn nữa, chúng nó giúp được nhiều lắm. Hai chục bàn tay dù bé bỏng cũng làm được khối việc, đến là lạ ông ạ.”

“Đấy không chỉ là ý hay,” cuối cùng, Seamus vui vẻ nói. “Mà là một ý tưởng vĩ đại. Chẳng có gì lạ khi Maeve chống chọi được với bệnh tật.”

“Giờ ông yên tâm rồi chứ ạ?” Tôi nói và cười cười. Ông tôi yêu quý Maeve chẳng kém gì chúng tôi.

“Hơi hơi thôi,” Seamus nói. “Nhưng ta sẽ gặp cháu sau. Ta sẽ trông nom mọi việc cho.”



Hiện trường gần như là cơn ác mộng lạ lùng trong lúc bạn vẫn nghĩ, *Chuyện này không thể xảy ra. Ta sẽ sớm tỉnh dậy và mọi sự sẽ chấm dứt.*

‘Khu vực nguy hiểm’ chỉ toàn cảnh sát, báo chí không được lui tới.

Vòng ngoài dành cho các phương tiện truyền thông, các xe của đài truyền hình chiếm ưu thế với những dàn ăng-ten mở rộng. Cảnh tượng trong ‘khu vực tập kết’ là những dây cáp chằng chịt, các phóng viên bên máy tính, hàng chục kỹ thuật viên truyền hình. Chúng tôi sẽ được mời đến các cuộc họp báo để cung cấp tin mới.

Các máy phát điện để chiếu sáng vẫn gầm lên trong giá lạnh lúc tôi bắt đầu đi về xe. Tôi thấy chỉ huy Will Matthews bên trong. Anh thông báo đã liên hệ với luật sư của các con tin, và hiện giờ tình hình được chính thức công bố là một vụ bắt giữ con tin.

“Bây giờ mới là phần gian khổ,” Will Matthews nói. “Đây là lúc ngồi và đợi xem sao.”

“Chào Mike,” Martelli nói lúc đứng dậy. Tuy có mặt ở cuộc vây hãm này ngay từ đầu, anh vẫn không để ý đến nó. “Chẳng có gì là riêng tư đâu, nhưng hình như anh đang bối rối. Sao anh không ra khỏi nơi này một thời gian? Những người này nói họ sẽ không gọi lại trong nhiều giờ, và nếu có gọi, thì chúng tôi – và quan trọng hơn cả, là các con tin trong kia - sẽ cần anh làm dịu tình hình và bình tĩnh lại.”

“Anh ấy nói đúng đấy. Hãy tận dụng dịp này đi. Chúng tôi cần anh tạm nghỉ,” chỉ huy Will Matthews nói. “Đây là mệnh lệnh, Mike ạ.”

Những câu chuyện và suy nghĩ về Maeve trong cuộc đi dạo khiến tôi muốn gặp cô. Bệnh viện Ung thư Trung ương New York chỉ cách khu phố trên hai chục khối nhà, tôi nghĩ. Đi bộ đến đấy cũng không quá xa.

Mình sẽ đến trung tâm ung thư để xả hơi, - tôi hiểu thế.

Tôi để lại số điện thoại di động cho Martelli và tháo phù hiệu trước khi ra khỏi trạm kiểm soát. Vô số phóng viên, đạo diễn, nhà báo và kỹ thuật viên hạ trại hai bên đại lộ Năm, háo hức với viễn cảnh xem biểu diễn miễn phí.

Tôi phải đánh thức một người quay phim vạm vỡ đang ngủ trên cái ghế gấp đặt trước chiếc xe Impala màu xanh của tôi. Tôi nhảy vào trong xe và lao ra đường.

Tôi dừng lại hai lần. Lần thứ nhất là một nơi lộng lẫy, điên rồ gọi là Burger Joint tại hành lang khách sạn Le Méridien ở số nhà 57. Một lát sau,

tôi rời đó với một cái túi giấy màu nâu bóng mờ trong tay. Chỗ thứ hai là hiệu bánh mì Amy ở nhà số 9, và đi ra với một túi giấy khác.

Tôi bật đèn và còi hú lúc rẽ trái vào đại lộ Park. Những cây trạng nguyên và những ngọn đèn trắng viền quanh ở trung tâm, nên có thể nhìn thấy phương Bắc. Những vòng hoa to tướng treo bên trên cửa xoay của các tòa công thự kính sáng lấp lánh, cũng như các cánh cửa đồng đánh bóng của những tòa nhà sang trọng, lúc tôi đi tiếp lên phố trên.

Khi lái xe, tôi không thể không ngắm những tòa nhà cũ cao ngất, bệ vệ, sáng ngời qua ánh bạc cuồn cuộn của đại lộ đầy hơi nước, những bức tường ốp gỗ lấp lánh bên dưới những mái hiên sang trọng.

Lúc đợi đèn xanh trên phố 61, một người gác cửa đội mũ chóp cao thấp tùng một phụ nữ da ngăm ngăm, đẹp lộng lẫy trong chiếc áo khoác lông chồn vizon màu trắng dài chấm gót và một cô bé mặc áo choàng len màu đỏ vào băng ghế da sang trọng của chiếc Mercedes đợi sẵn.

Nhìn đâu cũng thấy vẻ đẹp của ngày lễ khiến ngực tôi đau nhói theo đúng nghĩa đen vì mặc cảm có lỗi. Gần đây tôi bị giằng xé quá nhiều, thậm chí còn không kiểm nổi một cây thông Nô-en.

Chẳng có gì lạ khi vào những dịp lễ lạt lại có nhiều người tự tử, tôi nghĩ khi lớp xe rít lên lúc tránh một xe chở hàng đầy ắp ở góc phố. Giáng sinh đã đến khiến ta muốn nổ tung vì mãn nguyện, rạo rức với một năm đang qua đầy tình yêu mãnh liệt và may mắn.

Mọi thứ thiếu hẳn sự sôi nổi và dường như bất nhã. Thời gian này trong năm thật chán nản, tôi nghĩ và lao xe về hướng Đông, vào một con phố ngang tối tăm và lạnh lẽo; tôi thực sự phát ốm vì buồn và cảm thấy như mình mắc một sai lầm không tha thứ được.



Maeve dịu hiền của tôi nhắm nghiền mắt lúc tôi bước qua cửa phòng bệnh.

Nhưng chắc khứu giác của cô vẫn làm việc vì cô mỉm cười khi tôi rón rén đặt mấy cái túi lên khay màu nâu xám.

“Không,” Maeve nói bằng giọng đứt đoạn. “Anh phải không?”

Tôi cầm cái cốc nhựa lên cho cô uống chút nước. Mắt cô ứa lệ vì đau lúc ngồi dậy. Nỗi đau làm tôi cũng ứa nước mắt.

“Em nghĩ thấy mùi thịt băm lẫn phó mát,” Maeve nói rất nghiêm trang. “Nếu đây là giấc mơ và anh đánh thức em dậy, em sẽ không chịu trách nhiệm đâu đấy, Mike.”

“Em không mơ đâu, thiên thần của anh,” tôi nói vào tai cô lúc nhẹ nhàng trèo lên giường cạnh cô. “Em muốn ăn thêm hành không?”

Mặc dù Maeve chỉ ăn nửa viên thịt và khoảng một phần tư cái bánh mì nhỏ xíu, má cô trông vẫn ửng hồng, khỏe hẳn lên lúc cô đẩy trả cái túi.

“Anh có nhớ nửa đêm dài lê thê của bọn mình không?” Cô nói.

Tôi mỉm cười. Hồi mới đi chơi với nhau, cả hai chúng tôi đi từ bốn đến mười hai giờ. Lúc đầu, chúng tôi đến một quán bar, nhưng chán ngay, sau đó đến một cửa hàng video rồi đi siêu thị suốt đêm, cứ nhắm lối giữa các quầy thực phẩm đông lạnh mà đi. Cánh gà, bánh pizza, phó mát mozzarella - *những món ăn có lợi cho sức khỏe*. Thói quen là thứ ta cần, miễn là có thể nấu trong lò vi sóng và ăn trong lúc xem một bộ phim cũ.

Tuy vậy, đó là những thời gian thú vị. Thịnh thoàng chúng tôi ở lại sau khi ăn, chỉ để nói chuyện, không muốn ngừng, cho đến khi chim hót líu lo ngoài cửa sổ phòng ngủ.

“Em có nhớ những thứ anh hay mang đến cho em không?” Tôi nói.

Maeve làm việc tại phòng cấp cứu của Trung tâm Y tế Jacobi ở Bronx, ngay góc các phố Bốn và Chín, phân khu mới tinh của tôi.

Thực ra, trong các cuộc tuần tra, tôi lừa những người bị bắt từ các phố vào phòng cấp cứu chỉ để có dịp gặp cô.

“Anh có nhớ một ông già vô gia cư to lớn, rụng hết răng mà anh đưa vào, cứ ôm ghì lấy anh không?” Maeve nói và cố cười. “Ông ta nói gì nhỉ? ‘Cậu không giống những con gà tây nhặng nhít kia tí nào. Cậu rõ là ân cần.’”

“Không phải,” lúc này tôi cũng cười với cô. “Ông ta nói: ‘Này cậu, cậu là người da trắng dễ thương nhất mà tôi từng gặp.’”

Maeve nhắm mắt lại, và thôi cười. Chỉ thế thôi. Chắc trước lúc tôi vào,

cô đã uống thuốc và bây giờ nhanh chóng ngủ lịm.

Tôi xiết nhẹ tay Maeve. Rồi tôi cố hết sức ra khỏi giường thật nhẹ nhàng. Tôi dọn dẹp những thứ lộn xộn, nhét chăn quanh vai Maeve rồi quỳ xuống bên cô.

Tôi ngắm lồng ngực vợ tôi đang phập phồng. Thật lạ vì đây là lần đầu tiên tôi không cảm thấy giận đời hoặc Thượng đế. Tôi chỉ yêu cô ấy và yêu mãi mãi. Đưa cánh tay lên lau nước mắt, rồi tôi cúi xuống với cô.

“Hãy nhớ lúc em làm anh thay đổi vĩnh viễn,” tôi thì thầm bên tai Maeve.



Lúc rời bệnh viện, tôi kiểm tra điện thoại và thấy tên Paul Martelli.

“Vẫn chưa có gì,” anh bảo tôi. “Cứ thoải mái đi. Bọn cướp vẫn ngồi yên. Tôi có số của cậu rồi.”

“Ned Mason vẫn còn đấy chứ?” Tôi hỏi.

“Cậu ta quanh quẩn đâu đây thôi. Chúng tôi muốn cậu tránh đi, Mike.”

Tôi theo lời khuyên của Martelli. Rẽ vòng lại rồi rẽ trái vào phố Sáu mươi sáu, nhằm hướng tây về nhà xem bọn trẻ ra sao.

Tuyết bắt đầu rơi nhẹ lúc tôi ở trong bệnh viện với Maeve, bám lên những bức tường bằng đá kết nâu và các đường ống trong Công viên Trung tâm lúc tôi chạy qua, trông như những người làm bánh đang rắc nhẹ đường lên chiếc bánh gừng.

Thành phố chết giẫm, tôi vừa nghĩ vừa lắc đầu, tim tôi tan nát thành muôn mảnh vì vẻ duyên dáng của mùa lễ hội liên miên không dứt.

Liệu ở đâu có một vụ cướp ra trò khi ta cần một vụ không đây?

Lúc tôi bật sóng FM, họ đang chơi bài Silver Bells. Tôi suýt đập khẩu Glock vào bảng đồng hồ thì khúc hát dịu dàng, êm ái bắt đầu cất lên. Tôi vịn to hơn trong suốt đoạn đường còn lại về nhà.

Lúc ra khỏi thang máy, tôi có thể nghe tiếng các con qua cánh cửa căn hộ đóng kín. Chẳng bao giờ là dấu hiệu tốt, tôi nghĩ lúc xoay quả đấm cửa.

Trong tiền sảnh, Juliana đang ngồi trên sàn, quay lưng về phía tôi, cười khúc khích vào điện thoại. Tôi trều mển vỗ nhẹ lên đầu nó rồi rút dây điện thoại khỏi giắc cắm.

“Đi ngủ thôi,” tôi nói.

Tiếp đến tôi ghé vào phòng ngủ của các con gái, bài hát của Mercedes Freer đang lên đến cao trào. Quay lưng lại tôi, Jane dẫn đầu Chrissy và Shawna trong một vũ điệu hào hứng. Tuy tôi có thể ôm ghì các con để chúng lại trở nên ngoan ngoãn, nhưng tôi lờ mờ nhớ lại lời nói quả quyết của Maeve về sự không thích hợp của nữ ca sĩ này.

Ba tiếng kêu ré lên như thủy tinh vỡ khi tôi tắt radio, rồi sau đó là những tràng cười rúc rích và những khuôn mặt đỏ bừng khi mấy đứa con gái nhận ra tôi đang ngắm chúng nhảy múa.

“Hay, hay lắm. Ta không biết Mercedes Freer có buổi hòa nhạc ở đây, ngay trong nhà chúng ta. Ta chắc là nhà Underhill bên cạnh hài lòng lắm đây. Có lẽ các con đã quên bài đồng ca của các con rồi?”

Jane nhìn cây thánh giá một lát, dường như nó định phản công bằng một cái cố nào đó, nhưng rồi nó cúi đầu xuống.

“Con xin lỗi bố,” nó nói.

“Giờ mới là câu trả lời đúng, Jane,” tôi nói. “Đừng lấy làm lạ là con đạt đến trình độ như vậy. Thôi đi. Giống như ta sắp làm vài vụ bắt giữ đây.”

Điểm dừng tiếp theo là phòng khách, nơi Ricky, Eddie và Trent đang ngăn người trước cái tivi om sòm. Chúng đang xem tin tức liên tục về vụ chiếm nhà thờ trên CNN. Mạng đề rõ ‘Thánh đường Countdown’. Tôi nhớ các kênh bị hạn chế là ESPN, Food Network, đôi khi cả với TLC, mạng hoạt hình và truyền hình công khai.

Cả ba đứa suýt bắn tung lên trần nhà lúc tôi lao qua phòng và lọt vào giữa bọn chúng.

“Chúng ta cùng tụ tập xem tin thời sự nhé?” Tôi nói.

“Chúng con đã trông thấy bố!” Trent kêu lên sau khi bỏ tay khỏi mặt. “Trên tivi ấy! Rõ ràng rành.”

“Con đã bị bắt,” tôi quát lên với nó.

Brian, con trai lớn nhất của tôi, đang mãi chơi game trên máy tính,

không nghe thấy tôi bước vào. Tôi thổi bay cái tháp của nó đi.

“Này!” Nó giận dữ quát lúc ngược lên. “Bố à? Bố!” Nó nói.”

“Brian à?” Tôi đáp lại. “Brian!”

“Con đang... ờ,” nó ấp úng.

“Con có để cho tòa xét xử không đây?” Tôi nói.

“Con xin lỗi bố. Con sẽ bắt đầu làm việc nhà,” Brian nói, “*ngay lập tức.*”

Tôi suýt đánh quy Mary Catherine lúc trở lại tiền sảnh.

“Ông Bennett. Ý tôi là Mike. Tôi xin lỗi,” cô nói, cuống quýt. “Tôi đang cố bắt các em đi ngủ thì Bridget cần tôi giúp. Nó bảo tôi rằng...”

“Để tôi đoán nhé,” tôi nói. “Nó phải làm một thứ thủ công mỹ nghệ cho trường.”

“Sao ông biết?”

“Ồ, tôi quên nói với cô,” tôi đáp. “Bridget mắc bệnh nghiện các đồ thủ công mỹ nghệ. Chúng tôi đang cố tập cho nó dứt bỏ mọi thứ keo hồ, lấp lánh, hạt hạt, nhưng hình như chẳng ăn thua gì. Nếu cô chiều nó, nó sẽ phá hủy cả trái đất vì thứ thèm khát không sao thỏa mãn nổi để làm những dây xích, vòng đeo chân và các thứ treo trên tường. Nhiều lần tôi đi làm với những vệt lấp lánh trên mặt và bộ quần áo đầy những thứ chết dẫm ấy đến nỗi các bạn trong đội tưởng tôi tham gia dàn nhạc hóa trang. Bridget biết cô mới đến, nên nó lợi dụng đấy. Đồ thủ công mỹ nghệ bị *cấm tiệt* trong các kỳ nghỉ cuối tuần.”

“Tôi không biết,” Mary Catherine buồn bã nói. “Lẽ ra tôi nên làm một công việc tốt hơn.”

“Chúa ơi,” tôi nói. “Cô vẫn còn sống và vẫn ở đây chứ? Lẽ ra cô nên tiến hành kiểm tra để gia nhập đội SEAL* của Hải quân mới phải.”



Sau khi an ủi Mary Catherine và ra lệnh cho cô lên gác đi ngủ, tôi thấy một linh mục trong bếp.

Người đàn ông tóc bạc trắng, thấp bè bè mặc đồ đen đang cầm một thanh

sắt bốc khói, sẵn sàng cho con bé Bridget bảy tuổi dính những hạt nhựa màu trắng và hồng cuối cùng thành con ngựa pony, chiếm toàn bộ bề mặt căn bếp của chúng tôi.

“Liệu đây có phải là *Cha Trơ tráo*, ý cháu là Seamus không?” Tôi nói.

Không, đây không phải là dịp Halloween*. Ông Seamus của tôi là một *linh mục*. Sau khi bà vợ qua đời, ông quyết định bán quán rượu Hell’s Kitchen đã sở hữu suốt ba chục năm trời và trở thành một thầy tu.

May mắn cho ông, thiên hướng tu hành hồi ấy dễ dãi chưa từng thấy, nên ông được chấp nhận.

“Ta đã đi thẳng từ địa ngục lên thiên đường,” ông thích nói thế.

Hiện nay ông sống ở giáo xứ Holy Name gần khu nhà tôi, và những lúc không tham dự các công việc của xứ đạo mà ông thường làm rất chu đáo, ông lại can thiệp vào việc riêng của tôi. Vì Seamus không chỉ đơn thuần bằng lòng với việc làm hư các con tôi. Mặc dù không thực sự khuyến khích các trò nghịch ngợm tai quái, và là thầy tu hay không, ông như cảm thấy mình đang được xả hơi.

Kể cả những nốt tàn nhang của Bridget hình như cũng nhạt hẳn màu khi nó nhìn thấy tôi đứng đó.

“*Chúc-bổ-ngủ-ngon-con-yêu-bổ-lắm*,” tuy vậy, nó cũng cố nói liến láu, trước khi tụt xuống khỏi cái ghế nó đang quỳ và biến mất. Fiona đang cặp một thứ đồ chơi dưới cánh tay, lao ra khỏi bên kia ghế và cố lẩn sau hai đứa trẻ sinh đôi.

“Một khoảnh khắc nghiêm trọng, phải không thưa Đức cha? Người quên cách xem đồng hồ hay sao ạ? Hay người quên đây là tối của các học trò?”

“Cháu không liếc con chiến mã này một cái hay sao?” Seamus nói, đưa qua đưa lại thanh sắt trên các hạt nhựa để chúng dính với nhau. Con ngựa to gần bằng cỡ ngựa thật. Quá tệ là căn hộ không có chuồng để nhốt. “Con bé là một nghệ sĩ thuần túy đấy,” Seamus nói. “Như người ta thường nói, nó còn sáng tạo hơn nhiều cuốn sách.”

“Cảm ơn ông đã khen cục vàng thông thái ấy, Seamus, nhưng nếu lũ trẻ này không đi ngủ đúng giờ, tất cả chúng ta sẽ bị kết tội đấy ạ.”

Seamus rút phích cắm của thanh sắt, dựng nó thật mạnh lên cái thớt gỗ

rồi liếc nhìn tôi.

“Nếu vậy, tại sao còn đưa người mới vào nhà này?” Ông nói.

“Cô Mary Catherine đó bảo cháu là cô ấy từ Tipperary tới. Có một chi họ nào đó ở Tipperary mà. Mọi ngọn gió thổi từ bắc Đại Tây Dương đều chẳng tốt lành gì cho trí tuệ. Nếu ông hỏi, thì cháu phải nói là cháu không thích diện mạo cũng như hoàn cảnh của cô ấy. Một cô gái trẻ, độc thân sống cùng một nhà với người có vợ.”

Thế đấy. Tôi cắn cẩu nói. Tôi chộp lấy con ngựa bằng nhựa. Seamus cúi đầu xuống lúc tôi ném con ngựa qua bếp và rút bảng phân công việc nhà khỏi tủ lạnh.

“Ông muốn cháu xếp sự quan tâm của ông vào đâu, thưa ông?” Tôi kêu lên. “Vào những giờ phút cuối cùng của cô ấy hay ba mươi ba nhân vật quan trọng ở St. Paddy, với những họng súng đang chĩa vào đầu họ?”

Seamus đi loanh quanh trong bếp và đặt tay lên vai tôi.

“Ta cứ ngỡ ta giúp được cháu,” ông nói bằng giọng mệt mỏi mà tôi chưa từng nghe thấy ở ông.

Giờ thì tôi hiểu. Hiểu lý do ông khó chịu vì sự có mặt của Mary Catherine. Ông ngỡ là bị thế chỗ, và bị đẩy khỏi hình ảnh gia đình.

“Seamus,” tôi nói, “nếu cháu có một người giúp việc hai mươi tuổi, cháu vẫn cần ông giúp đỡ. Cháu cần ông giúp bằng cách ông chỉ bảo cho Mary Catherine. Ông có thể làm việc đó được không ạ?”

Miệng Seamus bĩu ra lúc ông suy nghĩ.

“Ta sẽ thử,” ông nói với vẻ rất kịch, hơi khổ sở. Tôi đi qua căn bếp và nhặt bảng phân công các việc lên. Lúc nhắc con ngựa bằng nhựa, tôi nhận ra nó đã mất đuôi.

“Ông hàn hộ cháu cái đuôi vào đây, ông nhé?” Tôi nói và vội mang nó trở vào bếp. “Nếu không kịp sửa chỗ này, Bridget sẽ giết cả hai chúng ta mất.”



Lúc tôi trở lại hiện trường hỗn loạn đằng trước St. Patrick, tôi thấy xe của Đội Giải cứu con tin FBI đã đỗ cạnh một xe của NYPD. Cùng các xe buýt chỉ huy di động, khu vực này trông như một đoàn rồng rắn khổng lồ.

Có lẽ là một đoàn rồng rắn trong bãi đỗ của địa ngục.

Tôi hỏi tin chỉ huy Will Matthews, sau đó là các nhà thương thuyết khác. Vẫn chưa có gì mới từ những tay súng trong nhà thờ. Không có gì mới từ Jack.

Tôi đành rót cà phê, có lẽ là tách thứ hai mươi trong ngày hôm ấy và ngồi đợi.

Tôi ghét việc này, chờ đợi là cảm giác bất lực nhất. Đây là một trong nhiều lý do khiến tôi chuyển khỏi Đội Giải cứu con tin. Trong đội Điều tra các vụ giết người, chẳng bao giờ có một giây ngơi việc, luôn luôn có vô số thứ thử thách sự kiên trì và thần kinh của bạn.

Tình cờ tôi ngồi trên chiếc ghế xoay. Nó thực sự giúp tôi có thể tránh đối diện với mặt đồng hồ đầy ám ảnh, và có thể có ích cho chúng tôi.

Tôi thấy chỉ huy Will Matthews ngồi ở đuôi xe, tay cầm cốc nước sủi bọt.

“Sếp à,” tôi nói. “Anh có nhớ tôi đã nói về vụ Caroline Hopkins không? Về linh cảm của tôi với thứ gọi là tai nạn của bà ấy? Khách sạn L’Arène, nơi xảy ra sự việc chỉ cách đây ba khối nhà. Tôi đang nghĩ nên thay đổi hướng điều tra, nói chuyện với nhân viên nhà bếp.”

Will Matthews dụi mắt và gật đầu.

“Được,” anh nói. “Cứ hỏi chuyện độ hai mươi phút, xem có đào bới được gì không nếu anh thích thế. Rồi lại về đây nhé.”

Tôi vỗ vào túi.

“Tôi có di động đây. Và một cái dự phòng.”

Nơi đó vừa xảy ra thảm kịch, rồi phố xá bị bao vây, chắc hẳn đã làm hỏng khẩu vị của những người giàu có và nổi tiếng ở New York, vì L’Arène vắng tanh vắng ngắt lúc tôi từ đại lộ Madison vào. Tôi bước lên các bậc đá hoa vào tiền sảnh trải thảm đỏ, trắng và xanh lơ, trông đặc Pháp hơn là Mỹ. Bên kia các bậc là chanh và táo xếp thành các quả núi lộng lẫy trên nóc các thùng champagne cổ.

Có lẽ vào một đêm nào khác, sự thanh lịch của nơi này sẽ không làm ta bối rối. Và nếu tôi không quá vất vả trong mấy giờ vừa qua, sự kiêu ngạo của ông chủ khách sạn cao ráo, mặc lễ phục đứng bên trong cửa sẽ không làm tôi giận dữ đến thế.

Người đàn ông Pháp ngăm ngăm đen, tóc quăn trông như vừa ăn phải con ốc sên ươn lúc phát hiện ra tôi đứng trước cuốn sổ đặt chỗ, to bằng cuốn từ điển trong thư viện.

“Nhà bếp đang đóng cửa,” ông ta làu bàu và lại cầm cúi ghi chép vào cuốn sách.

Tôi gấp cuốn sách lại và đặt tấm thẻ của mình lên trên. Tôi thường thức sự sừng sốt trên mặt ông ta.

“Không,” tôi nói, “Thực ra là không.”

Lúc tôi nói là tôi đến điều tra về vụ tai nạn của Đệ nhất phu nhân, ngay lập tức ông chủ chìa ra cho tôi một tấm danh thiếp.

“Gilbert, DeWitt và Raby đại diện cho chúng tôi trong mọi vấn đề pháp lý. Mời ông đến nói chuyện với họ.”

“Chà, thế mới là có ích chứ,” tôi nói và ngay lập tức quăng vèo tấm các qua đầu cái mũi dài của ông chủ. “Nhưng tôi không phải là công ty bảo hiểm, tôi ở đội Điều tra Các vụ giết người. Bây giờ hoặc là tôi nói chuyện với ông và nhân viên bếp của ông một cách thân tình, hoặc tôi sẽ mời sếp tới và chúng tôi sẽ tiến hành đúng thể thức. Nếu chúng tôi tiến hành bắt giữ, tất cả sẽ phải đến đồn cảnh sát và lẽ tất nhiên, ông sẽ phải khẳng định có đủ giấy tờ hợp pháp của cơ quan nhập cư cho từng người để nhận dạng. Ông hiểu không, lúc này tôi đang nghĩ đến việc yêu cầu Bộ Tư pháp tham gia vào vụ này. Ông biết FBI và IRS* chứ? Ông có đủ các loại biên lai thuế của L’Arène trong năm năm qua chứ? Và chắc không cần phải nói, là các nhân viên của ông có đủ giấy tờ cá nhân chứ?”

Vẻ mặt của ông chủ khách sạn gần như thay đổi ngay lập tức. Một nụ cười ấm áp đến không ngờ che giấu dưới vẻ cau có rất Pháp.

“Tôi là Henri,” ông ta cúi chào và nói. “Xin ông cứ nói chuyện với tôi. Tôi có thể giúp gì ông đây, thưa thám tử?”



Sau khi nghe tôi nói cần phỏng vấn nhân viên nhà bếp, *ông bạn** Henri sốt sắng dẫn tôi qua bộ cửa xoay Tiffany màu xanh lơ và dịch các câu hỏi của tôi cho bếp trưởng.

Bếp trưởng trông thấp hơn, mập hơn và già hơn người anh trai Henri. Hình như ông ta cảm thấy mất thể diện vì các câu hỏi. Chính ông ta dọn bữa cho Đệ nhất Phu nhân, và thật vô lý nếu ông ta cho lạc vào món gan ngỗng béo, ông ta giận dữ nói.

Cách duy nhất có thể lý giải là người phụ bếp ngu ngốc nào đấy đã đánh đổ dầu lạc lên món ăn trong buổi tối quá ư bận bịu đó, nhưng dù có thể đi nữa, ông ta cũng thấy vô lý. Sau đó, người bếp trưởng sôi nổi nói gì đó bằng tiếng Pháp trước khi dọn hai cái xoong trên quầy bằng thép không gỉ và bỏ đi. Tôi bắt chột từ người Mỹ và nghĩ là nghe thấy từ *cười khẩy*.

“Có chuyện gì thế?” Tôi hỏi Henri.

Henri đỏ bừng mặt.

“Bếp trưởng gợi ý có lẽ Đệ nhất Phu nhân đã ăn một... thanh kẹo trước khi tới dùng bữa.”

Tối nay, quan hệ giữa Pháp và Mỹ đã được hồi phục nhiều biết chừng nào, tôi nghĩ.

“Từ tối hôm Phu nhân tới đây, ông có thay đổi nhân viên nào không?” Tôi hỏi.

Henri gõ nhẹ ngón tay dài trên đôi môi tái nhợt.

“Có,” ông ta nói. “Bây giờ tôi mới nghĩ ra. Một trong những người phụ bếp, Pablo, tôi tin đó là tên anh ta, đã không đến làm việc sau tai nạn khủng khiếp đó một ngày, hoặc đại loại thế.”

“Họ của Pablo là gì? Địa chỉ? Anh ta có đơn xin thôi việc không?”

Henri nheo mắt lúc một vẻ phiền muộn, gần như ân hận lan tỏa trên nét mặt.

“Giống như ông nói lúc trước về *chính thức* và *không chính thức*. Pablo

là người làm thuê không chính thức. Thực ra, chúng tôi không có đơn,” ông ta nói. “Việc anh ta ra đi cũng không có gì đáng quan tâm. Giống như ở các khách sạn khác, tỷ lệ thay đổi nhân viên phụ thường cao.”

“Tôi sẽ xem,” tôi nói.

“Gượng đã,” Henri nói. “Tôi tin rằng anh ta có để lại vài thứ trong tủ. Ông có muốn xuống đây ngó qua một cái không?”

Tôi xuống cầu thang đến chỗ cái tủ cũ của Pablo, và phát hiện ra hai thứ.

Một đôi giày đế mềm bán thiu và một bảng giờ xe điện ngầm Bắc Hudson nhàu nát.

Vụ của những đôi giày đế mềm bán thiu, tôi nghĩ.

Lại một ngô cụt nữa, hoặc lúc đó có vẻ là như thế.

Tôi nhét các món đồ của người phụ bếp vào một cái túi tìm thấy trong tủ. Có lẽ chúng tôi sẽ tìm ra nhân dạng của Pablo nhờ các dấu vân tay. Nếu như anh ta đã trở về Trung Mỹ.

Tôi nhận thấy đây là một đường dẫn khá đáng buồn, nhưng thà như thế còn hơn là chẳng có gì.

“Ông có tìm thấy gì không?” Henri háo hức hỏi, và tôi giơ cái túi ‘tang vật’.

Tôi sập cánh cửa tủ một tiếng vang rền.

“Rất ít ỏi, Hank,” tôi nói.

15

Trong mơ, Laura Winston được tạp chí *Vogue* phong là ‘Nữ hoàng thời trang của Thiên niên kỷ mới’; bà đang chơi trên hồ, trong dinh cơ của rừng bất* ở bắc Westchester. Bà nằm một mình trong xuồng, đắp một tấm mútxolin trắng muốt, và bập bênh trôi dưới bầu trời rạng rỡ, xanh biếc, vô tận. Xuồng lướt nhẹ ven bờ, dưới những cành anh đào rộ hoa, những cánh hoa mỏng manh trắng muốt, thanh mảnh như mí mắt thiên thần rơi xuống như mưa, nhẹ nhàng đậu trên mặt, cổ và ngực bà. Lúc thử ngồi dậy trong xuồng, bà nhận ra tấm mútxolin đã quấn chặt quanh cánh tay mình. Bà nhận ra mình đã chết trong cái xuồng tang, và bắt đầu la hét.

Laura Winston giật mình tỉnh dậy và đập đầu vào tay gỗ của chiếc ghế dài trong nhà thờ mà bà dựa vào.

Có tiếng *bịch bịch* của những bàn chân đi giày ống, hai tên đàn ông đeo mặt nạ trượt tuyết, dây lựu đạn vắt chéo ở đằng trước áo choàng màu nâu, đang chậm rãi đi qua lối giữa các hàng ghế nhà thờ.

Ngu thật, bà nghĩ. Ngay bây giờ, nếu bà van nài *được thả* khỏi tang lễ, bà chỉ cần đi chín cây số trong vịnh Four của biển Nam Caribbean là tới lâu đài Phục hưng kiểu Pháp của mình ở St. Bart, trị giá hai mươi một triệu đô la, thêm thắt những chi tiết cuối cùng trong lễ Giao thừa. Giorgio*, Donatella*, Ralph và Miuccia* đều đã nhận lời tới dự.

Thay vào đó, bà đã phớt lờ lời mách bảo thầm kín từ đêm trước: *Xin chào! Sự kiện nổi bật của thành phố NewYork sẽ là mục tiêu của bọn khủng bố. Hãy tránh xa!*

Lẽ tất nhiên, còn biết bao giọng nói nho nhỏ, bí mật khác bắt đầu làm nóng cổ họng khô khốc và khố sở.

Bà đã hết thuốc.

Ban đầu OxyContin được kê cho bà vì một tổn thương ở phần lưng dưới

khi chơi tennis. Một tháng sau, khi bác sĩ vẫn kê đơn ấy, bà đã uống kèm với các vitamin khác. Nó có tác dụng tăng cường thể trạng tốt nhất, loại trừ căng thẳng nhanh nhất.

Laura không muốn thừa nhận điều đó, nhưng khoảng một giờ trở lại đây, bà lên cơn thèm thuốc. Việc này đã xảy ra một lần, một hôm ở Morocco bà bị co giật. Cơn nghiện bắt đầu như một cảm giác ngứa ngứa trong máu. Ngay sau đó, cơn ngứa tệt hại hơn, bà bắt đầu buồn nôn. Sau khoảng một giờ nôn khan, bà run rẩy không ngừng. Sau mười tiếng, bà rút tóc đến điên rồ để dứt cơn. Bà đã sống sót qua cơn đó nhờ nửa lọ Valium của một nhà nhiếp ảnh nhân đức cho bà.

Nhưng bây giờ, ở đây, bà chẳng có gì.

Có khi một số người khác cũng thế, bà nghĩ ngay. Những người này ở Hollywood đều hiểu các đơn thuốc mà bác sĩ Freelgood kê cho họ. Liệu bà có thể hỏi thăm một cách lịch sự được không? Tất cả đều là người cùng hội cùng thuyền. Chia đều cho nhau được mà.

Không! Bà nghĩ và rùng mình. ‘Cái sự đó’ là mọi thứ bà có. Để lộ ra là không thể chấp nhận được. Không ai được biết về tật nghiện ‘heroin mọi rợ’ của bà. Bà phải suy nghĩ. Nghĩ cho ra!

Mấu chốt là bọn cướp muốn gì? Hoặc là tiền hoặc mục tiêu chính trị, bà lập luận. Dù là gì đi nữa, bà còn sống chẳng có lợi cho chúng lắm sao?

Bà sẽ dàn cảnh một vụ đau ốm gì đó. Một cơn đau tim chẳng? Không, bọn chúng sẽ bắt mạch bà và biết ngay là giả vờ. Còn các loại cấp cứu nào khác mà con người bị đột ngột nhỉ? Ngất vì bệnh tiểu đường hoặc vì sợ hãi chẳng hạn?

Nghĩ ra rồi! Ngất vì sợ! Giả vờ sẽ không đến nỗi quá khó. Bà đang toát mồ hôi, tim đập dồn dập.

Cơn sợ sẽ che giấu cơn thèm thuốc. Một kế hoạch thông minh sẽ cứu vãn danh tiếng đáng giá hàng tỉ đô la của bà. Trường hợp xấu nhất, bà cũng được tách khỏi những nhân vật tiếng tăm kia để tha hồ nôn mửa.

Laura Winston không cố cưỡng lại trạng thái run rẩy nữa, và bắt đầu tiến hành.



Eugena Humphrey chìm sâu vào nhịp thở êm dịu của yoga Pranayama đến mức lúc đầu không nhận thấy Laura Winston đã đứng dậy. Hơi thở của Eugena đang từ tốn thoát ra bỗng tắc lại và biến thành tiếng rên như một con sóc bị dại.

Mới một giây trước, nữ hoàng thời trang vừa ngủ ngon lành. Lúc này mặt bà ta tái nhợt và mớ tóc màu rất trang nhã rồi bù như tổ chuột, trông bà ta như người mộng du. Ngoại trừ đôi mắt bà ta vẫn mở.

“Ngồi xuống, Laura,” Eugena nói. “Chị đã thấy Mercedes ra sao rồi đấy. Bọn này không đùa đâu.”

Eugena giật riềm chiếc váy Chanel bằng da màu đen, mềm mịn của ngôi sao thời trang.

“Bỏ tay ra KHỎI TÔI!” Laura Winston gào lên.

Cuồng loạn rồi, Eugena nghĩ. Bà phải làm cho người phụ nữ này dịu lại trước khi bà ta tự giết mình.

“Laura, chị sao thế?” Eugena nói, cố hết sức bình tĩnh. “Hãy nói cho tôi biết đi. Rồi sẽ ổn thôi mà. Tôi có thể giúp chị.”

“Tôi KHÔNG CẦN!” Laura gào to, nhảy tót ra lối đi giữa các hàng ghế. “CỨU TÔI VỚI! Tôi xi-i-i-i-in đấy! AI CỨU VỚI!”

Tên cầm đầu thấp lùn, chắc nịch xuất hiện bên chần song, nơi Laura quy gối, gào khóc âm ỉ.

“Chúng ta không thể để mụ ta hành động phi lý như thế này được,” hăn gọi John Bé ở bên kia điện thoại. “Hãy chăm sóc mụ ta.”

Tên cướp to con bước tới, túm ve áo Laura và nhấc bổng bà ta lên khỏi sàn đá hoa.

“Gì thế bà? Bà phải về chỗ ngay,” hăn nói.

“XIN HÃY CỨU TÔI!” Laura gào lên sau một tiếng nức nở thật to, om sòm. “Anh có thể giúp tôi được chứ? Tôi không sao thở nổi. Ngực tôi. Tôi cần không khí. Ở đây nóng quá. Tôi cần đi bệnh viện.”

“Hay là đến Bellevue*,” tên cướp to con nói, và cười khùng khục. “Thưa bà, bà đang quá kích động. Tôi biết cách duy nhất để chữa người bị kích động là đập cho một trận. Bà không muốn bị đánh chứ, thưa bà?”

Tên cướp chộp cổ tay người đàn bà trung niên lúc bà ta cố chạy trốn hẳn. Hẳn bẻ quặt cánh tay xương xẩu của bà ta ra sau, rồi tóm lấy lưng chiếc áo thời trang cao cấp và lôi bà ta ra khỏi lan can.

“Nếu đây là cách bà muốn giữ trò,” John Bé nói và lắc đầu.

Hắn mở toang cánh cửa một phòng xứng tội cạnh pho tượng đồ sộ Jesus trong lòng Đức Mẹ Mary. Rồi hắn đẩy Laura Winston đang la hét vào trong. Lúc bà ta cố lao ra ngoài, hắn đập mạnh chiếc giày ống vào ngực Laura, làm bà ta bay vèo vào bên trong, rồi đóng sầm cửa lại.

“Chà,” John Bé nói và hất đầu với các con tin khác. “Còn ai nữa, hử?”



Một lúc sau, khi John Bé oai vệ đi xuống lối giữa như một người hùng chiến thắng, nghệ sĩ hài John Rooney mất hẳn bình tĩnh. Buộc phải chứng kiến cảnh những tên cướp hành hạ Laura Winston khiến Rooney dấy lên niềm thương cảm sâu sắc. Anh quên băng sự an toàn của bản thân, quên cả kế hoạch chống lại, quên cả cảnh sát ở bên ngoài. Anh bật phắt khỏi chỗ và lao tới tên cướp.

John Bé loạng choạng và đổ gục lúc Rooney thúc mạnh vào đũng sau đầu gối hắn. Rồi Rooney quấn một cánh tay quanh cổ hắn và xiết chặt, với toàn bộ phần nộ và nỗi sợ bị dồn nén.

Rooney vẫn còn ở trên người John Bé lúc những tên cướp khác lao vào đá anh tới tấp. Những mũi giày thép giáng xuống vai, cổ và trán anh. Thay vì buông ra, anh nhắm nghiền mắt và tập trung vào một việc: *cánh tay anh xiết chặt vào khí quản tên cướp.*

Cú đá bỗng dừng đột ngột. Rồi Rooney nghe thấy tiếng kim loại đánh *cách* và cảm thấy một thứ lạnh và cứng ấn vào thái dương anh.

Anh hé một mắt và thấy Jack, tên cầm đầu, đang cười nhạo anh ở đầu kia

khẩu M16.

“Ta chỉ yêu cầu mi một việc,” Jack nói. “Buông nó ra.”

“Bắn tao đi!” Rooney thấy mình đang nói. Adrenaline sôi sục trong máu anh. “Tao sẽ không ngồi mà nhìn lũ súc vật chúng mày đánh đập người già và phụ nữ!”

Jack liếc nhìn anh qua những cái lỗ trên mặt nạ. Cuối cùng, hắn từ từ hạ khẩu M16 xuống.

“Thôi được, ông Rooney,” tên cướp nói. “Ý kiến được chấp thuận. Tôi sẽ áp dụng các biện pháp đỡ gay gắt để khống chế một đám người hung hăng. Bây giờ ông hãy thả đồng sự của tôi ra. Nếu cậu ta chết, tôi e rằng sẽ bắt đầu một tiền lệ xấu.”

Rooney buông tên cướp to lớn và đứng dậy, thở thật mạnh. Má anh chảy máu vì bị cựa giày cào, cánh tay phải của anh như bị tai nạn nghề nghiệp, nhưng lòng anh đang reo vui. *Anh đã thực sự làm được việc gì đó để ngăn chặn sự xúc phạm này.*

Jack dùng khẩu súng trường thúc nhẹ vào ngực John Bé lúc hắn bật dậy khỏi sàn như một con chó Doberman.

“Kiểm cái gì mà ăn và nghỉ ngơi tí chút đi,” Jack bảo hắn.

“Ông Rooney, mời ông về chỗ. Tôi có việc muốn nói với mọi người đây.”

Rooney ngồi lúc Jack đến bực và hắng giọng. Rồi hắn mỉm cười, thái độ đột nhiên vui vẻ, giống một nhân viên hàng không thông báo về sự chậm trễ của các hành khách cuối cùng.

“Chào mọi người,” hắn nói. “Chúng tôi đã bắt đầu tiến hành thương lượng, mọi sự nghe chừng khá suôn sẻ. Nếu sự việc tiến triển tốt đẹp như thế này, có khả năng các vị sẽ về nhà với gia đình vào sáng hôm Giáng sinh.”

Không có tiếng vỗ tay, nhưng Rooney nghĩ đã nghe thấy một tiếng thở dài chung.

“Song không may nếu có tin xấu,” Jack nói tiếp. “Nếu sự việc xấu đi, rất có khả năng chúng tôi buộc phải giết một số người trong các vị.”

Một tiếng rên khẽ nổi lên từ phía sau điện thờ.

“Vì chúng ta đang ở nơi thờ phụng,” Jack tiếp tục, “tôi khuyên các vị phải có những khao khát tôn giáo và hãy cầu nguyện ngay bây giờ.”

Linda London, một người có vai vế trong ngành truyền hình, gập người làm đôi và bắt đầu nức nở.

“Mọi người hãy thôi đi,” Jack hòa nhã trách móc. “Các vị cứ làm như chúng tôi hành hạ các vị vậy. Các vị phải hiểu ý tôi chứ. Mọi cuộc hành hình sẽ chỉ là một phát đạn nhân đạo, rất nhanh vào gáy thôi.”

Jack bước xuống khỏi bục giảng kính và dừng lại ngay cạnh chỗ Rooney.

“Ô, còn một việc nữa,” hắn nói và ấn mạnh súng vào cổ Rooney khiến anh choáng váng. Mắt Rooney nhắm lại lúc các cơ trên người anh căng lên ngay lập tức. Nhưng thay cho bóng tối, anh thấy toàn thân xèo xèo như tiếng tivi. Một tiếng hét chìm ngấm trong cổ lúc anh đờ đẫn nẩy xuống sàn và lăn vào găm ghế.

“Chúng tôi không phải là huấn luyện viên về phong cách sống hoặc thầy dạy biểu diễn cho anh, và đây không phải là phòng nghỉ của nhà hát,” Rooney nghe thấy tiếng Jack trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê. Thậm chí, anh còn có một ý nghĩ mạch lạc lúc cố tập hợp những mẫu suy nghĩ đau đớn: *Lẽ ra mình nên để hắn bắn mình..* “Tôi tưởng anh phải thông minh thì mới thành công ở đất nước này chứ.” Jack trách móc. “Anh mà còn vi phạm, chúng tôi sẽ giết anh vì tội khờ dại, không chịu hiểu, rõ chưa?”

16

Bảy giờ kém mười sáng, cậu bé Brian Bennett mười một tuổi gõ cửa phòng chị nó.

“Julia ơi,” nó thì thào. “Chị dậy chưa?”

Julia vừa bước ra vừa chải mớ tóc ướt. Đã kịp tắm rồi, Brian thất vọng nghĩ. Nó muốn là người dậy đầu tiên, là người dẫn đầu cả nhà. Hơn nữa, nó là con trai lớn nhất. Julia dậy từ mấy giờ nhỉ? Sáu giờ chắc?

“Chị định đánh thức em,” Julia nói. “Bố vẫn đang ngủ à?”

“Ngủ như chết... em định nói là như một tảng đá ấy,” Brian vội chữa. “Ai mà biết tối qua bố về lúc mấy giờ. Chị có muốn em đi lấy bóng ngô, còn chị đánh thức lũ quý kia dậy không?”

“Ừ, nhưng nếu em làm xong trước khi chị đánh thức tụi nó, thì vào đánh thức Trent, Eddie và Ricky nhé,” Julia nói. “Để chị có thời gian mặc quần áo và chải đầu cho các em gái đã.”

“Vâng,” Brian quay bước trong tiền sảnh lờ mờ, nhưng nó dừng lại.

“Này Julia,” nó nói.

“Cái gì?”

“Tối qua em thấy xấu hổ lúc bố ập vào bắt quả tang chúng mình. Em nghĩ dậy sớm và sửa soạn cho mọi người sẵn sàng sẽ làm bố vui lên.”

“Cảm ơn em, Bri,” Julia nói. “Em nói thế mới ngoan chứ.”

Khí thật! Brian nghĩ và nhăn mặt. Julia nói đúng. Tất cả những việc nó làm là trò nhăng nhít và lấy lòng chị nó ư?

“Người cuối cùng khi cả đội đã xong là người thua đấy nhé,” Brian ngoảnh lại nói lúc đi ra.

Dọn bàn ăn xong, nó mở toang cánh cửa phòng bọn con trai. Nó lay bàn chân Ricky ở cuối giường lúc Trent lăn từ đầu giường xuống và lộn ngược người như một con dơi.

“Đến chưa? Đến chưa?” Trent hỏi, gấp gáp.

“Ai đến kia?” Brian nói và kéo đứa em trai lên năm ra khỏi giường, đứng trên đôi chân trần.

“ÔNG GIÀ NÔ-EN!” Trent kêu to.

“Suýt!” Brian nói. “Chưa.”

“Cái gì?” Trent buồn rầu nói. “Ông già Nô-en không đến à? Tại sao lại không? Anh nói dối phải không, Bri? Em biết em hay nghịch, nhưng em cũng ngoan mà.”

“Hôm nay chưa phải là Giáng sinh, nhóc ạ,” Brian nói và đi vào phòng kho. “Đánh thức Ricky và đánh răng đi. Đánh sạch rồi súc miệng. Ngay bây giờ.”

Năm phút sau, Brian mỉm cười lúc mở cửa phòng ngủ. Bọn con gái ra khỏi phòng mình. Nó tưởng Julia - cô gái Hoàn hảo trong Mọi việc - lần này đưa mấy cô em gái đi tập thể dục mềm dẻo hoặc đại loại thế. *Nhưng không. Rất gọn gàng. Chỉ cài một cái nơ.*

Brian cười to lúc bật đèn bếp. Nó nhận thấy mặc dù giản dị, song nhìn mọi người ăn vận đẹp cũng vui.

Hôm nay là buổi tổng duyệt cuộc diễu hành Giáng sinh ở Holy Name, và ai cũng có vai. Chrissy, Shawna, Bridget và Fiona là các thiên thần đội vòng hoa. Trent và Eddie là người chặn cừu. Ricky đóng vai Joseph và trưng bộ râu giả màu đen rất ngộ. Jane và Julia trong đội đồng ca, mặc áo khoác ngoài óng ánh như bạc. Còn nó, lẽ tất nhiên có bộ bánh nhất, chau chuốt nhất, là một trong ba nhà thông thái.

“Nhìn chúng kìa,” Brian nói lúc đứng ở đầu bàn cạnh Julia. “Cả bọn trông đáng yêu quá.”

Julia rút máy ảnh trong túi áo ra và bấm một kiểu các con nhà Bennett. Con gái sao khôn thế nhỉ? Brian nghĩ. Làm thế nào mà họ luôn làm toàn việc đúng thể cơ chứ?

Julia giơ máy ảnh cho Brian xem.

“Em nghĩ mẹ có thích bức ảnh này không?” Nó nói.

“Có lẽ thích,” Brian trả lời. “Làm sao em biết được?”



Sáng hôm ấy, khi tiếng *lách cách*, những tiếng cười khúc khích, tiếng sập cửa, và tiếng reo lặng đi, cả gia đình đã sẵn sàng đánh thức tôi dậy, tôi cảm nhận được vợ tôi không ở trên giường và rất cảm kích. Maeve và tôi đã thỏa thuận là buổi sáng những ngày thường, cô ấy lo cho bọn trẻ ăn vận, còn tôi đưa chúng đến trường. Maeve để tôi ngủ thêm một lát trong lúc cô làm những việc nặng hơn cho cái gia đình đông đúc và gấn bó của chúng tôi, một lòng tốt bị bỏ quên, mà chỉ những ai đã kết hôn lâu năm mới có thể hiểu nổi.

Tôi trở mình tìm hơi ấm trên gối của Maeve và cảm thấy tấm trải giường cứng, lạnh cạnh mình, rồi chợt nhớ ra.

Tôi nằm đó, hiểu ra nỗi kinh hoàng đầu tiên trong buổi sớm, một câu hỏi giá buốt chợt đến.

Tôi đặt vội đôi chân không lên sàn gỗ cứng lạnh lẽo và chộp lấy cái áo choàng thùng mắc ở cọc giường.

Nếu Maeve không sửa soạn cho bọn trẻ, thì ai làm đây?

Thật khó mà tả nỗi cảm giác của tôi lúc bước vào bếp và thấy các con đã ăn vận đầy đủ quần áo hóa trang cho lễ Giáng sinh. Tôi ngỡ mình đang mơ, hoặc có lẽ đã chết khi nhìn thấy bọn trẻ con ngồi quanh bàn ăn sáng, trông như một bức tranh phi thực thời Phục hưng về một đám đông siêu phàm.

“BỐ!” Cả bọn đồng thanh.

Làm sao chúng tự sửa soạn được như thế? Tôi nghĩ. Tôi là một người cha tồi. Tôi không nhớ đến vở kịch. Tôi không hiểu vì sao mình lại bật khóc lúc cúi xuống nhặt một thứ rơi trên lớp vải sơn. Lúc đó tôi hiểu ra.

Bọn trẻ đã tự chăm sóc bản thân giống như Maeve từng làm. Như thế vợ tôi đã sửa soạn mọi thứ chu đáo và lúc này sẵn sàng để ra đi.

Tôi lau nước mắt vào cánh tay áo lúc Chrissy ôm ghì lấy tôi, diềm mi rung động của nó chạm nhẹ lên má tôi.

Một hơi thở sâu giúp tôi trấn tĩnh lại. Nếu Maeve nhìn thấy tôi khóc

trước mặt các con, cô ấy sẽ đá vào mông tôi ngay lập tức.

Và thế là, lúc nhìn chúng lần nữa, tôi cảm thấy một nụ cười vui sướng lan tỏa trên mặt. Các con tôi đúng là những thiên thần. Chúng như không có thật. Tôi gật đầu với Julia và Brian. Có phải ai cũng có khả năng đối phó với hoàn cảnh kinh hoàng bằng lòng vị tha đâu, nói gì đến hai đứa trẻ? Tôi nghiêng rặng dìm nỗi buồn thương, rồi hăng giọng.

“Bố biết hôm nay không phải là Chủ nhật,” tôi reo lên, nồng nhiệt, “nhưng ai cần một bữa sáng ngày Chủ nhật như bố nào?”

Những tiếng hò reo ‘Chúng con’, ‘Con’ rung cả tường lúc tôi đặt hai cái chảo gang lên bếp.

Seamus vào bếp lúc tôi đang chia thịt xông khói, trứng, khoai tây và hành băm cho các con.

“Chà. Trung thành và có Chúa chứng giám,” ông nói và mở to mắt ngắm những bộ quần áo giả trang của bọn trẻ. “Halloween qua rồi kia mà?”

“KHÔNG A!” Bọn trẻ con kêu toáng lên và khúc khích cười ông.

Một phút sau, Mary Catherine vào, trông vẻ mặt cô rất ngộ. Tôi đưa cô một cái đĩa.

“Tôi đã báo trước cho cô chúng tôi là một đám khó nhằn mà,” tôi nói và mỉm cười.

Tôi đứng bên bếp, ngắm bọn trẻ con ăn và cười đùa trong giây lát. Niềm vui của tôi kéo dài cho đến lúc tôi phát hiện ra điện thoại và chùm chìa khóa của tôi ở trên mặt quầy, cạnh máy pha cà phê.

Xã hội chết tiệt, tôi nghĩ. Ước gì được từ bỏ tất cả. Tôi nghĩ đến các con tin và tiếng đồng hồ tích tắc chống lại họ. Chính bọn năm giữ con tin đã buộc tôi phải rời bỏ và hứng lấy mọi sự. Tôi mỉm cười cay đắng lúc cảm thấy sự oán giận đen tối, nặng nề chuyển từ tôi sang bọn chúng như khẩu đại bác trên xe tăng. Tôi nhận thức được Jack là kẻ phải chịu trách nhiệm đã rút tôi khỏi những người thân yêu.

Mi không biết đang giao thiệp với ai đâu, tôi thầm gửi e-mail cho hẳn. Mi cứ ngỡ mình biết. Nhưng mi không biết gì hết.



Nửa giờ sau, gia đình Bennett đã làm một số xe cộ của thành phố New York phải dừng lại khi chúng tôi tới cửa trước của Holy Name. Một người mẫu ngăm ngăm đen bước xuống taxi, mặc bộ váy áo đen đính sêquin lấp lánh, chắc là mặc từ đêm trước, dừng lại và đặt tay lên đường xẻ rất sâu của áo rồi nói: ‘Ồ ô ồ!’ vì những bộ hóa trang ngộ nghĩnh của gia đình tôi. Ngay cả một thanh niên tín đồ hàng hiệu, mặc áo khoác lông lạc đà cũng không khỏi há hốc miệng vì đoàn nhà tôi lúc cậu ta đổi tai nghe iPod bằng điện thoại di động reo chuông.

Xơ Sheilah còn phản ứng mạnh hơn cả hai người kia.

“Chúa phù hộ ông, ông Bennett,” xơ kêu lên kèm một nụ cười, *một nụ cười đích thực*, lúc xơ tháo móc cửa.

Mặc dù trời lạnh, tôi vẫn cảm thấy khá ấm áp lúc trở vào xe. Tôi quyết định ngồi đó một lát. Tôi cầm tờ *Times* đã nhật ở ngưỡng cửa nhà và đọc, lần đầu tiên.

Niềm vui ngày lễ vừa lóe lên trong lồng ngực xẹp xuống ngay tức khắc lúc tôi nhìn thấy ảnh mình dưới tiêu đề VỤ BẮT CÓC CON TIN TẠI TANG LỄ ĐỆ NHẤT PHU NHÂN CAROLINE HOPKINS. Dưới ảnh tôi là dòng chú thích hoan hỉ: ‘Chúng tôi không biết gì hết’. Tôi ngấm dòng chữ bêu riếu đó.

Cathy Calvin đây. Còn ai nữa?

Tôi lắc đầu, và cảm thấy bụng mình quặn thắt. Chẳng khác nào cô ta cắt nghiêng gân tôi. Kể cả bức ảnh cũng tệ. Vẻ trầm ngâm, chăm chú trên mặt tôi hoàn toàn có thể hiểu sai là ngỡ ngàng ngập. Chắc họ chụp lúc tôi đang tìm người quản lý thánh đường.

Nhờ mười lăm phút của tôi, Calvin đã trở nên nổi tiếng, tôi nghĩ. Cô không nên làm thế này. Tôi không thể hoãn gặp chỉ huy Will Matthews. Thế nào cũng nhận được lời phê vì chiêu quảng cáo mà tôi đã làm với tờ *Times* đây.

Lời chú thích đó - vụ này chỉ càng nổi tiếng, đúng không? - khiến tôi giận dữ quăng tờ báo lên ghế và vào số, lái xe đi.

Chao ôi, tôi đã trở thành trung tâm nóng bỏng của đồng hồ độ này.

Đúng tám giờ hai mươi chín phút, gã Ngăn nắp đặt tách cà phê lên cái gờ băng giá của bộ điện thoại công cộng ở góc phố Năm mươi một và Madison.

Tuy lấy tách cà phê ấy từ một trong những xe tiếp phẩm đậu ở góc phố, gã cũng thấy phấn chấn khi nhấp một ngụm nóng bỏng.

Giữa những tòa nhà màu tro dọc phố Năm mươi một, bầu trời buổi sáng màu xám trông như mảnh vỡ khổng lồ của tấm kính vỡ thiêu. Ánh sáng ùng đục không đủ chiếu sáng các cửa sổ tò vò tối tăm của St. Pat, đối diện với với đường phố bị chặn.

Gã Ngăn nắp cười một lúc, thường thức nổi bất hạnh, thứ cà phê quá nóng, quá khó chịu, cái rét cắt da trên mặt, tiếng các máy phát điện của cảnh sát như khoan vào lỗ tai. Dường như là ám hiệu, một kẻ lang thang chui ra từ dưới đồng lộn xộn ở nhà kho bên lề, giữa đường xuống khối nhà và ngập, rồi xỉ mũi thật to vào rãnh nước, mỗi lần một bên lỗ mũi.

Chà! Buổi sáng kiểu New York, gã Ngăn nắp nghĩ lúc nhắc điện thoại.

Gã hiểu rõ sự việc liêu lĩnh cuồng bạo, bất lương này sẽ là một cú đing người. Nhưng muốn có khoản tiền bảy con số trong tài khoản nhà băng, gã phải cố tìm ra cách.

“Chuyện gì thế?” Một giọng nói.

“Chuyện cũ thôi, ông bạn Jack ạ,” gã Ngăn nắp lên tiếng, vui vẻ. “Cậu có nhìn thấy cái xe moóc mới ở đằng trước không? Đội Giải cứu Con tin ở trong đấy.”

“Đấy là việc tôi đang nói đây,” Jack nói, dò la. “Bọn chúng làm đúng kịch bản rồi.”

“Còn các vị khách thì sao? Họ có một đêm dễ chịu chứ?”

“Bọn cóc vàng ấy thực ra chẳng giống cả tôi lẫn cậu tí tẹo nào,” Jack

đáp. “Bọn chúng dễ bảo gấp tí lần chúng ta tưởng tượng. Nói thật nhé, một lớp mẩu giáo còn nhiều rắc rối hơn kia.”

“Tôi chẳng nói với cậu rồi sao?” Gã Ngăn nấp tiếp.

“Nói rồi,” Jack đáp. “Cậu nói rồi. Cậu cứ để mắt ở ngoài ấy đi. Theo sát kế hoạch nhé.”

Đường dây tắt. Gã Ngăn nấp treo điện thoại và mỉm cười lúc hai cảnh sát đi ngang qua. Vẻ thất vọng, âm đạm như buổi sáng hiện rõ trên bộ mặt thiếu ngủ của họ.

Nhắm mắt lại, viễn cảnh *trước mắt* gã xuất hiện một phòng tắm nắng bằng đá hoa rộng mênh mông, hơi nước bốc lên từ mạch nước ngầm sôi sùng sục, đồng khăn mặt gấp cẩn thận thành hình nón, trắng lóa mắt bên dưới một cửa sổ đầy ắp biển cả xanh thẳm.

Gã lại cầm tách cà phê nóng lên lúc quay thẳng vào nhà thờ. Những con bồ câu trong ánh sáng màu kèn, vẫy cánh quanh các ngọn tháp nhọn. Lòng gã xao động khi nhớ đến những con bồ câu mà cha gã hay bắt trên mái nhà ở Brooklyn.

Nếu như gã chẳng bao giờ để mắt tới một con chuột biết bay nào khác, hoặc lý do biện bạch kém cỏi cho hành động của cha, gã sẽ chết như một người vô cùng hạnh phúc.

Gã Ngăn nấp chớp chớp mắt, xua đi hồi ức hiếm hoi và đưa tách cà phê lên, xuống, từ bên này sang bên kia nhà thờ như một linh mục ban phúc lành.

“Con thực lòng biết ơn Chúa vì những món quà con sắp nhận được,” gã Ngăn nấp nói.

Diễn viên hài John Rooney không biết là mấy giờ lúc anh thôi giả vờ ngủ, nhưng dựa vào ánh sáng nhợt nhạt ở đằng sau lớp kính màu phía trên, anh đoán khoảng chín giờ.

Các ghế dài mỏng, hẹp gần như không thoải mái để nằm, nên bọn cướp đã cho phép họ dùng các tấm nệm ngồi hoặc quỳ để ngủ trên sàn đằng trước ban thờ. Tuy vậy, nệm thì nhỏ và sàn đá hoa hút hết hơi ấm cơ thể, và nếu đem so sánh, vỉa hè của thành phố dường như là một tấm đệm ấm áp hơn.

Có lẽ nào một lữ là một khía cạnh của sợ hãi? Rooney vừa nghĩ, vừa chà xát nắm tay lên mắt lúc anh ngồi dậy, dựa vào chần song ban thờ. *Ờ, quá mệt. Do bọn bắt cóc.*

Ở đằng sau điện thờ, ba tên cướp đeo mặt nạ ngồi trên các ghế gấp, uống cà phê trong cốc giấy. Rooney không nhìn thấy John Bé và tên cầm đầu Jack ở đâu. Bọn chúng đeo mặt nạ và áo choàng, khó mà biết thực ra có bao nhiêu tên. Tám hay mười hai. Có khi nhiều hơn. Hình như bọn chúng làm việc theo ca, mọi thứ rất có tổ chức.

Rooney quan sát, nổi tức giận dâng lên lúc một tên trong bọn ngả về phía anh và châm thuốc lá ở ngọn nến thờ.

Một bàn tay đặt lên vai anh lúc Charlie Conlan ngồi dậy bên cạnh.

“Chào cậu,” Conlan khẽ nói, không nhìn anh. “Tối qua cậu chống trả thật dũng cảm.”

“Ý cậu là ngu ngốc chứ gì,” Rooney nói, sờ lớp vảy trên mặt.

“Không,” Conlan nói. “Cực can đảm. Bây giờ ta sẽ làm thế lần nữa, chỉ cần đúng lúc thôi.”

“Cậu vẫn muốn chống lại chúng ư?” Rooney nói. Conlan điềm điềm gật đầu, và Rooney hiểu cái nhìn sắt đá của ngôi sao ca nhạc. Trong đời thường, hình như Charlie Conlan nổi tiếng trong giới là người hay gây gổ

nhiều hơn với tư cách ngôi sao Rock-and-Roll.

“Này,” một giọng thì thầm sau lưng họ. Mercedes Freer, vốn được tạp chí *nguồn* gán cho biệt danh ‘thần tượng của giới trẻ’, đã được thả khỏi phòng xưng tội từ đêm trước, ngồi dậy từ chỗ cô đang ngủ.

“Mấy anh chàng xấu tính định làm gì đấy hở?” Cô nói.

Rooney cân nhắc xem có nên để cô tham gia không, rồi cuối cùng anh gật đầu.

“Chỉ đang chuẩn bị thôi.”

“Câu phúc cho chuyện dấm dớ ấy,” cô ca sĩ nói. “Làm đi. Một trong những tên đó mê tít tôi. Tối qua, hắn đã nói chuyện với tôi qua cánh cửa phòng xưng tội. Cái tên gày nhom đeo súng, ngồi ở giữa kia kìa. Chúng ta có thể lợi dụng hắn. Tôi có thể làm như thuận tình với hắn hoặc đại loại thế.”

Đúng lúc đó, John Bé từ đằng sau điện thờ đi tới, mang đồ uống lạnh và một khay cà phê.

“Dậy và tươi lên nào, hỡi những người cảm trại,” hắn gào to lúc đứng ở lối đi. “Tất cả ngồi lên ghế. Đến giờ ăn rồi.”

Một âm thanh đột ngột, ngân vang bắt đầu từ chỗ Đức cha Solstice ở sau Rooney ba hàng ghế. Lúc đầu, anh tưởng vị mục sư da đen bị đau tim. Nhưng âm thanh vang lên du dương và vút cao, Rooney nhận ra ông ta đang hát.

Đức cha Sparks ngồi cạnh Solstice, bắt đầu hát theo. Rooney trố mắt. Sao lại có chuyện ngỡ ngàng này? Nhưng lát sau, kể cả anh cũng thấy giọng hát say sưa của hai người hình như truyền hơi ấm dễ chịu vào ngôi nhà thờ lạnh giá. Nhiều người bắt đầu hòa theo, và lúc Rooney nhìn thấy John Bé lắc đầu phản đối, anh cũng hát theo.

Càng sừng sốt hơn khi sau đấy, Mercedes Freer đứng dậy và hát *Silent Night**. Rooney há hốc miệng vì vẻ đẹp cổ điển thuần khiết trong giọng hát của Mercedes. Cô gái chanh chua, ăn nói thô lỗ có thể thành nghệ sĩ độc tấu trong một vở nhạc kịch.

Giấc ngủ yên bình, cô hát. *Hãy ngủ thật say...*

Một tiếng súng khô giòn, đánh gọn thế vào nốt cuối cùng của Mercedes.

Mọi người bất bình quay lại các hàng ghế hướng thẳng tới nhà thờ lớn hơn, nơi phát ra tiếng nổ.

Âm vang ớn lạnh của tiếng súng ép mạnh vào nút điều chỉnh trong tâm trí Rooney. Anh cảm thấy quyết tâm của mình tắt ngấm như ngọn nến bị gió thổi.

Xin Chúa cứu giúp chúng con, anh nghĩ và lần đầu tiên cảm thấy tác dụng thực sự của những lời cầu xin.

Cuộc tàn sát đã bắt đầu.



Chuyện quái gì vậy? Sao lại có thể xảy ra?

Dựa tấm lưng phẳng vào một trong những cây cột đá hoa ốp gỗ củ tùng dày của nhà thờ, Jack nắm chặt khẩu chín li và lắng nghe chăm chú.

Hắn đang đi ở vòng ngoài thì thấy một người mặc đồ đen lao ra từ cửa một hàng bán quà tặng. Ngỡ là Đội Giải cứu con tin của FBI đã đột nhập vào bên trong nhà thờ, hắn rút khẩu súng lục và bắn.

Không hiểu sao họ vào được, hắn nghĩ. Ất hẳn có ngõ ngách nào đấy mà hắn và gã Ngăn nắp bỏ sót. Hắn đợi tiếng giày ống nện trên sàn đá hoa. Những mệnh lệnh thì thầm. Hắn đích thân kiểm tra cẩn thận để tìm cái chấm đỏ của ống ngắm lade, có nghĩa là hắn phải chết.

“Chuyện gì thế?” John Bé hỏi, hắn cùng hai tên khác từ lối đi giữa chạy tới. Một tay hắn cầm lục đạn, tay kia cầm khẩu chín li.

“Một thằng mặc đồ đen vừa nhô ra khỏi cửa hàng quà tặng. Tao không nghĩ đó là Will Smith. Tuy vậy, tao nghĩ là đã bắn hắn.”

“FBI ư?” John Bé thì thào, liếc nhìn lên các cửa sổ kính màu. “Làm thế nào?”

“Tao không biết,” Jack nói và nhìn trộm cây cột. “Thằng ấy ngã xuống cạnh bình đựng nước thánh. Tao sẽ kiểm tra thằng đó. Bọn mày kiểm tra cửa hàng bán quà tặng. Bắn trước nhé.”

Bọn chúng chia ra và ào tới đứng trước nhà thờ. Jack nhún nhảy đi vào

lối giữa, súng chĩa vào thân hình đang nằm trên sàn đá hoa. Nó không nhúc nhích.

Hắn gõ mạnh nòng súng ấm nóng vào trán lúc nhìn ra người hắn vừa bắn. *Mình đã làm gì thế này?*

Jack nhìn xuống vị linh mục già. Ánh nến lập lòe chiếu vào vũng máu đen dưới đầu ông ta. *Cút thật.*

John Bé suýt đụng phải hắn.

“Trong cửa hàng quà tặng không có ai,” hắn nói. Hắn nhìn xuống vị giáo sĩ bị giết tàn bạo và cặp mắt mở trừng trừng, to tướng của ông ta.

“Chó chết!” Hắn nói.

Jack ngồi xổm cạnh cái xác và nhìn chăm chăm vào bộ mặt đã chết của giáo sĩ.

“Nhìn xem, ông đã khiến tôi làm gì này,” hắn nói, giận dữ.

John Bé đút súng vào bao.

“Giờ chúng ta phải làm gì đây?” Hắn hỏi.

Ít ra bọn kia đang nhắm vào lưng mình, Jack nghĩ và nhìn xuống con người vô tội mà hắn vừa giết. Hắn đã bảo chúng giết chóc có thể là một khả năng, và tất cả đã lạng lẽ tán thành.

Chỉ ít hắn cũng có đồng bọn ở địa ngục.

“Chúng ta sẽ lợi dụng việc này,” hắn nói. “Không muốn hành động nghiệt ngã, nhưng làm như chúng ta không có lựa chọn nào khác.”

“Lợi dụng ư?” John Bé nói và nhìn xuống vị linh mục đã chết. “Như thế nào đây?”

“Năm lấy tay chân của đức cha,” Jack nói. “Tao đã chán chờ đợi lắm rồi. Đã đến lúc tăng tốc và tăng sức ép. Đến lúc hành xử tàn nhẫn.”

Vừa quá chín giờ, tôi tới chỗ rào chắn CẢNH SÁT KHÔNG ĐƯỢC QUA của trung tâm chỉ huy. Trước khi hiểu thông điệp ấy là lệnh cho tôi trở về nhà với gia đình, tôi tắt động cơ chiếc Chevy và mở cửa.

Tôi lắc đầu vì cuộc bao vây sinh tử vẫn tiếp tục lúc tôi lách qua cả đồng phương tiện truyền thông đang đông thêm, rồi được vẫy tay ra hiệu cho qua ở cả ba trạm kiểm soát.

Phản chiếu trong lớp kính đen của tòa công thự hiện đại gần đó về phía bắc, tháp chuông nhọn hoắt của thánh đường trông như một giàn gai và lúc này cắm thẳng xuống mặt đất. Hai phóng viên đang chuyển dữ liệu làm tường thuật trực tiếp về đài của họ. Khi có tin, các phóng viên báo gõ vào laptop, phóng viên truyền hình tường thuật trực tiếp, phóng viên đài phát thanh gào rất to vào điện thoại.

Tôi vừa rời mắt khỏi đám phóng viên cùng công việc của họ thì bắt gặp các cánh cửa của thánh đường ở bên kia đại lộ Năm chuyển động. *Cửa lại mở ra lần nữa!*

Ban đầu, hình như một hình người bay từ trong bóng khung vòm ra, có lẽ chúng thả thêm một người nữa. Lúc tôi nhận ra người đàn ông mặc đồ đen chuyển động rất nhanh, mạch tôi đập dồn. Tôi đoán có lẽ một người nào đó đang chạy trốn.

Lúc nhìn thấy người đó úp mặt xuống các bậc thềm bằng đá mà không hề có ý định ngừng lăn, tôi biết có gì đó không ổn.

Không kịp suy nghĩ quá nhiều, tôi lao qua cái xe rác chắn đường và chạy băng qua đại lộ.

Chỉ đến lúc leo lên các bậc thềm thánh đường và quỳ cạnh thân hình vừa rơi xuống, tôi mới chợt lạnh người nhớ ra mình không mặc áo chống đạn.

Cái xác bị ném đã trượt qua một phần con phố hôm trước dành riêng cho

thi hài Caroline Hopkins. Lúc này, những ngọn nến thờ trông giống các chai bia lắc lư hơn là những đồ thờ cúng trang nghiêm. Một bó hồng héo nằm ngay bên bàn tay duỗi ra của người lặn xuống, như thể ông ta đánh rơi nó trong lúc ngã.

Tôi không bắt được mạch ông ta. Một luồng ớn lạnh xuyên qua tim tôi lúc lật thi thể lên để làm hồi sức cấp cứu.

Tôi nhìn lướt từ cái cổ áo trắng tinh của giáo sĩ tới lỗ thủng ở thái dương ông, cặp mắt ông mở to, chết ngấm.

Tôi nhắm nghiền mắt và đưa bàn tay lên che mặt trong giây lát. Rồi tôi quay lại và nhìn trừng trừng vào các cánh cửa đồng thau đã khép chặt.

Bọn chúng đã giết một linh mục!

Trung úy Phản ứng nhanh Reno đã ở cạnh tôi.

“Lạy Đức Mẹ,” anh nói khẽ, gương mặt sắt đá của anh nao núng. “Giờ bọn chúng là những kẻ sát nhân.”

“Đưa ông ấy ra khỏi đây, Steve,” tôi nói.

Reno nắm chân, tôi nắm tay ông ta. Bàn tay vị linh mục mềm và nhỏ nhắn như tay đứa trẻ. Hầu như ông chẳng còn chút sức nặng nào. Xương bả vai của ông thông xuống khỏi mái đầu ngật ngưỡng, sượt trên lớp nhựa đường lúc chúng tôi khiêng cái xác chạy tới hàng rào cảnh sát.

“Sao vụ này cứ phải lôi thêm các xác chết ra, hờ Mike?” Reno buồn bã nói lúc chúng tôi ào qua rào chắn.



Lúc đặt vị linh mục bị sát hại lên cáng cứu thương, tôi nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo, qua cửa xe chỉ huy mở sẵn. Không cần nhìn tên người gọi, tôi đã biết là ai. Tuy vậy, thay cho vồ lấy điện thoại, tôi cứ mặc nó reo trong lúc tôi thận trọng đưa ngón tay cái vuốt mắt linh mục.

“Bennett!” Tôi nghe thấy tiếng chỉ huy WillMatthews ở bên dưới.

Tôi loạng choạng, dờ sống dờ chết đi qua anh mà không nhận thức được mình đang đi vào xe buýt. Lần đầu tiên nhận điện thoại mà tôi không hề lo

lẳng, không ngấm ngấm sợ sẽ xử lý tình thế kém cỏi. Hoàn toàn ngược lại nữa kia.

Tôi đang nóng lòng muốn nói chuyện với tên chó đẻ kia.

Chắc hẳn chuyên gia thương lượng Martelli của FBI đã cảm thấy cơn thịnh nộ của tôi. Anh tóm lấy cổ tay tôi.

“Mike, anh cần nguôi đi. Dù xảy ra bất cứ chuyện gì, hãy bình tĩnh. Đừng xúc động. Anh quá giận dữ, chúng ta sẽ mất sự hòa hợp mà anh đã tạo lập. Ba mươi hai con người vẫn đang lâm nguy.”

Đừng xúc động ư? Tôi nghĩ. Điểm tệ hại nhất trong việc này là Martelli đúng. Công việc của tôi là phải Cực kỳ Bình tĩnh. Giống như bị vỡ mũi mà phải xin lỗi đã vấy máu lên năm đấm của kẻ thù mình. Lúc này, tôi thực sự căm ghét công việc này.

Tôi gật đầu với viên trung úy máy tính bên bàn.

“Bennett đây,” tôi nói.

“Mike,” Jack vui vẻ nói vào tai tôi. “Anh đấy ư. Nghe này, để tôi giải thích trước khi các anh khó chịu. Sáng hôm qua, cha Stowaway uống rượu vang khá say vì chúng tôi đã cho phép mọi người. Ông ấy nhảy ra không đúng lúc và cố chạy. Vì ông ta mặc đồ đen nên chúng tôi tưởng là một người trong Đơn vị Cảnh sát đặc biệt của các anh lên vào bữa tiệc.”

“Anh nói gì vậy? Đây chỉ là một tai nạn ư? Không phải lỗi của các anh sao?” Tôi nói, nắm tay tôi muốn nghiền nát cái điện thoại.

“Chính xác,” Jack nói. “Một trong những việc sai địa điểm, sai thời gian, Mike ạ. Nhưng đấy thực sự không phải là mất mát gì lớn, anh nghĩ mà xem. Một kẻ ngớ ngẩn chộp mắt một giấc vô nghĩa. Theo cách tôi nhìn nhận, càng có nhiều kẻ tu hành ra ngoài đó, tối nay càng dễ ngủ hơn.”

Thế đấy, tôi nghĩ. Dù diễn hay không, tôi đã nghe con quái vật này nói xong.

“Mi là đồ chó đẻ,” tôi nói. “Mi là một bãi cứt. Mi đã giết một linh mục.”

“Tai tôi đánh lừa tôi chắc?” Jack gào to, nhơn nhơn. “Hay là tôi nghe thấy một xúc động nho nhỏ, thực sự đây? Tôi bắt đầu nghĩ tôi đang nói chuyện với một máy tính đấy, Mikey. Mọi thứ liệu pháp tâm lý, mọi chiến thuật thương lượng bình tĩnh tào lao mà anh phun ra gần như khiến tôi

muốn dí súng vào tai. *Rốt cuộc thì, hãy ngửa bài đi, ông bạn.* Chúng tôi muốn có tiền và ra đi, còn người của anh muốn thổi bay đầu chúng tôi bằng súng cực mạnh vào lúc thuận tiện nhất.”

Jack cười khoái chí.

“Chúng ta không phải là bạn bè. Nếu trên trái đất này từng có kẻ thù, thì đó là anh và tôi. Anh nói đúng, Mike ạ. Chúng tôi là lũ chó đẻ. Thực ra, chúng tôi là những con chó xấu xa nhất mà anh không may gặp phải. Nếu chúng tôi sẵn sàng thịt một thầy tu chẳng vì lý do gì, anh có vui lòng nghĩ tôi sẽ thịt nốt một trong những nhân vật danh tiếng vô tích sự mà tài khoản có hơn bảy con số không? *Hoặc là giết chúng tôi, hoặc để chúng tôi lấy tiền của mình.* Đừng phí phạm thời gian của tôi nữa!”

“Anh có chắc không muốn các lựa chọn khác không?” Tôi nói, đột ngột.

“Gì vậy, Mike?”

“Hủy súng của anh đi,” tôi nói.

“Cơ hội béo bở đây,” Jack nói và cười to. “Nhưng tôi không muốn thế. Nếu các người còn giữ tình trạng hỗn độn quanh tôi, thì hãy coi chừng đấy. Trước khi sự việc này kết thúc, có lẽ tôi mới quyết định hủy nó cho anh.”



Tiếng đĩa số quay cắt cuộc gọi rít lên trong tai tôi, đúng lúc Mike Nardy, quản lý thánh đường bước vào xe.

“Tôi e rằng tôi phải thú nhận,” ông ta nói buột ra và nhìn khắp nhóm cảnh sát cùng đặc vụ. “Còn một đường nữa vào thánh đường.”

Oakley, chỉ huy Đội Giải cứu con tin tiến tới để giải quyết việc này.

“Hãy nói cho chúng tôi biết đi, ông Nardy,” anh nói. Ông già ngồi xuống chiếc ghế xoay và đỡ lấy cốc cà phê.

“Sở dĩ lúc trước tôi không nói vì đó là một bí mật. Cũng là một điều khó xử cho nhà thờ. Lý do duy nhất khiến tôi đến đây vì cha Miller, vị linh mục bị bắn, là bạn tôi, và ờ, tôi xin các anh hứa là sẽ không để lộ ra ngoài nhé? Về con đường ấy?”

“Lẽ tất nhiên rồi,” Oakley trả lời ngay lập tức. “Đường vào ở đâu, ông Nardy?”

“Từ ngã ba Trung tâm Rockefeller,” người quản lý nói. “Có một lối đi cắt dưới đại lộ Năm vào... ở... hầm tránh bom. Hồi những năm 60, Hồng y Giáo chủ Spellman, cầu chúa cho linh hồn người được an nghỉ, bị mắc chứng *hoang tưởng* sau sự kiện Vịnh Con lợn*. Người tin rằng New York sẽ bị tấn công bằng vũ khí hạt nhân. Vì thế người đã trích quỹ cho một dự án xây dựng bí mật.

“Nơi giấu bom được xây cất trong hầm mộ các tổng giám mục. Được Rockefeller cho phép, người ta đã đào một lối thoát thấp hơn ngã ba Trung tâm Rockefeller, nơi hiện nay có nhiều cửa hàng và các thứ khác. Tôi chưa bao giờ đi qua đường này, không người nào được đi qua kể từ khi xây dựng.”

“Tại sao ông không nói với chúng tôi từ trước?” Tôi xen vào, giận dữ. “Ông biết là chúng tôi đang tìm lối vào kia mà, Nardy.”

“Tôi ngờ mọi việc có thể giải quyết một cách hòa bình,” người quản lý khẽ nói. “Giờ thì tôi nghĩ khác. Tội nghiệp cha Miller. Ông ấy là người tốt.”

Có một điều tôi thấy thích thú là khi các công dân quyết định lôi kéo cảnh sát vào những mục tiêu chính trị của riêng họ. Tôi suýt túm lấy ông già vì tội đã cản trở công lý, thì Oakley ngăn tôi lại bằng cái lắc đầu.

“Ông có nghĩ sẽ dẫn đường cho chúng tôi vào đó không, ông Nardy?” Oakley nói, điềm đạm.

“Nhất định rồi,” người quản lý nói.

Oakley gọi vào máy bộ đàm và ra lệnh nửa đội biệt động của anh đến trung tâm chỉ huy.

Cuối cùng phải có hành động nào chứ, tôi nghĩ. Rốt cuộc cũng có dịp may cho những người tử tế.

Tôi đã chán nói chuyện. Cũng như Jack vậy.

“Anh đi đâu đấy?” Oakley nói, anh nhìn tôi ngạc nhiên.

“Đi với anh,” tôi đáp với nụ cười căng thẳng. “Anh sẽ không biết lúc nào anh cần thương lượng đâu.”



Sau hai mươi phút chuẩn bị vũ khí và tóm tắt kế hoạch, tôi nhập vào nhóm mười hai đặc vụ FBI và biệt động NYPD. Chúng tôi theo quản lý Nardy vào số nhà 630 trên đại lộ Năm.

Toàn thân tôi ướt đẫm dưới ngọn đèn đêm đeo trên trán mượn được, áo chống đạn nặng trĩch và súng bắn tầm gần. Thỉnh thoảng mới nghe thấy tiếng giày nhà binh lúc chúng tôi di chuyển nhanh qua căn phòng đá hoa màu đỏ thuộc hành lang Nghệ thuật Trang trí rồi xuống cầu thang.

Ngay từ đầu cuộc bao vây, chỉ huy Will Matthews đã cho phong toả bên dưới ngã ba phố, và chúng tôi hơi sồn gai ốc lúc đi qua hành lang như một phố buôn bán vắng lặng, im lìm. Đồ trang trí Giáng sinh và đèn nhấp nháy trong tủ kính các cửa hàng quần áo loại sang, cửa hàng đồ chơi và một phố bán đồ ăn, nhưng các lối đi và bàn đều vắng tanh.

Nó làm tôi nhớ tới một bộ phim kinh dị cũ mà cậu con trai Brian rủ tôi cùng xem trong dịp Halloween, giống cảnh trước khi dân chúng chạy trốn các thầy ma sống lại trong một phố buôn bán. Tôi nhanh chóng dẹp tan cảm giác rờn rợn lúc nhớ ra tên phim.

Bình minh Tử thần.

Nardy dừng lại bên cánh cửa thép không đánh dấu, cạnh cửa hàng thực phẩm sành điệu Dean & DeLuca. Ông rút chùm chìa khóa đồ sộ trong túi chiếc quần nhàu nát. Mỗi ông mấp máy lúc chọn chìa, không biết là cầu nguyện hay đếm. Cuối cùng, ông chọn một chìa khóa to, hình thù kỳ dị và đưa cho Oakley.

“Nó đây,” ông nói và làm dấu. “Chúa phù hộ các ông.”

“Nào, mọi người,” Oakley thì thào. “Tắt hết radio, đội của tôi đi trước. Vặn chặt các bộ giảm thanh. Đèn đêm sẵn sàng để đi. Từng người một, cách nhau ra. Lắng nghe tín hiệu của tôi.” Anh quay sang tôi. “Mike, đây là cơ hội cuối cùng để trở về.”

“Tôi hiểu,” tôi nói.



Tiếng nhà chốt an toàn lách cách, rồi sau đó là tiếng kim loại hơi to hơn lúc Oakley xoay ổ khoá.

Cánh cửa rên rỉ cốt kết khá to lúc mở ra. Chúng tôi nhìn chăm chăm bên trên nòng súng vào một hành lang bê tông không đèn đóm.

“Mẹ tôi thường bảo nếu tôi chơi được nước cờ hay, tôi sẽ được tới đại lộ Năm,” Oakley thì thào lúc kéo đôi kính đêm gập xuống và bước vào bóng tối mịt mù sau khẩu MP5 của anh.

Lúc tôi kéo gập cái kính lồi xuống, đường hầm tối tăm biến thành màu xanh vàng kỳ quái. Đi vào bên trong khoảng sáu mét, chúng tôi phải cúi đầu dưới một dãy ống dẫn cáp bằng sắt han gỉ. Đi tiếp khoảng chín mét nữa, chúng tôi men theo ống dẫn hơi nước nóng bỏng và to bằng sườn xe chở xăng.

Đường hầm ngoặt xuống đột ngột, và chúng tôi tới một cầu thang dài bằng sắt, xoắn ốc cũng đi xuống.

Ở chân cầu thang hai tầng là một cánh cửa sắt gắn chặt vào một thứ trông như bánh lái ở đúng trung tâm. Nếu không biết rõ hơn, tôi sẽ nói chúng tôi tới phòng máy của một tàu thủy.

Lúc Oakley đặt tay lên bánh lái, cánh cửa xoay vào bên trong, như đặt trên các bản lề trơn dầu. Chúng tôi đột nhiên ở trong một căn phòng nhỏ, với các ghế bằng bê tông. Đây là một nhà thờ, với những ghế dài và một ban thờ bằng bê tông trông chán ngắt. Thứ duy nhất không phải bê tông là cây thánh giá uốn bằng kim loại màu xám xỉn, có lẽ bằng chì. Bên phải cây thánh giá là cái thang sắt dựng đứng vào một thứ giống như ống khói trên trần nhà.

Oakley ra hiệu im lặng lúc chúng tôi đến gần cái thang. Lối đi thẳng đứng này cao khoảng hai tầng nhà, giống như một cái tháp kỳ lạ, xây ngầm dưới đất. Tôi không biết FBI có huấn luyện môn trèo thang không, nhưng nếu Olympic có môn này, những người thuộc Đội Giải cứu con tin phải

giành huy chương vàng.

Từ chân thang, tôi phát hiện ra một bánh lái khác trên nóc ống khói, trên đầu các biệt động.

Đúng lúc đó, tôi thấy nó quay tròn với một tiếng rít chói tai.

Vài giây sau, tôi không thể nhìn thấy gì vì một vòng tròn ánh sáng chiếu thẳng từ trên xuống, tôi lóa mắt, rồi sau đó là điếc đặc lúc thế giới quanh tôi vỡ tan tành vì những tiếng súng giòn đanh.

Jack đang ở bên trên chúng tôi.



Tôi lùi lại khỏi ống khói. Tôi giật phăng cặp kính lồi đi đêm. Đạn khoan nhiều lỗ vào sàn bê tông lúc súng bắn như mưa qua cái khe hẹp.

Thật là phép màu khi tôi không bị trúng đạn lúc kéo những người trong đội chiến thuật đang nhảy lên, ngã và trượt, tránh xa khỏi vùng chết người ở chân thang.

Những loạt đạn sáng lóe màu trắng-xanh rung lên như ánh đèn nhấp nháy lúc những người trong đội vội cấp cứu cho đồng đội ngã xuống.

Tôi nghe thấy Oakley nguyên rủa và đếm đầu người lúc tôi chuyển khẩu MP5 của mình vào chế độ tự động rồi trở lại ống khói.

Tôi dúm khẩu súng ngược lên cái lỗ cạnh thang, cầm một tay và kéo cò. Khẩu MP5 nảy lên như cái búa khoan trong tay, cho đến khi tôi nghe thấy một tiếng cách. Tôi không biết có bắn trúng không, nhưng hình như tạm thời chặn được cuộc tấn công.

Một giây sau, có tiếng còi rất to, lạnh lạnh, và một cái hộp mù mịt khói rơi xuống chân thang. Rồi cái nữa. Tôi kéo vội cái áo gió lên che mặt lúc luồng khói cay sè làm mắt và phổi tôi bỏng rát.

“Hơi cay!” Tôi gào to. “Lùi lại!”

Tôi suýt vấp phải một cảnh sát ngã ở đằng sau tôi.

“Trúng đạn,” cậu ta nói ào ào. Tôi vác cậu ta lên đúng kiểu lính cứu hỏa và chạy trở lại cánh cửa mà chúng tôi vừa lọt qua. Tôi bị đập mạnh

căng chân vào bậc cầu thang xoáy ốc và cảm thấy máu rỉ ra trong giày.

Tôi suýt vỡ đầu lúc đụng phải một trong những ống dẫn bằng sắt gần lối vào đường hầm.

Cuộc trở về hành lang của phố buôn bán thật kỳ dị. Trong ánh đèn xanh đỏ nhấp nháy của ngày lễ và tiếng nhạc Giáng sinh từng bừng, máu và những bản tước trên người khiến chúng tôi trông như đang chơi trò hóa trang vậy.

Tôi đặt người thanh niên lên sàn đá hoa bóng loáng ở ngã ba. Tôi há hốc miệng lúc nhìn chăm chặp vào cặp mắt xanh, không sinh khí của cậu ta. Cậu là một cảnh sát Phản ứng nhanh của NYPD, lực lưỡng, tóc đen, không quá hai mươi năm tuổi.

Giờ cậu ta đã chết, chết trong lúc tôi cố đưa cậu tới chỗ an toàn.

Oakley úp cái mũ sắt lên mặt một đặc vụ FBI hy sinh ở bên trái tôi.

Đã xảy ra chuyện gì vậy? Hai chàng thanh niên tốt, hai cảnh sát giỏi đã ngã xuống.

Tôi nhìn quanh, sững sờ. Một biển quảng cáo của cửa hàng quần áo trong tấm kính bên trên xác viên cảnh sát. Một cô người mẫu tóc vàng hoe, đội mũ và mặc bộ áo đỏ thắm của ông già Nô-en, tươi cười kẹp giữa hai người mẫu nam không vận sơ-mi, vắt vẻo trên mũi chiếc ô tô kiểu cổ.

Một hoạt cảnh ngớ ngẩn, kèm theo sự sững sờ bất chợt nổ bùng trong người tôi. Tiếng chuông báo trộm tắt ngấm lúc tôi trở bóng khẩu súng MP5 đập vỡ tan tành ô kính.

Tôi trượt theo tường vào đồng thủy tinh vỡ màu xanh. Tôi bặm môi lúc nhìn lại cái đáy địa ngục đen ngòm mà chúng tôi vừa thoát ra.

Chúa giúp chúng con, tôi nghĩ. Rồi... Sao bọn chúng biết nhiều về thánh đường St. Patrick đến thế? Làm sao chúng biết về chúng tôi?

Gã Ngăn nấp gập điện thoại di động lại lúc một xe cứu thương dừng phắt ở số nhà 630 đại lộ Năm, ngay trước mặt gã. Gã phải lùi lại một bước và dựa lưng vào thành xe lạnh lẽo, bắn thiu, nhường đường cho một nữ nhân viên cấp cứu nhảy ra từ buồng lái. Gã vờ kinh ngạc rồi bỏ đi, đầu cúi xuống.

Nhờ đây không phải là Yolanda tôi-cần-một-cái-ôm, gã nhìn trộm vào một bên mặt người nữ trợ tá Hispanic.

Gã lắc đầu, nhớ đã gặp cô ta ở bên ngoài bệnh viện, nơi Caroline Hopkins trút hơi thở cuối cùng.

Vì mọi cuộc vây hãm trong các nhà thờ trên toàn thế giới, cô ả phải lái cái xe chở xác vào con đường của mình.

Gã Ngăn nấp mỉm cười lúc chìa cốc cà phê về phía cô ta.

Ta lại nhìn thấy mày ở đây, đồ chó cái. Sáu bậc ngăn cách và tất cả là bài ca mừng Giáng sinh.

Gã quan sát cô đẩy xe cáng, vội vã chạy ào qua quảng trường. Đội chiến thuật xuất hiện từ cánh cửa xoay đúng lúc cô ta tới lối vào.

Gã Ngăn nấp đếm nhanh số người. Mười ba người đi xuống. Giờ chỉ còn chín người đang đứng. Người của gã ở trong kia đã làm ra trò! Chống lại cả Đội Giải cứu con tin! Mà đội ấy vẫn được coi là giỏi nhất trong các đội giỏi nhất.

Ờn Chúa, gã có thể báo tin cho Jack được rồi.

Gã hơi nhăn mặt khi nhìn thấy thám tử Mike Bennett giỏi giang, cực kỳ khôn khéo vẫn còn sống. Yolanda đang kéo ống quần bên trái của anh lên và lau một vết rách trên cẳng chân.

Sao thế, Mikey? Bị xước sát gì chẳng?

Gã theo dõi thấy Bennett gạt cô ta sang một bên và đi tập tễnh, lão đảo tới chiếc xe moóc. Cảnh sát và đặc vụ FBI vỗ vai lúc anh đi qua.

“Không phải lỗi của anh,” gã Ngăn nấp từ trong đám đông gọi với vào lưng Bennett lúc anh đi qua. “Là do bọn khốn ở trong đó. Tất cả do lỗi của bọn chúng.”

21

Đây là một thảm kịch. Thảm kịch với những chàng trai giỏi giang, Jack nghĩ lúc nhìn xuống người vừa ngã.

Một tên cướp vấy đầy máu tựa đầu vào cái bình đựng tro hỏa táng giả đá và rên rỉ lúc Jack sập mạnh cái nắp bê tông, đóng chặt cửa hầm tránh bom.

Biết được đường hầm bí mật từ hầm mộ của thánh đường là một trong các yếu tố cơ bản khiến hãn và gã Ngăn nắp quyết làm đến cùng vụ bắt cóc này. Đấy chính là con đường mà phần lớn bọn chúng lên vào và là đường chúng định thoát ra.

Jack chà xát sống mũi và nhắm mắt lại lúc nỗi kinh hoàng bắt đầu phồng lên trong ngực hãn.

Phải bình tĩnh. Hãn không được phép hoảng sợ. Hãn đã tính đến điều này, nhớ chưa? Hầu như hãn mong đợi nó. Và sẽ tiếp tục tiến hành.

Hãn hít một hơi sâu và từ từ thở ra.

Ơn Chúa, hãn đã có sẵn phương án B. Hãn mở mắt lúc tên đồng đội đang hấp hối lại rên rỉ.

Fontaine ơi, hãn nghĩ. Cậu là một thằng khốn bất hạnh.

“Bình tĩnh nhé,” Jack nói lúc cầm con dao găm rạch toạc chiếc áo choàng nâu của tên cướp, rồi cắt dải buộc của chiếc áo chống đạn. “Cậu sẽ ổn thôi,” hãn nói dối không hề ngập ngừng.

Một trong những viên đạn bắn trả từ nơi tránh bom đập vào nắp hầm đúc bằng chì rồi bật đi một góc. Fontaine bị trúng vào lưng, ngay trên cổ áo chống đạn, ở bên trái cột sống. Đấy không phải là thứ xấu nhất của hãn, Jack nghĩ.

Lúc cởi áo chống đạn của Fontaine, Jack phát hiện máu phun ra ở trên ngực phải của bạn. Jack nhìn kẻ hấp hối, vô cùng kính trọng. Fontaine vẫn thờ, dường như bất chấp mọi logic.

“Đừng nói dối tôi,” Fontaine nói. “Cả người tôi bị lạng ra từng mảnh rồi. Tôi có thể cảm thấy thế. Tôi có thể cảm thấy máu.”

“Chúng tôi sẽ đặt cậu ra ngoài,” Jack đề nghị. “Cậu sẽ bị bắt, nhưng ít ra cậu sẽ được thở.”

“Phải,” Fontaine nói. “Người ta sẽ vá vú qua loa để tôi có thể sống và khoẻ lại lúc họ tiêm thuốc độc cho tôi. Hơn nữa, họ sẽ nhận dạng tôi, tất cả chúng ta bị nghiền nát mất. Hãy làm ơn giúp tôi một việc, khi anh ra được bên ngoài, nhé?”

“Bất cứ việc gì,” Jack nói.

“Hãy đem phần của tôi cho Emily, bạn gái tôi. Nhớ nhé, dù không được cả phần. Chỉ một ít nào đó thôi.”

Tên cướp bỗng nức nở.

Kẻ hấp hối sẽ không đau đớn nhiều vì chết vô ích. Jack ngồi trong máu của đồng bọn lúc vòng ra sau Fontaine và nâng hẳn lên.

“Tôi thề với cậu,” Jack nói vào tai hẳn. “Cô ấy sẽ nhận được toàn phần. Cô ấy sẽ đi học đại học. Như cậu thường mong ước. Vào Ivy*, đúng không?”

“Chắc chắn rồi,” Fontaine nói và hơi gật đầu. “Cô ấy đã nhận được một ngàn rưỡi đô la tiền trợ. Tôi đã kể với anh rồi phải không?”

“Sẽ gấp một ngàn lần như thế,” Jack nói và cười thầm vào tai tên bạn thân.

“Hãy cho bà mẹ vô dụng của cô ấy biết việc đúng đắn duy nhất tôi làm được,” Fontaine nói và cười mỉm. Dường như lúc này hẳn thanh thản, như trôi vào giấc ngủ sau một ngày làm việc khó nhọc. Jack nhìn con người hấp hối giật căng người lên một cái cuối cùng, tiếp theo là chùng lỏng toàn thân. Fontaine đã chết. Bọn chúng mất một gã sừng sỏ.

Mắt Jack ráo hoảnh lúc đứng dậy và đưa dao cho một trong những tên cướp đang theo dõi toàn bộ sự việc.

“Cắt bàn tay và đầu cậu ta rồi gói lại,” Jack nói. “Chúng ta sẽ mang theo. Không thể để bọn chúng có cơ hội nhận dạng cậu ấy.”

“Nhưng *em* muốn đi ô tô cơ. Em *phải đi* ô tô!” Trent Bennett năm tuổi kêu nhai nhải ở bên kia bàn. Ricky lên chín cảm thấy rắc rối, ngay lập tức vồ lấy ô chữ ĐI vuông vắn và ghì chặt vào ngực. Trent oà lên khóc.

Brian Bennett trợn mắt. Nó ở đây, đang mãi chơi súng phun nước.

Mary Catherine, bảo mẫu mới của chúng hoặc người làm bất cứ việc gì, bảo Brian là cô phải chạy ra ngoài mua một thứ ở cửa hàng. Ông đã đi lễ nhà thờ. Thế là hầu như mọi trách nhiệm đều trút cho Brian.

Nó đứng dậy và rời khỏi bàn ăn lúc nghe thấy tiếng cửa mở. Vào tiền sảnh, nó nhìn thấy một cây thông Nô-en to tướng đang được đẩy qua cửa. Mary Catherine bỏ mũ và đưa bàn tay lau mồ hôi trên bộ mặt đỏ bừng, đắm mồ hôi song vẫn khá xinh.

Brian há miệng nhìn cô. Cô ra ngoài để mua cho chúng cây Giáng sinh.

Ra thế đấy, thật tử tế.

“Brian, của các em đây,” cô nói bằng giọng Ireland ngồ ngộ. “Em có biết bố mẹ cất đồ trang trí ở đâu không? Chúng ta phải trang hoàng cây Nô-en mới được.”

Hai mươi phút sau, tất cả bọn trẻ đã ở trong phòng khách, xếp hàng đưa các đồ trang trí cho Mary Catherine đang đứng trên cái thang lung lay. Không giống mẹ chúng, Brian nghĩ. Mẹ đã làm một cây thông đẹp hơn mọi cây khác trên cửa sổ ở Macy. Nhưng nó phải công nhận có Mary Catherine tốt hơn rất nhiều.

Chrissy vẫn mặc như một thiên thần, đi vào ngưỡng cửa bếp, cổ giơ cao một bình Brita loãng.

“Em làm gì thế?” Brian hỏi.

“Đây là *việc của em*,” nó nói đơn giản. “Socky cần nước.”

Brian phì cười. Do ảnh hưởng của các chị, Chrissy làm như nó mười ba

tuổi, chứ không phải mới lên ba. Brian ngấm thiên thần bé bỏng trở vào phòng khách và bật tivi.

“Ơ kìa! Xem này! *Xem này!*”

“Gì thế?” Brian nói và chạy tới chỗ em gái.

Trên màn hình, bố chúng bước lên bục ở ngoài trời, giữa một dàn micro. Giống hệt Derek Jeter* sau trận bóng chày, Brian háo hức nghĩ.

Lúc Brian nhìn kỹ hơn, nỗi lo lắng thế chỗ niềm tự hào. Bố nó mỉm cười, nhưng là cười gượng. Nụ cười bố thường có mỗi khi ông giả vờ là không buồn hoặc giận dữ.

Trông bố giống Jeter sau một trận thua đau, giống quá đi mất, Brian nghĩ.

23

Không chỉ vì một ngày rét cắt da cắt thịt làm tôi cảm thấy đờ đẫn lúc đứng trên bục, trước các phương tiện truyền thông. Như thường lệ, mỗi khi phát biểu trước cánh báo chí các loại của địa phương, tôi luôn cảm thấy lo lắng. Nhưng khi Will Matthews nói cố vấn đã chỉ thị phải họp báo ngay lập tức, tôi đã xung phong.

Tôi biết bọn giết người khốn kiếp bên trong kia đang theo dõi, và tôi muốn chúng nhìn thấy tôi, nghe những lời tôi phải nói.

Tôi nhìn khắp đại lộ đầy máy móc của các mạng quốc gia và báo chí toàn thế giới, và nhìn thẳng vào ống kính đen ngòm của máy quay trước mặt tôi.

“Trong một giờ qua,” tôi nói, “chúng tôi đã tiến hành cuộc giải cứu các con tin. Hai bên đã nổ súng, và hai người, một đặc vụ FBI và một cảnh sát thuộc đơn vị Phản ứng nhanh của NYPD đã bị giết một cách tàn bạo. Hai sĩ quan khác bị thương. Danh tính của họ sẽ được tiết lộ khi gia đình họ được báo tin.”

Một làn sóng chuyển động và âm thanh ào qua toàn bộ những kẻ khát tin, những con sói đói khát mới được quăng cho vền vẹn một khúc xương.

“Tại sao lại được phép có hành động liều lĩnh như thế?” Một phóng viên mạng ở hàng đầu trước có mái tóc giống như Tổng thống gào to.

“Trong tình hình nhiều biến động này, miễn bình luận các quyết định của chỉ huy tại hiện trường,” tôi trả lời.

“Cuộc giải cứu diễn ra ở phần nào của thánh đường?” Một nữ phóng viên cỡ trung niên, xinh đẹp ở đằng sau anh ta hỏi. Một tay cô ta giơ micro, tay kia mở di động.

“Tôi nhắc lại lần nữa, vào lúc này không được tiết lộ chiến thuật,” tôi nói. Ngay cả tôi cũng thấy kinh ngạc vì mình có vẻ bình tĩnh đến thế. Vài

phút trước, tôi đã ở cuộc đấu súng. Lúc này, tôi bình tĩnh như Colin Powell* đang đánh giá quân đội. Dù sao đi nữa, tôi cũng tự hào vì bản thân. Để bọn dê tiện trong kia thấy chúng hại chúng tôi ở mức độ nhẹ nhất là sỉ nhục những người đã hy sinh.

“Thưa quý vị, đây là một tình huống khó khăn,” tôi nói tiếp. “Tôi hiểu mọi người muốn biết chuyện đang diễn ra, nhưng hiện giờ chưa phải lúc để trình bày đầy đủ. Như thế là trái ngược mục đích của chúng tôi. Chúng tôi muốn thông báo ba mươi hai con tin vẫn an toàn.”

“Còn bọn bắt giữ con tin thì sao?” Có ai đó ở phía sau hỏi to. “Bọn chúng ra sao rồi?”

Tôi bình tĩnh nhìn vào máy quay lần nữa. Tôi gần như cảm thấy cái nhìn của tôi có thể giao tiếp với Jack ở trong kia.

“Lẽ tất nhiên là ổn. Chúng tôi muốn chuyện này được giải quyết một cách hòa bình.”

Tôi phớt lờ những câu hỏi tuôn ào ào khi bước xuống phía sau bục. Lúc vấp phải dây cáp truyền thông dọc lề đường, tôi suýt làm một nữ phóng viên cao ráo, da ngăm ngăm ngã.

“Chào Mike,” Cathy Calvin nói. “Bọn chúng là ai? Anh phải cho chúng tôi biết chúng muốn gì chứ. Quan điểm của chúng là gì?”

“Tại sao cô lại hỏi tôi?” Tôi nói và ngoảnh đi, tránh cái nhìn chiếu lên mặt tôi. “Cô chưa đọc bài báo của cô à, cô Calvin? Tôi không biết gì hết, cô nhớ chứ?”



Tôi trở về xe của trung tâm chỉ huy và đang ngồi yên lặng, tay cầm điện thoại thì chuông reo, làm tôi suýt đánh rơi cái thứ của nợ ấy. Tôi vẫn đang sôi máu, nhưng tôi biết xúc động lúc này chỉ vô ích. Cảm thấy giận là đúng, nhưng không được việc. Tôi biết việc phải làm lúc này là sửa chữa sự việc, bằng cách nào đó giải quyết cái đồng hồ đẫm máu này.

Hơn hết thảy, tôi phải buộc Jack nói chuyện thay cho bản giết.

“Mike đây,” tôi nói.

“ĐỒ CHÓ ĐỂ, MÀY ĐANG NÓI DỐI!” Jack gào lên.

“Này Jack,” tôi nói. “Đã có một cuộc ẩu đả. Một sự lầm lẫn trong thông báo. Tôi không được biết về cuộc đột kích cho đến sau khi xảy ra.”

Tôi muốn tỏ ra thành thực hết mức, nhằm đạt vị trí trung lập nhưng dù thế nào cũng không thể được. Nói thật, tôi chỉ muốn cố giết Jack cùng đồng bọn của hắn và rồi thấy mình ngớ ngẩn vì chúng tôi đã thất bại.

Nhưng tôi phải tỏ ra không dính líu tới tất cả những việc đó. Làm như tôi chỉ là một răng trong cái bánh xe lớn mà tôi không thể điều khiển nổi.

“Kìa Jack,” tôi nói. “Anh là người lúc trước đã yêu cầu trò chuyện thẳng thắn. Anh mong cái gì? Giết chết một linh mục, quăng ông ta ra bậc thềm như một túi rác mà không phải chịu hậu quả nào sao?”

“Đấy là một tai nạn! Tao đã bảo rồi!” Jack nói. “Một trong những thằng ngu của chúng mày đã giết chết bạn tao. Cậu ta chết trên tay tao.”

“Một người trong bọn anh đã giết chết hai cảnh sát,” tôi nói. “Chúng ta đang có một cuộc chơi bế tắc, Jack ạ. Tôi ngờ anh muốn có tiền. Giết người không đem lại tiền cho các anh. Nó chỉ làm tôi thêm hiếu chiến, hiện giờ đám cảnh sát điên tiết đều muốn vào trong đó để nổ súng. Ý tôi là chúng ta phải mặt đối mặt. Rốt cuộc, nếu các anh buộc chúng tôi phải tấn công nhà thờ, các anh sẽ không được gì. Các anh đã làm một việc sai lầm với vị linh mục. Giờ thì tôi có thể thấy thế. Và chúng tôi cũng làm một việc sai lầm. Chúng ta hãy gạt chuyện đã xảy ra lại đằng sau và làm cho sự việc này đi đúng đường.”

Tôi đợi. Tôi dừng ngay lập tức vì hiểu đây là một cuộc tranh luận phải phép. Đẳng nào chúng tôi cũng cần thêm thời gian để tập hợp lại và nghĩ ra một chiến lược mới. Đường hầm bí mật tưởng như một cơ may của chúng tôi, nhưng có thể là theo cách khác. Điều chúng tôi cần lúc này là kéo dài thời gian.

“Phần duy nhất của con đường tao đặt từ đây là đường ray thứ ba, mày đang nói dối như cứt,” Jack sửa vào tai tôi. “Mày xử lý tình huống tôi lăm Mike, và bây giờ tao sẽ trừng trị mày. Hãy ra cửa trước mà nhặt rác.”



Tôi lao ra khỏi xe và đang chạy qua đường thì cánh cửa thánh đường nguy nga bắt đầu mở lần nữa, nhích dần từng tí một. Tôi hiểu một nạn nhân nữa sắp bị tống ra khỏi thánh đường. Tôi muốn tin là có thể cứu sống một người nếu tôi hành động đủ nhanh, nhưng tôi biết sự thật sẽ khác.

Tôi đang băng qua vỉa hè rộng rãi thì một thân hình bất ngờ bay vèo ra từ khoảng không tối đen của cánh cửa mở. Tôi không thể biết là đàn ông hay đàn bà.

Người ấy trượt qua vỉa hè lát đá và ngừng lại, mặt úp xuống chỗ để hoa héo. Tôi nhận ra là *đàn ông*. Mặc com-lê đen. Con tin nào bị giết đây?

Hơi thở bồng rập trong ngực, tôi quỳ gối trước nạn nhân. Tôi không buồn xem mạch khi nhìn thấy thi thể. Phần dưới lưng bị rạch nát, trông khủng khiếp và đẫm máu.

Tôi đã quá muộn.

Nạn nhân là một người đàn ông trung niên. Sơ-mi của ông ta bị lột, hàng chục nhát đâm dài, lờm chờm phủ kín lưng. Nhiều vết bồng do thuốc lá di lên, xuống khắp cánh tay. Tôi đã nhìn thấy nhiều xác chết, và nhận ra rằng có kẻ đã dùng một con dao sắc, có lẽ là dao cắt hộp để trút giận lên người này.

Thứ đầu tiên tôi thấy khi trung úy Steve Reno giúp tôi lật nạn nhân, là cổ họng người đó bị cắt đứt.

Tim tôi lạnh cứng trong lồng ngực lúc nhìn bộ mặt của nạn nhân bị đánh đập và đẫm máu.

Tôi quay sang Reno bên cạnh.

“Thật tệ hại,” Reno vốn to lớn, vừa nói vừa nhìn chăm chăm vào cái xác. Giọng anh nhỏ và đau đớn, dường như nói với chính mình. “Mỗi lúc một tàn nhẫn.”

Tôi gật đầu lúc nhìn xuống, không thể rời mắt đi chỗ khác.

Andrew Thurman, thị trưởng thành phố New York, trừng trừng ngược

cái nhìn không sinh khí lên bầu trời xám màu chì. Cơn ớn lạnh xuyên suốt người lúc tôi nhìn vào các cửa tò vò cao vút, đen ngòm, vào nơi dường như ông muốn tìm câu trả lời cho câu hỏi vì sao lại xảy ra chuyện này.

Steve Reno cởi chiếc áo gió đang mặc và phủ lên thị trường Thurman như một tấm chăn. Anh lặng lẽ làm dấu trước khi đưa ngón tay cái vuốt mắt thị trường.

“Cầm lấy chân, Mike,” Reno nói. “Chúng ta đưa ông ấy ra khỏi đây. Đừng để báo chí chụp ảnh.”



Hồi chuông cầu kinh buổi trưa bắt đầu ngân vang khắp thánh đường lúc chúng tôi khiêng thị trường New York xuống các bậc thềm. Cho đến lúc này, mọi sự đã xảy ra trước đó đều mờ nhạt so với vụ giết người tàn bạo, ghê rợn và thái quá này.

Ngay lập tức, cả đám đông hành pháp im bật. Tiếng chuông vẫn ngân nga như báo hiệu gỡ cho cảnh sát và nhân viên cấp cứu lúc chúng tôi tiến vào những con phố đã bị chặn; họ há hốc miệng, trố mắt hoặc đứng thẳng tắp trong tư thế trang nghiêm.

Sự lạnh lùng làm ruột gan tôi lộn phèo lúc nhớ lại cảnh sát và lính cứu hỏa dừng bước và đứng đứng kiêu trang nghiêm như thế giữa tòa Tháp Đồi mỗi khi xác một người được đưa ra khỏi đồng đồ nát. Sau khi đặt viên thị trường bị thảm sát lên cáng, tôi ngược nhìn cây thông Giáng sinh lộng lẫy, cao hơn hai chục mét tại Trung tâm Rock.

Những cú đòn còn đến nữa không đây?

Đủ rồi, tôi nghĩ. Bọn kẻ cướp đã tạo ra một tiền lệ hung bạo, nhưng tôi phải giữ cho mình khỏi sốc. Đây là lúc vượt tường và điều chỉnh tiêu điểm. Tiến lên, thoát ra khỏi chuyện này. Đẳng nào cũng phải hiểu Jack.

Tại sao lại là thị trường? Tôi suy nghĩ, và nhìn chăm chăm vào thi thể bị hành hạ dã man.

Jack đã bị kích động quá mức vì cái chết của đồng bọn và chọn thị

trưởng làm nạn nhân khiến chúng tôi tức giận nhất sao? Hay toàn bộ sự việc chỉ là một thủ đoạn khác hòng kích động chúng tôi, buộc chúng tôi phải phản ứng theo cách nào đó? Vụ tàn sát này thực ra có phải là một manh mối cho chúng tôi không? Manh mối đầu tiên của chúng tôi? Tại sao chúng tôi chọn Andrew Thurman là người phải chết?

Lúc tôi đang cố hình dung mọi việc, một đại úy từ Midtown North đi xuống, giữa các thiên thần đan bằng cành liễu gai và những hàng cây trạng nguyên, tóm lấy tôi. Will Matthews đã chuyển trung tâm chỉ huy đến một văn phòng ở số nhà 630 đại lộ Năm, ở phía Tây tòa nhà Trung tâm Rockefeller, trực diện với thánh đường. Anh muốn tôi tới đó báo cáo ngay lập tức.

Tôi chạy suốt quãng đường, và không biết nên mong đợi gì lúc bước vào phòng họp ở tầng hai, nhưng Will Matthews không phải là cảnh sát có cấp bậc thấp nhất trong phòng.

Thông thường, tôi sẽ hơi hồi hộp khi nhận cái gậy đầu cộc lốc của Daly, cố vấn của NYPD, và người thứ hai là Bill Gant, đặc vụ chuyên trách New York của FBI. Nhưng chiều hôm đó, cảm giác sững sốt của tôi đã khô xác. Tôi chỉ gậy đầu chào, đáp lại cả hai.

“Chào thám tử,” vị cố vấn nói.

Ông ta điển trai, cao ráo và quý phái, trông giống một chủ ngân hàng hơn là một cảnh sát trong bộ com-lê kẻ sọc rất nhỏ màu xanh nước biển. Nghe nói, với những bộ com-lê may đo và tấm bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, ông ta nổi tiếng là một người săn lùng vinh quang, xa cách với lính thường. Đây là lần đầu tiên tôi ở đủ gần để có thể đánh giá ông.

“Chúng tôi vừa nghe nói về... lạ Chúa, tôi không thể tin mình đang nói về... Andy... tôi định nói là vụ tàn sát thị trưởng,” Daly lặp bặp. Hình như ông ta bối rối chân thành, làm tôi cảm động. “Anh sẽ phát biểu với tư cách cá nhân. Anh nghĩ gì về toàn bộ sự việc này?”

“Thưa ngài,” tôi nói, “tôi chưa thể xâu chuỗi các sự kiện. Ban đầu, nó chỉ như một vụ tổng tiền. Một nhóm tội phạm chuyên nghiệp cố thực hiện một vụ bắt cóc tập thể táo bạo. Nhưng sau đó, vì lý do chưa rõ, chúng bắn chết một linh mục. Tôi nghĩ ngài có thể ghi điểm cho cuộc bắn của đội

chiến lược, nhưng việc chúng làm với thị trường chứng tỏ chúng căm phẫn tột độ. Có lẽ ban đầu là vì tiền, nhưng bây giờ, từ lúc bọn chúng bị bao vây, chúng đã bỏ ý định đó.”

“Anh có nghĩ toàn bộ hoặc một phần sự việc này có thể là do thù hận cá nhân với thị trường không?” Gant hỏi. Với cặp mắt húp của loài chó săn, sếp FBI thấp người trông như một hình ảnh trái ngược với Daly. Mập lùn và nhợt nhạt trong bộ com-lê đen một hàng khuy, trông Gant không khác gì một tay bồi rượu ở đám ma.

“Tôi không biết,” tôi nói. “Có thể lắm.”

“Anh không biết quá nhiều thứ, nhỉ?” Gant đập trả tôi ngay tức khắc.

“Ngài tưởng tôi tình nguyện làm việc này sao?” Tôi nói rồi tháo điện thoại trên thắt lưng ra và đẩy nó qua bàn tới chỗ ông ta. “Xin mời ngài. Ngài hãy giải quyết sự việc ngay bây giờ đi. Người của ngài chắc đã chứng tỏ cho chúng biết cách trấn áp ở Waco* ra sao rồi.”

Vừa mới đây, tôi ngỡ mình đã vượt qua cơn giận dữ, nhưng tôi đã nhầm.

“Tôi xin lỗi,” Gant nói và tránh cái điện thoại như nó có thể cắn ông ta. “Đấy là một ý định rẻ tiền.”

“Phải, đúng thế,” cố vấn nói và nhìn người đứng đầu FBI như thể đang tìm một chỗ thích hợp mà quật cho ông ta một cái dùi cui. “Thám tử Bennett sắp tiến xa hơn trong vụ này, và sẽ ở lại. Rõ chưa?”

Mặc xác những điều *người ta* nói về vị cố vấn đang ra về, tôi nghĩ và thầm giấu nụ cười. *Họ* nhầm.

Gant có vẻ nhún, nhưng gật đầu đồng ý. Lát sau, điện thoại của Gant reo. Ông ta bật khỏi ghế và đi ra tiền sảnh sau khi nhìn tên người gọi.

Lát sau ông ta quay lại, sắc mặt càng nhợt nhạt hơn.

“Giám đốc của tôi gọi. Ông ấy vừa nói chuyện điện thoại với Tổng thống. Quân đội đã được lệnh can thiệp. Delta Force* đã được huy động và đang trên đường đến đây.”



Tôi vẫn cố hiểu những điều vừa nghe được lúc lê bước ra khỏi phòng họp ở Trung tâm Rockefeller. Trước đây tôi đã tham gia một số vụ lớn, nhưng đây là lần đầu tiên tôi nghe lệnh tuyên chiến.

Đúng lúc tưởng sự việc không thể leo thang thêm nữa, tôi thấy toàn bộ trung tâm chỉ huy đã dọn vào hành lang cho rộng rãi hơn. Tôi phát hiện ra người thương lượng của NYPD, Ned Mason, đang đặt một tờ giấy in từ máy tính lên tấm ván đầy những giấy. Người thương lượng của FBI, Paul Martelli, đang gọi điện bên bàn, cạnh Ned.

“Thật thế sao? Thurman đã chết ư?” Mason hỏi. Tôi nhận thấy anh lúc nào cũng cần biết chuyện gì đang diễn ra, đang mắc mớ.

Tôi nghiêm túc gật đầu:

“Lúc bị bọn chúng ném ra ngoài phố, ông ấy đã chết rồi.”

Trông Mason như bị một viên gạch đập trúng mặt lúc anh ta gật đầu đáp lại.

“Sao việc này lại có thể xảy ra ở đây?” Martelli nói. Trông anh ta sững sốt không kém. “Ở Nga hoặc Baghda thì có thể. Nhưng ở Midtown Manhattan ư? Chúa ơi. Thành phố này vẫn chưa đủ rắc rối sao?”

“Hình như chưa,” tôi nói. “Việc thu thập tiền ra sao rồi?”

“Chúng tôi đang làm,” Mason nói, chỉ vào đồng giấy tờ trên tấm ván. Mỗi tờ trình bày vắn tắt về một con tin, người đại diện cho họ và số tiền chuộc.

“Tôi vừa nói chuyện điện thoại với người của Eugena Humphrey ở LA,” anh nói. “Ngoài khoản tiền chuộc của Eugena, họ còn trả cho cả hai linh mục ở trong đó.”

“Thật hào phóng,” tôi nói.

“Giá những người khác cũng hợp tác như thế,” Mason nói. “Quản lý của Rooney từ chối nộp bất cứ khoản tiền nào, cho đến khi ông ta được đích thân nói chuyện với một trong những kẻ đang giữ con tin. Khi tôi bảo điều đó là không thể được, ông ta cắt máy và hiện giờ không chịu nhận bất cứ cuộc gọi nào của tôi. Anh có thể tin điều đó không? Như thế ông ta cho là đang thương lượng một hợp đồng thay vì cứu mạng sống của thân chủ ra khỏi vòng nguy hiểm. Một trong các con của Charlie Conlan đã khởi kiện

việc chặn chuyển giao các quỹ. Lý lẽ của thằng khốn ấy là có thể bố nó đã chết, và nó từ chối đặt khoản thừa kế của nó vào tình trạng lâm nguy.”

“Giá trị gia đình lên tiếng,” tôi nói.

“Đúng thế,” Martelli đồng ý.

“Chúng ta đã thu thập được bao nhiêu rồi?” Tôi hỏi.

“Trong giao kèo là sáu mươi sáu triệu đô la,” Mason nói, sau khi bấm nút máy tính. “Còn mười triệu nữa là được bảy mươi sáu, và chúng ta sẽ báo cho chúng.”

“Anh đã trừ khoản tiền chuộc của thị trưởng chưa?” Tôi nói.

Mắt Mason mở to nhìn tôi.

“Anh nói đúng. Đây. Trừ ba triệu đô la của ông ấy, tổng số sẽ là sáu mươi ba triệu. Chỉ còn thiếu bảy triệu nữa thôi.”

“Chỉ còn ư,” tôi nói. “Anh có biết mình đang lãng phí thời gian quá lâu với những người giàu có và nổi tiếng khi anh dùng từ *chỉ còn* trước từ *bảy triệu đô la*.”

“Như người ta nói,” Martelli bổ sung và cài điện thoại vào cái móc ở cổ. “Đây một triệu, kia một triệu. Anh nói đến khoản tiền *thực sự* hơi sớm đấy.”

Jack ngồi trên bậc của ban thờ cao, răng cắn chặt ăng-ten của điện thoại di động. Hắn đã cai thuốc lá từ tám năm trước, nhưng đang nghĩ một cách nghiêm túc đến việc bắt đầu hút lại. Hắn biết vụ này sẽ rất căng thẳng. Thậm chí hắn còn đoán trước những bất trắc.

Nhưng đây là trên giấy tờ. *Còn giải quyết sự việc trên thực tế lại là một cơn điên giận khác hẳn*, hắn nghĩ, máu đập thành thạch trong đầu lúc hắn nhìn khắp các cửa sổ lắp kính màu để tìm những người bắn tĩa.

Có lẽ mình đã đẩy sự việc đi quá xa, Jack nghĩ và nhìn chăm chặp vào cổ quan tài của Đệ nhất Phu nhân trước mặt. Có thể lúc này bọn chúng đã đột chiếm địa điểm, dù có những nhân vật nổi tiếng bên trong. Hắn muốn ra tuyên bố về vụ của thị trường, nhưng hắn tự hỏi liệu có hơi quá đáng hay không?

Andrew Thurman đã rên rỉ thảm thiết khi Jack rạch con dao vào lưng ông cho đến lúc tiếng rên vang vào tai hắn. Hình như các bậc thánh thần trên các cửa sổ thiêng liêng kia đang nghiêm khắc nhìn hắn, những cặp mắt mờ đục kỳ lạ của họ chứa đầy sự chê trách dữ dội.

Không, không, không, Jack khinh bỉ nhếch một nụ cười hung dữ. Lúc này mà nghĩ đến chuyện mê tín là vô lý. Hắn biết việc phải làm và hắn đang tiến hành. Giết thị trường chưa là gì. Mục đích của kế hoạch là kết cục hắn sẽ trở nên rất giàu. *Hơn nữa, thằng cha ấy đáng thế lắm*, hắn tự nhắc mình.

Đã có lúc hắn rất cần đến sự giúp đỡ của thị trường và gió đã đổi chiều. *Ngài thị trường phải có kết cục thế thôi*, Jack gật gù ngẫm nghĩ.

Sẽ còn giết chóc nhiều hơn trước khi vụ này kết thúc, Jack nghĩ. Chắc chắn là thế rồi.

“Jack à? Vào đi,” Giọng trong radio nói.

“Gì thế?” Hắn trả lời.

“Trở lại điện thờ ngay bây giờ!” Radio nói. “Một thằng đột nhiên ngã lăn ra và tuyên bố hăn không thể đứng dậy nổi.”

Jack lắc đầu với một tiếng xì khinh miệt. Đồng bọn của hăn hết sức can đảm, trung thành và ngoan ngoãn. Nhưng chúng không thể tự quyết định một việc dù nhỏ tí ti.

Hăn bật chiếc Motorola.

“Tớ đến đây,” hăn nói và đứng dậy.

Không phải lần nữa chứ, Jack nghĩ lúc tới hàng chắn song đằng sau điện thờ.

Một người to lớn khác đang nằm sổng sượt trên sàn đá hoa.



Mắt tỉ phú bất động sản Xavier Brown lộn vào trong đầu, sơ-mi lụa mở phanh để lộ cái bụng trắng hếu, phồng lên. Eugena gần như ngồi lên ông ta, đang ấn tay vào ngực ông và nói:

“Bình tĩnh, bình tĩnh nào, Xavier.”

“Mày đã làm gì hăn?” Jack nói với John Bé.

“Không gì hết,” John Bé trả lời, thế thủ. “Tự nhiên như thế. Thằng béo đứng dậy, phàn nàn là cánh tay hăn đau nhức, rồi *bùm*, hăn ngã lăn đùng. Như cá voi mắc cạn vậy.”

Jack quỳ xuống cạnh Eugena. Hăn phải công nhận dù vốn coi thường những kẻ vô tích sự và được hưởng lắm đặc ân này, song đây là việc khá kỳ lạ. Hăn bắt đầu thấy *tôn trọng* một số người trong đó, như Eugena chẳng hạn.

“Ông ta ra sao?” Hăn hỏi bà.

“Rất xấu,” Eugena nói và tiếp tục sơ cứu tim. “Mạch ông ấy rất yếu. Nếu anh không đưa ông ấy đi bệnh viện, ông ấy sẽ chết. Không, tôi không biết chắc chắn, nhưng tôi nghĩ thế.”

“Mẹ kiếp,” Jack nói và đứng dậy, nhìn Brown. Lại một trở ngại đột xuất. Một tên tiềm năng rất có giá. Làm gì để bảo vệ khoản đầu tư của hăn đây?

Jack chộp lấy điện thoại và quay số.

“Mike đây,” tiếng thám tử vọng đến. Jack phải thừa nhận là viên cảnh sát này tử tế. Chúng quảng thị trường bị cắt, rạch như quả bí ngô Halloween ra ngoài, còn viên cảnh sát như một phu khuân vác ở khách sạn bốn sao. *Anh bạn hiểu chuyện đấy. Bọn cướp luôn đúng.*

“Anh có việc đây,” Jack nói. “Cái thằng Xavier Brown cắt đai ấy vừa ngã lăn đùng. Tôi cho là tim hắn ta có chuyện mỗi khi gặp chuyện vui hoặc kích động. Tôi bảo này Mike, tôi sẽ cho hắn ra khỏi đây trước khi động mạch chủ của hắn vỡ tung, nhưng anh phải trả khoản tiền chuộc hắn trước đã.”

“Chúng tôi chưa thu tiền xong, Jack ạ,” thám tử nói. “Anh phải cho chúng tôi thêm ít thời gian nữa.”

Thêm thời gian ư? Jack ngẫm nghĩ. Vì sao nhỉ? Có lẽ chúng đang tìm cách khác để vào và dẫn chúng ta ra chắc? Những thằng đàn này không thể làm gì hơn là dính lấy cuốn sách giải trí đầy bụi sao? Chẳng có gì lạ nếu hắn sắp giữ khỏi chuyện này.

“Làm đi và gửi khoản tiền của hắn ta trước,” Jack nói. “Hoặc không thì ngược lại đây. Nhưng hãy bảo người của anh rằng họ quyết định nhanh lên thì hơn. X. Brown trông như sắp được đăng trên tờ *Wall Street*, ở trang Obit. Tôi sẽ kiểm tra tài khoản. Khi nhìn thấy tiền của tôi, tôi sẽ mở cửa đăng trước.”

“Tôi sẽ cho họ biết,” người thương lượng nói.

“Làm đi,” Jack nói.

Năm tên cướp lôi xềnh xệch ngài tử phú nặng nề ra lối giữa các hàng ghế, thẳng hướng cửa chính của thánh đường. Người của hắn trông như triết để tuân theo luật của dòng tu, cố cứu một con lợn biển. Eugena Humphrey lèo đẽo đi theo, thậm chí ra tận cửa để hô hấp nhân tạo cho tử phú. Hóa ra, bà ta là người khá tốt bụng.

Jack quay lại khi một tên từ một trong các phòng an ninh bé tí cách xa ban thờ chính gọi hắn. Một laptop để trên bàn trước mặt hắn ta.

“Chúng làm rồi này!” Tên cướp phẫn khởi nói. “Chúng đã chuyển tiền. Tiền kia kìa.”

Jack mỉm cười lúc cúi xuống nhìn màn hình. Một con số 3, tiếp theo là sáu số 0 cạnh số tài khoản ở nhà băng Costa Rica.

Ba triệu đô la. Hẳn đã là triệu phú. Trước khi hẳn tròn bốn mươi tuổi.

Hẳn gần như choáng váng lúc cầm bộ đàm lên.

“Thả thẳng béo ra,” hẳn nói.



Phấn khởi vì sự việc tiến triển, Jack đích thân phát bữa trưa cho các con tin. Thực ra, hẳn rất khoái khi phát món ăn nhanh nguội ngắt, thực đơn duy nhất cho những kẻ nổi tiếng, nặng xị và quen ăn ngon kia. ‘Đa, đa, đô, đa, đa, - ta thích thế, ta khoái thế.’

Hẳn dừng lại trước điện thờ, nhìn những người bị bắt giữ được ưu ái nhất. Buồn cười thật, trông họ chẳng giống lúc sẵn sàng trên thảm đỏ tí nào. Phải là một con sói cái xuất sắc mới có thể đối mặt với một ngày thiếu hầu gái, những người giúp việc chuyên nghiệp lo cho nếp sống hàng ngày. Xanh xao và nhàu nhĩ, mắt sưng phồng, trệu trạo nhai bữa ăn nhanh, họ làm hẳn nhớ tới cái gì đó.

À, phải rồi, hẳn đã nhớ ra.

Những con người.

Hẳn giật một cái micro trên giá.

“Hồi mọi người,” hẳn nói. “Cuối cùng, có nhiều việc đã khai thông con đường của chúng tôi. Các khoản tiền chuộc bắt đầu đổ đến. Bây giờ sẽ không còn lâu nữa. Hy vọng rằng những chiếc bút tất dài của các vị đã lơ lửng trên ống khói rồi.”

Jack ngừng lại. Tiếng thở dài của hẳn được khuếch đại nghe gần như băng khuâng.

“Các vị hãy giúp một tay,” hẳn nói. “Tôi thực lòng nghĩ rằng một đoàn những nhân vật nổi tiếng, ủy mị như các vị sẽ phiêu diêu bay bổng trong bất cứ hoàn cảnh nào. Nhưng phần lớn các vị chứng tỏ là tôi đã nhầm. Các vị đã mạnh mẽ hơn tôi tưởng, và các vị có thể tự hào vì điều đó. Tôi thực lòng

mong những người có uy tín tiếp tục hợp tác. Các vị trải qua chuyện này và sẽ khắc ghi nó suốt đời. Ngay cả khi phải loại trừ thêm vài vị, các vị có thể thanh thản nhận thức rằng các vị may mắn được chết trong lúc rục rờ nhất. Sẽ là James Dean*, Marilyn Monroe*, và các vị. Các vị có thể trở thành ngôi sao, thử nghĩ mà xem. Một đôi vợ chồng bị bắn vào gáy trên bậc thềm của St. Pady ư? Nó sẽ biến các vị thành huyền thoại.”

Lúc Jack bước xuống từ bục giảng, Eugena Humphrey đứng dậy.

“Thưa ông,” bà can đảm nói to, “tôi có thể trao đổi với ông vài lời không? Chúng ta có thể nói chuyện được chứ?”

Jack thò tay vào áo choàng định lấy lọ Taser, nhưng ngừng lại. Trên gương mặt người dẫn chương trình này có một sự chân thành đến mê hoặc buộc hẳn không thể từ chối.

“Mau lên,” cuối cùng Jack nói.

“Cảm ơn ông,” Eugena tiếp lời. Bà hăng giọng và nhìn thẳng vào mắt Jack.

Người phụ nữ này thành công chẳng có gì lạ, Jack nghĩ và cảm nhận được sức nặng của sự tự tin và mạnh mẽ từ bà ta. Cứ như thể họ chỉ có hai người trong một căn phòng nhỏ, ấm cúng, thay cho tiếng súng bắn nhau và tiếng kêu la của các con tin.

“Tôi muốn nói thế này,” Eugena bắt đầu. “Tất cả chúng tôi rất lấy làm tiếc nếu việc chúng tôi là ai và cách sống của chúng tôi đã làm tổn thương đến ông về mặt nào đó. Tôi sẽ là người đầu tiên thừa nhận rằng đôi khi tôi phung phí của cải thay vì tình cảm của người khác. Nhưng thành thật mà nói, sau thử thách này, tôi đã cảm thấy khác hẳn. Tôi sẽ trở lại với sở thích dành cho những đồ vật giản dị trong đời. Tôi hiểu được điều đó từ trải nghiệm này, và tôi tin chắc tất cả chúng tôi đều hiểu, vì vậy tôi thực sự muốn cảm ơn ông, tuy có phần nào lạ lùng. Nhưng tôi xin ông, đừng giết thêm người nào nữa. Vì trong thâm tâm, ông đúng. Chúng tôi *chẳng có gì* đặc biệt. Chúng tôi chỉ là những con người. Như các ông vậy.”

Jack đứng đó, trân trân nhìn người đàn bà. Hẳn nghĩ đây là việc không thể, nhưng trong giây lát, hẳn gần như cảm thấy có lỗi. Dù sao, lời cầu xin khẩn thiết rất hùng hồn của con mẹ gốc này cũng làm hẳn suy tụt mất tự tin.

Hắn còn chưa buồn xem chương trình ngớ ngẩn của mẹ ta nữa kia.

Jack định tuyên bố rằng dù có xảy ra chuyện gì, bà ta cũng sẽ được tha, thì John Bé đứng cạnh Eugena đã rút khẩu chín li ra. Hắn dí nòng súng thép vào má nữ phát thanh viên.

“Nghe cảm động quá nhỉ,” John Bé nói, ngón tay cái của hắn lấy cò. “Tao sắp khóc gào lên đây, sắp tè ướt cả quần. Nhưng mày hắn nhớ e-mail về việc không người nào được nói tào lao. Bây giờ, hoặc mày cầm mồm, hoặc tao sẽ cho mày một viên đạn. Đây không phải là chương trình trò chuyện của bà, thưa quý bà. Đây là chương trình *của chúng tôi*.”

Jack quát tên đồng bọn:

“John Bé, tao không thể nói điều gì hay hơn đâu.”

25

Đêm trước Giáng sinh như thế nào đây? Tôi nghĩ. Tôi đứng ở góc phố Năm mươi và ngắm tuyết bắt đầu rơi, nhưng không phải loại mềm xốp và nhẹ như lông tơ. Tôi lật cổ áo vì cơn mưa lạnh giá, nặng hạt đến nỗi mặt rất như bị cát đập vào trong một đường hầm lộng gió.

Đến trung tâm chỉ huy, tôi nghe được một vấn đề mới phải đối phó. Nhiều tốp du khách đã tụ tập dọc theo những rào chắn và không chịu giải tán. Không được nhìn cây thông của Trung tâm Rock vì bị hàng rào cảnh sát cách ly, họ đành băng lòng đứng loanh quanh và nhìn chăm chăm vào cảnh tượng lộ ra.

Tôi quan sát một nhóm thiếu nữ là cố động viên từ Wichita, Kansas tới góc phía tây bắc phố Năm mươi mốt, cười to lúc huơ trong không khí những tấm biển THẢ MERCEDES. Một số mặc áo phông in chữ CUỘC VÂY HÃM ST. PAT ra ngoài áo len.

Tôi lắc đầu. Bạn biết sẽ gặp rắc rối khi có người đang bán loại áo phông đó. Có thể hình dung người trong Đội Điều tra tội giết người khu vực Bắc Manhattan trưng những thứ đó khi tôi về văn phòng của Đội. *Nếu như tôi trở về.*

Tôi thơ thẩn tới chỗ trung úy Reno và Oakley, sếp của Đội Giải cứu con tin, đang bàn luận ở đằng trước cái xe buýt màu đen của FBI. Trong tay Oakley là bản thiết kế đã được gấp lại.

“Mike,” Oakley nói, “chúng tôi đang xem lại ý tưởng đầu tiên của anh về ngọn tháp phía Bắc lần nữa. Đang hình dung con đường đi từ đó vào thánh đường.”

Tôi nhìn người chỉ huy đội biệt động. Mặt anh buồn bã và mệt mỏi, nhưng ngay cả trong cảnh tối tăm lạnh giá, vẫn không thể không nhận ra sự quyết tâm trong mắt anh. Oakley đã mất một đồng đội, và anh sẽ không

chịu chần chừ cho đến khi làm được việc gì đó.

“Chắc đó là lựa chọn tiếp theo tốt nhất về chiến thuật,” tôi nói. “Nhưng sau việc xảy ra dưới ngã ba, tôi lo sẽ bị phục kích lần nữa. Và rút lui từ độ cao hơn chín mét trong không trung còn khó khăn hơn nhiều.”

“Chúng tôi đã trao đổi với Will Matthews và đặc vụ FBI,” Reno nói. “Quyết định chiến thuật tiếp theo là tấn công toàn lực từ mọi phía. Lần sau được cử vào đó, chúng ta sẽ không dừng lại cho đến khi từng tên cướp bị dẫn ra ngoài, Mike ạ.”

Tôi đang đứng đó, cố hiểu hết hàm ý lời Reno nói, thì nghe thấy một tiếng hét thất thanh vọng đến từ phía bắc. Tôi dụi mắt, cố hiểu thứ tôi nhìn thấy. Chúng tôi lại đến đây lần nữa.

Bên ngoài các rào chắn và xe tải mới, một nhóm thanh niên da đen đứng trên nóc chiếc xe buýt màu vàng của trường học. Một cậu thấp người gõ gõ vào chiếc micro dựng trước mặt.

“Một, hai,” giọng nói của cậu ta được khuếch đại. Ngừng một lúc, rồi cậu ta bắt đầu hát.

Bài *Tôi tin mình có thể bay*. Như một quả đấm tổng thẳng vào ngực lúc đội hợp ca hòa với người đơn ca, bùng lên giai điệu *Dang rộng đôi cánh và tôi bay đi*.

Tôi đọc được biểu ngữ bên thành xe. ĐỘI HỢP CA NHÀ THỜ HARLEM. Chắc phần lớn các cậu thuộc giáo đoàn của một trong các Đức cha bị bắt cóc.

Thứ chúng tôi cần là một xe nước uống và kẹo, để chúng tôi có thể bắt đầu tiếp đón những cuộc biểu diễn kỳ dị trên đại lộ Năm.

Tuy vậy, tôi phải thừa nhận giọng hát vút cao của các chàng trai dù sao cũng làm sáng bừng khung cảnh ảm đạm.

Chắc Reno cũng nghĩ vậy, vì anh cười toét miệng và lắc đầu.

“Chỉ có ở New York,” anh nói.



Một nhà ăn tập thể tạm thời dành cho đội quân hành pháp được dựng ngay trong hành lang chính ở Saks, đại lộ Năm.

Tôi vào trong qua cánh cửa xoay, dưới các bông tuyết bằng neon để kiểm đồ ăn nhanh. Nhà hàng Four Season đã gợi ý cung cấp bữa ăn cho con tin và bị Jack từ chối, nên họ tặng cho chúng tôi. Tiếng nhạc mừng Giáng sinh tràn xuống từ các dàn loa trên trần lúc tôi xúc món thịt vịt và gà tây lên cái đĩa rất đẹp. Không phải sự siêu thực triền miên của cảnh bao vây gây hoang mang nhiều bằng việc tôi bắt đầu quen với nó.

Tôi có thể nghe thấy đội hợp ca vẫn tin mình có thể bay lúc tôi trở ra phố. Tôi bưng đồ ăn đi qua ông già Nô-en vui tươi trong tủ kính của Saks và tiến về xe moóc. Tôi đang ăn miếng cá ngừ thứ hai thì chuông điện thoại gài trên thắt lưng reo.

Gì đây? Tôi nghĩ. *Mi muốn gì đây, Jack? Lẽ tất nhiên, sẵn sàng phục vụ.*

“Mike đây,” tôi nói.

“Đi vợ vẫn ra sao, Mickey?” Jack nói. “Rét đủ chưa? Ở đây thì nóng như lò nướng vậy.”

Trong giây lát, tôi nghĩ đến các chiến lược khác nhau có thể sử dụng. Tôi có thể thờ ơ hoặc công kích. Hỏi vài câu để thăm dò tâm trạng hiện tại của hắn. Song le, tôi đã chán các sách lược. Jack đang đùa giỡn chúng tôi, và tôi chán giả vờ loanh quanh. Ở thời điểm này, giai đoạn này, tôi đã chán nói chuyện với Jack. Tôi nói gì cũng chẳng sao, đúng không?

“Giết thị trường là một việc sai lầm,” tôi nói và đặt cái đĩa nhựa xuống. “Anh muốn chúng tôi tin anh là người thần kinh không ổn định và đừng coi thường chứ gì? Nếu vậy thì anh đã làm tốt đấy. Có điều nó chỉ gây nên nhiều công phần hơn vì một quyết định vội vã. Theo anh, nó đang làm nóng thánh đường. Điều đó sẽ giết anh. Nó sẽ tiêu ma toàn bộ số tiền khó khăn lắm mới có. Vậy, anh điên thật rồi sao? Hãy giúp tôi vượt qua tình huống khó khăn ở đây đi. Tôi đang gặp rắc rối.”

“Sao rầu rĩ thế, Mick,” Jack nói. “Cứ như anh sắp từ bỏ, mà mới chỉ có bốn mươi năm phút thôi. Kiểm tra mà xem. Cuối cùng anh đã bắt đầu nộp tiền. Thế là tốt. Tốt thật đấy. Bây giờ, mọi việc anh phải làm là liên lạc nốt với cái bọn đồ-rê-mí ấy. Sau đó sẽ là tiết mục thực sự thú vị, tôi hứa đấy.

Bọn khốn ấy thoát khỏi chuyện này sao được? Vì vậy, anh cứ phải dính ở đây với tôi thôi. Cố mà tìm ra cách. À mà này, nhân thể trước khi tôi quên mất. Nửa đêm sẽ có thêm xác một nhân vật nổi tiếng khác đấy.”

“Jack, nghe này. Đừng làm việc đó,” tôi nói. “Chúng ta có thể làm gì đó...”

“*Câm mồm!*” Jack quát. Tôi ngừng ngay lập tức. “Tôi ngán những lời lẽ ngây ngô của anh lắm rồi,” Jack nói. “Cứ kè cà mãi. Các người đã chọn những tay súng cừ nhất và đã thất bại. Giờ là lúc các người phải trả giá cho những chuyện láo toét đã làm với chúng tôi. Tôi đang điên tiết hơn và thay vào đó là một tên quan trọng nghèo, tôi sẽ làm thế, sẽ xuất hiện với cái túi đựng xác Prada cho mùa này đấy. Anh đang nghe thấy tôi to và rõ ràng đấy chứ, Mike? Tôi nhắc lại, đúng nửa đêm sẽ có thêm một cái xác nổi tiếng nữa. Chẳng kém thú vị hơn ông thị trưởng vô lại kia đâu. Tôi đã chọn rồi. Anh sẽ thích người đó đấy. Ồ, ngừng hát bài đó ngay bây giờ đi, hoặc là *Tôi tin tôi sẽ giết tất cả bọn con tin nữ.*”



Trước mắt chúng tôi lại có thêm một khoảng thời gian chết, tôi nắm lấy cơ hội, đưa điện thoại thương lượng cho Ned Mason. Rồi tôi lên khu phố trên thăm Maeve.

Bước vào phòng cô, tôi nhận ra có sự thay đổi. Những tấm khăn trải giường khác hẳn, bằng hàng flanen, mới và thơm tất. Một bình cắm đầy hoa tươi, còn Maeve vận một áo choàng mới tinh. Tất cả đều là những thứ thêm thắt dễ thương, vậy tại sao tôi lại cảm thấy hãi hùng?

Maeve đã thức, đang xem CNN, kênh này liên tiếp đưa tin về cuộc bao vây. Tôi tìm được cái điều khiển và tắt tivi rồi nắm bàn tay cô.

“Chào em.”

“Em nhìn thấy anh trên tivi,” Maeve nói và mỉm cười. “Trông anh lúc nào cũng điển trai trong bộ com-lê ấy. Anh mặc bộ ấy vào lễ rửa tội cho đứa nào nhỉ? Shawna phải không?”

“Của Chrissy,” tôi chữa lại.

“Chrissy,” vợ tôi thở dài. “Bé Píp của em ra sao rồi?”

“Tối qua nó chui vào tổ rồi,” tôi nói. “Anh quên kể với em. Anh quên kể với em nhiều thứ quá, Maeve. Anh...”

Vợ tôi giơ tay và đặt một ngón tay lên môi tôi.

“Em biết.”

“Lẽ ra anh không nên dính líu đến cái nghề ngớ ngẩn này. Anh ước gì...”

Cô ngăn tôi bằng cái nhìn đau đớn.

“Anh đừng ước,” cô khẽ nói. “Nó làm em đau hơn cả ung thư. Từ khi mới gặp nhau, em đã biết rõ anh tận tụy với công việc như thế nào rồi. Đây là một trong nhiều lý do em lấy anh. Em rất tự hào khi nhìn thấy anh trả lời báo chí. Lạy Chúa tôi. Trông anh đầy cảm hứng.”

“Em nghĩ ai mang lại cảm hứng cho anh?” Tôi tiếp lời, trêu chọc.

“Không, không nói trên những tấm ga mới dễ thương này. Đợi đã. Em có quà cho anh đây.”

Chúng tôi luôn tặng quà nhau vào đêm trước Giáng sinh, thường vào khoảng ba giờ sáng, sau khi lắp xong chiếc xe đạp hoặc đoàn tàu hỏa hay một thứ đồ chơi gì đó xấu đau xấu đớn.

“Anh trước,” tôi nói và rút cái hộp bọc giấy trong túi mà tôi đã giấu trong cốp xe. “Cho phép anh nhé.”

Tôi bóc giấy để Maeve nhìn thấy cái đầu DVD xách tay và một chồng đĩa tôi mua cho cô. Các bộ phim đen-trắng cũ mà Maeve rất yêu thích.

“Em không phải xem liên tục cái hộp ngu ngốc này,” tôi nói. “Nhìn này, *Bồi thường kép*. Giống như ngày trước.”

“Anh độc ác kinh khủng,” Maeve đùa. “Giờ đến quà của em.”

Cô rút một cái hộp trang sức bằng nhung đen dưới gối và đưa cho tôi. Tôi mở hộp. Một chiếc khuyên tai. Một khuyên tai đơn lẻ bằng vàng. Tôi thường đeo nó hồi cuối những năm 80, khi chúng tôi gặp nhau lần đầu.

Tôi bật cười. Rồi cả hai chúng tôi cùng cười sặc sụa, và cảm thấy thật tuyệt vời.

“Anh đeo vào đi. Đeo đi,” Maeve vừa cười vừa kêu to.

Tôi thận trọng đeo chiếc khuyên vào lỗ tai trái. Kỳ diệu thay, sau gần hai thập kỷ, vẫn đeo được ngay.

“Trông anh giống cái gì?”

“Như một tên cướp biển bảnh bao,” vợ tôi nói và lau giọt nước mắt hạnh phúc hiếm hoi.

“Rừừừừừừừừ, em yêu,” tôi nói và vùi mặt vào cổ vợ.

Tôi lùi lại lúc cảm thấy Maeve cứng người. Tôi rùng mình vì cái nhìn xa xăm trong mắt cô. Hơi thở của cô trở nên không đều, dường như cô đang thở quá nhanh, không chút ngập ngừng. Tôi ấn nút gọi y tá năm, sáu lần liền.

“Con đã đánh đổ nước sôi, mẹ ạ,” tôi nghe thấy vợ tôi nói bằng giọng Ireland mà cô đã rất vất vả sửa đổi. “Cả đàn cừu vẫn ở trong mương, từng con một.”

Chuyện gì thế này? Ôi Chúa ơi, không, Maeve! Không phải hôm nay, không phải bây giờ, mãi mãi không!

Sally Hitchens, y tá trưởng của Khoa Điều dưỡng, lao vào. Cô chiếu đèn vào mắt Maeve và luồn tay vào trong áo lấy khăn ướt giảm đau.

“Sáng nay bác sĩ đã tăng liều thuốc cho chị ấy,” Sally nói. Maeve nhắm nghiền mắt lúc người y tá đặt bàn tay lên trán cô. “Chúng tôi phải theo dõi kỹ lưỡng cho đến khi chị ấy tự điều chỉnh lại. Tôi có thể nói chuyện với anh một chút được không, Mike?”



Tôi hôn lên đỉnh đầu vợ và theo Sally vào tiền sảnh. Cô y tá nhìn thẳng vào mắt tôi. Dấu hiệu xấu đây. Tôi nghĩ ngay đến sự khác biệt đáng ngại trong phòng vợ tôi. Những tấm khăn trải giường đẹp. Hoa tươi. Hầu như mọi thứ đã chuẩn bị sẵn sàng.

Không. Không thể chấp nhận được.

“Chúng ta sắp đến hồi kết rồi, Mike,” cô ta nói. “Tôi xin lỗi. Tôi rất lấy làm tiếc.”

“Còn bao lâu?” Tôi hỏi, lúc đầu nhìn xuống thảm, rồi ngược nhìn Sally.

“Một tuần,” người y tá dịu dàng trả lời. “Có khi còn ít hơn.”

“Một tuần ư?” Tôi nói. Ngay cả tôi cũng biết tôi nhắc lại câu đó như một đứa trẻ hậm hực. Đây không phải lỗi của cô y tá. Người phụ nữ này là một thiên thần nhân từ.

“Vì đây là việc không thể, anh phải tự chuẩn bị thôi,” Sally nói. “Anh đã đọc cuốn sách tôi đưa chưa?”

Cô đã cho tôi cuốn sách nổi tiếng *Cái chết và hấp hối* của Elizabeth Kübler-Ross. Nó miêu tả các giai đoạn trong quá trình chết: phủ nhận, giận dữ, mặc cả, thất vọng, chấp nhận.

“Tôi cho là mình đang trong giai đoạn giận dữ,” tôi nói.

“Anh phải tự tháo cởi thôi, Mike,” cô y tá bực mình trả lời. “Để tôi nói với anh điều này. Tôi đã chứng kiến một số ca ở đây, và thật xấu hổ mà nói rằng, tất cả không ảnh hưởng đến tôi nhiều lắm. Vợ anh không phải là một trong những ca đó. Lúc này Maeve cần anh phải khỏe khoắn. Đây là thời gian chống chọi. Ồ Mike, tôi thích chiếc khuyên tai của anh.”

Tôi nhắm mắt, cảm thấy mặt mình bừng đỏ vì giận dữ và bối rối lúc nghe thấy tiếng cô y tá đi ra. Rồi cảm thấy nỗi đau lan khắp người như bất tận. Nó mạnh đến khó tin, dường như nổ tung trong ngực tôi như một quả bom, ngăn cả thế giới, chặn mọi sự sống ở khắp nơi.

Lát sau, cơn đau qua đi lúc tôi nghe thấy ai đó ở phòng khác bật tivi.

Hình như không phải, tôi nghĩ lúc mở cặp mắt nóng bỏng và tiến đến thang máy.



Tôi gọi điện về nhà lúc rời bệnh viện và vội vã ra xe. Julia nhắc máy.

“Mẹ thế nào ạ?” Nó hỏi.

Trong các cuộc thăm vấn, đôi khi tôi phải nói dối hết sức thuyết phục để moi được lời thú tội. Vào lúc ấy, tôi mừng vì mình có chút ít kinh nghiệm.

“Trông mẹ tuyệt lắm, Julia,” tôi nói. “Mẹ gửi các con tình yêu của mẹ.

Nhất là với con. Mẹ rất tự hào vì con biết chăm sóc các em gái. Cả bố cũng tự hào vì con.”

“Bố thế nào, hờ bố?” Julia hỏi tiếp. Trong giọng nói của con tôi là sự chững chạc hay ân cần quá ư chín chắn? Tôi nhớ năm tới nó sẽ vào trung học. Thế quái nào mà con bé lớn nhanh đến mức tôi không nhận ra nhỉ?

“Con hiểu bố mà, Julia,” tôi trả lời vào điện thoại. “Nếu không tự nịnh mình, bố cho rằng mình đang làm việc khá tốt.”

Julia cười to. Nó đang ngồi ở giữa hàng ghế đầu, xem vở hài kịch cổ điển của tôi, *Ông bố tan chảy*.

“Bố có nhớ lúc tất cả đang đánh nhau trên đường đến Poconos, còn bố bảo con ‘bịt mắt bố lại và nhìn ra ngoài cửa sổ’ không?” Julia hỏi.

“Bố ước gì có thể quên chuyện đó,” tôi nói và cười. “Mọi việc ở doanh trại ra sao rồi?”

“Đằng sau con có một hàng dài đợi nói chuyện với bố,” nó trả lời.

Lúc lái xe xuyên qua các đường phố lạnh lẽo, tôi đã nói chuyện vắn tắt với từng đứa con, kể cho chúng nghe mẹ ra sao và tôi yêu chúng biết chừng nào. Tôi xin lỗi không ở đó tham gia hoạt cảnh chung vui đêm trước Giáng sinh. Trước kia, vì bận việc tôi đã bỏ lỡ nhiều ngày lễ, nhưng chưa bao giờ cả tôi lẫn Maeve đều vắng mặt. Như thường lệ, bọn trẻ làm mọi việc đâu ra đấy. Chrissy sục sục lúc nói chuyện.

Trời đất ạ. Giờ thì sao đây? Tôi nghĩ.

“Có chuyện gì thế, nhóc của bố?” Tôi lên tiếng.

“Bố ơi,” Chrissy nói và thút thít, “Hillary Martin bảo ông già Nô-en sẽ không đến vì nhà ta không có lò sưởi. Con muốn ông già Nô-en đến cơ.”

Tôi mỉm cười, nhẹ cả người. May thay, trước kia Maeve và tôi đã nghe câu than vãn này ít nhất hai lần và nghĩ ra một cách.

“Này Chrissy,” Tôi nói vào điện thoại, giả vờ hoảng hốt. “Cảm ơn con rất nhiều vì đã nhắc bố. Khi ông già Nô-en đến thành phố New York, vì nhiều nhà không có lò sưởi nên ông ấy đã đổ xe trượt tuyết trên mái nhà và tụt xuống qua lối thoát hiểm. Bây giờ thì con hãy giúp bố một việc được không, Chrissy? Con nói với Mary Catherine đừng đóng cửa sổ bếp. Con nhớ được không nào?”

“Con sẽ nhắc chị ấy ạ,” Chrissy hỗn hển trả lời.

“Gượng đã. Đợi bố một tí,” tôi nói và vỗ vào máy bộ đàm. “Chao ôi! Bố vừa nhận được thông báo từ trực thăng của cảnh sát. Ông già Nô-en đến thành phố New York ngay bây giờ đây. Nhanh lên! Đi ngủ ngay, vì con biết nếu ông già Nô-en đến mà trẻ con còn thức sẽ xảy ra chuyện gì không?”

“Ông ấy sẽ đi mất ạ,” Chrissy nói. “Con chào bố.”

“Ông Bennett?” Vài giây sau, có tiếng Mary Catherine trong ống nghe.

“Chào Mary,” tôi đáp. “Ông Seamus đâu? Chắc bây giờ ông cụ yên tâm về cô rồi.”

“Vâng. Ông ấy đang mê mải đọc *Đêm trước Giáng sinh* trong phòng khách.”

Đọc truyện ấy thường là việc của tôi, nhưng tôi cảm thấy biết ơn hơn là buồn. Bất chấp tính khí thất thường, ông Seamus của tôi là người kể chuyện tuyệt hay và sẽ không ngần ngại làm mọi thứ để bọn trẻ có một Giáng sinh vui vẻ, dù trong bất cứ tình thế kinh khủng nào. Ít nhất bọn trẻ cũng được an toàn, tôi nghĩ. Chúng được các thiên thần và các thánh vây quanh. Giá như tôi có thể nói về mình như thế, nhưng nghề nghiệp mà tôi chọn thường dính dáng đến những kẻ phạm tội. *Những kẻ tội phạm nguy hiểm nhất*.

“Này Mary, cô cứ vui chơi thoải mái nhé,” tôi nói. “Cảm ơn cô nhiều lắm vì đã đỡ đần mọi việc. Khi cái chuyện điên rồ ở thánh đường chấm dứt, chúng ta sẽ cùng ngồi và thảo ra một kế hoạch cụ thể.”

“Tôi rất mừng vì có thể giúp đỡ. Ông có một gia đình rất dễ thương,” Mary Catherine trả lời. “Chúc Giáng sinh vui vẻ, Mike.”

Lúc cô nói câu đó, tôi đang phóng nhanh về hướng Nam, qua khách sạn Plaza đầy những vòng hoa và các đồ trang trí lộng lẫy. Trong giây lát, tôi muốn tin là có thể như thế. Lúc còn cách đại lộ Năm xa xa, tôi đã phát hiện ra ánh sáng chói mắt của cuộc bao vây hắt lên màn đêm tăm tối.

“Nói chuyện với cô sau nhé,” tôi vội chào và tắt máy.

Trong phòng xưng tội tối tối mò, Laura Winston nằm cuộn tròn trên sàn chật hẹp, toát mồ hôi và run rẩy. *Người phụ nữ thời trang nhất hành tinh đang rất cần thay đổi diện mạo*, bà ta nghĩ.

Trong hai mươi giờ bị giam hãm, Laura hết tỉnh lại mê. Nhưng khoảng sáu hay bảy giờ trước, lúc ánh sáng lờ mờ đã biến khỏi cửa sổ kính màu bên trên, bà hoàn toàn tỉnh, bồn chồn và đau đớn vì lên cơn nghiện.

Khoảng trưa, bà nhận ra bộ dạng của mình phản chiếu trong cái đĩa lõm bằng đồng thau bóng loáng trên cửa. Phấn son đã trôi hết vì nước mắt và mồ hôi, mái tóc vàng màu mật ong lốm đốm nhiều vết nôn mửa. Ban đầu, Laura ngỡ mình đang nhìn chăm chú vào một hình khắc tôn giáo, hình ảnh một con quỷ loạn trí, gãy giò xương, bị một thiên thần hân hoan giết chết. Lúc năm đó, bà nhớ lại những dòng cuối bài thơ *Cái gương* của Sylvia Plath*, và không thể rời mắt khỏi hình ảnh ghê rợn kia. *Trong tôi, bà ấy chìm chết một thiếu nữ, và trong tôi, một bà già ngày này sang ngày khác, nổi lên như một con cá khùng khiếp.*

Rồi cuối cùng, bà nhận thức được sự thật, đây là một vụ bắt cóc, một thử thách tàn bạo có tầm vóc lịch sử.

Bà đã già.

Bà đã làm tổn thương nhiều người, Laura ngẫm nghĩ. Nhất là nữ giới. Tháng này tiếp tháng kia, trên tạp chí của mình, bà duy trì một huyền thoại về vẻ thanh lịch và sắc đẹp vĩnh cửu. Quần quần áo đắt tiền đến mức không thể tưởng tượng nổi lên những cô gái mười bốn tuổi đồng bóng và gọi là bình thường, rồi bóng gió với bạn đọc rằng nếu họ trông không giống thế, họ thật vô giá trị hoặc ít ra không sống đúng với tiềm năng của họ.

Bà quyết định khi thoát khỏi chuyện này, *nếu như được thế*, bà sẽ thay đổi. Nhất định. Sẽ dùng những đồ đạc được sửa sang lại tử tế. Sẽ làm những

việc khiêm nhường hơn. Thay vì xây dựng một đế chế, bà sẽ lập một quỹ từ thiện. Thật điên cuồng, trải nghiệm ghê sợ này về cơ bản đã biến đổi bà theo chiều hướng tốt hơn.

Lạy Chúa, xin hãy ban cho con một cơ hội cuối cùng. Lần đầu tiên kể từ khi còn là một cô bé, người phụ nữ thời trang ấy cầu nguyện. *Chí ít cũng ban cho con cơ hội để thay đổi.*

Tiếng súng sát bên ngoài cửa phòng xưng tội như xé rách màng nhĩ bà.

Lúc tiếng ồn giảm bớt, bà nghe thấy tiếng nhiều người la hét. Mùi lưu huỳnh tỏa nồng nặc dưới cửa, hòa lẫn với mùi chua loét mà bà nôn mửa.

Hơi thở tắc nghẽn trong cổ họng lúc bà nghe thấy tiếng nguyền rủa bị bóp nghẹt và một thân người bị kéo lê qua cửa phòng bà.

Lạy Chúa lòng lành. Chúng lại bắn thêm một người nữa!

Laura cảm thấy trái tim như đập vào lồng ngực.

Ai bị bắn? Là ai? Và tại sao? Bà mong không phải là Eugena, người đã rất tử tế với bà.

Vụ cướp này không thực sự là vì tiền ư? Laura kết luận, kinh hoàng đến mức cả người. Bọn chúng tàn sát hết người này đến người khác. Chúng phải trả giá cho những tội ác ngu ngốc, đồi bại của chúng.

Rồi sẽ đến lượt bà thôi. *Tiếp theo là mình,* Laura nghĩ và nôn khan.



Thật không may, trước kia Eugena Humphrey đã nhìn thấy nhiều người chết.

Người đầu tiên là bà ngoại, và Eugena nhớ lại sự biến đổi đáng giận trên gương mặt teo quắt, dò hỏi một cách buồn bã của người bà yêu quý. Gần đây, khi làm từ thiện, Eugena đã được xem nhiều hình ảnh tàn bạo trên khắp thế giới làm người ta chú ý, và bà cố gắng giúp đỡ hết sức.

Nhưng thậm chí hình ảnh nhức nhối của những dân quê ốm o ở châu Phi cũng không chuẩn bị tinh thần chứng kiến tận mắt việc này.

Hắn vừa bắn anh ấy, Eugena nghĩ. *Bước đến hàng ghế và bắn xuyên qua*

đầu anh ấy.

Tại sao kia chứ? Sao con người lại có thể làm thế với đồng loại?

Bà quan sát bọn cướp kéo cái xác trên sàn đá hoa. Nó tạo nên một âm thanh khủng khiếp, giống như máu lẫn trên kính. Mỗi tên cướp một bên, kéo cánh tay cái xác như con búp bê nhồi giẻ rách trong trò chơi nhảm nhí nào đó trên sân trường.

Cái đầu đen bóng lết cạnh một bàn chân. Một chi tiết kinh khủng. Cặp mắt mở to trên đầu lết đi dường như nhìn Eugena lúc bị lôi tuột vào phòng dành cho dàn đồng ca tối tăm cạnh ban thờ.

Tại sao lại là tôi? Cái nhìn đờ đẫn dường như buộc tội bà lúc bị lôi ra khỏi tầm nhìn. Tại sao là tôi mà không phải là bà?

Chúng đã giết bạn thân của mình, Eugena nghĩ và bật khóc, không kiềm chế nổi; bà hiểu sự việc này sẽ thay đổi mình mãi mãi.

Lúc qua trạm kiểm soát, tôi cảm thấy như bị một quả đấm tổng thẳng vào ngực. Tôi nhìn thấy Oakley và vài cảnh sát Phản ứng nhanh đang chạy như điên qua đại lộ Năm tới các bậc thềm thánh đường. Chỉ có thể là một việc, tôi nghĩ và giận dữ chạy tới để bắt kịp họ.

Tôi xem đồng hồ. Cái quái gì thế này? Tên Jack đã nói đúng nửa đêm. *Bây giờ mới mười giờ rưỡi.*

Tôi tới bên các xe cứu thương ở Trung tâm Rock lúc Oakley và các cảnh sát khác vừa khiêng cái xác vận com-lê đen tới. Tôi không thể nhìn thấy mặt vì các nhân viên cấp cứu đã rối rít quanh nạn nhân trên cáng. Ai thế nhỉ? Ai bị chúng giết lần này? Tại sao lại trước giờ đã định?

Lát sau, các nhân viên y tế dừng lại. Một người quay mặt đi, mắt đẫm nước. Cái mặt nạ ôxy cô đang cầm tuột khỏi tay mà không buồn để ý. Cô ngồi bệt xuống rãnh nước, những ánh sáng lóe của các tay máy bên ngoài rào chắn và trong các cửa sổ của tòa nhà nhìn xuống thánh đường, thô bạo chộp lấy nỗi tiếc thương của cô.

Tôi cảm thấy tim đông cứng khi nhìn thấy nạn nhân mới nhất. Tôi nhớ những lần khác, tôi đã trải qua nỗi sững sốt kinh hoàng như thế này... với Belushi*, Lennon*, River Phoenix*.

John Rooney, ngôi sao hài của nền điện ảnh, nằm sóng sượt trên cáng, mắt mở to, miệng há hốc.

Một cảm giác như luồng điện từ từ chạy xuống sống lưng tôi.

Lại một người bị giết chẳng có lý do gì, chỉ để phô trương.

Tôi liếc nhìn đám đông và báo chí đang căng người nhìn qua rào chắn. Tôi suýt ngồi xệp xuống cạnh cô y tá đang khóc lóc ngay lề đường.

Ai ngờ được việc này lại đến với Rooney?

Tôi nhớ các con tôi thần tượng Rooney biết chừng nào. Có khi lúc này

chúng đang xem DVD buổi diễn của anh vào dịp Giáng sinh năm ngoái cũng nên.

Ai sẽ là người tiếp theo đây? Tôi nghĩ. Eugena chẳng? Hay Charlie Conlan? Hoặc Todd Snow?

Rooney có hàng triệu người hâm mộ, trong đó có rất nhiều trẻ em. Là ngôi sao rạng rỡ, anh là một phần của đất nước và lương tri trên thế giới, vậy mà bọn chó đẻ ấy đã trừ khử anh, mang theo bao tình cảm nồng ấm mà anh có thể đem lại một cách phi thường.

Tôi ngoảnh nhìn thánh đường, đám đông trải dài bên ngoài, những tháp sóng ngắn của các xe tin tức.

Lần đầu tiên tôi muốn từ bỏ, tôi thèm được tháo điện thoại khỏi thắt lưng và bỏ đi. Tìm một xe điện ngầm. Nằm trong phòng vợ tôi, cầm tay cô. Maeve luôn biết cách làm tôi dịu lại.

“Lạy Chúa tôi!” Oakley kêu lên, cảm phẫn. “Chúng ta sẽ thông báo cái tin động trời này ra sao đây? Người đầu tiên chúng ta để lỡ là thị trưởng. Bây giờ lại để John Rooney khốn khổ bị giết?”

Một ý nghĩ chợt lóe lên trong trí tôi. Nó đây.

Toàn bộ ý nghĩa là đây.

Tôi bỗng hiểu vì sao bọn cướp triệt hạ các nhân vật danh tiếng, mỗi lần giết một người.

Chúng muốn làm chậm sự việc, chậm rất có phương pháp. Bằng cách đó, quần chúng sẽ tụ tập. Các phương tiện truyền thông và phần còn lại của thế giới đang theo dõi vụ việc tại nhà sẽ cùng gây sức ép đòi sớm giải quyết việc này. Tôi nhận thấy, sức ép ấy không ảnh hưởng gì đến chúng.

Mà đến chúng tôi.

Rốt cuộc kẻ nào đó đã làm việc này. Kẻ có cơn ác mộng tệ hại nhất với lực lượng hành pháp. Khi thời gian cứ trôi và các xác chết chõng chất, trông chúng tôi mỗi lúc một thảm hại hơn. Nó làm cho bất cứ quyết định nào về việc đột nhập thánh đường với ý định giải cứu gần như là không thể. Nếu chúng tôi xử lý tồi, thì *bùm!* Nơi này sẽ nổ tung, dân chúng không trách cứ bọn cướp mà đổ tội lên đầu chúng tôi.

Tôi để chuông điện thoại reo bốn lần mới trả lời.

“Xin chào. Jack đây,” hắn nói, nghe rất hân hoan. “Thế nào? Chắc không vui vì chuyện Rooney, nhưng tôi cho rằng những ngày cù khán giả của anh ta hết rồi. Đến lúc rồi, Mike. Đừng viện cớ nữa. Không trì hoãn nữa. Nếu đến chín giờ sáng mai, tất cả số tiền không vào tài khoản của tôi, sẽ có nhiều người giàu có và nổi tiếng khác nghèo dưới cây thông Giáng sinh này, ông già Nô-en sẽ không để quà lại trong lò sưởi đâu.”



Lúc tôi từ từ, đau đớn ngừng đầu khỏi bàn phím laptop mà mình gõ lên, đã sắp hai giờ đêm. Tôi nhận ra cái khuyên tai Maeve tặng tôi. Lần đầu tiên trong nhiều giờ, tôi cũng nhận ra các hoạt động ở trung tâm chỉ huy tạm thời Rockefeller đã giảm xuống thành tiếng rì rào.

Công việc của chúng tôi ở đây gần như đã xong. Nó trĩu nặng từng gam lừa bịp, van nài và thương lượng, nhưng dù sao chúng tôi cũng đã thu thập được tất cả số tiền, trừ bốn trong số bảy mươi ba triệu.

Delta Force tới vào khoảng nửa đêm, đang làm việc với FBI và NYPD, cố tìm ra điểm yếu, chi tiết có ích nào đó đã bị bỏ qua. Tôi nghe tin rằng mô hình thánh đường đã được dựng tại căn cứ quân sự ở Westchester, giúp toán biệt động lập kế hoạch tấn công.

Hồi còn bé, ý nghĩ xem binh lính đi tuần qua các phố của New York thật nực cười làm sao, như cảnh trong bộ phim khoa học viễn tưởng loại B. Với tôi, nhìn thấy binh lính ở vòng ngoài Khu Zero và ngắm các máy bay F-14 bay sát các tòa nhà chọc trời ở Midtown như đã bay yếm hộ sau ngày Mười một tháng Chín dường như là việc không thực, *nhưng nó là đây*.

Tôi đứng dậy lúc một viên tướng đi qua bàn tôi. Hai lần trong đời nhìn thấy những đôi giày trận trên đất New York dường như là việc không phải lẽ, tôi nghĩ lúc theo dõi viên sĩ quan cùng đoàn tùy tùng vào phòng họp.

“Sao anh không nghỉ xả hơi một lúc, Mike?” Paul Martelli ngáp và bảo tôi. Anh vừa chớp mắt một lúc và trở lại. “Lúc này ở đây chưa có chuyện gì đâu.”

“Chúng ta sắp đến hồi kết rồi,” tôi nói. “Tôi không muốn vắng mặt, nhờ có việc cần.”

Martelli vỗ nhẹ vào vai tôi.

“Nghe này Mike,” anh vỗ về. “Chúng tôi đều biết hoàn cảnh của vợ anh và gia đình anh. Tôi không thể hình dung nổi sự căng thẳng mà anh phải chịu đựng nữa kia. Chúng tôi sẽ gọi anh ngay khi sự việc tiến triển. Còn bây giờ cứ ra khỏi đây đi. Hãy về với gia đình. Mason và tôi sẽ đảm nhiệm thay anh.”

Martelli không cần phải nói tới lần thứ hai. Dù sao thì tôi cũng thấy việc thương lượng đã chấm dứt, *bọn chúng đã thắng*. Chúng tôi vẫn còn phải thương lượng việc thả con tin, những thứ như vé mà bọn cướp nghĩ là cần để đến nơi an toàn. Nhưng tất cả có thể đợi.

Maeve đang ngủ lúc tôi bước vào phòng. Tôi không muốn đánh thức cô khỏi trạng thái yên bình như thế.

Trên màn hình của đầu DVD đặt trên bàn cạnh giường, Jimmy Stewart* miễn cưỡng nhận điều xì gà từ tay Potter*. Tôi tắt đi.

Tôi đứng đó, nhìn chăm chăm vào người vợ dịu dàng, yêu quý, và là kho báu của đời mình.

Tôi mỉm cười nhớ lại cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi. Tôi vừa rời ngón tay ấn nút chuông nhà Maeve, cô đã mở toang cửa và lao tới hôn tôi. Cặp mắt màu nâu vàng của cô ngời sáng, mùi nước hoa của cô thơm dịu và không cần rào đón, đôi môi mềm mại của cô đã gắn lên môi tôi, tim tôi đập dồn trong lồng ngực như một quả bóng ném.

“Em nghĩ em đã giải cứu cho chúng ta khỏi lúng túng sau này,” cô nói và cười rạng rỡ lúc tôi hơi lấp bắp, loạng choạng bước qua ngưỡng cửa.

“Maeve yêu quý,” lúc này, tôi thì thầm khi đứng bên chân giường cô. “Sẽ chẳng bao giờ có người đàn ông nào may mắn như anh. Anh yêu em rất nhiều, bà hoàng của anh. Tôi chạm một ngón tay lên môi tôi, rồi đặt lên môi cô.”

Lát sau, tôi lại xuyên qua thành phố. Trên các phố không một bóng người. Kể cả kẻ vô gia cư cũng về nhà vào dịp Giáng sinh, tôi đoán thế.

Tôi vào phòng các con và kiểm tra. Chắc chắn trong đầu rằng chúng

đang quay cuồng những trò chơi thay cho kẹo bi, nhưng ít ra chúng cũng đã ngoan ngoãn đi ngủ. Seamus đang ngáy trên ghế theo nhịp nhạc trong phòng ngủ của tôi, vụn bánh qui vương trên má. Ông như đứa trẻ thứ mười một của tôi. Tôi chờ ông nằm xuống và tắt đèn.

Lúc bước vào phòng khách, tôi ngỡ ngàng nhất. Không chỉ vì cây thông to, mà nó còn được trang hoàng rất lộng lẫy. Quà của bọn trẻ đã lấy từ phía sau phòng kho của tôi, gói khéo léo và xếp thành mười hộp dưới gốc.

Một lời nhắn dán trên cái điều khiển DVD đặt ở đây. **ẤN PLAY. CHÚC GIÁNG SINH VUI VẺ. MARY CATHERINE.**

Tôi làm theo chỉ dẫn. Một đoạn video quay Chrissy ăn vận như một thiên thần, tiến bước trên lối đi trong phòng thể dục của Holy Name, đầy cả màn hình.

Tôi trào nước mắt, nhưng lần này không vì giận dữ. Việc Mary Catherine và ông tôi đã làm thật đáng nể. Còn gì đẹp hơn nữa?

Giờ ạ, giá Maeve ở đằng kia, mạnh khoẻ, bên cạnh ta nhỉ? Một giọng nói vang lên trong lòng tôi.

Lúc này, tôi không còn sức lắng nghe các giọng nói. Tất cả sắp kết thúc rồi. Tôi lau nước mắt lúc ngắm các con tôi, giờ là những chú bé chần cừ lang thang từ xa đang tiến thẳng tới sân khấu. *Chúa cứu rỗi cho các thành viên nhà Bennett.*



Sáng sớm ngày Giáng sinh, tôi không biết thứ gì khiến tôi cảm kích hơn khi thức giấc. Mùi cà phê và thịt xông khói bay qua cánh cửa phòng đã mở, ngon không gì sánh được, hay những tiếng cười rúc rích cố nén lại ở bên kia giường tôi.

“Ồ không,” tôi nói và ngời nhóm dậy sau một tiếng cười khúc khích rõ to. “Các con tôi đang ngủ say kia mà... đây chắc là các con ma Ireland trong phòng tôi rồi!”

Tiếng cười nổ tung lúc Shawna, Chrissy và Trent ấn tôi xuống gối.

“Đây không phải là ma!” Trent nói và nhún nhảy lên, xuống cạnh đầu tôi. “Đây là Giáng sinh!”

Chrissy và Shawna mỗi đứa một tay, túm lấy chân tôi và kéo tôi vào phòng khách thơm nức mùi thông.

Tôi nhận quà Giáng sinh ở đó và nhìn xuống hai đứa con bé bỏng của mình. Normal Rockwell* không thể vẽ đẹp hơn. Đèn trên cây thông Giáng sinh chiếu sáng dịu dàng đến ngộp thở, hai đứa con gái bé bỏng mắt tròn xoe trong cái ngày đặc biệt này.

“Bố ơi, bố nói đúng!” Chrissy nói, buông tôi ra lúc giờ cả hai tay lên trên đầu mà vỗ. “Con để cửa sổ bếp mở, thế là ông già Nô-en mang quà đến đấy!”

Tôi thấy Trent đang lắc cái hộp.

“Làm thế nào mà trẻ con lại dậy trước cả người lớn nhỉ,” tôi nói. “Bây giờ chúng ta cùng mở quà nhé?”

Ba ngôi sao chổi bé bỏng lao vút ra khỏi phòng cùng một lúc. Tôi vào bếp, theo hướng mùi thơm phưng phức. Mary Catherine mỉm cười với tôi lúc rót bột bánh kếp vào chảo rán.

“Chúc Giáng sinh vui vẻ, Mike,” cô nói. “Ông thích đặt trứng rán lên trên bánh kếp hay để bên cạnh?”

“Thế nào cho dễ nhất,” tôi nói và ngạc nhiên khi biết bánh kếp và trứng có thể làm hai kiểu cùng một lúc. “Tôi không biết phải cảm ơn cô thế nào vì mọi việc cô đã làm cho gia đình tôi. Cây thông, quần áo giả trang, gói quà tặng. Trời ạ, tôi bắt đầu nghĩ có lẽ ông già Nô-en là có thật. Chắc là cô không từ Tipperary đến bằng đường Bắc Cực đấy chứ?”

“Mời ông,” Mary nói và nháy mắt. “Cha Seamus đã xơi gần hết rồi. Gượng đã, tôi nghe thấy tiếng bọn trẻ. Phiền ông mang khay ra hộ. Tôi đã rót sôcôla nóng và cà phê của ông lên bánh rồi.”

Tôi làm theo và trở lại phòng khách. Tôi nghĩ lúc này bọn trẻ đang xé các gói quà như những con sói háu đói trên con bò cái tơ, nhưng chúng chỉ đứng đó. Có chuyện gì vậy?

“Các con không phải đợi bố đâu,” tôi nói. “Chúc Giáng sinh vui vẻ. Bóc quà nào!”

“Bố ơi,” Brian nói. “Chúng con đã họp và...”

“Brian muốn nói là,” Julia nói. “Chúng con đã quyết định không mở quà cho đến lúc gặp Mẹ. Chúng con biết bố phải trở lại làm việc, nhưng chúng con quyết định đợi cho đến lúc bố về nhà để tất cả cùng đến thăm mẹ.”

Tôi bước tới và ôm choàng các con trong vòng tay.

“Trò chơi kết thúc,” tôi nói và nhắm mắt lại giữa vòng trẻ con. “Các con là những đứa con ngoan nhất trên đời.”

Ăn xong món bánh kẹp trứng, tôi miễn cưỡng đi tắm và thay đồ. Thứ cuối cùng tôi nhìn thấy trên đường ra cửa là Mary Catherine đang sạc pin cho máy quay video. Tôi không biết trả ơn cô gái này như thế nào nữa.

Tôi suýt đánh quỵ Seamus lúc ông bước ra khỏi thang máy, ông đã về nhà từ sớm để tắm và thay quần áo. Ông mặc toàn đồ đen, cổ áo kiểu La Mã buộc chặt nơi cổ. Trông ông chẳng có vẻ sùng đạo tí nào và rất dễ thương.

“Chúc Giáng sinh vui vẻ,” ông nói. “Cháu đi làm ư? Thế là đúng, cháu phải làm tốt ở đó nhé. Thế mới dẫn dắt được cuộc sống gia đình, vậy đấy.”

“Ồ vâng, vậy đấy,” tôi nói đúng giọng Ireland của ông.

Đúng vậy. Dường như tôi muốn đi làm. Tôi suýt bật cười sau khi hít một hơi. Sẽ không phải là ngày lễ nếu thiếu câu động viên của ông tôi.

“Cảm ơn ông vì mọi việc ông làm cho bọn trẻ, ông già say sưa chè chén của cháu ạ,” tôi nói và mỉm cười. Tôi giữ cánh cửa lúc nó bắt đầu khép. “Mà cháu nói đùa ông thôi.”

Bên trong thánh đường tranh tối tranh sáng, Eugena Humphrey tỉnh giấc trên chiếc ghế dài bằng gỗ cứng. Bà ngồi dậy, chà xát vào cánh tay cho đỡ lạnh. Bà miễn cưỡng mở to mắt và buột ra một tiếng thở dài thất vọng khi nhìn những tảng đá ảm đạm quá quen thuộc của thánh đường. Cuối cùng, bà quay nhìn những ngọn nến thờ đã cho bà cảm giác yên bình và hy vọng suốt bốn mươi tám giờ qua.

Bà thấy ngay những dãy ánh sáng màu vàng đã tắt. Tất cả đèn đóm đều tắt hết.

Trước kia, bà đã từng có vài dịp Giáng sinh khá tệ, bà nghĩ và lại nhắm mắt. Nhưng lần này tệ hại hơn cả.

Tuy biết đây là việc đau đớn, bà không khỏi nghĩ đến những việc sẽ làm nếu được trở về nhà vào lúc này.

Bà gần như nhìn thấy chồng, Mitchell, bước vào phòng ngủ trong căn hộ ở tầng mái của bà, trên đại lộ Wilshire, bưng khay để bữa sáng đầy ụ chỉ dành cho hai người. Vì là dịp đầu bếp và nhà dinh dưỡng nghỉ lễ, chế độ ăn kiêng của Mitch được hủy bỏ. Bánh kẹp việt quất, xúc xích táo hun khói, thịt xông khói hồ đào, những ca cà phê Kona cỡ đại. Sau khi ăn uống ngon lành, họ làm cái việc *trao đổi*. Vì của cải vô biên, và - khó mà tin được điều này - nhiều năm qua những món quà rất đắt tiền như kim cương, ô tô mới đã trở nên nhàm chán. Bà và Mitchell đã tìm ra một kiểu mới, đem lại niềm vui và ý nghĩa cho cả hai người. Họ giao hẹn người nọ chỉ được dành cho người kia một trăm đô la, điều quan trọng là tìm mua được món quà đẹp nhất hoặc có ý nghĩa.

Món quà phải nhấn mạnh sự giản dị. Đưa họ trở về những thứ đơn giản nhất. Cộng thêm là niềm vui.

Có năm, ông đã tặng bà một tá hoa hồng đỏ thắm, tuyệt đẹp. Nó làm bà

ngân người ra ngắm. Bà thực sự cảm nhận được sự thanh lịch, phong phú và vẻ đẹp phù du của chúng, theo cách mà bà không có từ khi nhận bó hoa đầu tiên.

Năm nay, bà đã mua tặng ông chiếc đồng hồ hai mươi một đô la tìm thấy ở hiệu thuốc. Chiếc đồng hồ thiết kế theo kiểu cổ điển. Rất đơn giản. Mặt tròn, màu trắng, các con số màu đen cân đối. Tuy vậy, bà nghĩ đó là sự giản dị bất diệt. Hầu như là loại đồng hồ Thượng đế có thể đeo nếu cần, và với bà, nói một cách thâm thúy thì nó tượng trưng cho sự quý giá của thời gian, của cuộc sống, của tình yêu với một người như Mitchell.

Eugena mở mắt vì một thứ gì đấy chọc mạnh vào gáy bà.

“Này, bà may đấy, Eugena. Năm nay ông già Nô-en tặng bà một bánh mì kẹp thịt lẫn pho mát,” John Bé thả một gói giấy vấy mỡ vào lòng bà.

Có lẽ những tên cướp khác làm việc này chỉ vì tiền, nhưng thằng khốn này đáng phải chịu đau đớn gấp bội, Eugena nghĩ lúc nhìn chăm chăm vào đấng sau chiếc mũ trùm của tên cướp. Hẳn chính là kẻ đã tiến tới và lạnh lùng giết chết John Rooney.

Cảm giác tuyệt vọng tràn ngập, đe dọa đến với bà. Bà đang đùa giỡn ai đây? Làm sao có thể nhân danh Chúa để giành lấy một giờ nữa trong tình cảnh này? Hay một phút nữa?

Bà để ‘bữa Giáng sinh’ của mình sang một bên và bắt đầu tập yoga cổ bình tĩnh lại, phấn chấn lên. Một tiếng rên thoát khỏi bà cùng hơi thở ra đầu tiên.

Không! Bà nghĩ, căm giận nhìn quanh tìm tên cướp. Chịu đựng thế đủ rồi. Đây là lúc phải hành động.

Nhưng những người khác có cảm thấy như thế không? Một ý nghĩ chọt đến. Rét mướt, giận dữ, chán nản, bần thủ, thiếu thốn đủ thứ. Trên thế giới này nhiều người còn phải chịu cảnh khó khăn hơn nhiều, hết ngày này sang ngày khác. Bà là ai mà phàn nàn?

Dù có là người nổi tiếng, bà cũng chỉ là một người bị đọa đày mà thôi! Một người sắp không nhận được gì hơn nữa.

Lúc này Eugena có thể thấy nói chuyện với những thằng khốn này thật vô ích. Không thể giải quyết việc này một cách hòa bình. Bà ngồi dậy, hết

nắm quả đấm vào lại mở ra. Cuối cùng, bà quyết định nếu có dịp, bà sẽ chiến đấu cho mạng sống của mình.



Bên kia lối đi giữa các hàng ghế, Charlie Conlan xem đồng hồ rồi lại xem lần nữa. Anh ngược nhìn tên cướp gầy gơ xương thích Mercedes Freer đi qua, và lượn nhiều vòng.

Conlan quay nhìn và thấy chỉ có một tên cướp ngồi trên chần song đằng sau. Anh theo dõi lúc tên khốn ấy để súng lên lòng và rút thứ gì đó ra khỏi áo choàng. Đó là một chiếc điện thoại di động nam đá quý hẳn cướp của một trong những nhân vật nổi tiếng. Hẳn làm gì với cái điện thoại? Lúc này ai gọi cho hẳn?

Không, Conlan nhận ra tên cướp đang nhìn chăm chăm vào màn hình và ngón tay cái của hẳn bắt đầu ấn nút. Hẳn đang chơi video game.

Conlan ho hai lần. Tín hiệu của anh. Todd Snow ở hàng ghế trước đứng dậy và nhìn anh. Conlan gật đầu lúc Mercedes, ngồi ở cuối hàng ghế giữa, giật mạnh áo choàng của tên cướp đi qua.

Lúc tên cướp quay lại, Snow chặn ở hàng ghế trước, lảng lạng nhảy qua chần song và mất hút dưới diềm ban thờ.

Conlan xoay đầu xem liệu tên cướp ở đằng sau có chú ý không. Không, hẳn vẫn mãi chơi game.

Conlan nghe thấy tiếng Mercedes tán chuyện với tên kia.

“Tôi sắp phát điên lên rồi đây,” Mercedes huýt sáo. “Anh và tôi ấy mà. Tôi nói nghiêm túc đấy. Ít nhất cũng hôn tôi một cái chứ.”

Yết hầu tên cướp lồi ra. Hẳn liếc nhìn đồng bọn rồi cúi xuống và thè lưỡi qua mặt nạ, bắt đầu hôn cô ca sĩ. Đôi bàn tay hẳn đặt lên ngực cô.

“Không thể ở đây, trước mặt mọi người được. Ra sau ban thờ,” Mercedes thì thào, hờn hển.

Tên cướp lại liếc nhìn đồng bọn.

“Sao thế? Tôi không xứng sao?” Mercedes nói. Cô lướt các ngón tay

xuống phía dưới áo choàng của hắn. Cô dừng lại ngay bên trên đũng quần hắn. “Hãy tin tôi đi, tôi *đáng lắm* đấy.”

“Ra sau ban thờ nhé?” Hắn nói. “Cô còn bản thiu hơn cả những video của cô. Thôi được, đi nào.”

Conlan thở phào lúc Mercedes đi ra khỏi ghế. Đến lúc rồi.

Lúc này sẽ diễn ra hai việc. Snow sẽ đề lên tên cướp sau ban thờ, còn Conlan sẽ ào tới tên cướp đằng sau chấn song. Rồi họ sẽ có hai khẩu súng, và có lẽ họ sẽ có dịp sống sót mà thoát khỏi chuyện này.

Charlie Conlan lau mồ hôi trong lòng bàn tay. Anh biết việc này rất mạo hiểm. Nhưng hoặc là chiến đấu, hoặc đợi bị bắn như Rooney.

Anh ngược nhìn ban thờ lần nữa. Mercedes và tên cướp dính chặt với nhau lúc họ vội vã leo lên bậc.

Bây giờ.

Conlan đứng dậy. Bỗng một tiếng nổ bất ngờ. Anh cảm thấy như một quả đấm thép xuyên vào lưng.

Một tiếng nổ nữa, và quả đấm thép giáng vào cằm anh. Không biết chuyện gì xảy ra, anh ngã ngửa, đờ đẫn và chảy máu, cố giữ cho tỉnh.

Anh nghe thấy Todd Snow hét lên. Snow chạy thẳng tới tên cướp, bỗng ba tên khác xuất hiện. Chúng bắn đạn cao su vào anh ta!

Conlan quan sát đầy sợ hãi lúc chàng tiền vệ gục xuống. Rồi John Bé từ điện thờ lớn hơn đi ra. Hắn tới chỗ Snow.

“Mày tưởng có thể thắng bọn tao à? *Mày ư? Thắng già?*,” John Bé nói lúc dận giày ống lên ngực Snow.

Chậm rãi, gần như một nghi thức, hắn giằng lấy khẩu súng bắn đạn cao su của một tên đồng bọn. Hắn dí nòng súng vào giữa hai mắt người vận động viên. Rồi hắn có vẻ cân nhắc. Thay vào đó, hắn ấn họng súng lên bàn tay phải của ngôi sao, bàn tay tránh đi.

Hắn giẫm lên cổ tay, giữ cho nó yên.

“Cản bóng,” John Bé quát bằng giọng của trọng tài. “Mười một mét. Ngã trước. Tao sẽ cho mày vào danh sách tàn tật vĩnh viễn.”

Tiếng súng nổ nuốt chửng tiếng thét của Snow. Conlan ngược nhìn lúc Mercedes Freer tiến tới chỗ John Bé. Cô ta định làm gì đây?

Anh quan sát thấy cô giơ ra chiếc điện thoại di động. Rồi một điều thuốc. Anh hiểu việc xảy ra lúc John Bé hào hoa châm thuốc cho cô.

“Cô đã bán rẻ chúng tôi,” Conlan rên rỉ. “Cô là một con khốn mất trí.”

Mercedes trợn mắt nhìn Conlan.

“Chúc mẹ Giáng sinh vui vẻ,” Conlan thấy Mercedes nói vào điện thoại lúc bộ mặt tê cóng của anh bắt đầu ấm lên. “Mẹ đừng khóc nữa,” anh nghe thấy cô ta nói. “Ồn cả mẹ ạ. Những người này không ác thế đâu. Họ sẽ thả con ra, mẹ đừng lo. Mẹ đã dạy Mercedes cách tự chăm sóc bản thân mà.”

Buổi sáng Giáng sinh xe cộ thưa thớt, tôi trở lại St. Patrick với thời gian gần như kỷ lục. Kể cả những người đi bộ và đám truyền thông cũng vắng đi đáng kể, nhưng tôi có cảm giác rằng sau khi mở quà xong, họ sẽ trở lại để chứng kiến cuộc chơi đẫm máu này.

Lúc tôi băng qua quảng trường ở số nhà 630 đại lộ Năm, một ông già Nô-en mặc áo đỏ đi qua, bưng khay cà phê và súng tiểu liên vắt chéo sau lưng. Đó là Steve Reno.

“Ông đi phát quà ở đâu thế, ông già Nô-en?” Tôi lên tiếng.

“Cố giữ vững tinh thần nhé, Mike,” Reno nói qua bộ râu bằng bông trắng xóa.

“Việc của anh còn khó hơn tôi,” tôi tiếp.

Paul Martelli gần như chặn tôi lại, lúc tôi vừa ra khỏi thang máy ở trung tâm chỉ huy.

“Chúng tôi đã làm xong rồi, Mike. Năm phút trước, chúng tôi đã chuyển khoản tiền cuối cùng. Toàn bộ số tiền. Sẵn sàng đi thôi.”

“Chúng ta có cơ hội nào để lần theo vết không?” Tôi hỏi.

Martelli nhún vai.

“Chúng tôi biết tiền chuyển vào một tài khoản ở Caymans. Chúng sẽ chuyển vào đâu đó ngay lập tức, rồi lại đến chỗ khác nữa. Cuối cùng, chúng ta phải có đủ sức ép chính trị để buộc nhà băng ở đó cho biết là gửi đi đâu, nhưng lúc đó chắc chắn tiền đã chuyển vào tài khoản nào đó ở Thụy Sĩ hoặc có Trời mới biết là ở đâu. Bọn tội phạm cổ trắng sẽ làm việc đó. Nếu chúng ta có khả năng theo vết, cũng sẽ phải mất một thời gian.”

Ít nhất chúng tôi đã thu thập được đủ số tiền, tôi nghĩ. Thế đấy.

Tôi quay đi lúc chỉ huy Will Matthews ra khỏi phòng họp. Tôi nhìn mặt vì đôi má lờm chờm râu, cặp mắt đỏ lừ của anh. Mọi điều anh nhận biết về

Giáng sinh này là một cái ung nhọt.

“Chúng ta đi chứ?” Will Matthews nói với Ned Mason.

Mason đứng dậy, giơ điện thoại và nói:

“Nhà băng đang đợi anh nói lời cuối cùng.” Trông Mason có vẻ cũng háo hức tham gia. Anh không giúp được nhiều, nhưng ít ra anh cũng ở lại để theo dõi.

Will Matthews bỏ mũ và cào bàn tay trên đỉnh đầu rồi mới cầm ống nghe.

“Đây là chỉ huy khu vực Will Matthews,” anh nói. “Tôi ghét phải nói điều này. Tiền đã chuyển.”

Tôi theo sếp trở vào phòng họp và đứng bên cạnh lúc anh lặng lẽ, trừng trừng nhìn thánh đường.

Cuối cùng, anh quay sang tôi:

“Anh nói với bọn khốn kiếp ấy lần nữa đi, Mike. Bảo chúng sẽ nhận được số tiền trời đánh ấy. Bây giờ hãy để những người khốn khổ ấy ra đi.”

“Anh nghĩ bọn chúng sắp cuốn xéo sao, chỉ huy?” Cuối cùng, tôi lên tiếng.

“Để xem sao, Bennett,” Will Matthews nói và nhìn chăm chặp, hậm hực qua đại lộ Năm. “Tình trạng chờ đợi này giết chết tôi mất.”



Tôi trở lại bàn liên lạc ở văn phòng phía ngoài. Viên trung úy phụ trách kỹ thuật từ lúc bắt đầu vụ này, gật đầu với tôi về cảnh giác.

“Có việc gì thế Mike? Bây giờ là gì đây?”

“Cậu có thể cho tôi gọi điện vào thánh đường được không?” Tôi nói.

Trung úy chớp mắt lia lịa rồi gật đầu. Anh ta đứng dậy ngay lập tức, vơ giấy tờ trên bàn và mở laptop.

“Chào nhé,” Jack nói lúc viên trung úy đưa điện thoại cho tôi.

“Mike đây,” tôi nói. “Đã chuyển hết tiền rồi.”

“Tất cả chứ?” Jack hỏi lại.

“Tất cả. Anh đã có mọi thứ anh muốn.”

“Để tôi xem đã,” Jack ngờ vực nói.

Tôi nghe thấy tiếng bàn phím lách cách. Chúng đang kiểm tra tài khoản ngay trong thánh đường. Internet chẳng phải là thứ tốt nhất sao?

“Mickey, anh đúng là bạn tôi. Món quà tuyệt quá,” giây lát sau, Jack nói. “Tôi sắp nổ tung vì niềm vui Giáng sinh đây.”

“Chúng tôi đã thực hiện phần của mình trong cuộc thỏa thuận,” tôi tiếp, phớt lờ lời bình luận trâng tráo của hắn. “Chúng tôi đã làm đúng mọi điều anh muốn. Bây giờ anh phải làm phần của mình. Đây là lúc thả các con tin ra.”

“Mọi thứ đều đúng lúc, Mike,” Jack bình tĩnh trả lời. “Mọi thứ đều đúng lúc. Các con tin sẽ được thả, nhưng phải theo điều kiện của chúng tôi. Nhờ chúng tôi bị bắn chết như lũ chó sau những việc tốt lành này thì sao? Anh hiểu tôi nói gì chứ? Đây là những thứ chúng tôi cần. Anh có bút đẩy không?”

“Nói đi.”

“Được. Trong hai mươi phút nữa, tôi muốn có mười một xe ô tô hai ngăn, mui kín, kính xe màu đen, xăng đổ đầy, đỗ trước lối vào ở đại lộ Năm. Các cửa xe *đế mở*, động cơ *nổ sẵn*. Đại lộ Năm phải được dọn sạch, thông suốt đến đầu đại lộ Ba mươi tám, và đại lộ Năm mươi bảy phải thông từ sông này đến sông kia. Không cần phải nói nếu có bất cứ sự ngăn trở nào, hậu quả sẽ là thêm một đồng người chết đấy. Nếu đáp ứng mọi yêu cầu của chúng tôi, những con tin còn lại sẽ được thả bình yên vô sự.”

“Còn gì nữa?” Tôi nói.

“Không, thế thôi,” Jack đáp. “Tạm biệt nhé, Mikey. Đây là một tiếng cười ròn thực sự đấy.”

Tôi gần như không thể tin khi nghe thấy tiếng đĩa số điện thoại quay. Thế là cái gì?

Tất cả thứ chúng muốn là mười một ô tô? Chúng định đi đâu? Mexico chẳng?

Tôi nghe thấy tiếng chỉ huy nói vào bộ đàm ở đằng sau tôi, ra lệnh cho lực lượng cảnh sát dỡ bỏ mọi rào chắn trên đại lộ Năm, Năm mươi bảy và

các phố ngang. Anh cầm một bộ đàm khác và ra lệnh các tay bắn tia trên mái nhà sẵn sàng.

“Lúc nào bọn chúng ra, chúng ta sẽ bắn gục,” anh nói. “Bất cứ kẻ nào bước vào tầm ngắm là bật đèn xanh luôn.”

“Đã nhận lệnh,” một người trong Delta Force đáp lại.

“Và tôi muốn các xe đó đều có GPS*,” Will Matthews ra lệnh cho một trong các đội trưởng của anh.

“Bennett,” Will Matthews gọi tôi, “lên mái nhà và vào trực thăng, phòng khi chúng ta phải đuổi theo.”

Không hẳn quá mừng vì độ cao, cũng không thể nói tôi quá bức dọc vì nhiệm vụ này, song tôi gật đầu đồng ý.

Lúc vào thang máy lên mái nhà, tôi không sao hình dung nổi bọn cướp dự định gì mà dám bước năm bậc khỏi nhà thờ, không sợ bị tiêu diệt. Tôi ấn nút lên tầng trên cùng.

Chắc chúng tôi sẽ tìm ra sớm thôi.



Tôi không biết mình có hăng hái lúc trèo vào chiếc trực thăng *đổ sẵn* tận trên tầng năm mươi một không. Nếu không bị thời gian thúc ép, hẳn tôi sẽ bò vào cửa mở sẵn để tránh các cánh quạt thấp và nặng.

Người phi công chắc nhận ra mặt tôi xanh tái hoặc kém khỏe khoắn. Lúc tôi thắt dây an toàn xong, máy bay rời sườn tòa nhà, nhanh chóng thả bánh lái độ cao xuống, để ruột gan tôi lại trên tầng thứ năm mươi một.

Sau khi chúng tôi bay chậm và lượn ở độ cao một trăm hai mươi mét trên điểm giao cắt của đại lộ Năm và Năm mươi, tôi mừng vì không nôn thốc, và lần đầu tiên tôi thu nhận được toàn cảnh thánh đường.

Nó thực sự là một công trình kiến trúc tuyệt đẹp, các tháp chuông trang trí tinh tế và phức tạp như chiếc bánh cưới, thật khó tin nổi vì toàn bộ đều được làm bằng đá. So với các văn phòng bằng kính, lùn tịt của Midtown ở xung quanh, những tảng đá nguyên khối hình như xấu hổ thay cho chúng và

không hiểu sao các tòa nhà chọc trời dường như ở chẳng đúng chỗ.

Lúc tôi nhìn xuống, mười một chiếc ô tô Chevy màu đen đã lăn bánh chậm từ phía Bắc. Chúng đỗ trước thánh đường, các cảnh sát lái xe nhảy ra khỏi xe, để cửa mở sẵn.

Cả đội xe đỗ tại các giao lộ về phía Nam đến đại lộ Năm, nóc xe đỏ màu anh đào sáng lóa lúc chặn các phố ngang ở cả hai bên đường.

Quang cảnh thật lạ lùng.

“Cửa!” Có người gọi to tốp cảnh sát lúc có tiếng lách cách.

Ở bên dưới, cửa trước rất cao của nhà thờ bắt đầu từ từ mở.

Một hình người mặc áo choàng màu nâu có mũ, trùm kín từ đầu đến chân, đeo mặt nạ trượt tuyết bước ra và dừng lại cạnh rào chắn ở bậc thềm.

Tôi nhìn chăm chú vào hình người lẻ loi, đợi việc tiếp theo diễn ra.

Bất chấp thực tế tôi là người trong đội quân cảnh sát, tôi thấy lo lắng lạ lùng. Bọn khốn kia đã dạy cho chúng tôi rằng chúng có khả năng làm mọi việc, vào bất cứ lúc nào.

Có tiếng làu bàu giận điên lên trong bộ đàm cảnh sát vì một lát sau, một người nữa ăn vận y hệt, áo choàng nâu, đeo mặt nạ trượt tuyết bước ra. Bọn cướp định làm gì? Sự việc quái quỷ gì đang diễn ra đây?

Tôi vươn người về phía cánh cửa nhà thờ chuyển động.

Giây lát sau, hàm tôi trễ xuống, thấy khó khăn hơn cả lúc chiếc trực thăng rời mái nhà.

Ào ra khỏi thánh đường, đi thành hai hàng tới những chiếc ô tô đợi sẵn là một đoàn hai mươi người kỳ dị.

Tất cả đều mặc áo choàng nâu.

Tất cả đeo mặt nạ trượt tuyết.

Không thể biết ai là con tin và ai là kẻ cướp.



“Có ai bắn không?” Will Matthews gào to qua máy bộ đàm.

Lúc này, có lẽ khoảng ba chục người mặc áo choàng nâu đi ra khỏi cánh

cửa màu đồng thiếc của thánh đường. Họ đi chậm chậm xuống bậc, tới các ô tô đợi sẵn.

“Dừng lại!” một giọng nói. “Chúng tôi đang quét radar tìm vũ khí được che giấu.”

Trên mái nhà Saks, một người bắn tỉa để khẩu súng trường xuống và giờ một thứ gì giống cặp ống nhòm quá dài. Anh ta hạ thấp ống nhòm và nói vào cánh tay áo.

“Rút lui,” anh ta nói. “Chúng tôi không bắn. Tín hiệu cho biết hình như tất cả đều có vũ khí trên người. Chúng tôi bắn sẽ không an toàn. Chúng tôi không thể nhận biết ai là ai.”

Tai nghe của tôi gần như tuột ra lúc tôi lắc đầu.

Jack và bọn cướp lại thảng keo nữa. Chúng đã lường trước được sự nguy hiểm dành cho chúng, trên quãng đường rời khỏi nhà thờ đến ô tô. Chúng đã đoán ra nước tiếp theo của chúng tôi và đã ngụy trang tất cả mọi người. Những người bắn tỉa của chúng tôi đã không thể nổ lấy một phát súng. Bên dưới, cả đám người vận áo choàng nâu đang trèo vào xe, mỗi xe ba hoặc bốn người. Lát sau, các cửa kính đen đóng lại, từng cái một. Thế là hết. Một cơ hội vàng tuột mất, hoặc đã rời bỏ chúng tôi. Những tên khốn ấy có thể lái xe, hoặc ngồi ở ghế sau, dí súng vào một trong các con tin bắt họ lái xe. Chẳng làm sao biết được.

Lần đầu tiên tôi nhận thấy từ cửa sổ các tòa nhà ở hai bên đại lộ Năm, dân chúng và các phương tiện truyền thông đang theo dõi, sững sờ. Từ chỗ tôi, trông nó gần giống cuộc diễu hành toàn những con tin nổi tiếng, thay cho những ngôi sao thể thao hoặc các anh hùng thời chiến.

Tôi chăm chú nhìn những chiếc ô tô nhàn nhã. Vấn đề còn lại là: Bọn cướp nghĩ chúng rời Manhattan bằng cách nào? Với cái kiểu lạ lùng như rong chơi này, tôi bắt đầu tin rằng chỉ một trận tắm máu mới có thể giải quyết được vụ này.

Vài giây sau, chẳng cần say máy bay, ruột gan tôi đã lộn tùng phèo.

“Trời đánh thánh vật chúng nó!” Tôi nghe thấy Will Matthews quát vào bộ đàm. “Bennett, không được để mất hút!”

Lúc liếc nhìn người phi công bên cạnh, tôi nhận ra dưới cặp kính và cái

mũ bay là một phụ nữ. Tôi biết điều đó đúng lúc tôi nhìn thấy nụ cười nhạt bóng, tự mãn của cô.

“Chúng ta còn đợi gì nữa?” Tôi nói, và chúng tôi hạ xuống thấp.



Chúng tôi lượn thấp, áp sát ngay bên trên đoàn ô tô màu đen. Cánh quạt xoay tít như gió lốc, cách lớp kính nhẵn mịn và mặt tiền của tòa nhà đá trang trí công phu hơn sáu chục mét ở bên kia đại lộ. Tôi nuốt khó nhọc. Lái xe trong thành phố này đã đủ lo âu và căng thẳng cho tôi rồi.

Chuyển động mạnh và không ngừng của chiếc trực thăng khiến các ô tô bên dưới hình như rung lên qua kính chắn gió khi chúng rời khỏi thánh đường. Bây giờ chúng đến chỗ quái quỷ nào đây?

Dây an toàn thít chặt cứng vào ngực lúc chúng tôi nghiêng tới trước và bắt đầu đuổi theo.

Chúng tôi bay rất chậm trong không trung, đằng sau đoàn xe, qua các cửa hàng sang trọng trên đại lộ Năm - Cartier, Gucci, Trump Tower. Chúng sẽ đi đâu trong giây phút cuối cùng qua các cửa hàng này?

Lúc đoàn xe tới cửa hàng Tiffany góc phố Năm mươi bảy, một việc còn lạ lùng hơn nữa diễn ra.

Chúng dừng lại!

Chúng dừng ở đâu đó ăn sáng chẳng? Hay Jack định cướp cửa hàng nữ trang nổi tiếng như một hành động chia tay? Mọi thứ đều có thể ở thời điểm này. Cánh quạt trực thăng đập mạnh theo nhịp mạch lúc tôi đợi và quan sát.

Sau một phút ngừng, xe đi đều nhích dần và rẽ trái về hướng Tây, vào phố Năm mươi bảy. Bốn xe sau bắt đầu chuyển bánh, tôi tưởng cả đoàn diễu hành kỳ lạ này cứ thế thông dong đến tận Bờ Tây. Nhưng xe thứ sáu khiến tôi ngạc nhiên vì rẽ sang hướng Đông trên phố Năm mươi bảy. Những chiếc còn lại sau nó cũng rẽ về hướng Đông.

Tôi báo cáo tiến triển mới, kỳ quái qua radio.

Phía Đông, phía Tây, đều vòng quanh thành phố, tôi nghĩ và quan sát

đoàn ô tô màu đen tách ra khỏi nhau.

Hay một nhóm là con tin và nhóm kia là bọn cướp? Từ trên cao này, không sao biết được.

“Anh có cách nào phân biệt được ai là ai không?” Will Matthews hỏi bằng giọng tức tối.

Tôi chăm chú nhìn hai hàng ô tô, cố hình dung sự việc. Mùi diesel cộng với sự hoa mắt chóng mặt và tiếng ồn không ngớt của chiếc trực thăng làm tôi mất tập trung. Tôi đành bỏ lỡ trong giây lát.

Nếu có manh mối gì, tôi cũng không thể nhìn thấy lúc này.

“Tôi không sao tìm ra sự khác biệt nào,” cuối cùng, tôi gọi vào radio.

“Đi đường nào?” Người phi công nói, bực mình lúc chúng tôi ở giao lộ phố Năm mươi bảy.

“Phía Tây,” tôi quyết định. “Rẽ trái.”

Nếu tôi nhầm và bị thả hồi, sẽ là một chuyến xe điện ngầm ngắn hơn để trở về nhà, tôi nghĩ lúc chiếc Bergdorf rẽ ngoặt bên dưới vai phải của tôi.

Xoay bánh xe chiếc ô tô dẫn đầu chạy về hướng Đông trên phố Năm mươi bảy, Eugena Humphrey hít một hơi dài. Hơi nóng của chiếc ô tô tù túng làm bà toát mồ hôi, mùi mặt nạ trượt tuyết hôi hám mà bọn cướp bắt bà đeo khiến bà càng bứt rứt. Lúc này bà không cần thứ đó.

Bà liếc nhìn hai cảnh sát mặc quân phục đứng ngay trên vỉa hè, ngăn người nhìn đoàn ô tô tiến đến đằng trước một gallery mỹ thuật ở phía Bắc đường phố.

Không người nào làm gì hết! Sao họ có thể như thế? Bà sợ hãi, buồn nôn và mệt mỏi, song bà biết lúc này không được suy sụp. Bà không thể bị bẻ gãy. Và sẽ không thế.

Lần cuối cùng bà tự lái xe là bao giờ nhỉ? Bà nghĩ. Mười năm trước ư? Bà nhớ chiếc Mustang đỏ mà bà mua sau khi chuyển từ Wheeling, Tây Virginia tới LA. Hồi đó, bà lái xe ‘điên’ lắm.

Chuyện này sẽ kết thúc thế nào đây? Không được tắm rửa vào ngày Giáng sinh, phỏ mặc số phận vào tay bọn tội phạm suy đồi. Sau tất cả những việc bà đã làm. Biết bao công việc vất vả và những quyết định khôn ngoan, bà đã tự nâng mình lên từ chỗ không là gì. Bà không chỉ vượt lên trên mức mà giới của bà tuân theo như giới hạn cuộc đua và của giai tầng, mà còn móc nối quan hệ với những người đầy tiềm năng, giỏi giang hơn nhiều. Trở thành một người có ảnh hưởng vĩnh viễn trên thế giới, một ảnh hưởng mạnh mẽ.

Nhưng ít nhất bà đã sống một cuộc đời đầy đủ. Đã làm được mọi việc muốn làm.

Eugena thở hỗn hển lúc tên cướp ở ghế trước thô bạo thọc mạnh khẩu súng cửa nòng của hắn vào người bà.

“Tăng tốc,” hắn quát.

Lúc đó, Eugena cảm thấy nhói lên nỗi thất vọng và adrenaline trong người bà dâng cao.

Tăng tốc ư? Không sao. Chắc chắn mình có thể làm được điều đó.

Bà nhấn ga, và động cơ V-8 hầu như gào khóc lúc các tòa nhà và cửa sổ bắt đầu lao qua vun vút. Chiếc ô tô nhanh chóng để lại vệt nhựa đường lúc lao phải mô đất của đại lộ Park.

“Cứ thế, mụ già. Được đấy!” Tên cướp hú lên lúc các bánh xe lao tới, để lại những tia lửa.

Lúc lao tới Lexington, mắt Eugena bắt gặp ánh lập lòe của một trong những bể chứa nitơ bằng thép của công ty điện thoại. Bà ước có thể đâm vào nó.

Bên ngoài kính chắn gió là thành phố New York, lúc này đang lao tới bà với tốc độ điên cuồng. Một sức mạnh không thể chặn lại.



Đoàn ô tô vẫn bò chậm chậm về hướng Tây trên phố Năm mươi bảy. Qua kẽ hở lên xuống ở đại lộ Bảy, tôi phát hiện ra ít nhất sáu chiếc trực thăng mới che bóng chúng tôi. Từ những chiếc Bronco trắng không chú ý được nhiều vào những chiếc ô tô di chuyển chậm chạp kia.

Tôi quan sát chăm chú hơn vào đoàn ô tô hình như chậm lại cạnh lối vào xe điện ngầm ở đại lộ Sáu. Chúng tôi cần chúng dẫn vào mê cung của hệ thống xe điện ngầm New York.

Nhưng sau khi đoàn ô tô vượt qua giao lộ, chúng lại trở về tốc độ điều hành.

Tại sao chúng không làm gì đi, không tiến hành một nước cờ đi?

Giây lát sau, hình như đoàn xe đọc được ý nghĩ của tôi lúc chạy song song với hiệu cà phê Hard Rock.

Động cơ bỗng gầm rú và lốp cao su quay tít, cả năm chiếc ô tô bất ngờ tăng tốc.

Những cảnh sát chặn ở giao lộ Broadway trông như một đám khán giả

ngân người xem cuộc đua ô tô quốc gia, lúc những chiếc ô tô lao vèo vèo như tên bắn qua họ.

Cả đoàn xe hình như lao vào cuộc đua lúc phóng qua đại lộ Tám. Vừa đến đại lộ Chín, chúng đã đạt tốc độ kỷ lục dưới mặt đất. Động cơ chiếc trực thăng của chúng tôi phải tăng vọt để theo kịp.

Tôi cho rằng chúng cần vội đến một nơi nào đó, vì chúng đang tăng tốc đến đường cùng. Có lẽ chỉ còn hai khối nhà nữa của Manhattan.

Rồi thì sao đây?

Tôi cảm thấy máu rút hết khỏi mặt lúc theo dõi tiếng rít của những chiếc ô tô lao xuống chỗ rẽ cuối cùng trên phố, nhằm thẳng sông Hudson.

Chúng liều đâm vào một trong các rào chắn chằng? Tôi không biết nhưng tôi chắc chắn một điều: Một vụ đâm xe chí mạng sẽ xảy ra trong giây lát. Tôi không thể làm gì ngoài việc quan sát từ vị trí rõ nhất.



Bị trói vào ghế trước của chiếc ô tô dẫn đầu, rocker Charlie Conlan cảm thấy vết rách trên cằm lại toác ra lúc chiếc ô tô tăng tốc, vọt qua một ổ gà khổng lồ.

Conlan biết xe chạy quá nhanh. Là thế này đây, anh nghĩ. Việc này sẽ xảy ra. Kết cục của một huyền thoại.

Lúc động cơ xe gầm lên, Conlan giận điên với tên hung hãn ngồi bên cạnh. Rồi giận thân. Anh vẫn còn thờ, có nghĩa là anh vẫn có thể chiến đấu, vẫn có thể chống lại. Nhưng cánh tay và chân anh bị trói lại với nhau. Anh có thể làm gì đây?

Anh liếc nhìn tên cướp ngồi sau tay lái, bên trái anh. Hãn vẫn đeo mặt nạ, nhưng mũ trùm đã tụt xuống.

Conlan gật gù, hình dung ra sự việc. *Có thể mình sẽ chết, nhưng nhất định không chết trên đầu gối những tên khốn này.*

Chiếc ô tô bị nhắc bỗng khỏi rìa dựng đứng dọc đại lộ Mười lúc Conlan ngã người và ngoạm, nghiêng vào tai tên lái xe. Tiếng thét kinh hoàng của

tên cướp bị tiếng động cơ át đi.

Tên vô lại này sẽ đưa họ đến đâu, Conlan nghĩ, nếm vị máu. Hắn đã giết Rooney, người bạn thân thiết của anh, rồi kéo lê xác Rooney ra ngoài như một bao rác. Conlan ước tên khốn này sẽ phải chịu đau đớn tột cùng. Nhưng lúc đó, lốp xe trước bị xé nhỏ khi chiếc xe lao xuống, quay ngang rồi bắt đầu tung bóng lên. lát sau, cửa kính dày của phòng trưng bày BMW ở góc đông bắc đại lộ Mười một như bị bốc hơi lúc chiếc ô tô quay tròn, cả tấn thép đâm sầm qua nó.

Một tiếng *rắc* khủng khiếp xé rách màng nhĩ Conlan và cả vũ trụ trở nên tối đen.

Rồi xám xịt.

Sau đó là trắng lóa.

Conlan thoát khỏi sự sững sốt mờ mịt và thấy mình chớp lia lịa trong khối ánh sáng chói lòa. Mình đang trong phòng mổ chẳng? Hay đang trong một cảnh hồi tưởng đáng sợ. Đồng thủy tinh trên lòng anh kêu lanh canh lúc anh quay ngang ngửa xem xảy ra chuyện gì.

Khí thật, anh đang ở trong một phòng trưng bày ô tô. Không hiểu sao xe cộ lặt vặt nghiêng sang bên phải hết. Anh thở hổn hển vì nhiều mảnh kim loại cong queo cách cổ họng anh chỉ vài xăngtimét. Chiếc ô tô mui kín lúc này trở thành *không mui* vì mui xe đã bị bóc toạc.

Lúc nhìn qua cái lỗ trên kính chắn gió vỡ tan, ý nghĩ đầu tiên của anh là tên cướp lái xe gập người trên một trong những chiếc mô tô trưng bày, như định tẩu thoát.

Rồi anh nhận thấy một đầu ghi đông thò ra ở giữa lưng tên cướp.

“Một tên đã gục,” Charlie Conlan nói. “Dành cho John Rooney.”

Anh quay nhìn ghế đằng sau. Những người còn lại trông có vẻ ổn cả. Todd Snow tháo dây an toàn, bò qua kính vỡ và tháo dây trói ở cổ tay Conlan. Họ nhìn trân trân lúc hành khách thứ ba ở ghế sau bỏ mặt nạ.

“Cừ lắm, anh bạn,” Mercedes Freer nói, kèm nụ cười nở rộng, nhợt nhạt. “Anh đã cứu chúng tôi!” Cô ta cười toe toét, ngay trước khi Todd Snow đâm văng răng cửa của cô nàng diva giả dối.



Những ngọn đèn Giáng sinh nhấp nháy treo trên lối thoát hiểm của căn hộ bằng đá kết nâu lướt thành vệt qua cửa chiếc trực thăng, lúc chúng tôi lao tới cửa hàng bán ô tô vừa bị cái xe dẫn đầu nghiền nát.

Từ trên cao, tôi trở mắt nhìn đám kính vỡ và kim loại rách toạc, đèn cảnh sát quay tít, cảnh sát chạy tới, lui.

Thêm một ngày nữa, tôi nghĩ và cố hiểu sự điên rồ mà tôi vừa chứng kiến, *một vùng chiến nữa*.

Tôi quay sang bên trái, tránh khỏi đồng hồ bị nghiền nát ở cửa hàng ô tô, vừa lúc bốn chiếc ô tô còn lại lao tới chỗ giao cắt của đường cao tốc Bờ tây gần Hudson.

Chúng không chạy chậm lại!

Tôi ngỡ chúng sẽ cố rẽ ở giây cuối cùng và đâm mạnh qua rào chắn. Các cảnh sát ở chỗ rào chắn chắc cũng nghĩ như thế vì ba hoặc bốn người bọn họ lao vọt khỏi đường.

Nhưng tất cả chúng tôi đều nhầm.

Tất cả trở nên xám xịt lúc tôi quan sát một cách vô vọng. Adrenaline, sự thiếu ngủ, cà phê uống quá độ và căng thẳng, cuối cùng đã phát huy tác hại của chúng. Tôi ngỡ mình đang bị ảo giác.

Những chiếc ô tô đen kín mui không rẽ trái, cũng không rẽ phải. Chúng lao như tên bắn vào hàng rào chắn sông Hudson.

Mặc dù ở trong trực thăng, tôi vẫn nghe thấy tiếng các lốp xe đả trước nổ như bom lúc đâm mạnh vào lề đường bê tông cao trước hàng rào. Đường như chúng cúi xuống và cuộn lại lấy đà, rồi nảy bật lên cao và đâm sầm vào hàng rào.

Các mắt xích toạc ra như mảnh giấy lụa ướt và những chiếc ô tô đen lao vọt lên không trung, bên trên dòng sông băng giá. Trông như một tấm kim loại hạ lên lớp bê tông lúc chúng *lộn ngược* rồi chìm xuống nước cùng một lúc.

Trước tình huống đó, tôi không biết mình mong đợi gì nữa.

Nhưng đó không phải là một vụ tự tử tập thể.

“Chúng đang ở trong nước!” Lúc đó tôi nghe thấy trên radio. “Tất cả sáu chiếc ô tô đang ở trong sông Đông! Đây là một sự điên rồ trọn vẹn. Chuyện này không thể xảy ra. Nhưng nó đã xảy ra rồi!”

Tôi ngỡ một cảnh sát đang quan sát trên mặt đất bên dưới tôi báo cáo, cho đến lúc nhận ra họ nói về những chiếc ô tô khác. Những chiếc rẽ về hướng Đông.

Bọn cướp đã lao *toàn bộ* các ô tô còn lại xuống hai dòng sông!

Chiếc trực thăng lượn xuống mặt nước lúc tôi ra lệnh. Chúng tôi tới đó đúng lúc nhìn thấy những chiếc đèn phanh biến mất dưới mặt nước.

“*Chậm lại hết mức có thể,*” tôi quát phi công lúc bật bộ áo lặn và then cài cửa trực thăng. Luồng gió lạnh buốt ùa vào khoang lúc tôi nhào ra trên làn nước xám xịt, vỗ bập bênh.

“Và báo cho Đơn vị Cảnh,” tôi nói. Rồi tôi rơi tự do.



Nước không đến nổi quá tệ.

Có lẽ thế, nếu bạn là một trong những con gấu trắng bắc cực trên đảo Coney*.

Nhiệt độ, hoặc thiếu hẳn nhiệt độ, xuyên suốt người tôi như một dòng điện. Sau đó tôi bập bênh trong làn nước lạnh giá. Nhưng cuối cùng, chân tôi va phải một thứ giống như cái hãm xung, và tôi xoay cả người vào làn nước bắn thiu, tối tăm, vươn tay tới trước.

Tôi không rõ làm thế nào tôi tìm thấy quả đấm cửa trong màn nước mờ đục, nhưng tôi đã tìm ra. Tôi kéo mạnh, cánh cửa bật mở và một thân hình lướt qua tôi, rồi một thân hình khác nữa.

Tôi nín thở và *nóng bừng* lúc người thứ ba, rồi thứ tư bập bênh qua tôi và nổi lên mặt nước, tôi đá bung nóc xe bị lõm.

Quần áo tôi như làm bằng chì, loại chì *đóng băng*, lúc tôi bơi chóc. Tôi

đếm thấy mười hai người đang trôi trong nước. Họ đã bỏ mặt nạ, và tôi nhận ra phần lớn là các con tin VIP. Mỗi xe chứa bao nhiêu người? Hiện giờ tất cả bọn họ có an toàn không?

“Còn ai kẹt trong ô tô nữa không?” Tôi quát Kenneth Rubenstein, đang quẫy trong nước cạnh tôi.

Kenneth nhìn tôi trân trối, như thể tôi nói bằng tiếng Tàu. Anh ta quá sững sốt. Tôi quyết định không làm gì hơn, ngoài việc đưa mọi người lên khỏi mặt nước.

Đúng nơi phi công trực thăng đổ. Cô ta là người sững sốt nhất. Sử dụng nạng đuôi như một cái lao mấu, cô xoay xở nâng những con người đang thở hỗn hển với thân nhiệt giảm ra khỏi nước và đưa chúng tôi vào bến cảng gần đó.

Một đội công nhân vệ sinh vạm vỡ từ các xe chở hàng cạnh sông chạy tới, kéo chúng tôi vào trong một tòa nhà ấm áp. Một tấm chăn phủ lên lưng tôi. Một công nhân to lớn và vụng về hà hơi tiếp sức cho một phụ nữ trung niên nhợt nhạt mất một lúc, cho đến khi cánh tay cứng đờ của bà ta thọc vào bộ ngực rậm rì lông của ông.

Tôi nhận ra Laura Winston, tổng biên tập tạp chí thời trang. Một phụ nữ trẻ cạnh bà bắt đầu nôn mưa tung tóe. Linda London, đứa con hoang dã của ngành truyền hình hiện nguyên hình.

Có lẽ nửa giờ sau, tôi mới nhận được cuộc gọi của chỉ huy Will Matthews. Tất cả các nhân vật nổi tiếng khác rơi xuống dòng sông Đông đã được kéo lên khỏi mặt nước và đang khai báo. Các VIP đều thâm tím, ướt lướt thướt và vẫn còn bị sốc, nhưng hình như mọi người đều sống sót.

Tuy vậy, rõ ràng rành rành là bọn cướp đã biến mất ở cả hai hiện trường tai nạn. Hoặc chúng bị chết đuối trong xe, hoặc vẫn còn lại trong thánh đường. Trước khi tôi cắt máy, Will Matthews ra lệnh cho tôi đến hiện trường tai nạn ở cửa hàng bán ô tô xem đã xảy ra chuyện quái gì ở đấy.

Sao lại không? Tôi nghĩ, bàn tay ướt run run lúc trả lại điện thoại cho viên trung úy đặc nhiệm. Sáng nay, tôi cần phấn khởi lên một chút.

Chí ít thì mọi người đã làm việc đó, tôi nghĩ, lúc trở ra ngoài rìa bến cảng. Lẽ tất nhiên là trừ những người đã bị giết ở nhà thờ.

Tôi cố để thẳng lợi nho nhỏ ấy làm tôi dụ lại, nhưng cần phải có thời gian.

Lời hứa ban đầu của Jack khiến tôi bầm gan tím ruột lúc tôi nhìn chăm chăm vào những chiếc trực thăng đang tìm kiếm trên bề mặt xám mờ của làn nước lạnh giá.

Hắn nói hắn sẽ thoát khỏi chuyện này, và hắn đã thoát thật.

Tại xưởng đóng tàu bỏ hoang ở ngay phía bắc cầu tàu Hell's Kitchen Sports mới, cách nơi một nửa số ô tô bị lái xuống nước hai chục khối nhà về phía nam, một thân hình màu đen nhấp nhô nổi lên từ các đồng thối rữa.

Chỉ để mắt lộ ra trên mặt nước, Jack cẩn thận quan sát khắp dòng sông Hudson sóng vỗ bập bênh tìm Đơn vị Cảnh của NYPD, nhưng không thấy gì. Quan trọng hơn cả là không có ai dọc dải đất ven bờ cạnh khu liên hợp thể thao.

Hắn rút cái túi không thấm nước trong bộ đồ lặn Scubapro siêu nhẹ. Lấy cái di động bên trong ra và quay số lúc rút cái ống thở của khí cầu.

“Ở đâu?” Hắn nói.

“Bọn chúng vẫn đang tập trung vào hiện trường đâm xe, vẫn tìm cứu con tin,” gã Ngăn nắp nói. “Chúng vẫn chưa bắt đầu tìm kiếm cậu đâu. Cửa sổ mở nhưng đang đóng lại. Di chuyển ngay lập tức!”

Không chờ nhắc đến lần thứ hai, Jack nhét di động vào túi và lặn xuống dưới làn nước biển, nắm lấy sợi dây dắt.

Năm phút sau, Jack và bốn tên cướp leo lên gờ bê tông bên dưới con đường đi bộ ở phía Nam khu liên hợp thể thao, cởi bộ đồ lặn mặc trong áo choàng nâu, vứt bỏ các khí cầu chúng giấu dưới nước ở nơi xảy ra vụ lao xe. Các khí cầu nhỏ, chỉ chứa chưa đến một mét khối khí, nhưng đủ cho cả bọn lặn dưới nước từ mười đến mười lăm phút.

Trên thực tế, phần nguy hiểm nhất là vụ lao xe xuống sông, hẳn nghĩ. Nhưng phần còn lại - thoát ra khỏi ô tô và tìm thấy khí cầu - đã diễn ra rầm rập. Đây không những là một vụ bắt cóc vĩ đại nhất mọi thời đại, mà lúc này bọn chúng sắp tiến hành vụ trốn thoát vĩ đại nhất!

Đồng bọn yêu quý của hắn đã cố gắng xử lý mọi việc ra trò, và hắn tự hào vì chúng. Nhưng đây không phải lúc tán dương nhau. Chúng phải đến

Queens đón những tên đã lao xuống sông Đông. Hy vọng là bọn chúng cũng toàn vẹn.

Jack liếc nhìn con đường quốc lộ West Side náo nhiệt. Hắn mỉm cười lúc nhận ra mạch hần đập dồn. Hắn đã thực hiện phần của mình, nhưng không gì so sánh được với trạng thái phờn phơ, thấm thía mà hắn cảm thấy lúc này. Thậm chí không thể hành động sót sao hơn. Nếu bọn chúng không mất Fontaine và Jose, vụ này sẽ là tuyệt hảo.

Hắn quay nhìn tên cuối cùng trong bọn cởi bỏ bộ đồ lặn, để lộ bộ quần áo thể thao bên trong. Lúc này, trông bọn chúng giống như bao người khác đang rời khu liên hợp thể thao. Giống các viên chức trẻ, đầy hoài bão quyết định vui chơi và đàn đúm trong dịp Giáng sinh thay cho họp mặt với gia đình cổ lỗ sĩ.

“Này các bạn,” Jack nháy mắt nói với người của hắn. “Chúng ta hãy ra khỏi đây thôi. Chúng ta sắp về nhà rồi. Chúng ta đã thắng Super Bowl*.”

Chúng phải nén lòng không chạy nước rút lúc trèo qua hàng rào thấp và ra ngoài, dọc theo tòa nhà chính, chạy qua những vùng đèn sáng.

Jack nuốt khó khăn, máu hần lạnh toát vì chúng vừa trèo ra thì một xe cảnh sát hú còi từ phía Nam chạy đến gần. Hắn chỉ thờ lại được khi chiếc xe chạy qua bọn chúng, lướt nhanh tới khu phố trên. Chắc là nó chạy về phố Năm mươi bảy, nơi bọn chúng đã khởi đầu trò nguy hiểm của mình.

Ba mươi năm phút sau, bọn chúng đã đón những tên còn lại lên xe tải cạnh bến tàu của nhà máy chai bỏ hoang ở thành phố Long Island. John Bé cười đắc thắng lúc hắn và năm tên khác lao qua cánh cửa kéo, vồ vào lưng và đập tay vào nhau bồm bộp.

“Cái quái gì mà các cậu lâu thế?” Tên to xác nói và nhận lon Heineken lạnh cứng trong thùng lạnh mà Jack đưa cho. “Jose đâu?”

“Nó mất lúc chúng tớ băng qua đại lộ Mười một,” Jack đáp, nắm bàn tay thành quả đấm. “Jose chết rồi.”

John Bé nhìn xuống sàn xe, ngẫm nghĩ.

“Còn các dấu tay của nó thì sao?” Lát sau, hắn hỏi. Jack mỉm cười.

“Có nhớ chúng ta đã bảo nó cần nhất là không để lại chứng cứ gì không?” Hắn nói. “Bà mẹ điên rồ của nó bảo nó không còn cơ hội nào nữa.

Thế là nó mất một tháng rưỡi dùng bật lửa Zippo đốt cháy hết các đầu ngón tay.”

“Vì Jose!” John Bé giờ lon bia, lại vui vẻ. “Chàng vũ công ấy đã có vài buổi khiêu vũ.”

“Còn Fontaine,” Jack nói và nhớ đến tên bạn ngã xuống trong trận đấu súng ở hầm mộ. Hắn liếc nhìn đôi bàn tay của Fontaine trong cái túi không thấm nước, để trên lớp đá cạnh các lon bia. Trông giống như đôi cánh gà.

“Bây giờ chúng ta làm gì đây?” John Bé hỏi.

“Tôi không biết cậu định làm gì, nhưng sau ba ngày mặc nhón một cái quần đùi và ngâm mình ở một trong những con sông bẩn nhất trái đất, tôi phải tắm nước nóng cái đã,” Jack nói.

“Và cũng thêm vài thứ *nóng* nữa chứ,” một trong những tên đồng bọn hú lên lúc chiếc xe tải chạy về phía đường cao tốc Brooklyn-Queens.

“Ý tôi là sau đó,” John Bé nói.

“Chúng ta đã trung thành với kế hoạch này. Hai, ba tháng đợi chờ để làm mọi việc cho tốt, và sau đó là một chuyến đi hạng nhất, một chiều tới Costa-Rica.”

Đúng là bọn chúng đã làm như thế, Jack nghĩ và cười toét miệng vì những tiếng hô *Arriba! Arriba! Ándale!* vang lên trong xe. Thật khó mà tin nổi. Chúng đã giữ cho cả thế giới cách xa. Phần còn lại là một trò đùa. Thoải mái đến không tin nổi. Chúng chỉ phải ngồi và đợi, không tiêu phí đến các triệu đô của mình.

Tôi phải mượn quần áo, vì thế đã diện bộ đồng phục mới màu xanh của công nhân vệ sinh lúc trở lại cửa hàng buôn bán ô tô trên đại lộ Mười một.

Trông hai bác sĩ pháp y mặc áo trắng như đang chơi trò kéo co lúc họ cố kéo tên cướp mặc áo choàng nâu khỏi cái tay lái xe máy. Chỉ sau khi hai cảnh sát Phản ứng nhanh tới cùng máy cắt bu lông, họ mới kéo được chiếc mô tô khỏi lồng ngực xác chết.

Bên cạnh máy xô-đa, một trong các ca sĩ rock ưa thích của tôi và của mọi thời đại, Charlie Conlan và tiền vệ huyền thoại Todd Snow đang được các thám tử của Đội Hình sự thẩm vấn. Trông họ chẳng giống lúc được xin chữ ký tí nào. Nhìn cái ô tô tan tành thành nhiều mảnh vụn, tôi ngạc nhiên khi thấy vết thương duy nhất trên một con mắt đen và cái môi dày của ngôi sao nhạc pop Mercedes, cô ta trông rõ là cáu kỉnh với một nhân viên cấp cứu và không nói lấy một lời cảm ơn bất cứ ai.

Tôi quỳ xuống cạnh thứ còn lại của tên cướp lúc người trợ lý kỹ sư cơ khí đặt hẳn lên tấm thảm của cửa hàng. Tôi mượn đôi găng tay cao su và từ từ tháo mặt nạ của hắn ra. Mu bàn tay tôi đập vào trán lúc tôi bỏ cái mặt nạ thứ hai bằng cao su màu đen bên trong ra. *Một mặt nạ lặn trần**.

Chính vì thế chúng mới ăn vận thế này! Chúng đã trốn thoát như thế này đây. Chúng đã sử dụng thiết bị lặn có bình khí ép để thoát thân dưới nước.

Tôi mượn điện thoại và kể với Will Matthews về phát hiện của mình. Sau vài lời nguyền rủa, anh gọi thêm vài đơn vị cảnh ở Jersey và Bảo vệ Bờ biển.

Sau khi ngắt máy, tôi giật chiếc mặt nạ cao su của tên cướp. Hắn là một tên Hispanic khoảng xấp xỉ bốn mươi tuổi. Trong túi hắn không có gì. Một khẩu Beretta chín ly trong bao kẹp dưới nách, nhưng số xêri đã cạo đi. Tôi rên lên lúc nhìn bàn tay hắn, thấy các đầu ngón tay cũng mất nốt. Tôi đã

thấy những dấu vết tương tự trên bàn tay của những tên nghiện cocaine nặng, đầu ngón tay chảy xuống thành một cục u nhỏ vì giữ quá nhiều ống tiêm nóng.

Không! Tôi nghĩ, những tên khốn này sẽ không thể biến mất mà không để lại cho tôi ít nhất một dấu vết nào. Tôi trông thấy Lonnie Jacob, một điều tra viên hiện trường mà tôi đã cùng làm việc vài lần. Tôi chỉ cho anh bàn tay tên cướp.

“Anh có thể tìm thấy gì không?” Tôi hỏi.

“Có lẽ một phần thôi,” Lonnie trả lời, hoài nghi. “Tôi phải làm việc với hãn ở nhà xác. Tuy vậy, tôi thực sự không nghĩ sẽ biết được tí gì. Thăng cha này *không muốn* bị nhận dạng.”

“Có chuyện gì đấy, Mike?” Lát sau, chỉ huy Will Matthews nói lúc giảm lên đám kính vỡ, tới thẳng chỗ tôi. “Anh đã chuyển sang làm công nhân vệ sinh vì tôi ư?”

“Tôi nghĩ mình đã xua một số kẻ nhạy cảm sau cú chạy quanh này,” tôi đáp.

“Chúng tôi đã làm mọi thứ có thể, Mike,” Will Matthews nói, và nhìn chăm chăm vào cuộc thẩm sát quanh chúng tôi. “Đó là sự thật, và đây là chuyện tôi đang dính vào. Tôi khuyên cậu nhắc lại lời tôi trong lúc cơn giông bão chết tiệt đang đe dọa.”

“Tôi sẽ làm thế. *Chúng tôi đã làm mọi thứ có thể.* Chuyện xảy ra là sự thật.”

“Giờ cậu hãy ra khỏi đây và về gặp gia đình. Lái xe của tôi đang đợi cậu ở bên ngoài,” Will Matthews nói tiếp. “Mệnh lệnh đấy.”

Luồng gió lạnh quất xuống phố Năm mươi bảy lúc tôi bước ra ngoài. Trước kia tôi không chú ý đến nó, nhưng Giáng sinh này hóa ra là một trong những ngày tháng Chạp nhuộm màu thép không gỉ khi ta có cảm giác mùa đông sẽ không bao giờ chấm dứt. Lúc vào ghế sau của xe tuần cảnh, ý nghĩ của tôi hướng đến vợ, và tôi quyết không muốn nghĩ đến vụ này nữa.

Nếu Maeve không nhìn thấy một mùa xuân nữa, tại sao người khác lại được?



Có người nói không gì so được với Giáng sinh ở New York, nhưng tôi chưa bao giờ thấy thành phố này khắc nghiệt hơn. Sau khi về nhà và thay đồ, tôi lái xe đưa cả nhà đến bệnh viện. Tôi không còn nhìn thấy các vòng hoa và đèn nữa, chỉ thấy những hành lang xám xịt vô tận sau các cửa sổ trống rỗng, lớp bê tông đầy bụi bẩn, khói bốc lên từ các đường phố đổ nát. Có một nhà văn Ireland ví Manhattan như một ‘thánh đường’, nhưng lúc tôi đỗ xe trước cửa bệnh viện, tôi thấy nó giống một công trình kiến trúc buồn bã, hỗn loạn, lạnh lẽo và ảm đạm hơn cả.

Tôi phải dựa vào cửa xe để không quy ngã vì quá mệt mỏi, lúc Mary Catherine đỡ bọn trẻ ăn vận đẹp đẽ xuống xe, tay nắm chặt những món quà được gói rục rở.

Kể cả những bà xơ nghiêm khắc ở lại đó dự Giáng sinh hình như cũng ứa nước mắt lúc đoàn diễu hành đông đúc, buồn bã của chúng tôi qua hành lang lên tầng Năm.

“Đợi một chút,” tôi nói và vỗ vào các túi lúc đến gần hành lang phòng Maeve. “*Băng biểu diễn hoạt cảnh. Bỏ quên mất rồi...*”

“Nó đây, Mike,” Mary Catherine nói và đưa cho tôi cái hộp nhỏ bằng nhựa. Tôi định cảm ơn cô lần nữa vì cô luôn là người cứu hộ trong những lúc khẩn cấp. Một người giúp việc ư, tôi nghĩ. Cô có phải là một bà tiên đỡ đầu không? Lẽ ra, cô đã có một Giáng sinh vui vẻ ở Afganistan hơn là ở đây với cả nhà tôi, nhưng cô đã lao vào gánh vác mọi việc.

“Cho tôi gửi lời thăm Maeve,” cô gái phi thường này nói khẽ. “Nếu ông cần gọi, thì tôi ở trong phòng chờ. Thế nhé.”

Lúc chúng tôi trở lại hành lang, tôi nhìn thấy Seamus quỳ cạnh Maeve trên xe lăn.

Họng tôi nghẹn lại khi trông thấy cuốn Kinh Thánh trong tay ông. Tôi đứng sững lúc ông làm dấu trên trán Maeve. *Những nghi lễ cuối cùng sao?* Tôi nghĩ.

Tôi sẽ trải qua chuyện này như thế nào đây? Hôm nay ư?

Song khi tôi gõ vào khung cửa, Maeve mỉm cười. Cô ăn vận chỉnh tề như thường lệ, lần này đội mũ ông già Nô-en thay cho mũ Yankees.

Seamus gập cuốn Kinh Thánh rồi ôm tôi thật chặt.

“Chúa ban cho con sức mạnh, Michael,” ông nói thắm vào tai tôi. “Vợ con là một vị thánh. Con cũng vậy.” Seamus ngừng lại. “Ta sẽ trở lại, ta cần ít không khí.”

Tôi chắc trái tim mình chưa sẵn sàng vỡ, vì tôi cảm thấy như sợi dây đàn đứt phụt trong lồng ngực lúc Maeve ôm Chrissy và Shawna vào vòng tay khô héo của mình.

Tôi ngược nhìn trần nhà. Chuyện gia đình tôi có thể thành kinh điển về ngày lễ chẳng? Tôi buồn bã nghĩ. *Lễ Giáng sinh cuối cùng trong phòng bệnh.*

Thật không công bằng chút nào. Maeve tập thể dục thường xuyên, ăn uống điều độ, không hút thuốc lá. Tôi cắn môi lúc lồng ngực nóng bỏng. Tôi muốn, tôi cần gào to cho ruột gan bật ra ngoài.

Nhưng một việc kỳ lạ diễn ra khi Brian đỡ mẹ vào giường và cho cuốn băng quay những cảnh vui chơi, giả trang vào đầu máy. Maeve bắt đầu cười to. Không phải là những tiếng cười nén lại, lịch sự, mà là những tiếng cười giòn giã, nghẹn cả thở. Tôi đến cạnh cô, và bàn tay cô lần tìm tay tôi, dưới những bàn tay của các con.

Suốt mười phút sau đó, căn phòng bệnh viện biến mất, dường như chúng tôi đang ngồi trên đi văng ở nhà, xem một trong những bộ phim cũ, ưa thích.

Nỗi tức giận vô ích của tôi nổ bùng thành tiếng cười ha hả lúc cậu bé chặn cừ Eddie vương phải gậy của mình giữa đường đến nơi biểu diễn.

“Mấy bố con cừ quá!” Hết cuốn băng, Maeve cất tiếng, sốt sắng cổ vũ. “Gia đình Bennett đã đưa cả ngôi nhà xuống đây. Mẹ rất tự hào vì mấy bố con.”

“Các con có nghe thấy những tiếng náo động om sòm đến ngưỡng phát ra từ phòng này không?” Seamus trở lại, ông trêu và cười khúc khích.

Maeve rạng rỡ lúc ông trùi mền nắm bàn tay cô và hôn.

“Chúc Giáng sinh vui vẻ,” ông nói, lén giấu một hộp sôcôla Godiva màu vàng ra sau lưng cô và nháy mắt.

Sau khi đưa ra những món quà và thiệp mừng Giáng sinh, cứ như có người biến cái giường bệnh thành cửa hàng Chất lượng cao. Julia và Brian bước tới, mang một cái hộp nhung đen. Nụ cười của Maeve lúc mở hộp dường như đủ sức xua đuổi bệnh tật khỏi cô mãi mãi. Đó là một sợi dây chuyền vàng mảnh dẻ. Mặt dây chuyền khắc chữ MẸ LÀ NHẤT.

“Tất cả chúng con góp tiền,” Brian nói. “Tất cả mẹ ạ, kể cả các em bé nhất.”

Maeve hôn lên má Brian lúc nó cài dây cho mẹ.

“Mẹ muốn các con duy trì việc đóng góp này,” Maeve nói và ngả người tới trước, cố mở mắt. “Nhiều bàn tay sẽ làm gánh nặng nhẹ đi, và nếu như có một thứ chúng ta cần nhiều, đó là những bàn tay. Những bàn tay bé nhỏ và trái tim lớn lao. Các con làm mẹ tự hào hơn tất cả. Bố sẽ chỉ cho các con xem mẹ đã chuẩn bị những gì cho các con. Giáng sinh vui vẻ nhé. Đừng bao giờ quên, mẹ yêu tất cả mọi người.”



Tôi vẫn ở lại sau khi Seamus đưa Mary Catherine và bọn trẻ về nhà. Không hiểu sao, tôi bỗng cảm thấy bình tĩnh, hoàn toàn lạnh lợi, không hề mệt mỏi. Tôi đóng cửa phòng và ngồi cạnh Maeve trên chiếc giường lạnh lẽo, ôm ghì lấy cô. Một lát sau, tôi cầm bàn tay Maeve, đăm đăm nhìn chiếc nhẫn cưới của chúng tôi.

Nhắm mắt lại, tôi hình dung Maeve trong những ngày đầu tiên tìm hiểu, trong phòng cấp cứu của bệnh viện. Tôi cũng nhớ cô luôn cầm bàn tay một ai đó. Đen, trắng, vàng, nâu, trẻ, già, điên rồ, thương tật, gãy vỡ, máu me. Tôi nghĩ đến những con người được cô giúp phục hồi, phấn chấn tinh thần trong suốt đời mình. Hơn hết thấy là tôi đây. Và mười đứa con của chúng tôi.

Khoảng nửa đêm, lúc tôi đứng dậy vươn vai, Maeve mở to mắt và ép

chặt bàn tay tôi trong tay cô.

“Em yêu anh, Mike,” cô nói gấp gáp.

Ôi lạy Chúa! Tôi nghĩ. Không phải lúc này. Con xin Chúa, không phải lúc này!

Ngón tay tôi tìm nút bấm gọi điều dưỡng viên, nhưng Maeve gạt đi. Một giọt nước mắt lăn xuống gương mặt căng lên lúc cô lắc đầu.

Rồi cô mỉm cười.

Dừng lại!

Cô nhìn vào mắt tôi. Dường như cô nhìn thấy một nơi nào đó xa xôi trong đó. Một miền đất mới cô sắp tới.

“May mắn nhé,” cô nói.

Sau đó, cô buông bàn tay tôi.

Lúc các đầu ngón tay Maeve rời lòng bàn tay tôi, tôi cảm thấy dường như ở nơi nào đó sâu thẳm trong tôi, một thứ vỡ tan tành và một cái hố mở hoác.

Tôi đỡ Maeve lúc cô ngã ra sau. Sao cô nhẹ đến thế. Ngực cô đã im lìm. Bàn tay tôi hạ gáy cô xuống gối, nhẹ nhàng như trong đêm tân hôn của chúng tôi.

Nó là đây, tôi nghĩ. Đây là chuyện thật.

Căn phòng chao đảo lúc tôi đứng đó, thờ hồn hển. Dường như có một luồng gió đã đánh ngã tôi, hút hết không khí của tôi, tinh thần của tôi.

Mọi điều mà tôi từng cảm nhận là hạnh phúc, mọi tiếng cười, mọi cảnh hoàng hôn, mọi hy vọng, mọi điều tốt lành đều lung lay, lỏng lẻo, lảo đảo rồi lao thẳng khỏi tim tôi.

Tôi chột ngược nhìn lúc nghe thấy tiếng hát. Cuốn băng hoạt cảnh giả trang lại quay và trên màn hình, Chrissy đang băng qua sân khấu của Holy Name trong bộ áo thiên thần màu bạc lúc cả trường hát *Silent Night*.

Tôi tắt băng, tắt đèn và nằm xuống cạnh vợ tôi. Bên ngoài cửa sổ, tuyết nhẹ rơi trong bóng đêm.

Làm sao mình vẫn sống? Tôi nghĩ, cảm thấy tim mình vẫn đập và đập một cách ích kỷ trong lồng ngực.

Lúc tìm thấy bàn tay Maeve, tôi chạm vào cái nhẫn cưới lạnh lẽo. Tôi

nhớ lại những giọt nước mắt hạnh phúc trong mắt Maeve ở ngôi nhà thờ nhỏ, nơi chúng tôi kết hôn, lúc tôi lồng nhả vào ngón tay cô. Những hạt gạo trộn lẫn với mưa tuyết nhẹ lúc chúng tôi tay trong tay bước ra ngoài và đi xuống các bậc bằng gỗ cũ kỹ.

Nhắm mắt lại, tôi không thể nghe thấy gì nữa. Trong bóng tối, các tiếng động trong bệnh viện giảm đi và mọi âm thanh của thế giới bên ngoài cũng thế. Tất cả vũ trụ chỉ còn lại bàn tay lạnh ngắt của vợ trong tay tôi và sự hư vô o o khắp người tôi như một dòng điện cao áp.



Lúc bốn giờ rưỡi sáng, nữ y tá Sally Hitchens thò đầu vào. Cô mỉm cười lúc giúp tôi đứng dậy. Bây giờ cô sẽ chăm sóc cho Maeve của tôi, cô ta hứa lúc tôi đứng ngây người đến ngớ ngẩn nhìn vợ. Cô ấy sẽ được bảo vệ và trông nom đúng nghi thức.

Từ bệnh viện, tôi đi bộ qua ba chục khu nhà, giá lạnh làm da tôi bồng rất trong bóng tối trước bình minh. Một bồi rượu đang đóng các cánh chớp bằng thép của quán bar trên đại lộ Amsterdam, làm dấu lúc tôi đi qua.

Bọn trẻ con đã tụ tập trong phòng khách lúc tôi loạng choạng bước vào.

Tôi ngồi xuống và cả bọn quây quanh tôi ngay lập tức.

Tôi tưởng đã gạt bỏ được nỗi đau từ nhiều giờ trước, nhưng tôi đã tự lừa dối mình. Tim tôi mỗi lúc một trĩu nặng lúc nhìn mặt từng đứa con. Nỗi buồn của tôi đậm đặc như một cái hố đen ngòm lúc nhìn thấy những giọt nước trong mắt Chrissy bé bỏng.

Có lẽ các thám tử trong đội Điều tra các vụ giết người nhận ra cái chết chính xác nhất. Giờ đây, tôi ở trong phòng khách nhà mình và phải nói đến chuyện đó với các con tôi.

“Mẹ đã lên thiên đường rồi,” cuối cùng, tôi nói và ôm chúng vào vòng tay. “Mẹ các con bây giờ đã ở trên thiên đường. Các con hãy nói lời cầu nguyện.”

Sau khi ra khỏi khu vực có những tiếng nức nở của chúng, tôi loạng

choạng vào bếp, báo tin cho Seamus và Mary Catherine.

Rồi trở về phòng mình, tôi khẽ đóng cửa và ngồi lên mép giường.

Có lẽ khoảng mười tiếng đồng hồ sau, khi Seamus bước vào, tôi vẫn ngồi im lìm ở đó, mặc nguyên bộ quần áo ấy và không ngủ.

Đó là lúc ông ngồi xuống cạnh tôi.

“Khi ta mất bà của con,” ông nói rất khẽ, “ta suýt giết người. Các bác sĩ bảo ta bà ấy đi rồi. Mọi người đến, thức canh bà ấy. Kể cả linh mục tại tang lễ cũng làm ta giận dữ đến mức không tưởng tượng nổi. Vì họ mới may mắn làm sao. Họ không phải trở về một căn nhà trống rỗng. Họ không phải lắng nghe tiếng gầm của sự im lặng lúc thu dọn các đồ đạc của bà ấy. Thậm chí, ta còn nghĩ một cách nghiêm túc đến việc tự tử. Nhưng ta đã không làm vậy. Con có biết tại sao không?”

Tôi lắc đầu. Tôi chẳng nghĩ được gì.

“Bởi vì đó là điều sỉ nhục. Ta hiểu rằng không chỉ với kỷ niệm của Eileen, mà còn với chính Eileen. Đó là khi ta nhận thức được rằng thực ra, bà ấy không bỏ đi vĩnh viễn. Bà ấy chỉ ra đi trước ta mà thôi. Eileen đã dạy ta một điều bằng chính tấm gương của bà ấy rằng, ta phải đứng dậy, mặc quần áo và làm những việc có thể làm, cho đến khi ta không còn trở dậy được nữa. Ta đang cố nói với con rằng Maeve không thực sự ra đi. Nó chỉ đi trước và đợi con thôi, Mike ạ. Chính vì thế con không thể suy sụp. Người Ireland chúng ta không phải lúc nào cũng thành công, nhưng chúng ta khá cứng rắn để đê bẹp được nỗi buồn.”

“Đê bẹp nó cho đến khi ta chết,” lát sau, tôi nói thẳng thừng. “Những lời đầy cảm hứng của Seamus Bennett. Ông là một Deepak Chopra* mới.”

“Chà chà, một lời châm biếm ngọt ngào, nguyên chất đây,” Seamus nói và dấm nhẹ vào đầu gối tôi lúc ông đứng dậy. “Thế đấy con ạ. Maeve sẽ tự hào vì con. Tiếng nhạc đang văng đến đôi tai Ireland của nó đấy.”

Sau khi tôi tắm, chúng tôi bắt tay vào sắp xếp công việc. Hoặc tôi phải nói là, Seamus và Mary Catherine làm tất. Họ gọi điện đến nhà thờ, rồi đến nhà tang lễ, còn tôi chỉ gặt hoặc lắc cái đầu cứ gục xuống. *Đê bẹp nó cho đến khi ta chết.*

Hai ngày sau, tại tang lễ Maeve, bạn bè và họ hàng đứng kín khắp các bức tường đá trong nhà thờ Holy Name. Trong buổi thức canh đêm trước và lúc này ở nhà thờ, vợ tôi đã thu hút một đám đông sánh ngang với ở St. Patrick trong đám tang Đệ nhất Phu nhân, cho dù không có đám xe của các phương tiện truyền thông hoặc những nhân vật nổi tiếng trong tầm nhìn.

Trong biển những gương mặt buồn bã, tôi nhận ra các đồng sự cũ của Maeve, các bệnh nhân cũ, cả những người hàng xóm kiêu kỳ nhất của chúng tôi. Không chỉ phần lớn các bạn trong đội Điều tra các vụ giết người, mà hình như phần lớn NYPD ở đây, động viên người anh em đau buồn.

Trong buổi thức canh, nhiều người đã chia sẻ những lời cảm động về Maeve mà trước kia tôi chưa bao giờ được nghe. Những câu chuyện về việc cô đã an ủi những đứa con, vợ hoặc cha mẹ lúc họ được đẩy trên xe vào phòng phẫu thuật, lúc sinh nở hay đang hấp hối. Maeve đã thể hiện sự cảm thông ở những hoàn cảnh gay go nhất. Cô đã đem lại sức mạnh cho những con người lẻ loi nhất.

Nhiều lúc, New York có thể là nơi cô đơn nhất trên trái đất, nhưng khi tôi quan sát Seamus khoác áo choàng, cầm bình hương từ ban thờ bước xuống, đi vòng quanh quan tài Maeve và nghe thấy những tiếng nước nở chân thành của mọi người đằng sau, tôi cảm nhận được sự chia sẻ đến mức tôi thấy nó tương phản hoàn toàn với những điều tầm thường của các thị trấn.

Sau bài kinh Phúc âm, Seamus đọc lời tụng ca:

“Một trong những kỷ niệm đẹp nhất của tôi về Maeve xuất phát từ khắp mọi nơi,” ông nói từ trên bục giảng kinh. “Cả hai chúng tôi làm việc tình nguyện trên tàu *Tinh thần New York*, buông neo ở Battery Park City để phát bữa ăn nóng cho những người được cứu thoát. Hồi đó đang diễn ra vòng

bốn cuộc thi đấu World Series 2001, tôi ở trên boong tàu lộ thiên, an ủi tiểu đoàn trưởng đang quẫn trí vì mất một trong những thủy thủ của mình, thì nghe thấy tiếng la hét đình tai từ boong bên dưới. Chúng tôi ngỡ có người bị bắn hoặc rơi qua thành tàu, nhưng lúc xuống phòng ăn bên dưới, chúng tôi thấy Maeve đeo tai nghe đang nhảy nhót lên xuống, mạnh mẽ đến mức gần như làm tàu lắc lư. Có ai đó mang tivi đặt lên bàn quầy. Lúc này, tôi nghe thấy mọi người nói rằng họ chưa bao giờ nghe thấy sân vận động Yankee ồn ào hơn, nhưng không thể ồn bằng khi nhóm chúng tôi quây quanh cái tivi đó. Mỗi khi nghĩ đến Maeve, tôi luôn thấy cô ấy lắc lư nắm tay giữa đám đàn ông mệt mỏi rã rời. Nghị lực, hy vọng và sức sống của Maeve đã biến đổi địa điểm và thời gian đen tối đó thành một thứ độc nhất vô nhị, một thứ mà tôi thấy gần như thiêng liêng.”

Lúc đó, gò má Seamus đanh lại. Ông và những người trong nhà thờ đều nghẹn ngào.

“Tôi không lừa gạt các vị. Tôi không thể nói vì sao lúc này Chúa lại đưa cô ấy đi. Nhưng nếu thực tế rằng cô ấy được gửi đến đây, giữa chúng ta nhưng lại không đúng lúc với Chúa thương yêu, thì tôi không thể nói gì hơn với các vị. Nếu như từ hôm nay chúng ta mất đi mọi thứ, nó sẽ là bài học mà Maeve chứng tỏ đã dùng trọn vẹn từng ngày trong đời. Không giữ lại cho mình chút gì. Ra đi hoàn toàn thanh thản.”

Toàn thể mọi người trong nhà thờ, kể cả tôi, đều khóc không hề ngưng ngừng. Chrissy ở cạnh tôi, nó gạt tấm áo choàng của tôi và lau nước mắt vào đầu gối tôi.

Mặt trời ló ra lúc Maeve được chôn cất tại nghĩa trang Gates of Heaven ở Westchester. Bọn trẻ đi thành hàng, cầm hoa hồng qua mộ Maeve. Tôi suýt bật khóc lần nữa sau cặp kính râm lúc Shawna hôn bông hoa của nó trước khi đặt xuống cùng những bông khác. Một lần nữa, tiếng kèn túi lạnh ló, buồn vui lẫn lộn của một cảnh sát NYPD thổi bài *Danny Boy* lan khắp các tấm bia và nền đất băng giá.

Nhưng tôi không khóc.

Tôi tự nhủ rằng Maeve sẽ hiểu, tôi nuốt nước mắt và ôm ghì các con, thầm hứa với mình và với vợ tôi rằng dù thế nào đi nữa, tôi sẽ đưa mấy bố

con qua tình cảnh này.



Tôi đã xin nghỉ việc, ở nhà với các con đang nghỉ lễ Giáng sinh, nhưng Seamus và Mary Catherine không chịu.

“Ta xin lỗi,” Seamus bảo tôi. “Những đứa trẻ cần được chiều chuộng như thế trước đây chưa từng được ai chiều, và với tâm trạng của cháu hiện tại, cháu phải để việc này cho ta và Mary Catherine. Vả lại, cháu cần đến đó, Mick ạ. Hãy lao vào công việc. Đừng ngồi quanh quẩn, hãy đi đi và túm cổ bọn chiếm thánh đường.”

“Túm cổ bọn chúng ư?” Tôi cười gượng.

“Thỉnh thoảng ta xem *NYPD Blue*,*” Seamus nói và trợn mắt kỳ quái. “Thế có phải là một tội không?”

Thế là sáng hôm thứ Hai sau tang lễ, tôi trở lại bàn làm việc của mình trong Đội điều tra các vụ giết người. Harry Grissom, sếp của tôi, và các anh em khác trong đội đều thông cảm và cư xử lịch thiệp. Ai mà nghĩ mình đã trượt đích của những trò chơi khăm? Đủ rồi, tôi nghĩ và phúi bụi trên con chuột máy tính.

Tôi gọi cho Paul Martelli và Ned Mason. Tôi được biết chưa khám phá ra cái gì mới hoặc đáng hứa hẹn. Họ đã tìm kiếm, rắc phấn trên từng xăngtimét vuông đá hoa, đá granit và kính màu của nhà thờ để tìm dấu tay nhưng vô hiệu. Bọn tội phạm này đã dọn dẹp quá ư sạch sẽ.

Martelli kể với tôi, phấn khởi đôi chút khi tìm thấy xác một tên cướp trong hầm mộ Tổng giám mục dưới ban thờ, nhưng rồi cuộc họ phát hiện ra đầu, bàn tay cùng mọi thứ có thể nhận dạng hẳn đều bị bọn đồng sự máu lạnh mang đi hết.

Cũng không khám phá ra dấu vết chất nổ trong nhà thờ, cứ như thể câu đe dọa sẽ thổi bay mọi người thành mảnh nhỏ chỉ là lời bịp bợm. Hẳn đã thắng một ván nữa.

Tôi tìm số trên máy tính để gọi cho Lonnie Jacob, một điều tra viên của

NYPD, đang làm việc tại cửa hàng buôn bán ô tô nơi xảy ra vụ đâm xe. Khoảng trưa, tôi nhắc điện thoại và gọi lại phòng xét nghiệm vân tay ở Trung tâm Cảnh sát Một.

“Mike à,” Lonnie nói sau khi nhắc máy. “Tôi đang định gọi cho anh. Tôi đã tìm ra một thứ.”

“Gì đây?” Tôi nói.

“Không dễ đâu, nhưng phết sodium hydroxide lên bàn tay kẻ vô danh, tôi có thể làm khô và bóc lớp trên cùng của vùng da đã cháy thành than của hắn. Lớp da thứ hai nhận diện khó hơn, nhưng nó hầu như trùng lặp mọi lần gợn, và chỉ ít chúng tôi đã có thứ gì đó. Tôi đã liên hệ với bộ phận xét nghiệm dấu tay của FBI. Liệu tôi có nên tham khảo chéo ở DC không nhỉ?”

Tôi nói với anh là nên, và anh bảo khi có kết quả, anh sẽ gọi lại cho tôi. Bọn tội phạm này thật khó chơi vì đã xóa sạch dấu vết, và cách giải thích duy nhất là chúng đang cố che giấu điều gì đó.



Ngày hôm sau, sau khi nghe những kết quả nghèo nàn trong điều tra của chúng tôi về vụ St. Patrick, cảnh sát trưởng chỉ đáp lại vắn tắt: *Làm lại. Làm cho tốt hơn.*

Trước hết, đội Phản ứng nhanh trở lại thánh đường và làm lại những việc đã làm để xác định hiện trường tội ác. Họ còn tìm lại các bẫy treo và các vật liệu nguy hiểm.

Các thám tử của NYPD cùng với CSU* không tìm ra chứng cứ nào như vân tay và sợi vải. Mọi thứ được lau lần thứ hai để tìm ADN. Kiểm tra lại, xem các thánh tích có bị làm nhơ bẩn không, tìm mọi thứ có thể cung cấp một manh mối về tâm lý hoặc hành xử.

Mọi thứ đã kiểm tra đều được xem xét lại lần thứ hai.

Những vết máu.

Tóc, sợi vải, sợi chỉ.

Thủy tinh rơi từ các cửa sổ, chai lọ, mắt kính.

Các khẩu súng.

Nhãn hiệu dụng cụ, dấu vết của các dung dịch dễ cháy.

Kiểm tra các chất tìm thấy ở khắp mọi nơi, đặc biệt trong hầm mộ của Tổng Giám mục, nơi bọn cướp ẩn náu trước khi tấn công.

Hai cảnh sát tuần tra ở đồn St. Patrick có nhiệm vụ đưa mọi chứng cứ đến phòng xét nghiệm nhanh hết mức có thể.

Sau hơn ba ngày làm việc kiệt sức, kết quả cuối cùng vẫn là không có một manh mối nào về Jack và đồng bọn của hắn.



Cảm thấy ngồi trong phòng của đội quá bức bối, nên tôi quyết định rong ruổi một buổi sáng. Tôi mỉm cười, ngắm xe cộ ãm ã chen lấn, hối hả và những người đi bộ còn ồn ào hơn, tràn khắp St. Patrick lúc tôi đỗ xe ở đại lộ Năm, trước cửa thánh đường. Thành phố của chúng ta đã trải qua nhiều cuộc náo động, nhiều vụ che giấu, vụ ngày Mười một tháng Chín, thị trường Dickins và bây giờ là vụ này, tôi nghĩ lúc trèo lên bậc thềm thánh đường.

Với công chúng, nhà thờ đóng cửa để sửa chữa. Các cảnh sát Bắc Midtown gác cửa tránh ra lúc tôi giơ phù hiệu của mình.

Tôi bước vào lối đi giữa các hàng ghế và quỳ gối, trước khi ngồi vào hàng ghế trước.

Tôi ngồi đó, nhìn khắp ngôi nhà thờ trang nghiêm, khắc khổ, vắng vẻ. Bạn có thể cho rằng tôi chán ghét các nhà thờ, nhưng không hiểu sao, lúc ở đó, trong bóng tối thoảng mùi nến thơm, tôi lại thấy dễ chịu. Tôi cảm thấy được an ủi lạ lùng.

Buổi lễ tốt nghiệp trường trung học Regis của tôi diễn ra ở đây. Tôi cười ngớ ngẩn, nhớ lại mình đã khốn khổ vì môn tiếng Hy Lạp và La tinh biết chừng nào. Tuy vậy, có một điều, có lẽ điều duy nhất tôi tiếp thu được từ các giáo sĩ dòng Tên dạy chúng tôi là họ đã nhấn mạnh vào ý nghĩa của *lý trí*. Thình thoảng, họ giảng về sự cần thiết khi dùng Đức Chúa Trời sẵn có

của chúng tôi cho hợp lý, để mở xẻ bản chất của sự vật. Tôi cho rằng, chính vì lý trí mà tôi chọn triết học là chuyên ngành khi vào Đại học Manhattan, một trường nhỏ, rất đẹp ở Bronx. Và đó là lý do cơ bản để tôi thành một thám tử. *Sự cần thiết để đạt tới sự thật.*

Tôi nhìn đăm đăm lên ban thờ chính, nghĩ đến hoàn cảnh.

Tôi đã hiểu *khi nào, ở đâu, cái gì, tại sao và như thế nào.* Điều duy nhất còn lại là ai.

Ai đã làm chuyện này? Ai có thể tài giỏi và tàn bạo đến thế? Trước hết, đó là những con người rất nhiều ham muốn; những con người không sợ dùng bạo lực quá mức làm phương tiện đạt tới một kết cục ích kỷ.

Trong cuộc vây hãm, chúng đã giết chết năm người. Một sĩ quan cảnh sát Phản ứng nhanh và một đặc vụ FBI bị bắn chết trong cuộc đọ súng ở đường hầm. Một linh mục bị bắn vào bên đầu 'vì tai nạn', theo lời Jack. John Rooney bị giết bằng một phát súng trực diện. Phỏng vấn các con tin chứng kiến vụ này đã khẳng định điều đó.

Cuối cùng, tôi nghĩ đến ngài thị trưởng. *Tại sao chúng đâm Andrew Thurman đến chết?* Những vết bóng thuốc lá trên cánh tay ông cho thấy ông đã bị tra tấn. Những kẻ này chẳng làm gì nếu không có hiệu lực. Tại sao lại thay đổi cách giết người với thị trưởng? Hình như bắn chết một người tuy không thể chấp nhận được, song vẫn còn hơn là đâm chết? Tại sao lại làm thế với chính ông thị trưởng?

Tôi chống hai bàn tay vào lớp gỗ đánh bóng trước mặt, lúc tôi xiết chặt chân song.

Phải có một lý do. Tôi chỉ chưa biết là gì thôi. Vẫn chưa biết.

Trước khi rời đi, tôi dừng lại cạnh dãy nệm cứng ở Điện thờ Đức Mẹ. Tôi châm một ngọn cho những người đã bỏ mạng tại đây, và thêm ngọn nữa cho vợ tôi. Những tờ đô la tạo thành tiếng loạt soạt trong im lặng lúc thả vào hộp quỳ góp. *Những đôi cánh thiên thần,* tôi nghĩ, cố nén nước mắt. Tôi khom người trên cái gối quỳ bằng nhung, nhắm mắt và áp vào năm tay bóp chặt của tôi.

Maeve yêu quý, tôi cầu nguyện. Anh yêu em. Anh nhớ em biết chừng nào.

Tôi vẫn đợi Lonnie trả lời về các vân tay, và lúc tôi trở về bàn làm việc, anh vẫn chưa gọi lại. Tôi rót một tách cà phê và nhìn ra ngoài cửa sổ ở Đông Harlem trong lúc chờ đợi.

Trong lô đất trống bên kia phân khu cảnh sát, bọn trẻ đang vứt các cây thông Nô-en vào lửa, thân cây cháy thành than giống như một đồng xương đen sì.

Còn nhiều công việc điều tra phải làm lắm. Chúng tôi đã biết cấu tạo của các khẩu súng bọn cướp để lại, và biết đâu sẽ tìm ra cái gì đó. Chúng tôi đã tìm thấy các vỏ đạn. Sáu khẩu súng bắn đạn cao su. Đó là một sự ngoắt ngoéo thú vị với tôi. Chúng đã nghĩ đến các vũ khí khổng lồ chế đám đông. Chúng tôi cần hình dung chính xác chúng cất giữ các thùng ôxy trong lòng sông bằng cách nào. Đó là một vấn đề thực sự quan trọng.

Hai giờ sau, tôi đang vùi đầu vào các bản tường trình phỏng vấn con tin thì điện thoại trên bàn tôi réo chuông.

“Xin lỗi Mike,” Lonnie liên tiếng với vẻ thất vọng. “Chẳng làm được gì. Không hề có dấu vân tay. Tên đã chết không có trong hồ sơ tội phạm.”

Lúc đặt máy lên giá, tôi ngắm những cái lỗ đen ngòm nhỏ xíu trên tai nghe và nghĩ như vừa bắt gặp tiếng cười tự mãn của Jack.



Sáng hôm sau, lúc tôi vừa bước vào thì chuông điện thoại trên bàn reo.

Cầm máy lên, tôi nghe thấy một giọng nói quen thuộc, và chắc chắn là không phải giọng tôi đang mong.

“Cathy Calvin của tờ *Times* đây. Tôi có thể nói chuyện với thám tử Bennett được không?”

Tôi phân vân giữa việc nói cho qua, hay gác máy luôn.

“Có việc liên quan đến vụ bắt cóc,” cô ta nói.

“Bennett đây. Tôi thực sự chán ngấy các trò chơi rồi, Calvin,” rốt cuộc, tôi trả lời cộc cằn. “Nhất là với cô.”

“Mike,” cô phóng viên nhanh nhẩu nói. “Anh hãy cho tôi xin lỗi vì bài

báo đó. Tôi biết nó điên rồ lắm lắm. Tổng biên tập của tôi đã quạt cho tôi một trận và... Tôi đang nói gì nhỉ? Không cho bào chữa. Tôi xin lỗi vì đã xử lý tình huống quá kém, và tôi nợ anh. Thật đấy. Tôi đã nghe tin chị nhà vừa mất. Xin chân thành chia buồn với anh và các cháu.”

Tôi lặng im, tự hỏi liệu cô phóng viên của *Times* có giỡn mình không. Nghe cô ta nói có vẻ thành thật, nhưng tôi vẫn cảnh giác, và nên thế. Cô ta đã làm cho tôi và đồng đội của tôi trông như lũ ngốc. Nhưng ngược lại, có một phóng viên *Times* nợ mình chắc chắn là có ích.

“Anh hãy nhận lời xin lỗi của tôi, Mike,” Calvin cố nói lần nữa. “Tôi cảm thấy mình như một kẻ ngố.”

“Thôi được, ít nhất cô cũng tự hiểu được mình.”

“Tôi biết rốt cuộc chúng ta sẽ là bạn mà,” Calvin nói nhanh. “Lý do tôi gọi cho anh vì tôi đã phỏng vấn các nạn nhân là người nổi tiếng. Tôi phải nói là rất vất vả vì không thể tiếp cận được qua luật sư và đại diện của họ. Nhưng tôi đã nói chuyện với Đức cha Solstice, một nhà hoạt động nhân quyền, và anh có biết ông ấy bảo gì không?”

Tôi biết ông Solstice luôn ra vẻ chính khách, chúa hay đem bả chúng tộc ra nhử, và về cơ bản, có một thói quen nổi tiếng. Đó là ghét cảnh sát.

“Tôi đang nín thở đây.”

“Ông ấy bảo ông ấy cho rằng bọn cướp chính là cảnh sát,” Calvin nói tiếp. “Tôi chỉ muốn gọi điện kể với anh thôi. Tôi cũng xin thông báo với anh rằng tôi từ chối in các lời nhảm nhí ấy. Được không? Anh thấy chưa, tôi không đến nỗi quá tệ đâu.”

“Được.” Tôi đánh giá cao cuộc gọi.

Sau khi gác máy, tôi ngả lưng vào ghế, nghĩ đến những lời buộc tội của cha Solstice. Tuy có tiếng là hay tranh thủ luận chiến, song ông ta đủ hiểu biết để nhận thức được mình cần gì - tuy quá quắt - để dự phòng và thu hút được chú ý. Vậy Solstice đã biết gì chẳng? Nó có gì quan trọng không? Vì sao ông ta biết?

Tôi gọi lại cho Calvin và hỏi số của đức cha. Solstice trả lời ngay sau tiếng chuông đầu tiên.

“Chào Đức cha. Tôi là thám tử Michael Bennett của NYPD. Tôi đang

điều tra vụ bắt cóc ở thánh đường. Tôi nghe nói đức cha hiểu biết sâu sắc vụ này. Tôi rất muốn được nghe ý kiến của cha.”

“Chà!” Solstice nói, giọng mạnh mẽ. “Hiểu biết là cái đích của tôi. Tôi biết anh đang làm gì. Biết anh đang cố gắng những gì. Đáng giật mình đấy.”

“VẬY theo ngài, chính xác thì tôi đang chú ý đến những gì, thưa Đức Cha?”

“Anh là người chơi giỏi nhất. Biết che đậy nhất. Anh đang quét sạch sự thật dưới tấm thảm. Nghe này, anh bạn, *tôi biết*. Tôi đã ở trong đó. Tôi hiểu cảnh sát lắm. Chỉ những tay nhà nghề như anh mới có thể xử lý chúng tôi theo kiểu anh đã làm. Ờ, phải, lúc đó mọi người chỉ muốn ra cho yên thân. Tôi đánh cược là hiểu họ. Cảnh sát các anh đã làm chuyện này, và bây giờ anh đang che giấu sự thật. Bao giờ mà chẳng thế.”

Có lẽ đó là thật chẳng? Tôi ngờ lắm.

Nhưng Solstice nêu ra hai câu hỏi đáng sợ: Làm sao bọn cướp hiểu biết nhiều đến thế về các chiến thuật bao vây? Hình như lúc nào chúng cũng biết chúng tôi sắp làm việc gì tiếp theo?

Đảo Rikers ở Bronx có tới mười nhà tù, giam giữ mười bảy ngàn tù nhân. Rikers gần như là một thị trấn nhỏ, có trường học, bệnh viện, sân điền kinh, nhà thờ và nhà thờ Hồi giáo, hiệu tạp phẩm, hiệu cắt tóc, một bến xe buýt, có cả một nơi rửa ô tô.

Lúc tới đó vào sáng sớm hôm sau, lòng tôi lại tràn đầy hy vọng. Suốt đêm tôi nung nấu một ý tưởng, và lúc này tôi có cơ hội để thực hiện.

Quá tám giờ một chút, tôi đi qua Amnesty Box, nơi các khách thăm nhà tù được phép gửi lại ma túy hoặc vũ khí mà không lo sợ gì. Tôi chẳng có gì, nên vào thẳng bên trong và được hộ tống tới một phòng gặp nhỏ, bên trong Đội Cách ly Trừng phạt của Trung tâm Rikers, được gọi là ‘The Bing’.

Khoảng một phần tư số tù nhân là người nghèo, không thể trang trải khoản bảo lãnh năm trăm đô la hoặc ít hơn, nhưng tôi quan tâm đến các vụ hóc búa hơn. Suốt bốn giờ sau, tôi ngồi trong phòng và gặp gỡ hàng chục tù nhân.

Tôi bật cho họ nghe băng gồm các trích đoạn giọng nói của Jack trong cuộc thương lượng. Biết đâu có người nhận ra ‘Jack’ đã từng ở Rikers trước kia hoặc một trong các nhà tù khác quanh New York.

Nhưng không phải Angelo, tên trộm đêm có một bên vai cuồn cuộn quá mức như một võ sĩ quyền Anh lúc nào cũng sẵn sàng ra đòn.

Không phải Hector, tay cờ bạc sừng sỏ, xăm hai giọt nước ở khoé mắt bên phải, hàm ý cho đến nay mới hai mươi một tuổi đã giết hai người.

Không phải J.T, một gã da trắng ở Westchester nghiện ma túy nặng, là một cầm nang sống về các loại thuốc dạng viên và thuốc chích.

Hoặc Jesse của phố 131 ở Harlem, mặt mũi thân nhiên với một con mắt lơ đờ, một miếng vá dưới môi, bị giam trong Rikers vì tội hành hung tàn bạo.

Trên thực tế, không người nào trong số bảy mươi chín tù nhân tôi gặp trong căn phòng chật chội đem lại cho tôi tí ti manh mối. Làm sao không ngã lòng đây?

Đến vị khách thứ tám mươi, Tremaine, một gã ‘già hơn’, gầy gơ xương, có lẽ trạc bốn mươi tuy nom như ít nhất là năm mươi. Gã nói hình như trước kia gã đã nghe thấy giọng nói này, giọng của Jack. ‘Tôi không dám chắc, nhưng *có thể*.’

Từ Rikers trở về, tôi gọi Trung tâm cảnh sát Một và bảo Lonnie gửi dấu vân tay của tên cướp đã chết khắp thành phố, khắp bang và cho các nhân viên thuộc lực lượng hành pháp của nhà nước.

Một giờ sau, máy fax trong phòng tôi reo chuông. Tờ giấy cho tôi biết Lonnie gửi kết quả tới.

Tờ giấy từ từ chạy khỏi máy, chỉ mất một giây mà tôi thấy lâu như một tháng.

Tôi cẩn thận cầm lên, thận trọng để không làm hoen mực.

Không phải *ảnh căn cước* tươi cười của tên cướp đã chết làm tôi không thể rời mắt khỏi thông tin đề bên dưới.

Sự sững sốt trộn với cảm giác kinh tởm, tội lỗi nạo khắp dạ dày tôi như một thứ axit mạnh.

Không thể tin nổi, tôi nghĩ.

Tôi rút điện thoại di động ra và bấm nhanh để gọi văn phòng chỉ huy Will Matthews.

“Bennett đây,” tôi nói lúc anh cầm máy. “Tôi nghĩ chúng ta tóm được chúng rồi.”



Tuyết bắt đầu rơi lúc chúng tôi lao qua thành phố, lên phía bắc ở đại lộ Saw Mill River. Xe tôi và tám xe hộ tống gồm các xe mui kín của FBI và xe tải của NYPD đã băng qua sông Harlem, lúc này xe tăng tốc qua cánh rừng Westchester, nhưng chúng tôi không tới nhà bà ngoại.

Ra khỏi rừng, chúng tôi tới Pleasantville và rẽ hướng Tây xuống Hudson. Đến đầu nguồn, dọc dòng sông lộng gió, chúng tôi dừng lại trước những bức tường bê tông xám, xù xì, trang trí bằng hàng rào dây thép gai nhọn hoắt. Một tấm biển bạc vì nắng gió chỉ đủ đọc được, gắn chốt vào đá.

Tấm biển ghi: NHÀ TÙ TRỪNG GIỚI SING SING.

Không, không phải nhà của bà, tôi nghĩ. *Một nhà tù khổ sai.*

Nhà tù *Sing Sing* khét tiếng.

Ở thượng nguồn dòng sông.

Một cơn ớn lạnh khác biệt trong không khí lúc tôi xuống xe và đứng cạnh bức tường nhà tù. Dường như sự lạnh lẽo tỏa ra từ nơi này. Tôi càng cảm thấy lạnh hơn khi thấy một lính gác vũ trang ở trong một thứ trông như tháp điều khiển sân bay thu nhỏ bên trên hàng rào dây thép gai, quay cặp kính râm về phía tôi. Nòng khẩu M16 đeo chéo ngực anh ta hình như là vật duy nhất lấp lánh trong nhiều dậm.

Trong suốt thời gian này, chúng tôi đã hồi hả ngược xuôi cố tống bọn chúng vào tù, tôi nghĩ lúc nhìn trừng trừng qua bãi đỗ xe trải sỏi vào nhà tù với an ninh tuyệt đối. Vậy mà chẳng ai biết chúng ở đây.

Vân tay của tên cướp đã chết trong cửa hàng bán ô tô là của Jose Alvarez, cảnh sát trại trừng giới, làm việc ở Sing Sing cho đến sáu tháng trước.

Một cú gọi đến văn phòng cai ngục tiết lộ rằng có mười hai người trong phiên gác từ ba đến mười một giờ đã bày trò nghỉ ốm, đúng tuần lễ có vụ bắt cóc.

Bỗng nhiên, nhiều sự việc trở nên có ý nghĩa với tôi. Hơi cay, đạn cao su, còng tay, biệt ngữ đường phố hòa trộn với thuật ngữ đậm chất quân sự. Lời giải hiện ra trước mắt chúng tôi, nhưng chỉ hiểu được khi có sự nghi ngờ của Đức cha Solstice và hồi ức của một tù nhân ở Rikers tên là Tremaine Jefferson, trước kia đã có thời ở ngục Sing Sing, trong thời gian chờ được thả.

Lính gác nhà tù cũng như cảnh sát, rất giỏi xử lý các đám đông và ngăn chặn mọi người rất thành thạo, và có thể trở thành những kẻ vô cùng hung bạo.

“Sẵn sàng chưa, Mike?” Steve Reno hỏi lúc bước vào hàng trước của mười hai cảnh sát SWAT.

“Tôi đã sẵn sàng từ phút tôi đến St. Pat sáng hôm đó.”

Các nghi phạm của chúng tôi đang làm nhiệm vụ ở bên trong nhà tù. Muốn bắt giam chúng, chúng tôi phải vào trong, lọt vào hang cọp. Mặc dù nhà tù là nơi ít thú vị nhất mà cảnh sát muốn thấy, song tôi đang mong đợi được tới nơi này. Tôi đặc biệt mong mặt đối mặt với Jack cùng miệng lưỡi khôn ngoan của hắn. Tôi điên tiết và giận bầm gan tím ruột.

Mặc dù gió cắt làn nước bập bênh với tốc độ siêu thanh, thậm chí tôi còn mỉm cười.

“Chúng ta đi gặp Jack nào,” tôi nói.



Chúng tôi phải băng qua một cây cầu rồi mới tới cổng chính của ngục Sing Sing. Dẫu không người nào quá vui vì việc này, vì các loại súng cầm tay dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được phép dùng trong các nhà tù tuyệt đối an toàn, cả tá cảnh sát và đặc vụ chúng tôi phải gửi vũ khí ở cửa kho trước khi vào trong.

“Những người xin nghỉ ốm đã được triệu tập vào phòng họp,” Warden Clark nói lúc chúng tôi tới hành lang buồn tẻ bên ngoài văn phòng của ông.

Một tiếng thét thất thanh vọng ra từ radio của Warden Clark lúc chúng tôi xuống được một đợt cầu thang trên đường tới phòng họp. Người cai ngục lắng nghe chăm chú.

“Có chuyện gì thế?” Tôi hỏi.

“Khu A,” cai ngục nói. “Đang xảy ra chuyện gì đó. Rất nhiều tiếng la hét, thét lác. Chắc không có gì đâu. Các vị khách của chúng tôi luôn phàn nàn về sự phục vụ.”

“Ông có chắc tất cả những người của ca đó đã ở đây rồi không?” Tôi nói lúc chúng tôi tới cánh cửa có khung căng mắt lưới của phòng họp.

“Tôi nghĩ thế. Đợi đã. Không,” cai ngục nói. “Trung úy Rhodes và trung

úy Williams. Hai người đứng đầu ca. Họ vẫn chưa ở đây. *Họ ở chỗ quái nào nhỉ?*”

Hai người đứng đầu ca, tôi nghĩ. Tôi thấy nghe có vẻ là những tên đầu sỏ. Tôi nghĩ đến tin nhắn mà viên cai ngục vừa nhận được trên radio.

“Để tôi đoán nhé,” tôi nói. “Những người cầm đầu ca đang ở khu A phải không?”

Clark gật đầu.

“Tòa nhà an toàn tuyệt đối rộng nhất của chúng tôi đấy,” ông ta đáp.

“Chúng ta phải tới đó,” tôi bảo ông ta. “Ngay bây giờ.”



Giống như chính cuộc điều tra, mọi thứ ở Sing Sing đang *vận động*. Đi sau Warden Clark và sáu cảnh sát từng giới đáng tin cậy nhất của ông, tôi trèo lên vô số bậc bê tông và vài hành lang tróc sơn trước khi tới một cánh cửa thép, dẫn đến cái cổng có vạch kẻ dọc.

Cánh cổng rít lên, và có tiếng *cách* của kim loại như tiếng lẫy cò súng trong một căn phòng vắng lặng. Rồi cánh cửa mở rộng.

Tôi có thể *cảm thấy* âm thanh của nhà tù đập vào ngực lúc đi qua gian buồng khổng lồ gồm vô số xà lim. Tiếng radio, tiếng hét của các tù nhân, sự gay gắt không ngừng và tiếng vang nổi tiếng vang của thép lên thép. Âm thanh như một dạng tra tấn, vọng lên từ một cái giếng kim loại không đáy.

Tù nhân trong các xà lim chật chội nhóm ngay dậy, gào thét những lời tục tĩu từ sau song sắt dày gấp đôi bình thường lúc chúng tôi đi qua. Suốt chiều dài tòa nhà, dài gấp đôi sân bóng đá, tôi có thể nhìn thấy tia sáng lóe của những tấm gương giữa cả rừng những chấn song xà lim bằng thép. Tôi mong chúng tôi không ‘chết ngạt’, một thứ mây mù tởm lợm của nước tiểu và phân của tù nhân cứ ủa xuống.

“Chúng ta hãy kiểm tra phòng tập thể dục trước khi lên gác xem các gian khác,” viên cai ngục quát to để át tiếng huyền não vây quanh chúng tôi.

Chúng tôi lao qua một cánh cửa khóa chặt nữa ở đầu kia tòa nhà. Không

có một ai trên các ghế dài của phòng tập tạ hoặc các nơi khác. Không có ai trên sân bóng rổ. Không có ai nấp sau các giá. Vậy họ ở chỗ quái nào vậy? Jack và John Bé lại thoát lần nữa chẳng? Họ *đi trước* chúng tôi bằng cách nào vậy?

Tôi đang dẫn cả nhóm trở lại từ tầng dưới cùng của khu A thì bị xô từ phía sau. *Tôi ngã quy!* Cánh cửa thép của phòng tập tạ đóng sầm lại, âm vang, lúc tôi trượt tay và đầu gối trên sàn bê tông.

Quay lại, tôi thấy hai cảnh sát trừng giới tin cậy nhất của cai ngục đang cười nhạo tôi, còn Steve Reno và các cảnh sát khác đều đã bị nhốt trong phòng thể dục phía sau, bắt đầu đâm thình thình vào cánh cửa bằng thép.

Tôi nhận ra một cảnh sát to lớn lạ thường, tên kia thấp người và chắc nịch. Đây rồi, giáo sư Bennett ời. Bọn chúng rất khớp với miêu tả về ngoại hình của Jack và John Bé. Vì chúng *chính là* Jack và John Bé.

Chỉ tên Jack có cái dùi cui đen trong tay. Hắn dễ dàng quay tít nó giữa các ngón tay. Hắn có mái tóc màu nâu, quăn, cắt rất sát và nụ cười khẩy thường trực. Một kẻ hung bạo cho một công việc khắc nghiệt.

“Này Mikey,” hắn lên tiếng. “Lâu quá rồi không nói chuyện.”

Sao tôi có thể không nhận ra giọng nói ấy nhỉ? Chẳng có gì lạ với Tremaine Jefferson.

“Sao anh không bao giờ gọi nữa?” Jack nói. “Tôi tưởng chúng ta là bạn kia mà.”

“Này Jack,” tôi ra vẻ can đảm dù thực ra tôi chẳng cảm thấy thế tí nào. “Ngộ thật, anh chẳng giống với chàng lùn trên điện thoại.”

Câu đó khiến Jack cười khoái trá. Vẫn là một tay bình tĩnh. Nếu có lo lắng, hắn cũng che giấu rất cừ.

“Anh lại mắc một sai lầm *nữa* rồi, Mike,” hắn nói. “Có điều lần này hầu như một sai lầm chí tử. Anh vào nhà người khác mà không được mời. Anh tưởng tôi không nghĩ đến việc anh có thể tìm ra chúng tôi ư? Cứt thật, kể cả chiếc đồng hồ vỡ cũng đánh chuông hai lần một ngày. Anh tưởng thằng khốn béo ị Clark kia chịu trách nhiệm ở đây sao? Đây là nhà tù của tôi. Đất đai của tôi, người của tôi, tất cả là của tôi.”

“Hết rồi, Jack ạ,” tôi nói.

“Tôi không nghĩ thế, Mike. Hãy nghĩ đến việc này. Chúng tôi đã ra khỏi được một pháo đài thì chúng tôi có thể thoát khỏi những cái khác. Nhất là hiện giờ, chúng tôi đã có các con tin. Này Mike, có lẽ tôi sẽ bắt đầu để anh thương lượng cho cuộc giải thoát của chính mình. Bây giờ thế nào đây?”

“Có vẻ hay đấy,” tôi nói và lùi lại nửa bước. Gót chân tôi đập phải cánh cửa thép cứng và phẳng. Chẳng chạy đi đâu được.

Chiếc radio nặng mà viên cai ngục đưa cho tôi là thứ duy nhất có thể coi là vũ khí. Tôi nhắc nó lên lúc John Bé rút dùi cui ra và cười khả ố. Thằng khốn có bộ mặt kinh tởm như một con bọ hung.

“Sao chúng ta không nói chuyện này lấy một giây nhỉ?” Tôi nói lúc xoay lưng rồi ném mạnh cái radio. Roger Clemens* sẽ tự hào lắm đây. Cái radio và mũi John Bé cùng nổ tung. Hẳn hét lên; hẳn và Jack cùng tấn công tôi và tôi bị nhắc bổng khỏi sàn.

“Ngủ với giun nhé, Mike!” Jack quát. Rồi cả hai đưa cùng dấn vào mặt tôi.



Lúc trước tôi tưởng các tù nhân la hét ầm ĩ đã là quá lắm rồi, nhưng hóa ra họ mới chỉ khởi động cho nóng người thôi. Lúc tôi cố vật lộn với Jack và John Bé, những tiếng la hét tắt lặng, lớp vỏ bê tông của khu xà lim giống như một chiếc phản lực lớn cất cánh bên trong một nhà chứa máy bay.

Rồi mọi thứ từ các tầng trên rơi xuống như mưa: các loại chất lỏng khác nhau, các tờ giấy ướt, tạp chí, một cuộn giấy vệ sinh đang cháy. Liệu tôi có chết ngạt không?

Lúc Jack quật cái dùi cui lên gáy tôi, tôi ngã quy trên một đầu gối. Ý thức của tôi cứ tắt rồi bật, giống như một cái máy thu phát tồi. Tôi bị ghì chặt và thoáng ngất đi lúc John Bé lặn lên ngực tôi.

Tôi hét lên và bật khỏi sàn bằng toàn bộ sức mạnh. Tôi nghĩ đến các con. Lúc này, tôi không thể rời bỏ chúng. Tôi không thể để bọn trẻ lại mà chẳng còn ai. Tôi sẽ không để việc đó xảy ra. Tôi gần như quy xuống lúc John Bé

lăn khỏi tôi và bắt đầu đá vào xương sườn tôi.

Tôi ngã ngửa, nghẹn thở; rồi mũi giày thép của hắn thúc vào vùng bụng dưới xương sườn tôi. Tôi lơ mơ tự hỏi liệu Jack đang huơ dùi cui bên trên tôi có phải là cảnh cuối cùng tôi nhìn thấy trên đời không.

Đúng lúc đó, xảy ra một việc hoàn toàn bất ngờ, một cánh tay trần luồn ra từ phía bên kia chấn song ở đằng sau Jack.

Cánh tay thò ra rất đồ sộ, phủ đầy hình xăm, trông như chủ nhân của nó mặc một cánh tay áo hoa hoét. Một bàn tay to lớn túm lấy phía sau cổ áo cánh phục của Jack. Nghe như tiếng cồng lúc đầu Jack đập vào các chấn song nhiều lần.

“Mày thích thế này không, hờ sĩ quan chỉ huy?” Người tù hỏi lúc đập mạnh đầu Jack vào chấn song xà lim của mình. “Mày có thích thế này không, thẳng khốn hung dữ? Hay mày thích kiểu khác, hờ?”

Lúc John Bé buông tôi ra để cứu Jack, tôi hồi lại, thở rít lên và cố đứng dậy. Jack đã thả rơi cái dùi cui xuống nền bê tông. Tôi cúi xuống, nhặt và vác lên vai.

Đã một thời tôi cầm gậy tuần đêm, đi chuyển tuần tra đầu tiên ở khu vực Hunt's Point, Nam Bronx. Trong những đêm lạnh giá, dài lê thê đó, muốn giữ tỉnh táo để làm nhiệm vụ, tôi quay tít dùi cui cho đến khi nó réo vù vù trong không khí lạnh lẽo.

Giờ đây cái dùi cui réo lên và tôi chắc mình giống như đang phóng xe đạp, vì đầu gối trái của John Bé vỡ tan như gỗ mềm từ cú quật đầu tiên bằng cả hai tay của tôi.

Tôi phải quay ngược lại ngay lập tức lúc tên to lớn ấy rú lên, nhảy lò cò một chân nhanh đến lạ lùng và lao tới tôi. Mắt hắn mở to, lồi ra hung bạo, nước bọt phun phì phì khỏi cái miệng méo mó, đang la hét của hắn.

Tôi xoay người và quật vào hàm hắn. Hắn chúi đầu, nhưng quá ít và quá muộn. Cây dùi cui gãy đôi lúc tôi quật vào thái dương hắn. Hắn đập xuống bê tông nửa giây trước khi gỗ tung ra từng mảnh.

Các tù nhân hoan hô rầm rĩ lúc tôi loạng choạng quanh tên cai tù to lớn, đầm đìa máu me, bất tỉnh nhân sự. Những giọng nói tràn ngập phần nộ hòa thành một câu thần chú hung tợn lúc tôi tiến tới tên tù đang dùng cả hai bàn

tay đồ sộ bóp cổ Jack. Mặt Jack trở nên xanh lè.

Tôi nhặt cái dùi cui rơi kia. Tôi đã sẵn sàng cho việc này.

“Giết, giết, giết, giết!” Những người tù đồng thanh gào lên.

Tôi phải thừa nhận, gợi ý ấy đầy cám dỗ. Tôi vung mạnh dùi cui.

Nhưng tôi không quật vào Jack.

Tôi quật vào bàn tay xăm trổ đang vắt kiệt sự sống ra khỏi người Jack.

Người tù rú lên và buông Jack ra, hấn ngã sụp xuống, bất tỉnh trên sàn.

“Kìa, người anh em,” người tù vạm vỡ sau chấn song nói bằng giọng đau đớn. Hấn nâng niu bàn tay bị thương.

“Xin lỗi Charlie,” tôi nói lúc bắt đầu kéo Jack ra cửa phòng thể dục kín khí. “Tôi không thể bỏ tù hấn nếu hấn đã chết.”

Nhưng mình có thể cho hấn một cú đá ra trò vào răng. Để tưởng nhớ lúc trước, Jacko. Vì chúng ta là bạn như thế.

Và tôi làm thế thật - một cú đá - khiến các tù nhân sướng phát cuồng.



Lẽ tất nhiên sự việc không hoàn toàn dễ dàng. Người ta tìm thấy hai người đứng đầu ca thực sự, Rhodes và Williams, bị còng ở một trong các xà lim khu A.

Té ra, tên thật của ‘Jack’ và ‘John Bé’ là Rocco Milton và Kenny Robard, là những giám thị thân thiết với cai ngục, nên chúng biết ngay tin chúng tôi đang tới. Chúng đã thuyết phục được cai ngục là chúng chẳng dính dáng gì đến cuộc bao vây ở St. Pat, dù chúng có tham gia vào trò giả ốm. Rồi chúng rình hai quản giáo vô tội - có giả ốm nhưng không tham gia vụ bắt cóc -, giấu họ vào trong một xà lim rồi trà trộn vào trong đám người ra gặp chúng tôi, để có thể thực hiện cuộc chơi. Milton và Robard có nhiều quan hệ với đám tù nhân, người cai ngục kể với chúng tôi, vì thế ai mà biết nước cờ tiếp theo của chúng sẽ là gì. Một cuộc nổi loạn, bắt thêm con tin, hay vượt ngục tập thể.

Tôi đọc quyền Miranda* cho Rocco ‘Jack’ Milton trong bãi xe của nhà

từ Sing Sing. Vì công việc và cũng vì thích thú, tôi làm việc đó trước mặt Steve Reno và người của anh trước khi mở cửa sau chiếc xe tuần cảnh và tổng hãn vào trong.

Reno rời đi trong chiếc xe chở đầy những nghi phạm khác. Kenny ‘John Bé’ Robard đang trên đường tới bệnh viện vì sọ bị nứt. Tôi chẳng còn biết làm gì hơn là trông mong vào các nhân viên cấp cứu trên quãng đường dài.

Tôi đứng ngoài một lúc, hình dung sự việc xoay chuyển ra sao. Lúc đó tôi tìm được một thứ trong thùng xe tuần tra của tôi, trước khi lái xe đưa Jack tới New York.

Nghe thì có vẻ buồn cười, nhưng nhiều nghi phạm rất thèm kể với bạn những việc chúng đã làm. Càng kể, chúng càng muốn thêm vào nhiều chi tiết bẩn thỉu. Tôi có cảm giác Jack khá yêu quý bản thân.

Trong phần đường đầu tiên tới Manhattan, tôi giữ im lặng và để mặc hãn tha hồ khó chịu.

“Về đây có thoải mái không?” Tôi chỉ hỏi có thể. “Nhiệt độ ổn chứ?”

“Anh có biết là,” cuối cùng Jack nói, “mùa hè năm 95, ở Rikers có bốn giám thị bị bắt giữ làm con tin không? Anh có biết chuyện ấy không, Bennett?”

Tôi liếc nhìn hãn qua mắt lưới đằng sau tôi.

“Thật thế ư?” Tôi hỏi.

“Chỉ có hai chúng tôi thoát.”

“Anh và John Bé sao?” Tôi lại hỏi.

“Nhờ tiền như mọi khi thôi, Mike,” Jack nói. “Anh có bao giờ nghĩ đến việc thử tìm nguy hiểm không? Chỉ cần nói rằng chẳng ai thèm nhắc một lời về mấy cảnh sát trừng giới, nhất là thị trưởng.”

“Chính vì thế anh giết ông ấy? Tại sao anh đâm ông ta? Đốt ông ta bằng thuốc lá?”

Jack gãi cằm, chậm rãi.

“Nói riêng giữa anh và tôi thôi nhé?” Hãn nói.

“Tôi không đi kể vòng vèo đâu,” tôi mỉm cười đáp lại hãn.

“Tốt hơn hết là anh nên tin chuyện này,” hãn nói. “Bọn súc vật ấy đã chọc mù mắt một người bạn tôi bằng con dao phết bơ và dí thuốc lá lên

cánh tay *chúng tôi*. Anh sẽ không biết điều này, Hizzoner đã quyết định thương lượng với những người tù. Anh ta cho rằng một số người hơi lo lắng thái quá so với những người khác. Anh hiểu đấy, thật buồn cười. Tôi không trông thấy thị trường bên vợ góa người bạn đã chết của tôi cũng như trong tang lễ. Chắc anh tưởng phải là người sặc khói hoặc một thằng cớm như anh mới được đối xử đặc biệt.”

Tôi gật đầu, tỏ ra trung lập. Tôi muốn Jack cứ nói chuyện, một việc dù sao hẳn cũng thích làm.

“Khi khoản tiền bồi thường sau chấn thương của tôi bị thành phố bác đến lần thứ ba, tôi quyết định kệ mẹ nó đấy. Tôi sẽ thực hiện một vụ lớn hoặc là chết. Ý tưởng về St. Pat đến với tôi khi tôi trực đêm ngoài giờ tại quốc tang Hồng y giáo chủ trước. Tôi đã tưởng Cục Tình báo huyền thoại và đủ các thứ là vững chắc không thể xuyên thấu, nhưng tôi phát hiện ra nó mới lỗ bịch làm sao. Giống các cu cậu an ninh khác, những anh chàng này thật khờ khạo, chỉ phô trương thôi.”

“Còn những người khác thì sao? Những đồng sự của anh?” Tôi nói. “Anh làm thế nào thuyết phục được họ cùng tham gia?”

“Thuyết phục họ ư?” Jack hỏi lại. “Tôi không biết anh có phải là Người Tử tể nhất New York không, nhưng một cai tù cũng có thể nuốt sống anh đấy. Chúng tôi đều ở trong hang ổ của thú vật, và chúng tôi không làm gì để thoát. Thêm vào đó, tỷ lệ ly dị và tự tử cao chót vót, những phiền toái từ các sếp, thế là anh có một công thức sành điệu cho điều bất hạnh. Anh đã từng bị ném cứt vào mặt bao giờ chưa? Chẳng hay hớm gì cho một người nói chung là khoẻ mạnh.”

“Nghe lâm ly quá,” tôi nói. “Nhưng giết chết Đệ nhất Phu nhân, thị trưởng, một linh mục và John Rooney vì quá căng thẳng sao? Nghe có vẻ khó tiêu với một quan tòa đấy.”

Hình như Jack không nghe tôi nói. Hắn nhìn chăm chăm sang bên kia đường. Mặt trời đang lặn qua đám cây cối trĩu lá tạo thành một mã vạch sáng, tối trên lớp nhựa đường quanh co.

“Chúng tôi làm việc này vì nhau,” hắn nói khẽ. “Thằng tiến và tổng chúng tôi trở lại nhà tù. Không thành vấn đề. Tôi đã ở đó suốt mười lăm

năm nay rồi. Làm cai tù giống như tù nhân vậy, chỉ có điều chúng tôi làm việc theo ca tám tiếng mà thôi.”

“Nếu kể sinh nhai là thứ anh lo lắng, thì tôi có tin vui đây,” tôi bảo tên cảnh sát giết người kia lúc tắt băng ghi âm vẫn đang chạy trong túi chiếc áo gió của mình. “Tôi sẽ làm mọi việc trong khả năng để anh bị án tử hình, Jack ạ.”

Tám giờ, trời đã tối lúc tôi đỗ xe cách ngôi nhà nhỏ trên đại lộ Delafield ở khu Riverdale sang trọng của Bronx, chỉ cách trường đại học Manhattan - nơi tôi đã học phân tích và trở thành một con người tốt hơn - vài khối nhà.

Năm phút trước, chúng tôi đã hoàn thành kế hoạch tại điểm tập trung trong bãi đỗ xe của Cửa hàng Thực phẩm cách đó hai khối nhà. Steve Reno và người của anh đã vào vị trí sẵn sàng ở khu vực xung quanh. Chúng tôi đã có băng video thu hình ảnh và âm thanh ngôi nhà bị bao vây.

Đây là lúc nhặt túi rác cuối cùng và thối tha nhất.

Tên nội gián. Kẻ mà Jack gọi là 'Gã Ngăn nắp'.

Theo một trong những người bắn tỉa đang vất vả trên bức tường sân sau, lúc này nghi phạm của chúng tôi ở tầng trệt bên trong, đang ăn tối với gia đình. Sườn bê hảo hạng cùng các món khác: nước sốt màu nâu, khoai tây nghiền nhừ, măng tây trắng muối, người bắn tỉa báo cáo.

“Một chiếc ô tô từ phía Nam đang đến,” tôi nói vào bộ đàm lúc một chiếc Lincoln màu xanh lướt qua chỗ tôi. Tôi nhìn thấy quảng cáo của taxi sân bay dán trên cửa xe lúc nó chạy chậm lại trước ngôi nhà mục tiêu của chúng tôi.

“Trông như anh chàng của chúng ta sẽ đi từ đây,” tôi nói. “Lúc này hắn ở đâu trong nhà?”

“Vừa lên gác,” người bắn tỉa trả lời.

“Hắn làm gì trên đó?” Tôi hỏi.

“Đang rửa tay,” người bắn tỉa nói sau một lúc ngừng. “Xong rồi. Đang xuống cầu thang.”

“Tiến lên, Steve,” tôi nói vào bộ đàm. “Hỗ trợ tôi. Tôi sắp vào trong.”

Tôi xuống xe. Sự việc nghe chừng suôn sẻ. *Tôi hy vọng.*

“Kiểm khách khác đi,” tôi bảo người lái taxi và giơ cái phù hiệu sáng lóa

lúc dừng lại ở đằng trước các bậc gạch hẹp, gọn gàng dẫn vào ngôi nhà.
“Chuyến bay của ông ta đã bị hủy.”

Tôi rung chuông cửa và nép sang bên, sau hàng rào sắt tía kỹ càng. Cạnh cửa ra vào có một ô nhỏ lắp kính, và nhìn qua tiền sảnh tôi có thể thấy một người đàn bà và ba đứa con đang dọn dẹp bàn ăn một cách thành thạo.

Tôi đoán họ không được mời đến Costa Rica cùng ông bố yêu quý.

Một dáng người lướt qua ô kính và tôi rút khẩu Glock ra. Rồi cửa trước từ từ mở.

Vất vả với hành lý kèn càng và chiếc vali Tumi màu đen, Paul Martelli bối rối lúc nhìn theo chiếc limo của sân bay chạy qua nhà mà không đợi mình. Lúc đó, tôi bước ra khỏi chỗ cạnh hàng rào.

“Paul, anh khoẻ không?” Tôi nói. “Thật buồn cười thấy anh ở đây như thế này. Tôi vừa nói chuyện với một người bạn của anh. Jack. Anh ta gửi lời hỏi thăm anh.”

Tôi quan sát ánh hoảng sợ trong mắt chuyên gia thương lượng của FBI.

Cơ run hình như bất chợt tác động tới bàn tay phải đang nắm vali của anh ta, bàn tay gắn nhất với khẩu chín li nằm im trong bao.

Tôi chĩa khẩu Glock cầm sẵn, và ba chấm lade của người bắn tía nhảy múa trên ngực Paul như một tốp ong đỏ giận dữ.

“Ra đi tìm chín tên kia sẽ là một quyết định rất đáng thương đấy, Paul ạ,” tôi bảo anh ta. “Nhưng tôi muốn thấy anh thử. Cứ thử xem nào, gã Ngăn nắp.”



“Tôi mu-ồn-u-ồn có một luật sư,” khoảng nửa giờ sau ở Manhattan, Paul Martelli lắp bắp lúc bị còng tay vào chân bàn trong phòng của đội tôi.

Thái độ bình tĩnh, điềm đạm mà tôi nhớ ở bên ngoài St. Pat hình như đã bị khoảng thời gian nhất lâu trong phòng vệ sinh lấy mất. Bàn tay anh ta run run, và ở bên dưới tay áo sơ-mi màu xanh tươi mát đã hình thành nhiều vòng tròn mồ hôi. Ở ngoài tiền sảnh, một đám đông nhân viên FBI đợi gặp

con người ưu tú của họ, nhưng phải đến lúc tôi xong việc.

Có một điều tôi cần Paul Martelli nói rõ cho tôi biết.

Jack đã kể phần lớn với tôi. Hãn và Martelli đã nhanh chóng kết bạn sau vụ bị bắt làm con tin ở Rikers ra sao. Chúng đã phát hiện ra cả hai cùng coi thường thể chế như thế nào; và đều cảm thấy mức lương không thỏa đáng, rất không xứng với mình.

Martelli đã là nội gián trong suốt cuộc bao vây. Anh ta là đạo diễn ở hậu trường, ấn các nút của chúng tôi. Anh ta biết phản ứng của chúng tôi là gì theo nghĩa đen. Ngoài ra, anh ta có thể chi phối những việc chúng tôi làm.

“Tôi không phải giải thích cho anh về luật chơi chứ, Paul? Hợp tác là điều duy nhất có thể cứu vãn các hành động tồi tệ của anh,” tôi nói. “Ngay bây giờ, âm nhạc vẫn đang chơi, nhưng tôi sẽ mách nước cho anh một chút. Các ghế ngồi đã gần đầy.”

“Tôi sẽ kể với anh mọi thứ anh cần, với một điều kiện,” Paul nói.

“Là gì vậy?” tôi hỏi.

“Nơi này dơ dáy quá,” đặc vụ FBI nói. “Tôi cần một cái khăn ướt. Tôi đang căng thẳng, Mike ạ.”

“Đệ nhất Phu nhân bị giết như thế nào?” Tôi hỏi, sau khi ném cho anh ta chiếc khăn đượm hương chanh dưới tập thực đơn mang về, trong ngăn kéo bàn tôi. Martelli không nói, cho đến lúc anh ta lau mặt và tay xong, rất kỹ càng. Hình như anh ta cảm thấy bình tĩnh lại nhiều.

“Alvarez đã giết bà ấy,” Paul Martelli nói.

“Jose Alvarez ư?” Tôi hỏi. “Tên cướp bị giết chết ở cửa hàng bán ô tô lúc chạy trốn?”

“Thực ra, là anh họ Julio của nó,” Martelli nói. “Chúng tôi có một nhiệm vụ khá nặng nề,” anh ta nhìn chăm chăm vào đấng sau màn hình tivi. “Muốn có một quốc tang, chúng tôi cần giết một người nào đó có tiểu sử cao quý và làm cho nó giống một vụ tai nạn. Tôi đã miệt mài nghiên cứu các mục tiêu tiềm năng trong nhiều tháng. Khi tôi đọc về chứng dị ứng của Đệ nhất phu nhân, bữa ăn ngày lễ hàng năm của bà với cựu Tổng thống ở L’Arène, tôi hiểu rằng chúng tôi đã tìm ra lời giải. Chúng tôi xúm lại bàn bạc, và thảo ra kế hoạch. Julio bỏ nghề vệ sĩ và vào làm phụ bếp ở L’Arène.

Khi Tổng thống và phu nhân đến ăn, hắn sẽ trộn dầu lạc vào món gan ngỗng béo trong bếp.”

“Vậy tất cả những việc này là vì tiền sao?” Tôi hỏi đặc vụ FBI.

“Tất cả chúng tôi không thể là Hướng đạo sinh như anh, ông làm mẹ ạ,” chuyên gia thương lượng nói, và lần đầu tiên, anh ta nhìn thẳng vào mắt tôi. “Tất nhiên rồi, là vì tiền. Chúng tôi đã gọi điện cho những người giàu có và nổi tiếng mà chúng tôi bắt cóc. Họ sẽ kể thật với anh. Nếu như họ nhận được điện thoại của anh. Tiền sẽ làm cho cái thế giới bẩn thỉu này quay tròn, Mike ạ.”

Tôi phần nộ quay mặt đi. Một đặc vụ FBI trẻ, có vợ và hai con bị giết trong cuộc bao vây, vậy mà rõ ràng Martelli không hề quan tâm.

Nhưng tôi có thể thấy vẻ hoảng sợ đột ngột trong mắt Martelli lúc tôi ra hiệu về phía cửa và các nhân viên FBI vào, đưa hắn đi.

“Anh có thể cho tôi cái khăn ướt nữa để lên đường đến đó chứ, Mike?”

Tôi mở nhanh ngăn kéo rồi đóng sập lại ngay.

“Anh sẽ không có đâu,” tôi nói. “Tôi vừa hết rồi.”

PHẦN KẾT

**NHỮNG NGƯỜI
THÀNH THIÊN**

Sáng thứ Bảy một tuần sau, mặc dù tiết trời lạnh giá và gió lộng, mặt trời chiếu sáng lúc cả gia đình Bennett đi qua lối vào công viên Riverside. Qua các hàng cây trụi, sông Hudson, dòng sông của chúng tôi như Maeve vẫn gọi, trông như một cánh đồng bạc tan chảy vô tận.

Tôi không mất quá lâu để tìm ra cây cọc quăn dải băng màu cam. Người vợ yêu quý của tôi và tôi đã cẩn thận cắm nó ở rìa bãi cỏ, nhìn xuống mặt nước từ ba tháng trước.

Tôi đặt cây sồi non đang vác trên vai xuống và nhổ cây cọc. Tôi liếc nhìn đứa con trai lớn. Brian gật đầu và ấn cái xẻng đang cầm vào đất.

Tất cả chúng tôi đều tham gia. Tôi phải giúp Shawna và Chrissy, nhưng Trent một mực đòi tự làm lấy. Cuối cùng, tôi đặt cây non vào cái hố vừa đào. Rồi tôi quỳ gối và dùng tay gạt đất vào hố. Ngay lập tức, các con tôi xúm vào giúp. Bố con tôi đều quỳ, vùi tay vào lớp đất mới.

Cuối cùng tôi đứng dậy, lặng lẽ nhìn chăm chăm vào cây non, cảm nhận làn gió lạnh và ẩm ướt trên bàn tay đầy đất của mình. Một chiếc tàu dạt kêu bình bịch, uể oải chạy về hướng Bắc, hình như là thứ tạo thành âm thanh duy nhất trên trái đất.

Tôi nhớ lại, chúng tôi đã ngắm mặt trời lặn trong kỳ nghỉ vào mùa hè năm ngoái. Trước cơn bệnh ung thư, những việc lần cuối thực sự là đúng đắn. Bọn trẻ bắt đom đóm lúc tôi tựa cằm lên vai Maeve, bầu trời ngả sang màu xanh nước biển và vàng. Lúc này đứng đó vắng cô, tôi có thể cảm thấy sức nặng của Maeve áp vào tôi, - và một nỗi đau không thực, buốt nhói trong tim theo kiểu người cụt chân tìm cái chi bị mất.

“Mẹ đang ở đây với bố con mình,” cuối cùng Chrissy nói và vỗ nhẹ vào thân cây mảnh dẻ. “Phải không, bố?”

“Đúng vậy, Chrissy,” tôi đáp, nhắc con bé và đặt nó lên vai mình. “Từ

khi con còn bé tí, đây là nơi mẹ con thích đưa các con đến nhất. Mẹ nói với bố rằng bất cứ lúc nào các con muốn nghĩ đến mẹ hoặc muốn trò chuyện với mẹ, mẹ muốn các con đến đây, hoặc nhìn qua cửa sổ về hướng này và nghĩ đến mẹ.”

Tôi nắm tay Julia và Bridget, rồi cả nhà cùng đi vòng quanh cái cây bé nhỏ. Tôi cảm nhận được chiếc khuyên tôi vẫn đeo bên tai trái, và sẽ luôn luôn đeo dù ở tuổi nào.

“Mẹ đã đưa bố con ta đến với nhau,” tôi nói và nhìn các con một lượt. “Chừng nào chúng ta còn ở bên nhau, mẹ luôn luôn ở cùng chúng ta.”

Tôi cảm thấy hơn là nghe thấy Chrissy bắt đầu khóc, lúc chúng tôi đi qua cánh đồng đầy cỏ. Tôi nhắc con gái khỏi vai và bế trên tay lúc nó khóc.

“Sao thế, con yêu quý?” Tôi nói.

“Bé Píp nhớ mẹ Píp,” nó nói, giọng da diết. “Nhớ nhiều. Nhiều lắm.”

“Bố biết,” tôi vỗ về, cố lau khô nước mắt của nó và của tôi cùng một lúc, song không thể.

Gió đã nổi, kẻ nhiều đường qua dòng sông lặng lẽ, vẽ những cột băng trên gò má ướt của chúng tôi.

“Bố Píp cũng thế,” tôi nói.



Sở Cảnh sát New York.

Người Tây Ban Nha hoặc Bồ Đào Nha.

Lạy Chúa tôi! (Tiếng Tây Ban Nha).

Các loại thuốc giảm đau.

Là thành phố phóng đảng, nổi tiếng hư hỏng và ăn chơi trụy lạc trong Kinh Thánh.

PCB (Polychlorinated biphenyl): Hợp chất gây ô nhiễm nguy hiểm, có nguồn gốc biphenyl và chứa chlorine.

Nhân vật bản tính và trái thối trong cuốn truyện thiếu nhi của Dr. Seuss.

Tay săn ảnh.

Viết tắt Los Angeles thuộc tiểu bang California của Mỹ.

Giải thưởng truyền hình hàng năm của Mỹ.

Loại hơi cay gây chảy nước mắt, nước bọt và rất đau đớn khi thở, công thức hóa học là C₉H₅CIN₂.

Kỹ thuật viên cấp cứu y tế.

Quốc huy của Scotland.

Đơn vị cảnh sát đặc biệt, được huấn luyện sử dụng các loại vũ khí và chiến thuật quân sự.

Nhân vật huyền thoại thời Trung cổ ở Anh, cầm đầu một băng chuyên cướp của người giàu chia cho người nghèo.

Nhóm nhạc rock nổi tiếng của Anh trong thập niên 1960, được tôn vinh là nhóm nhạc có ảnh hưởng nhất trong thế kỷ XX.

Luôn trung thành (tiếng Latinh), phương châm của Quân đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ.

Chihuahua: Loài chó cảnh, nhỏ xíu, lông mượt.

Hòn đá tại lâu đài Blarney, gần Cork ở Ireland, được đồn đem lại khả năng thuyết phục cho người nào hôn nó.

St. Malachy (1094-1148): Giám mục và là nhà cải cách tôn giáo Ireland, một trong những người kế vị lừng lẫy nhất của St. Patrick.

Nhà văn Mỹ gốc Ireland, đoạt giải Pulitzer năm 1996 vì tác phẩm Tro tàn của Angela.

Đội Biển, Không trung và Đất liền của Hải quân.

Đêm 30 tháng Mười, đêm trước lễ các Thánh, trẻ em mặc quần áo giả trang thành phù thủy hoặc ma quỷ, đến từng nhà gõ cửa xin bánh kẹo. Phong tục này có nguồn gốc từ các dân tộc Xentơ (người Ấn-Âu ở miền Trung hoặc Tây Âu), rồi trở nên phổ biến ở Vương quốc Anh, Mỹ và Canada.

Cơ quan Thuế vụ.

Tiếng Pháp trong nguyên bản.

Ralph Lauren (sinh năm 1939): Nhà thiết kế thời trang nổi tiếng của Mỹ.

Giorgio Armani (sinh năm 1934): Nhà thiết kế thời trang nổi tiếng của Ý.

Donatella Versace (sinh năm 1958): Nhà thiết kế thời trang nổi tiếng của Ý.

Miuccia Prada: Nhà thiết kế thời trang nổi tiếng của Peru.

Nơi có bệnh viện tâm thần.

Đêm yên bình, lời thơ của Joseph Morh, giáo sĩ Áo, được Franz Gruber phổ nhạc vào đêm trước Giáng sinh năm 1818. Năm 1839, bài hát này lan sang Mỹ và từ giữa thế kỷ XIX, đã thành bài ca mừng Giáng sinh phổ biến trên toàn thế giới.

Vịnh ở bờ biển phía Tây nam Cuba, là nơi Mỹ âm mưu lật đổ chính phủ Fidel Castro năm 1961 nhưng thất bại.

Nhóm tám trường đại học nổi tiếng của Mỹ.

Derek Jeter sinh năm 1974, cầu thủ bóng chày nổi tiếng của Mỹ.

Sinh năm 1937, là bộ trưởng Quốc phòng Mỹ trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống George W. Bush.

Waco là một thành phố ở miền trung Texas. Năm 1993, 84 thường dân đã bị chết khi đặc vụ FBI tấn công vào một nhóm tôn giáo.

Lực lượng chống khủng bố của quân đội Mỹ.

James Dean (1931-1955): Diễn viên điện ảnh, sân khấu và truyền hình Mỹ.

Marilyn Monroe (1926-1962): Diễn viên tài sắc của điện ảnh Mỹ, được coi là biểu tượng sex của thế kỷ XX.

Sylvia Plath (1932-1963): Nhà thơ và nhà văn Mỹ.

John Belushi: Diễn viên hài của Mỹ.

John Lennon (1940-1980): Ca sĩ, nhạc sĩ của Anh, thành viên ban nhạc The Beatles, là một trong những người xuất chúng nhất của dòng nhạc pop.

River Phoenix (1970-1993): Diễn viên điện ảnh Mỹ.

Jimmy Stewart (1908-1997): Diễn viên kịch và điện ảnh nổi tiếng của Mỹ, từng giành giải Oscar về diễn xuất.

Dennis Potter (1935-1994): Nhà biên kịch Anh, viết nhiều tác phẩm cho truyền hình.

Normal Rockwell (1894-1978): Họa sĩ vẽ tranh minh họa nổi tiếng của Mỹ. Hệ thống định vị toàn cầu.

Đảo Coney: Khu vui chơi ở phía Nam Brooklyn, thành phố New York.

Cuộc thi giành chức vô địch của Liên đoàn Bóng đá Mỹ, tổ chức hàng năm. Môn lặn có kính bảo hộ, chân chèo và bình dưỡng khí hoặc ống thông hơi để thở.

Deepak Chopra (sinh năm 1946): Bác sĩ và nhà văn Mỹ, gốc Ấn Độ.

Loạt phim truyền hình về cảnh sát New York của đạo diễn Steven Bochco, chiếu từ năm 1994.

Đội Điều tra Hiện trường tội ác.

Roger Clemens: Sinh năm 1962, cầu thủ bóng chày nhà nghề của Mỹ, bảy lần giành giải Cy Young Award, nổi tiếng vì những cú ném bóng cực nhanh và chính xác.

Quyền của người bị bắt, được phép giữ im lặng để tránh tự buộc tội mình, và phải có luật sư trong quá trình thẩm vấn.

Ý là nói ngoài lề, không chính thức. - NQK.